NĂM THỨ VI

SỐ 33

THÁNG 6

1963

ĐẠI-HỌC

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

● Heidegger và bản-chất của thi ca .	TRẦN-THÁI-ĐỈNH
● Hài-hước trong tư-tưởng Socrate .	DUNG-ĐẠO
● Đối-lập trong các chế-độ dân-chủ Tây-phương	CAO HUY-THUẦN
● Vài nét về sinh-hoạt của Hát Quan-họ trong truyền thống văn-hóa dân gian	LÊ-VĂN-HẢO
● Tây-sơn diệt Trịnh, phù Lê	NGUYỄN-PHƯƠNG
● Triết-học như một khoa-học đích xác.	HUSSERL TRẦN-THÁI-ĐỈNH và TRỊNH-HÙNG dịch

*

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

Chủ-trương biên-tập : **TRẦN-VĂN-TOÀN**

Thành lập : Tháng 2 năm 1958 — Bộ VI, tập 3

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Mục lục

HEIDEGGER VÀ BẢN-CHẤT CỦA THI CA . . . . . TRẦN-THÁI-ĐỈNH 391

HÀI-HƯỚC TRONG TƯ-TƯỞNG SOCRATE. . . . . . DUNG-ĐẠO 310

ĐỐI-LẬP TRONG CÁC CHẾ-ĐỘ DÂN CHỦ TÂY-PHƯƠNG . . . . . CAO-HUY-THUẦN 334

VÀI NÉT VỀ SINH-HOẠT CỦA HÁT QUAN-HỌ TRONG TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA DÂN GIAN . . . . . LÊ-VĂN-HẢO 351

TÂY-SƠN DIỆT TRỊNH PHÙ LÊ . . NGUYỄN-PHƯƠNG 380

TRIẾT-HỌC NHƯ MỘT KHOA-HỌC ĐÍCH-XÁC . . . . . HUSSERL 425
TRẦN-THÁI-ĐỈNH và TRỊNH HÙNG dịch

Thư từ bài vở xin gởi về : Ông TRẦN-VĂN-TOÀN

Giao dịch cùng tòa báo : Ông NGUYỄN-ANH

Bưu-phiếu và Ngân-phiếu xin gởi về :

Linh-mục CAO-VĂN-LUẬN

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC HUẾ

Tòa-soạn và trị-sự : Số 1-B Hoàng-hoa-Thám, HUẾ

NHÀ IN ĐẠI-HỌC 2, HUYỀN-TRÂN CÔNG-CHÚA — HUẾ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ĐẠI · HỌC
TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU CỦA VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ
Thành-lập : Tháng 2 năm 1958 — Bộ VI, Tập 3

Heidegger và bản chất của thi-ca

Lời tòa soạn. —

Heidegger là một triết gia rất khó hiểu. Khó hiểu, vì tư tưởng uyên thâm của ông đòi hỏi nơi người đọc một kỷ luật tư tưởng và nhiều cố gắng, để tránh thái độ dễ dãi, nếu không phải là thiếu thận trọng, của những người chuyên nghề quảng cáo, biết nhãn hiệu hơn là nội dung. Khó hiểu, vì phải quen với triết học và nhất là triết học của Husserl đã, mới có thể hiểu Heidegger (cũng như hiểu Sartre và Merleau-Ponty), ấy là chưa nói thêm rằng sách vở của hai triết gia đó viết bằng tiếng Đức và chưa dịch ra tiếng Pháp được bao nhiêu. Nên chi ít người có ăn học và thận trọng dám viết sách và đối thoại với Heidegger như giáo-sư Alphonse De Waelhens, William J.Richardson (1) và một vài người Đức.

Tư tưởng của Heidegger cũng rất hay và rất ảnh hưởng bên Âu-châu. Nhưng hay nhất là ở chỗ Heidegger bị bắt làm cha đẻ ra nhiều tư tưởng rất kỳ quặc và mâu thuẫn, mà thiên hạ, mỗi người tùy theo học lực và mức hiểu biết về triết học của mình, đã gán cho ông. Nếu sau này không có việc gì làm, hậu lai có thể truy-nguyên cho những tư-tưởng kỳ-quặc ấy. Có lẽ sẽ thấy rằng mỗi lần chuyển vào một ngôn ngữ mới, tư-tưởng lại bị bẻ quặt đi quặt lại ít hay nhiều. Có thể nói là « tam sao thất bản », chép đến lần thứ ba thì mất gốc. Cũng có thể nói là nhờ ngôn ngữ mà người ta sáng tác — một cách vô-ý-thức — tư tưởng mới. Cái đó tùy tính tình bi quan hay lạc quan của mỗi người.

(1) *A. De Waelhens*, La Philosophie de Martin Heidegger, Louvain (Bỉ) 1942. *W. J. Richardson*, Heidegger : From Phenomenology to Thought (luận án trình ở Louvain năm 1960), Den Haag (Hòa-lan), 1962.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Triết-gia ý thức được bản lĩnh của mình thì đôi khi ưa sáng tác hơn là tìm hiểu người khác. Nhưng nếu, đối với đa-số chúng sinh, triết lý là đối-thoại, là tìm hiểu người khác, chứ không phải là gán cho họ tư-tưởng của mình, thì cho dù thiên hạ đã viết nhiều — bằng tiếng Việt — về Heidegger, có cố gắng để tìm hiểu Heidegger cũng không phải là một công việc dư thừa vậy.

***

Triết-thuyết Heidegger có lẽ là thuyết khó hiểu nhất trong các học-thuyết tự xưa đến nay. Nhất là vì chính triết-gia đã tuyên bố tại hội-thảo Cerisy năm 1955 rằng : «Không có triết-học Heidegger, và giả như có thì chính tôi không tha-thiết gì đến nó hết » (Dẫn trong bài tựa của J. Beaufret, bản dịch cuốn *Essais et conférences* của Heidegger, Nhà xuất - bản Gallimard 1958, trang VIII). Nói thế không phải không có triết-thuyết Heidegger, nhưng triết-gia có ý nhắc nhủ rằng đối với công việc còn phải làm trong lãnh vực tìm hiểu bản-chất của con người, những thể hiện trước đây của ông chưa đáng kể chi và chưa đáng gọi là một triết-học thực sự. Sở dĩ ông nghĩ thế vì ông cho rằng tự khi có triết-học đến nay, các triết-gia vẫn chỉ mới nhận ra những hữu-thể (les étants) mà thôi, chưa vị nào dám nhìn thẳng vào bản-chất (*das Wesen,* l'être) của những hữu-thể đó. Nhưng chính bản-chất đó là cái cấu-tạo nên những hữu-thể kia. Bản-chất là vấn-đề khó quá; ngay cái lập-trường cho phép con người nhìn thấy bản-chất đó, cũng là một lập-trường ít ai có thể đứng vào được. Họa may chỉ có Husserl đã hé nhìn thấy lập trường đó khi ông nêu lên vấn-đề « trực-giác bản-chất » (*Wesensschau*). Heidegger không chấp nhận hoàn toàn quan-điểm Wesensschau của Husserl, nhất là khi ông này đi tới chỗ chủ-trương rằng ý-thức gán nghĩa cho sự vật (*Sinngebung*) và chủ-trương ý-thức tạo-nghĩa (conscience constituante). Theo Heidegger, thì ý-nghĩa của vạn vật, tức những hiện-tượng mà ta đã « sống » khi tiếp xúc với vũ-trụ, ý-nghĩa đó đã xảy ra trong khi ta còn *là* ý-thức và chưa *có* ý-thức. Nói cách khác : ý-nghĩa, tức bản-chất của vạn vật, đã xuất hiện cho ý-thức ta khi ý-thức đó chưa tự-tỉnh. Bởi thế, khi ta tự-tỉnh, nghĩa là khi ta dùng ý-thức tự-quy của ta, thì ta không đạt tới bản-chất của vạn vật, nhưng chỉ còn đạt được một biểu-tượng (re-présentation) của sự vật trong chủ-thể-tính ta mà thôi.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Vậy tất cả những cố gắng của Heidegger là đạt tới bản-chất của vạn vật.

Nhưng nói bản-chất, người ta nghĩ ngay đến những bản-chất tức bản-tính trong triết-học Platon, Aristote, Descartes v.v.... Đối với Heidegger, thì những bản-chất của các triết-thuyết đó đều chỉ là những bản-chất trá-hình, vì chúng chỉ là hình-ảnh của các hữu-thể. Chúng ta còn quá nặng óc duy-nhiên, cho vũ-trụ là vẫn thế tự ngàn xưa và mãi mãi sẽ như vậy, bởi thế ai cũng tri-giác như nhau và cũng nhìn thấy những sự vật như nhau. Sự thực có thế đâu ? Một nhà bác-học thám hiểm không gian không nhìn thế-giới như một bác nhà quê Việt-nam : thế giới đây gồm không những cây cỏ sông núi trăng sao, mà còn gồm bản-chất vạn vật và định-mệnh con người. Mỗi vũ-trụ-quan như vậy là môi-trường sinh-hoạt thực sự của mỗi người : tất cả mọi ý-nghĩ và phản-ứng tinh-thần và vật-chất của mỗi người đều bị chi-phối bởi cái « thế-giới » đó. Và đó chính là thuyết Heidegger, cái thuyết coi con người là *hữu-tại-thế* (In-der-Welt-sein).

Hữu-tại-thế. Chữ *hữu* đây là động-tự, không phải là một danh-từ : như vậy, con người không phải là một hữu thể *ở trong* vũ-trụ, cũng không phải có con người rồi mới có sự nó *ở* trong vũ-trụ, nhưng chỉ có con người xét như nó là một *hữu-tại-thế*. Nói một cách nôm na : con người là chính sự tại-thế đó; sự tại-thế này làm cho có vũ-trụ mà nó sống với, và cũng chính sự sống với « vũ-trụ » này làm cho nó là con người, tức hữu-tại-thế. Một câu của Heidegger tóm tắt lập-trường triết-học hiện-hữu (philosophie existentiale) của ông : « Con người là một hữu-thể ở giữa những hữu-thể khác với đặc-tính này là : hữu-thể mà nó không là, cũng như hữu-thể mà nó là, đều vẫn đã biểu-lộ cho nó. Chúng tôi gọi cách thức này là hiện-hữu. Chỉ có thể có hiện-hữu do sự tiếp-thông với bản chất mà thôi » (HEIDEGGER, *Kant et le problème de la Métaphysique*, bản dịch Pháp-văn do *De Waelhens* và *Biemel*, Gallimard 1953, trang 284 : «L'homme est un étant qui se trouve au milieu des étants, de telle manière que l'étant qu'il n'est pas et l'étant qu'il est lui-même lui sont toujours-déjà manifestes. Nous appelons ce mode d'être *existence*. L'exsitence n'est possible que fondée sur la compréhension de l'être »).

Trong câu trích dẫn trên đây, chữ can hệ nhất là chữ « *tiếp-thông* » (*Verstehen*, com-préhension). Sự tiếp-thông này được coi như « *khai-độ* » (*Offenheit*, Ouverture ou Apérité) : chính khai-độ là chỗ và là mức gặp gỡ giữa ý-thức và thế-giới. Sự gặp gỡ này, cũng gọi là tiếp-thông, đã phát

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

sinh « vũ-trụ tại-thể của con người ». Nên nhớ rằng sự tiếp-thông này không đợi sự can-thiệp của ý-thức, vì thực ra ý-thức chỉ phát-sinh do chính sự tiếp-thông đó : trong ý đó, Merleau-Ponty gọi ý-thức và vũ-trụ trước sự tiếp-thông là tiền-ý-thức và tiền-vũ-trụ, để chỉ rằng đó mới chỉ là những khả-thể mà thôi. Về phía Heidegger cũng viết : « Cơ-cấu của các hữu-thể và riêng hữu-thể của Dasein chỉ đạt được nhờ sự tiếp-thông đó mà thôi; sự tiếp-thông này mặc hình-thức một dự-phóng » *(Kant et le problème...,* trang 288). Chữ tiếp-thông của Heidegger coi như giống chữ thông-hiểu (compréhension) của triết-học cổ-truyền, nhưng thực ra nó khác lắm, vì nó không có tính-chất của ý-thức phản-tỉnh : nó là bản-chất của ý-thức chưa tự-tỉnh; nó chính là « ý-thức *còn gắn liền* với đối-tượng trong hiện-hữu của sinh-hoạt ». Heidegger đã đưa ra một lối chơi chữ để giúp ta dễ nhớ lập trường triết-học hiện-hữu của ông : ông cho rằng cho được tìm thấy *bản-tính* (Was-sein) của sự vật, chúng ta phải tìm hiểu *hiện-hữu* (Dass-sein) của nó, nhưng hiện-hữu này lại xây trên bản chất (Wahr-sein) của sự vật, tức cái mà nó *là (Kant et le problème.....* trang 283).

Mấy dòng trên đây không có mục đích nào khác ngoài sự xác định lập trường triết-học *hiện-hữu* của Heidegger. Triết-học này thực ra không có chút chi giống với triết-hiện-sinh của Jaspers hay Marcel : trong khi các triết hiện-sinh đặc biệt quan-tâm đến ý-nghĩa cuộc sống con người, thì Heidegger lại chỉ chú trọng đến hiện-hữu mà thôi. Heidegger đã nhiều lần lên tiếng phản đối sự lẫn lộn đó, nhất là trong tiểu-luận « *Bức thư về nhân-bản chủ-nghĩa* ». Bởi vì tất cả triết của Heidegger nằm trong chữ *Da* của *Dasein,* cho nên dịch *philosophie existentiale* là *triết-học phổ-sinh* có lẽ không lột được ý-nghĩa. Triết-học Heidegger không có chi là « sinh » (la vie) cả; và cũng không có chi là « phổ quát » : hiện-hữu của con người là *Da*-sein, và hiện-hữu của vũ-trụ cũng chính là lãnh-vực Hữu-thể mà cái *Da* này mở cho con người tiếp-thông, vì thế Heidegger đã nhiều lần nhắc cho ta rằng chữ *Da* đây không có nghĩa là *nọ kia,* nhưng chỉ có nghĩa là *hiện*-diện và *đối*-diện. Vì tiếp-thông là nguyên-khởi của kinh-nghiệm và ý-thức con người, cho nên chỉ có *hữu* (sein) trong *hiện-diện* (Da). Vì thế xin tạm dịch *philosophie existentiale* là *triết-lý hiện-hữu.*

***

Nếu Siêu-hình-học là khoa-học về hữu-thể, thì quả thật triết Heidegger hoàn toàn là một siêu-hình-học. Vậy cớ sao sau khi viết cuốn *Sein und*

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Zeit (1927), hình như Heidegger không thể viết thêm gì về hiện-hữu theo phương-diện triết-học nữa, và quay ra bàn về thi ca ? Ai cũng biết ông mới chỉ xuất-bản có phần I của cuốn *Sein und Zeit,* và ai cũng biết A. de Waelhens cùng với nhiều triết-gia khác đã thách đố ông viết nốt phần II. Thực sự thì cho đến ngày nay, Heidegger vẫn chưa viết và xuất bản phần II cuốn đó, trong khi ấy thì ông cho xuất bản rất nhiều tiểu-luận về thi-ca. Những bài tiểu-luận này đã được thu lại thành tập và xuất-bản năm 1951 dưới nhan-đề *Erläuterungen zu Hölderlins Dichtung,* (Nhà Gallimard vừa cho ra bản-dịch Pháp-văn với nhan-đề *Approche de Hölderlin).* Cuốn này gồm 5 bài luận về thi-ca, mà bài quan-trọng nhất vẫn là bài « *Hölderlin và bản chất thi-ca* » đã viết năm 1936 và xuất-bản năm 1937.

Chúng ta không thể không tự hỏi tại sao Heidegger mất thời giờ nghiên-cứu về bản-chất thi-ca ? Làm thế, triết-nhân có lãng quên vấn-đề hữu-thể của ông ? Ông có quên phần II của cuốn *Sein und Zeit* không ? Một triết-gia am-tường và theo rõi hành trình tư-tưởng của Heidegger sẽ trả lời cho ta. Triết-gia đó là A. de Waelhens. Trong bài nhập-đề cuốn « *Bản-chất của chân-lý* » *(Vom Wesen der Wahrheit)* của Heidegger xuất-bản năm 1943, A. de Waelhens viết đại ý như sau : « Trong khi cuốn *Sein und Zeit* chỉ đứng trong sự phân-tích hiện-hữu của Dasein và đồng thời có nói đến vạn vật thì cũng chỉ nói trong lập-trường của Dasein, thì nay cuốn Vom Wesen der Wahrheit vượt quá lập trường phân-tích đó và đi thẳng tới sự nghiên-cứu mối tương-quan với những hữu-thể... Ở đây, các hữu-thể không còn bị nhìn qua Dasein nữa. Các hữu-thể được nghiên cứu trực-tiếp và Heidegger nhận rằng các sự vật tự chúng có ý-nghĩa. Hiện-hữu và tiếp-thông vẫn được coi là hai danh-từ đồng-nghĩa : sự đồng-nghĩa này không còn xây trên *dự-phóng* như xưa nữa, nhưng là xây trên *khai-độ* » (HEIDEGGER, *De l'essence de la vérité,* bản dịch của de Waelhens, nhập-đề trang 11 và 13).

Như vậy A. de Waelhens tiệm nhiên công nhận rằng Heidegger đã viết cái phần II mà thế giới chờ đợi : phần I nghiên-cứu về hữu-thể con người (Dasein), phần II tìm hiểu hữu-thể của vạn-vật. Hay nói cho đúng, phần II tìm hiểu bản-chất của các hữu-thể (l'être des étants). Và như vậy trong khi Heidegger tìm hiểu bản-chất của thi-ca, ông đã thực sự tìm hiểu bản-chất của một đối-tượng, tức một hữu-thể. Heidegger luôn luôn nói đến bản-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chất (das Wesen) của thi-ca, cũng như ông thường chỉ bận-tâm với bản-chất của các hữu-thể.

Trước khi đi tìm bản-chất của thi-ca với Heidegger, cũng nên nhớ ông chỉ nghiên cứu có vài ba thi-gia như Hölderlin và Rilke mà thôi. Những thi-gia này đồng thời là những nhà tư-tưởng uyên-thâm, cho nên thi-ca đây không giống loại thi-ca hiện đang được mùa ở Việt-nam. Trong khi thi-ca ở Đức hay ở Pháp là của hiếm, không thấy bóng trên những báo hằng tuần và hằng ngày, thì ở đây chúng ta bị tràn ngập bởi thi hứng... Nếu triết Heidegger không chút màng chi đến cuộc đời, thì làm sao ông lại có thể mất thời giờ với những truyện than mây khóc gió ? Heidegger đã nhiều lần lên án những bài thơ đó : « Nhớ nhung vớ vẩn không phải là thi-ca, và thi-ca cũng không phải là bay liệng trong mộng-tưởng. Thi-ca không phải là trốn vào trong giấc mơ tình cảm. Cùng lắm, đó chỉ là văn-chương ». (HEIDEGGER, *Essais et conférences*, trang 225). Thực ra, mỗi khi nói đến thi-ca, Heidegger luôn luôn nghĩ đến chữ thi-ca trong danh-từ Hy-lạp *Poiêsis*. Mà *poiêsis* là *sáng-tác*. Trong ý đó, ông viết nơi bài « *Hölderlin và bản-chất thi-ca* » rằng : « Tất cả những công cuộc do con người thể-hiện chưa phải là bản-chất con người. Bản-chất này là « sáng tác » : *poiêsis*. Thi-ca là gọi tên được bản-chất vạn vật » (*Approche de Hölderlin*, trang 53-54). Gọi tên được bản-chất vạn vật, tức là đã tiếp-thông với bản-chất đó : và đó là khả-năng đặc-biệt của *Dasein*. Trong ý đó, J. Beaufret đã bàn về lập trường của Heidegger như sau : thái độ duy-tâm của Platon không đạt được bản-chất sự vật; thái-độ của những thi-sĩ thường cũng không đạt được bản-chất đó : cả hai thái-độ cùng là thái-độ đã rút ra khỏi đối-tượng, Platon thì rút vào trong tư-duy, còn những thi-sĩ thì rút vào trong tâm-hồn. Cả hai cùng sống trong mộng tưởng. Duy có những thi-gia như Hölderlin mới thực sự *tiếp-thông* với vạn vật.

Vấn-đề sau cùng cần được nhận định trước khi đi vào bản- chất của thi-ca là : cái nhìn của thi-gia và cái nhìn của triết-gia có giống nhau không ? Nên nhớ Heidegger coi cái nhìn của thi-gia như một tiếp-thông *mặc-nhiên*, tức một ý-thức chưa tự ý-thức; chính cái nhìn của triết-gia mới là sự *triển-khai* cái tiếp-thông kia để vạch rõ và nói lên bản-chất sự vật. Cho nên đó là hai cái nhìn khác nhau lắm : triết-gia không nhắc lại cái mà thi-gia đã nói, nhưng phải triển-khai cái mà thi-gia đã tiếp-thông và phát biểu trong lời ca. « Cái mà thi-gia nói, và cái mà triết-gia nói, không bao giờ đồng-nhất với

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nhau. Nhưng hai người có thể cùng nói một sự với hai cách khác nhau... Thi-ca và suy-tưởng chỉ gặp nhau trong cùng một cái, khi nào chúng đứng vững trong hai bản-chất khác biệt của chúng ». *(Essais et conférences,* trang 163 và 231). Triết-gia không có sẵn mối thông-cảm với vũ-trụ như thi-gia, cho nên không có tiếp-thông : vì thế phận sự của triết-gia là triển-khai cái bản-chất « sáng-tác » (poiêsis) mà thi-gia đã hoàn-thành. Như vậy triết-gia không nghe theo thi-gia, nhưng phải đối thoại với thi-gia và phải triển-khai cái mà thi-gia chưa bộc-lộ được trong ngôn-từ của mình. Heidegger viết : « Chúng ta phải lắng nghe cái điều mà thi-gia muốn nói... Tuy nhiên, điều quan-trọng vẫn là : dùng suy-tưởng chân-thành và bình-thản để nói lên cái mà thi-gia chưa bộc-lộ trong lời thơ. Đó là công việc của Lịch-sử về bản chất. Nếu chúng ta thành đạt trong việc này, thì giữa triết-lý và thi-ca sẽ có một cuộc đối-thoại làm nên lịch-sử ». *(Chemins* tức bản-dịch cuốn *Hozwege,,* Gallimard 1962, trang 224). Và trong buổi hội-thảo Cerisy, Heidegger còn nói thêm : « Giữa triết-lý và thi-ca có một mối liên-hệ chặt-chẽ, vì cả hai cùng phụng-sự cho ngôn-từ. Nhưng giữa triết-lý và thi-ca vẫn có một vực thẳm sâu rộng, vì mỗi môn đứng trên một đỉnh cao biệt-lập ». *(Essais et conférences,* trang XV).

Thực là rõ ràng. *Triết-lý không thể là thi-ca* và *thi-ca chưa phải là triết-lý.* Sở dĩ Heidegger đi tìm *bản-chất* (das Wesen) của thi-ca, vì ông coi thi-ca là mối tiếp-thông với vũ-trụ : mối tiếp-thông này giống như ý-thức chưa phản tỉnh, cũng gọi là ý-thức sinh-hoạt (conscience d'exister). Và triết-lý sẽ là cái ý-thức phản tỉnh trên cái nền chưa phản-tỉnh đó.

***

Bây giờ chúng ta có thể cùng với Heidegger đi tìm bản-chất của thi-ca.

Để khỏi bị lạc đường trong khi đi, chúng ta nên luôn nhớ ý-nghĩa riêng biệt của hai danh-từ bản-chất (*Wesen*) và thi-ca (poiêsis). *Bản-chất* là hình thành, là xuất-hiện để hiện-hữu: triết Heidegger chỉ chăm chú tìm bản-chất của hữu-thể (l'être de l'étant), nghĩa là tìm hiểu xem các hữu-thể hình thành thế nào, xuất hiện thế nào trong hiện-hữu. Còn chữ *poiêsis* cũng không kém bề quan trọng. *Poiêsis* là sáng tác, đúng như Heidegger nói : « Thi-ca (« sáng-tác ») không phải là cuộc chơi giỡn của trí tuệ, tha hồ nói gì tùy thích đâu; và thi-ca cũng không phải là sự tưởng tượng đưa ta vào chỗ huyền-ảo. Thi-ca chính là một dự-định vén màn : nó làm cho có cái mà ta thấy nơi khai-độ (l'ouvert) » (*Chemins,* trang 57). Như vậy, ngay tự

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đây, chúng ta đã hé nhìn thấy bản-chất của « thi-ca » (« sáng-tác ») là « để cho chân-lý thể-hiện, mise en oeuvre de la vérité (*Chemins*, trang 56).

Bản-chất đó của thi-ca, Heidegger đã nhìn thấy :

1) Nơi vai trò đặc biệt của thi-gia là môi-giới giữa thần-linh và loài người, giữa hữu-thể và tri-thức mà ta có về hữu-thể;

2) Nơi sự thể hiện của thi-ca, tức trong sự hình-thành của thi-ca;

3) Và sau cùng nơi ý-nghĩa của thi-ca, xét như thi-ca là một sáng-tác, một vén màn cho khai-độ để lộ ra những hữu-thể.

1) Thi-gia là môi-giới.

Nên nhớ Heidegger coi tiếp-thông là nền tảng của hữu-thể-học; tiếp-thông là nguyên-khởi của ý-nghĩa mà ta có về sự-vật; tiếp-thông là phát-nguyên của hiện--tượng, tức ý-thức mà ta có về bản-chất mỗi vật. Kant đã phân biệt hai thứ trực-giác : trực-giác phát-khởi (intuition originaire) và trực-giác tiếp-xuất (intuition dérivée). Trực-giác phát-khởi làm cho có vạn vật : Kant gọi trực-giác này là cái nhìn của Thượng-đế, vì Thượng-đế phán một lời, liền có vạn vật, Ngài chỉ cái gì thì thành như vậy. Còn trực-giác tiếp-xuất là trực-giác của con người : con người nhìn một cái đã có rồi; cái nhìn của con người không tạo nên vũ-trụ, nhưng chấp-nhận một vũ-trụ đã có đó. Vì Kant chủ-trương thuyết Duy-tâm siêu-nghiệm, cho nên sự hình thành của tri-giác ta hoàn toàn lệ thuộc vào những phạm-trù tiên-thiên. Con người của Kant không thể tại-thể được. Trong cuốn « *Kant và vấn-đề Siêu-hình-học* », Heidegger đã trách Kant nặng lời, rằng « Kant đã lùi bước trước cái nền-tảng mà ông đã đặt. Thật là Kant đã phá bỏ cái nền tảng mà ông đã xây được với cuốn Phê-bình Lý-trí thuần-túy của ông » (*Kant et le problème de la Métaphysique*, trang 271). Chúng ta biết lần xuất-bản đầu-tiên cuốn Phê-bình Lý-trí thuần-túy, Kant đã chủ-trương rằng bản-chất con người, hay nói đúng hơn, bản-chất của tri-thức con người xây trên hai nguyên-lý, quan-niệm và trực-giác, rồi Kant lại chủ-trương thêm rằng hai nguyên lý này cùng bắt nguồn nơi một nguồn suối là trí tưởng tượng siêu-nghiệm. Trong nội-dung lần *tái-bản*, Kant đã sữa chữa, bỏ không chủ-trương trí tưởng-tượng là nguồn suối trên hết, trùm lên hai nguyên-lý quan-niệm và trực-giác nữa. Đó là chỗ Heidegger gọi là tháo lui, là tự phản bội. Heidegger cho rằng Kant đã tìm ra bản-chất của con người, nhưng rồi lại bỏ mất để bám lấy chủ-trương nhị nguyên.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Vậy chính trí tưởng-tượng siêu-nghiệm này được Heidegger gán cho vai trò quan trọng là « sáng tạo nên thời-gian » (formatrice du temps). Mà ta biết, đối với ông, thời gian là hiện hữu; sự diễn-tiến của thời-gian (temporalité) là chính bản-chất của Dasein. Nhân đó ta thấy Heidegger gọi trí tưởng-tượng siêu-nghiệm là « thời-gian nguyên-khởi » (temps originel), là « cơ cấu của chủ-thể-tính con người » và là « nguồn phát sinh cảm-giác tính thuần-túy và thông-giác thuần-túy (aperception pure) » (Xem *Kant et problème de la Métaphysique*, trang 227-257).

Phải chăng vì thế mà Heidegger coi thi-gia thuộc loại những Dasein (hữu-tại-thế) siêu phàm ? Phải chăng thi-gia được gọi là môi-giới giữa thần-linh và loài người, chỉ vì thi-gia có cái nhìn đặc-biệt ? Và cái nhìn đặc biệt đó, bởi vì trí tưởng-tượng siêu-nghiệm nơi thi-gia nó hoạt-động thong dong, không bị vướng trở như nơi triết-gia ? Dầu sao, sự kiện vẫn là : Heidegger luôn luôn coi thi-gia là môi giới giữa thần-linh và nhân loại. « Thi gia là người chỉ trỏ, cho nên ông là môi-giới giữa thần-linh và loài người. Chính tự quãng trung-gian đó, thi-gia nghĩ được cái vượt quá con người và vượt quá thần-linh : cái đó sẽ thần-hóa con người và thần-linh: chính cái đó là cái mà thi-gia nghĩ được và nói lên : » (*Approche de Hölderlin*, trang 157). Trong câu nói của Heidegger, người ta không thể không chú ý nhiều đến những chữ như : môi-giới, trung-gian. Như vậy con người phải nhờ thi-gia mới giao-tiếp được với giới vô-hình. Nói thế nghĩa là chỉ thi-gia mới tiếp-thông và nhận-thức được những cái mà chúng ta coi là vô-hình. Câu nói sau đây cho thấy ý-tưởng đó rõ hơn : « Các thi-gia là những vị nửa thần-linh nửa con người. Họ là những người đứng giữa con người và thần linh để đào sâu cái vùng mà khai-độ đã mở ra cho họ. Thần-linh và con người có gặp gỡ nhau, là chỉ gặp nơi chỗ đã khai minh đó ». (*Approche de Hölderlin*, trang 189).

Chúng ta là những người sống trong « thường nhật », ta coi mọi cái là tầm thường, quen thuộc quá. Vạn vật không có chi mới đối với ta hết. Hơn nữa, chúng ta sống trong cái vũ-trụ máy móc, cái gì cũng như được « làm sẵn », đúc theo những khuôn mẫu và sản xuất từng triệu triệu cái giống hệt nhau. Nói thế nghĩa là cái thế-giới của kỹ-thuật còn tệ gấp mấy thế-giới của « tính-chất dụng-cụ ». Nhưng ta biết : « thường-nhật-tính » và « dụng-cụ-tính » là những cái đưa con người tới hiện-hữu không chính-thực, hiện-hữu vong-thân, hiện-hữu sa-đọa. Trái lại cái nhìn của thi-gia

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

không vị lợi, cho nên không có tính-chất « dụng-cụ », — không như con người chúng ta, — cho nên nó không « thường-nhật ». Không như ta, bởi vì thi-gia là loài nửa thần nửa người. Vậy phải có thi-gia mới có thể có tiếp-thông với những lãnh-vực còn đóng kín cho nhân-trần.

Để thể-hiện sự trung-gian này, thi-gia tự dấn thân vào một cuộc hành trình lâu la, một cuộc phiêu-lưu đi tìm bản-chất của vũ-trụ vạn-vật. Trong thiên tiểu-luận nhan-đề là « *Hoài-niệm* », Heidegger dẫn giải mấy câu thơ sau đây của Hölderlin :

« *Bởi vì thoạt kỳ thủy tinh thần không ở nhà nó,*
Nó không ở nơi nguồn mạch. Nó nóng lòng đi về quê hương.
Tinh-thần thích ở chốn thuộc địa, và thích cái quên hùng dũng ».

Heidegger đã giải-thích khá dài dòng tại sao thoạt tiên tâm-trí con người lại không có nhà. Tại sao ? «Thoạt-kỳ thủy, tâm-trí vì là tâm-trí, cho nên bản-chất của nó là *đã mở ra* cho *cái được mở* : nếu không, nó sẽ không còn là tâm-trí nữa » (*Approche de Hölderlin*, trang 117 : « A son début, l'esprit en tant qu'esprit a son être déjà ouvert pour l'Ouvert, sans quoi il ne serait pas l'esprit »). Như vậy bản-chất của tâm-trí là mở ra đón chào bản-chất của các hữu-thể. Thế nhưng « nó nóng lòng đi về quê-hương », nghĩa là tâm-trí gặp chi cũng vội tưởng đó là quê-hương mình. « Nhưng quê-hương vẫn là cái chi đóng kín cho tâm-trí : vì thế nó càng nóng lòng » (Sd, trang 118). Tệ hơn nữa, « tâm-trí thích ở chốn thuộc-địa ». Nó thích như thế, vì « thuộc địa là con đẻ của mẫu-quốc và nhắc ta nhớ quê hương » (Sd, trang 118).

Nếu thế, làm sao về tới quê hương ? Trong tình trạng khó khăn này, thi-gia là chiếc cầu hộ-mệnh cho con người, vì thi-gia là người có cái « quên hùng dũng ». Cái quên này cho phép thi-gia nhẫn nại và thận-trọng tìm kiếm giúp ta : tìm quê-hương, tìm cái mà ta cho là vô-hình. « Nguồn-mạch chỉ là nguồn mạch khi nào dòng sông đã nhận ra tới biển. Thành thử con đường tìm về nguồn là con đường ngược với chiều của con sông... Bản-chất của quê-hương không thể nhận thấy nơi những năm đầu tiên khi người thiếu niên lớn lên *ở nhà*» (Sd, trang 166-167). Vậy phải đi xa, phải đi quành thì mới có lối về quê hương. Người chịu đi quành đó là thi-gia : đường thẳng không phải đường về, đường quành mới đúng là nẻo về. « Nhằm thẳng suối không phải là đường tìm về nguồn suối. Chỉ có những người thẹn thùng, không dám đi thẳng, những người đó là những người duy-nhất có thể biết nẻo về. Những người đó là những thi-gia... Thi-gia là những

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

người không quản trèo non vượt biển. Vì họ thẹn thùng không dám nhằm thẳng phía nguồn suối, cho nên họ không quản đi đường quành, và họ không cho thế là bất xứng đối với họ ». *(Approche de Hölderlin,* trang 169, 173).

Không nhìn thẳng. Phải giữ vẻ thẹn thùng (pudeur). Phải đi quành. Đó là những hình ảnh khác nhau để chỉ cùng một sự thực. Sự thực đó là : bản-chất là một huyền-nhiệm, chỉ có những tâm-hồn kính-cẩn và say-đắm như thi-gia mới tiếp-thông được với bản-chất vạn vật. Người phàm chúng ta chỉ dừng lại nơi cái « dụng cụ tính » của vạn vật thôi; hoặc dừng lại nơi cái vẻ cố-định, tức tính-chất « thường-nhật » của chúng.

Như vậy vai trò môi-giới của thi-gia đặt thi-gia đứng vào giữa thần-linh và con người, giữa con người và những cái mà con người cho là vô hình. Thi-gia là như khai-độ cho ta. Nhờ khai-độ này, con người có thể tiếp-thông với bản-chất vạn vật. Đúng như Heidegger viết : « Nhờ cái mà thi-nhân đã đạt được trong hành-trình của ông, — nhờ cái mà ông đã học biết về quê-hương, — thi-nhân có cái nhìn trỏ đường đi, trỏ cho ta thấy Cái-đã-được-khai-minh : thần-linh và con người chỉ có thể cư ngụ trong cái đã được khai-minh này ». *(Approche de Hölderlin,,* trang 190). Cái nhìn của thi-gia là như sự khai-minh vũ-trụ, nhờ cái nhìn đó, một vũ-trụ mới vừa được gọi tên, được gọi ra ánh sáng, được sáng tác.

Không có cái nhìn « sáng tác » của thi-nhân, thì không thể có tiếp-thông với những gì còn là chưa biết đối với ta. Không có tiếp-thông, làm sao có tri-thức được ? Vì thế vai rò môi-giới của thi-nhân rất cần-thiết .

2) Thể-thức hình-thành của thi ca.

Trong bài « *Hölderlin và bản-chất thi-ca* », Heidegger đã viết những dòng sáng sủa về vấn đề này. Trước hết ông viết : « Thi-ca là dùng ngôn-từ đặt nền cho bản-chất, La poésie est la fondation de l'être par la parole » *(Approche de Hölderlin,* trg 52). Tiếp đó ông viết thêm rằng : cái vĩnh-tồn không cấu-tạo bởi cái phù-vân, thi-ca không cần dùng ngôn-từ như kiểu người xây nhà dùng vật-liệu; ngôn-từ không có trước thi-ca; chính thi-ca là ngôn-từ nguyên-khởi. Tại sao ? Vì thi-ca là « sự gọi tên vạn vật đúng theo bản-chất của chúng » (*Sd,* trg 54). Không có sự gọi tên này, làm sao có sự sử dụng ngôn-từ ?

Nhưng sự gọi tên đó diễn ra như thế nào ? Heidegger đã trả lời bằng một câu bí ẩn : « Hiện-hữu không bao giờ là một hữu-thể. Vì hiện-hữu và

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

bản-chất của vạn vật không thể do một sự suy-tính hoặc do một vật-thể đã có đó, cho nên chúng phải được sáng-tạo cách tự-do, được đặt đó và để đó. Sự đặt để một cách tự-do như thế gọi là sự đặt nền. - L'être (Sein) n'est jamais un étant (Seiende). Mais parce que l'être et l'essence des choses ne peuvent jamais résulter d'un calcul ni être dérivés de l'existant déjà donné, il faut qu'ils soient librement créés, posés et donnés. Cette libre donation est fondation.» *(Approche de Hölderlin,* trg 52). Gọi tên là «đặt nền» và đặt nền là gọi ra ánh sáng, tức làm cho sự vật xuất-hiện nơi Khai-độ cùng với bản-chất của nó. Như vậy sự hình thành của thi-ca chính là sự hình thành của bất cứ nghệ-thuật sáng tác nào : sự hình thành đó chính là «sự khởi-đầu của chân-lý trong hành-động của nó, *l'avènement de la vérité qui est à l'oeuvre*» *(Chemins,* trg 31 và khắp chốn trong bài «*Nguyên-khởi của công-trình nghệ-thuật*» tức bài đầu cuốn Holzwege).

Cũng nên nhớ Heidegger quan niệm «chân-lý» là gì. Triết-học cổ-truyền định nghĩa chân-lý là «sự am-hợp giữa trí-tuệ và sự vật»; nhưng Heidegger đối lại : làm sao ta có sự am hợp ấy ? Làm sao có sự so ánh giữa quan-niệm ta có sẵn trong óc với cái mà ta thấy nơi sự vật, vì chân-lý là chân-lý của mỗi tri-giác của ta ? Thành thử Heidegger viết : «Chân-lý không phải là đặc-tính của một mệnh-đề do tôi nói về một đối-tượng. *Chân-lý là chính sự vén màn thấy sự vật,* và sự vén màn này có được là do khai-độ vừa thể-hiện» *(Essence de la vérité,* trg 87). Ai cũng biết Heidegger thường nhấn mạnh vào chữ *Alèthéia,* danh-từ Hy-lạp có nghĩa là chân-lý, nhưng theo gốc chữ thì có nghĩa là «vén màn» (dé-voilement). Như vậy, theo Heidegger, chân-lý là chính sự hình thành của bản-chất, tức sự bản-chất, tức sự bản-chất đó được gọi ra ánh sáng, nơi khai-độ, nơi mà ý-thức gặp gỡ nó lần đầu tiên. Trong ý đó, vì thi-ca là sáng-tác, cho nên thi-ca (theo nghĩa Heidegger) là «gọi tên sự vật kia lần đầu tiên. Sự gọi tên này cho phép sự vật xuất-hiện và được ngôn-từ nói lên... Cho nên nghệ-thuật là thi-ca, vì nghệ-thuật là thể hiện chân-lý. Bản-chất của nghệ-thuật là thi-ca. Bản-chất của thi-ca là khởi-lập chân-lý. Dans la mesure où la langue nomme pour la première fois l'étant, un tel nommer permet seulement à l'étant d'accéder à la parole et à l'apparaître... En tant que mise en oeuvre de la vérité, l'art est Poème. L'essence de l'art, c'est le Poème. L'essence du Poème, c'est l'instauration de la vérité.» *(Chemins,* trg 58,59).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Xem như thế, « thi-ca » theo nghĩa Heidegger khác thi-ca theo quan-niệm văn-chương. Điều đó quá rõ, không cần bàn thêm. Trên đây, chúng ta vừa thấy sự hình thành của thi-ca là chính sự hình thành của chân-lý, tức sự xuất-hiện của bản-chất mỗi sự vật mà ta tri-giác. Bây giờ thử xem Heidegger nghĩ công việc đó đã được thi-nhân thể hiện thế nào ?

Heidegger đã trả lời khá rõ rệt trong bài « Hölderlin và bản-chất thi-ca » như sau: « Chính đối-thoại là sự đặt nền cho bản-chất con người (Dasein) : đối-thoại này đã ban cho ngôn-từ cái bản-chất tạo nên lịch-sử của nó. Nhưng ngôn-từ nguyên-khởi là chính Thi-ca, xét như Thi-ca là sự đặt nền cho hiện-hữu. Ngôn từ là « của nguy hiểm nhất », cho nên Thi-ca là công việc nguy-hiểm nhất, và đồng thời cũng là « câu truyện vô thưởng vô phạt nhất ở đời ». Chỉ khi nào người ta dùng một cái nhìn duy-nhất bao quát được cả hai khía cạnh đó của thi-ca, khi đó người ta mới hiểu được bản-chất của thi-ca. » *(Approche de Hölderlin,* trg 55). Sở dĩ chúng tôi trích dẫn một câu quá dài như thế, vì đó là trọng-tâm của tư-tưởng Heidegger về bản-chất Thi-ca. Nhất là câu cuối cùng của Heidegger « chỉ khi nào dùng một cái nhìn để bao quát cả hai đặc-tính của thi-ca, thì mới có thể... » : ít người quan tâm đến câu này, mặc dầu nó là tất cả tư-tưởng Heidegger trong vấn-đề này.

Hai lần Heidegger đã đặt vấn-đề sự liên-quan giữa hai đặc-tính đó của thi-ca, hai lần Heidegger lại trả lời một cách quá sâu xa, cho nên hơi khó hiểu đối với chúng ta. Đọc kỹ và đọc nhiều lần, chúng ta dần dần thấy tư-tưởng Heidegger lộ ra như sau : làm thơ là một công việc vô thưởng vô phạt nhất ở đời, vì không động chạm đến ai cả. « Thi-ca giống như một giấc mơ, không phải thực-tế ». Nhưng nếu dừng lại ở đây, chúng ta chưa hiểu gì về bản-chất thi-ca, vì thi-ca còn là « của nguy-hiểm nhất ». Nó nguy-hiểm vì như ta đọc trong câu thơ Hölderlin mà Heidegger nêu lên ở đầu bài : « Thi-ca cũng là của nguy-hiểm nhất của con người : ngôn-từ đã được ban cho con người để con người làm chứng về bản-chất mình *(Approche,* trg 41). Heidegger vừa nói lên một trong những chữ quan trọng của ông: *làm chứng* (témoigner). Làm chứng đây có nghĩa là chứng tỏ, là biểu-lộ. Ngôn-từ không chứng tỏ chi khác ngoài cái bản-chất của con người. Nếu Thi-ca là sáng-tác, là gọi những hữu-thể bằng tên của chúng, nghĩa là bằng bản-chất đích-thực của chúng, thì quả thực Thi-ca là bản-chất của con người. Tại sao thế ? Thưa vì bản-chất của Dasein là tiếp-thông với vạn vật và gọi

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

vạn vật bằng tên của chúng : không có Dasein, sẽ không có ngôn-từ, không có ý-nghĩa vạn vật, vì khi đó không có ý-thức để nhận-thức bản-chất của mỗi vật nữa. Chứng tỏ. Biểu-lộ. Đó thực là bản-chất của con người (D.s in). Về điểm này, Heidegger viết: «Con người là gì? Con người là hữu-thể làm chứng về bản-chất mình. Làm chứng, một phần có nghĩa là nói lên, tỏ giác; nhưng cũng có nghĩa là thưa trình về cái người ta cáo mình : con người là con người vì nó biểu-lộ cái bản-chất đặc-biệt của nó » *(Approche,* trang 45).

Bản-chất của con người là làm chứng và biểu-lộ bản-chất mình, thành thử dù ta làm chi, dù ta muốn giấu bản-chất của ta, thì sự giấy đó lại chính là sự tỏ giác bản-chất của ta. Con người bị lên án phải luôn luôn biểu-lộ bản-chất mình. Merleau-Ponty đã viết trong ý đó : « Con người bị lên án buộc phải có nghĩa, *Nous sommes condamnés au sens* ». Nghĩa là ta làm gì, hay không làm, thì cử-chỉ ta vẫn có ý-nghĩa, và ý-nghĩa đó chính là tư-chất ta, bản-chất ta. Sartre đã nói một câu « bướng » hơn và được người ta nhắc nhở nhiều hơn : « Chúng ta bị lên án phải tự-do, *Nous sommes condamnés à la liberté* ». Nghĩa là chúng ta làm gì thì làm, chúng ta vẫn là mình. Như vậy bản-chất con người là tự biểu-lộ mình trong mọi hành-vi và cử-chỉ. Con người tự biểu-lộ mình, và cũng biểu-lộ bản-chất vạn-vật trong mối tiếp-thông mà con người có với sự vật.

Đến đây chúng ta đã có thể hiểu phần nào quan-niệm của Heidegger về Thi-ca và tại sao bản-chất của nó là vô thưởng phạt và đồng thời nguy hiểm vô cùng. Nó nguy-hiểm chẳng qua chỉ vì bản-chất của ngôn-từ là « làm chứng ». Và ta biết Thi-ca được coi là Ngôn-từ uyên-nguyên (Urs-prache). Nói « ngôn-từ uyên-nguyên » tức nói rằng tự đó mới có ngôn từ của ta, vì tự đó mới có cái để mà nói, tức bản-thể vạn vật. Thế nhưng ngôn-từ uyên-nguyên này chỉ phát-sinh trong mối Tiếp-thông với vũ-trụ vạn vật mà thôi; và thi-nhân là những con người duy-nhất trong loài người được cái hồng ân đó. Họ tiếp-thông với vũ-trụ khi nào? Họ tiếp-thông với những cái vô-hình đối với ta khi nào ? Họ gọi chúng ra ánh sáng bằng tên của chúng khi nào ? Họ làm xuất-hiện cái-được-khai-minh (l'Ouvert) khi nào ? Tất nhiên khi họ là thi-nhân, khi mà Thi-ca hình-thành, khi mà chân-lý dần dần hiện-lộ, tóm lại khi họ « đứng giữa thần-linh và con người » để gọi tên những cái chưa được gọi tên hoặc chưa được gọi đúng tên của chúng. Nói một cách phàm tục, thì khi đó là khi họ làm thơ; mà làm thơ là làm một truyện

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

vô thưởng phạt... Triết-gia không thể làm cái việc của thi-nhân, vì triết-gia có bản-chất là suy-tưởng và phản-tỉnh. Triết-gia là người suy-nghĩ về những cái đã xảy ra để vạch rõ ý-nghĩa của chúng. Triết-gia không có ngôn-từ uyên-nguyên của thi-gia. Như vậy có nghĩa là thi-nhân chưa phản-tỉnh khi phát ra ngôn-từ uyên-nguyên ? Đúng thế.. Nếu tỉnh thì còn gì là thơ, và làm sao có thơ được. Phải say, mới có gan nói thật : *In vino veritas* (chân-lý ở trong rượu). Đứa trẻ thơ không say rượu, nhưng nó cũng say khí thiêng của trời đất, cho nên bản-tính của trẻ con là nói thật. Thành-thử, so với lời ca của thi-nhân, thì sự suy-tưởng của triết-gia được Heidegger gọi là « một suy-nghĩ đã hết say » (une pensée dégrisée), nghĩa là thanh thản (Coi *Chemins*, trang 224). Cho nên người ta làm thơ mà chưa say, mà còn sợ sệt, mà còn tính toán, mà còn trăm thứ ngó trước nhìn sau, thì thơ đó vứt đi.

3) Thi ca biểu lộ bản chất sự vật.

Ngay tự đầu bài này, chúng ta đã cùng nhau xác nhận rằng Heidegger coi Thi-ca là con đường đi tới sự tìm thấy bản-chất (das Wesen) của sự vật. Bây giờ chúng ta thử nhìn kỹ xem Thi-ca có làm thỏa nguyện chăng.

Triết-học Heidegger được gọi là triết-học về hiện-hữu. Nhưng hiện-hữu là cái chỉ bị giấu-kín, họa may các thi-nhân có mò vào lãnh vực huyền nhiệm đó được chăng. Chúng ta biết, suốt tự cuốn *Sein und Zeit* cho tới cuốn *Der Satz vom Grund* (Nhà Gallimard vừa cho ra bản-dịch với nhan-đề *Le Principe de raison*, Paris 1962), Heidegger không ngớt than phiền về chỗ các triết-gia tiền-bối, tự Platon đến nay, đều lẫn lộn *hiện-hữu* (l'être) và *hữu-thể* (l'étant), thành thử miệng nói về hiện hữu mà thực ra họ nghĩ đến những hữu-thể. Trong cuốn « *Đường rừng* » (Holzwege), Heidegger đã đặt lại vấn-đề đó như sau : « Một sự vật là gì, xét như nó là một sự vật ? Bản-chất của sự vật là gì ? Thay vì trả lời cho ta nghe về bản-chất, tức hiện-hữu của sự vật, thì « các triết-thuyết cổ-truyền toàn đưa ra những giải-thích về các hữu-thể (les étants) mà thôi, không nói chi về bản-chất vật-thể của sự vật (la choséité des choses) » (*Chemins* trang 15). Nói thế nghĩa là các triết-gia không nói cho ta nghe về môi tiếp-thông là chỗ xuất-hiện bản-chất vạn vật. Như vậy là hiện-hữu trở thành một bí ẩn cho triết-học, mặc dầu các triết thuyết đều nghĩ rằng mình bàn luận về « *hiện-hữu xét như là hiện-hữu* » (l'être en tant qu'être).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Heidegger đã đưa ra căn do sự giấu mặt đó như thế này : « Bây giờ chúng ta mới hiểu rõ hơn « cái sự tránh mặt của hiện-hữu ». Hiện-hữu náu ẩn không cho thấy mình là hiện-hữu. Hiện-hữu náu ẩn, nhưng không phải là biệt tích: trái lại, khi hiện-hữu che giấu bản-chất của nó, thì nó làm nảy ra một cái khác mà người ta gọi là lý-do hay là nguyên-lý » *(Le Principe de raison,* trang 237). Câu này có nghĩa là tuy ta không nhận thấy hiện-hữu (l'être) nhưng ta nhận thấy một cái chi giống nó : đó là những hữu-thể (les étants). Chính những hữu-thể này sẽ ngăn trở không cho ta đi tìm hiện-hữu nữa, vì ta tưởng chúng là hiện-hữu. Ta dễ nhận thấy những hữu-thể, vì chúng là những cứng đọng : Heidegger gọi chúng là những sự vật. Mà chúng cứng đọng vì chúng « đứng vững trên nền hiện-hữu ». Thành thử bây giờ chúng ta mới hiểu câu của Heidegger : « Hiện hữu đặt nền cho những hữu-thể ». Còn hiện-hữu thì đặt nền trên cái gì ? Nó không có nền, mà bởi vì ta không thể thấy một hình mà không thấy hình đó ở trên một nền, cho nên ta không thấy được hiện hữu. « Xét như hiện-hữu là nền để đặt nền thì nó không có nền, *Pour autant que l'être « est » fond qui fonde, et seulement pour autant, il n'a pas de fond.* » *(Le Principe de raison,* trang 239).

May thay, thi-gia là người còn nhớ vết chân của hiện-hữu khi nó trốn đi. « Các thi-gia là những người ca hát cách trịnh-trọng cái bài ca của thần-rượu : các ông *còn nhớ vết chân* của chư thần khi trốn khỏi. Thi-gia là những người còn đứng trên những vết đường kia và họ trỏ cho lũ người phàm chúng ta là anh em họ cái nẻo tìm về đó » (*Chemins,* trang 222). Thoạt nghe đến « bài ca của thần rượu », có người đã nghĩ đến vẻ tầm thường của « bầu rượu túi thơ »; còn chúng ta, những người đã hiểu Thi-ca là « sáng tác (poiêsis), là gọi tên những sự vật bằng đúng tên của chúng, thì không bao giờ chúng ta nghĩ rượu đây là rượu « đế ». Thực ra, Heidegger không nói say rượu, nhưng chỉ nói « bài ca của thần rượu » (le dieu du vin). Vậy ông chỉ có ý nói đến sự xuất-thần, sự say sưa tinh-thần nó làm cho thi-gia thoát ra ngoài cảnh « thường-nhật » của phàm nhân, để *tiếp-thông* với giới thần-linh, nơi mà còn che giấu những cái người phàm chúng ta không có khả-năng nhìn thấy.

Con người ta chỉ biết sống trong « cái thường-nhật », không còn biết « bỡ-ngỡ ». Mà bỡ-ngỡ là điều-kiện để có tri-thức. Platon và Aristote cũng đã coi bỡ-ngỡ là điều-kiện phát sinh tri-thức và khôn-ngoan. Nếu phàm

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nhân không còn biết bỡ-ngỡ, thì các ông triết-gia lại càng không còn khả-năng bỡ-ngỡ : Heidegger coi bọn triết-gia như những người sống lẩn quẩn trong cái đồng quan-niệm rỗng, không còn biết nhìn thêm cái chi nữa. Mà họ có nhìn *cái gì* bao giờ đâu ? Họ chỉ loay hoay tháo và sắp những quan-niệm và phạm-trù. Như thế, cả bọn phàm nhân, cả bọn triết-gia, cùng đã bị cắt đứt, không còn tiếp-thông với hiện-hữu nữa : vì thế không bao giờ họ biết đường tìm về hiện-hữu; họ chỉ sống trong những hữu-thể hoặc những quan-niệm về các hữu-thể đó. Theo Heidegger, chỉ những thi-gia là còn giữ được lòng ngây thơ như trẻ em; chỉ thi-gia còn biết bỡ-ngỡ, biết tìm hiện-hữu cho phong-phú thêm; chỉ thi-gia là còn biết đến cái kho vô-tận của thế-giới, vì chỉ mình họ còn giữ được mối *tiếp-thông* mà thôi. Bởi mình họ còn giữ được mối tiếp-thông, cho nên chỉ mình thi-gia có thể đi tới miền « ẩn náu » của hiện-hữu ». Vì thế Heidegger viết : « Lời ca là hiện-hữu. Tuy nhiên ít khi có được lời nói nhiều, bởi vì chỉ có những ai dám liều nhất mới có thể nói lên những lời như thế. Lời ca khó đấy, vì ca không phải là tham-vọng, nhưng ca là hiện-hữu. Đối với thần Orphée (thần Thi-ca) là vị thần cư ngụ liên viễn nơi Cái-đã-được-khai-minh (das Offene), thì ca hát là truyện dễ quá; nhưng không dễ cho con người » (*Chemins*, trang 258). Lời ca là hiện-hữu, *Le chant est existence.* Và thần Orphée ca hát như chơi, bởi vì thần luôn luôn ngồi nơi khai-độ (die Offenheit) : như vậy thần Thi-ca là vị thần tiếp-thông không ngừng với hiện-hữu và bản-chất vạn vật. Khác hẳn chúng ta, những con người phàm, chỉ bám vào những hữu-thể, những sự vật.

Nhờ mối tiếp-thông đó, chỉ mình thi-nhân là người còn giữ được nguyên tuyền bản-chất của Dasein là « biểu-lộ bản-chất của hữu-thể mà nó là, và hữu-thể không phải là nó ». Bao lâu con người còn là *Da-sein*, nghĩa là đối-diện với thế-giới, thì bấy lâu con người giữ được bản-chất đích-thực của mình. Nếu không nó sẽ sa đọa trong « cái thường-nhật » và « tính-chất dụng-cụ » của vạn vật. Vì « thế-giới » trong triết-học Heidegger không bao giờ có nghĩa là tổng-số những sự vật và những hữu-thể, nhưng luôn luôn nó có nghĩa là « toàn thể những hiện-tượng, la totalité des phénomènes » (*Qu'est-ce que la Métaphysique ?* Gallimard 1951, trang 79) : vì thế « bản-chất của thế-giới lệ-thuộc vào bản-chất của Dasein » (*Sd*, trang 88). Cho hay : Dasein vừa là bản-chất của con người xét như nó là một hữu-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tại-thể, và Dasein cũng chính là cái phần thế-giới hay cái thế-giới mà khai-độ đã cho phép con người tiếp-thông.

Vì thi-nhân còn giữ được bản-chất chính-thực của con người là tiếp-thông và biểu-lộ bản-chất mình và bản-chất vạn vật, cho nên Hölderlin mới viết : « Con người ở trên đất này như thi-gia, *L'homme habite en poète sur cette terre* ». Chữ « đất » đây cũng không nên hiểu theo nghĩa thông thường. Phải hiểu nó theo danh-từ đặc biệt của Heidegger; mà trong danh-từ đó, thì « đất » là cái « nền bị che đi », và « thế giới » là cái chỉ xuất-hiện trên nền đó. Heidegger còn gọi đất là phần giữ lại (réserve) và thế-giới là chỗ khai-quang (l'éclaircie) : như thế, « thế-giới » cũng chính là Cái-được khai-minh, và Đất là phần còn giữ lại cho bí ẩn. Trong ý đó, Heidegger hay gọi sự xuất-hiện của Cái-được-khai-minh trên nền Cái-giữ-lại là : cuộc tranh đấu giữa Đất (terre) và thế-giới (monde). Sau khi đã hiểu chữ «thế-giới » của Heidegger đồng nghĩa với chữ hiện-tượng và xuất-hiện, và chữ « đất » đồng nghĩa với chữ nền (nền tảng, nền ảnh), chúng ta có thể đọc câu này của ông để hiểu sự xuất-hiện của hiện-hữu : « *Thế-giới* hình-thành làm xuất-hiện cái mà trước đây còn bất-định và chưa có chu-vi. Như vậy *thế-giới* mở ra, và một *đất* đồng thời cũng khai-lập » (*Chemins*,, trang 49). Heidegger coi đó là bản-chất của công-trình sáng-tác.

Như vậy chỉ mình thi-gia có khả-năng làm xuất-hiện những cái gì mới, vì chỉ mình ông có quyền gọi ra ánh-sáng những hữu-thể còn nằm trong bất-định của « đất », tức của « cái-giữ-lại » (la réserve). Và chúng ta có thể kết luận phần này bằng câu sau đây của Heidegger : « Ca ngợi những vẻ của trời đất, thi-nhân gọi tên cái sẽ làm suất-hiện những gì còn ẩn-hiện, mà vẫn giữ nguyên bản-chất ẩn-hiện cho chúng ». (*Essais et conférences*, trang 240). Thi-nhân là người có quyền gọi vạn vật bằng tên đích-thực của chúng; cái ấy đã đành; nhưng thi-nhân còn có khả-năng gọi ra ánh-sáng những cái gì còn ẩn-hiện. Và cái thiên-tài của thi-nhân là « gọi những cái ẩn-hiện đó mà vẫn giữ đúng bản-chất ẩn-hiện của chúng ». Nếu ta nhớ Heidegger thường quan-niệm hiện-hữu như cái gì không gọi tên được, như « nền không xây trên nền nào nữa », thì chúng ta có thể nghĩ rằng đây là chỗ Heidegger quyết : chỉ thi-nhân là người tiếp-thông được với hiện-hữu..

Và một triết-gia chủ-trương một triết-học hiện-hữu như Heidegger, tất nhiên sẽ coi sự tiếp-thông với hiện-hữu này của thi-nhân như con đường duy-nhất để « trở về với nguồn suối của hiện-hữu ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Phải chăng bản-chất Thi-ca là thế ?

Phải chăng quan-niệm Thi-ca nơi Heidegger không bao giờ xa quan-niệm sáng-tác đích-thực (poiêsis), và không bao giờ xa quan-niệm cuộc lân la trở về nguồn suối hiện-hữu, trở về qua con đường tiếp-thông với hiện-hữu của Thi-ca ?

Thực là mỉa mai, nếu chúng ta hiểu Thi-ca là những tưởng-tượng vu-vơ hoặc những rên rỉ bất lực. Một người thích làm văn-chương như Sartre mà cũng phải tức tối khi nghe những thứ văn chương rên rỉ đó: « Một bên, văn sĩ viết, ca hát, rên rỉ; một bên, người ta cho tiền họ. Nói đúng ra, người ta đã chỉ cấp dưỡng văn-sĩ để nghe bọn này rên-rỉ », *(Sartre, Situations* II, trang 9).

Phải lên cao hơn, cao lắm, mới tìm thấy loại Thi-ca mà Heidegger coi như có khả-năng vén màn cho ta thấy sự hình thành của hiện-hữu, cũng như phải đi sâu hơn bình-diện của những hữu-thể, sâu hơn bình-diện của hiện-sinh, thì chúng ta mới trông hé nhìn thấy lãnh-vực ẩn-hiện của hiện hữu.

TRẦN THÁI ĐỈNH

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Hài hước trong tư tưởng Socrate

DUNG ĐẠO

*« **Hài hước** là biểu hiệu của lành mạnh.*
*Trái lại bất cứ **Tuyệt đối** nào cũng đều thuộc bệnh lý cả ».*
(L ironie... signe(s) de santé.
Tout absolu relève de la pathologie)
Nietzsche : Par -delà le bien et le mal, 154.

Theo quan niệm thông thường, Hài hước là một thái độ không đứng đắn, đáng cho người ta phì cười. Ở đây Hài hước thường hoàn toàn bị đồng hóa với khôi hài. Chàng hề là tượng trưng cho lối sống không đứng đắn này. Trái lại, Nghiêm nghị nói lên một cái gì đoan trang, trịnh trọng của những con người đứng tuổi, có giáo dục, lễ độ và giầu kinh nghiệm ở đời.

Nhưng nhờ ánh sáng của lối tư tưởng độc đáo của Socrate chủ trương ta sẽ nhận ra đâu là giá trị của Hài hước và đâu là giá trị của Nghiêm nghị. Nếu vậy, ngược lại với quan niệm thông thường, ta sẽ thấy nhan nhản những con người tự xưng là Nghiêm nghị, nhưng Nghiêm nghị của họ chỉ là một thứ Hài hước phì cười. Trái lại hình ảnh con người Hài hước lại rất hiếm họa và quý hóa. Thực vậy bất cứ cuộc đời của ai cũng đều trải qua những giờ phút sống nghiêm nghị, khe khắt. Trong những lúc đó mỗi người thường ra cho mình những kỷ luật đanh thép phải thi hành để đi tới kết quả mong muốn. Câu ngạn ngữ của Âu châu : « Ai muốn đạt tới mục đích, thì phải dùng phương tiện » được triệt để thi hành ở đây. Lối sống Nghiêm nghị này không phải chỉ có những con người đứng đắn mới thực hiện, trái lại cả những con người thường bị coi là không đứng đắn « phóng đãng » như chàng Si tình Don Juan cũng có thể tự xưng là Nghiêm nghị. Vì muốn chinh phục được những « vẻ đẹp », chàng cũng phải cố gắng, khắt khe mới đạt tới được kết quả. Ngay trong câu nói căn bản của chàng, sức cố gắng nghiêm nghị cũng xuất hiện khá rõ rệt. Chàng nói : « Tôi muốn chạy rảo qua trong trận bão hoang đường tất cả cái vòng đai thần diệu vĩ đại gồm những hình ảnh đàn bà kiều diễm, mầu sắc. Hỡi bạn, tôi muốn bay lượn khắp không gian, chỗ nào có sắc đẹp chớm nở để quỳ xuống trước mỗi sắc đẹp, để chiếm đoạt được nó dù trong giây lát nào thôi. Tôi muốn không bao giờ thỏa mãn, để tâm hồn tươi trẻ luôn mới hy vọng phụng sự được sắc đẹp».

La Rochefoucauld còn mô tả một hình thức nghiêm nghị khác và coi nó là « một huyền nhiệm người ta sáng nghĩ ra để trang hoàng cho thể xác, và như thế là để che dấu những khuyết điểm tinh thần » (un mystère du corps

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

inventé pour cacher les défauts de l'esprit). Thực vậy thứ nghiêm nghị này xuất hiện ngay ở thể xác và duy có ở thể xác mà thôi. Mỗi khi nhìn vào thể xác họ với những y phục, huy-chương, nghi lễ bên ngoài... chính những con người mang chúng cũng ngỡ rằng như thế là họ đoan trang, nghiêm nghị và long trọng. Và thực vậy, với những hoàn cảnh xung quanh con người họ trong những trường hợp xuất hiện nơi công chúng như vậy, ai lại không cho họ là đoan trang, nghiêm nghị ? Nhưng có lẽ họ chỉ nghiêm nghị và « long trọng » có cái « thể xác », có cái vỏ ngoài và cũng chỉ « huyền nghiệm » có ở đó mà thôi. Nghiêm nghị ấy là của những người mà công chúng gọi là « Vĩ nhân » của họ. Nhưng trước những con mắt tinh đời thời họ chỉ là những « con ruồi bay vi vu ngoài các công trường » hay những « chàng hề đoan trang » (bouffons solennels) Nietzsche.

Hình thức nghiêm nghị này rất dễ nhận định, vì nó xuất hiện một cách quá tự nhiên và lồ bịch qua những con người vị hình thức.

Nhưng ngoài ra còn hai hình thức nghiêm nghị khác có vẻ tế nhị hơn khó nhận định hơn. Chúng là đích điểm mà phương pháp Hài hước của Socrate muốn nhằm đả phá một cách trực tiếp hơn. Vì cả hai đều hướng về một sức căng thẳng, khe khắt, tuyệt đối. Nên Hài hước sẽ là phương thuốc đánh rùn sức căng thẳng ấy. Vậy lối sống nghiêm nghị thứ nhất có thể mang tên là *Nghiêm nghị có tính cách Đạo đức.* Lối đạo đức này thể hiện đúng nguyên tự Hy-lạp tức động tự *aúo*. Động tự ấy có nghĩa là « đốt cháy » hay « bốc nóng phừng phực ». Do động tự ấy người ta dịch ra những danh từ như « austère » và với đồng nghĩa của nó là « sérieux ». Vậy nguyên tự này gồm ý tưởng : chua cay hay vắt vả và sau cùng có nghĩa tiêu cực tức cái gì không có chất dịu ngọt. Như trong Đối thoại Théètète (178 c), Platon đặt « khe khắt » (austeron : austère) đối lập với « ngọt ngào », « đường mật » (gluku : doux, sucré) (VI. Jankélévitch : L'austérité et la vie morale, trg. 51). Nghiêm nghị này nhằm mục đích tự nội; nói khác đi, Nghiêm nghị để mà Nghiêm nghị vì Nghiêm nghị, chứ không nghiêm nghị để đạt tới mục đích khác tức cái gì không phải Nghiêm nghị như trên kia đã nói. Ở đây nghiêm nghị là một cách thái ở đời hay tự công nhận mình là mình đối với người khác và đối với cả chính mình. Nên nếu muốn phân tích nó cho đúng thời ta chỉ được quyền đứng trong chính nó, chứ không được coi nó qua những lối đánh giá riêng biệt của hệ thống này hay hệ thống kia. Lối sống nghiêm nghị này xuất hiện rõ rệt trong chủ trương Đạo đức khe khắt của Kant, của các tăng lữ, của Thanh giáo phái (Puritanisme) và phái Jansénisme, của thầy bói, của chính trị gia hay của cán bộ Việt-cộng... Những con người ấy đối lập với tất cả mọi cái gì Hài hước, khôi hài, không đứng đắn, vì khôi hài xuất hiện là khi nào con người đồng ý chạy theo những gì hào nhoáng, sặc sỡ, phóng túng, nhất thời như bầy ong bướm vật vờ trên những nhụy hoa hay như bệnh tình Nghiêm nghị của Don Juan. Trái lại, Nghiêm nghị ở đây chỉ có thể thực hiện được là nhờ ở một hy sinh đau đớn. Hy sinh ấy cần thiết để kiềm chế bản năng ngông cuồng. Những kỷ luật sắt phải được đem ra áp dụng. Kant gọi kỷ luật ấy là « phải thế này... phải thế kia... » hay « phải làm thế này... phải làm thế khác... » (Pflicht : devoir) theo lối Đạo-đức mà Nietzche gọi là « Tu dois » thay vì « Je veux ». Ở đây, không còn được sống phóng đãng,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

du đảng như những con người chạy theo con đường Hiếu mỹ, trái lại phải tập trung lực lượng, để chúng khỏi bị tiêu hao vào những gì *đa tạp* bên ngoài. Nói khác đi, ở đây *Đa nguyên* (le pluralisme) phải được thay thế bằng *Nhất nguyên* (le monisme). Lối tập trung này không khác với lối « suy niệm trong tôn giáo » bao nhiêu, vì muốn suy niệm thì một đàng, phải biết thu hồi phóng tâm tức là trở về với nội tâm; một đàng, cùng với nhịp trở về ấy, phải cố gắng vươn tới trạng thái đơn giản (nhất trí) của tinh thần (Malebranche). Hơn nữa, tinh thần Đạo đức nghiêm nghị này còn có thể so sánh với tính cách *khổ tu khe khắt* (ascèse) để nhờ đó con người tín hữu trở về với Thiên chúa như một cứu cánh duy nhất của cuộc đời (St. Augustin) hay như ước vọng *hiệp nhất* của các Đạo sĩ Yogi. Nói tóm, lý tưởng của lối sống này là làm sao thực hiện được một *nề nếp nhất trí*. Nhưng nhất trí ở đây tựu trung sẽ chỉ là *nhất luật* (uniformité) : bao nhiêu tính cách phức tạp của con đường sống đều phải được thâu dồn vào có *Kỷ luật* không khác gì một nhạc sĩ điên muốn biến mọi giọng hát, âm thanh trầm bổng muôn điệu thành một khúc hát *nhất điệu* (mono-tonie).

Nhất điệu, nhất luật này chính là điển hình chung cho mọi loại người sống kiểu Đạo đức nói trên. Họ là những con người muốn tổ chức cuộc đời của họ thành một trật tự an toàn, một hình thức duy nhất, tuyệt đối. Bất cứ hoàn cảnh hay biến cố nào đều phải phục tòng một khuôn thước nhất định. Những khuôn thước ấy một khi đã được thiết lập một lần là xong. Chúng phải có giá trị một cách vô điều kiện, không biến cố nào lay chuyển nổi, hay không bao giờ được hoài nghi, tra vấn về giá trị tuyệt đối của chúng nữa. Con đường sống ấy là con đường của những con người tu đạo chỉ sống và chết vì « lề luật ». Bất xét hoàn cảnh họ chỉ khư khư tuyên bố rằng : « Kỷ luật tuy khe khắt thật, nhưng đã là kỷ luật thì phải là kỷ luật ! » (Dura lex tamen est lex !) và đứng trước kỷ luật ấy, con người chỉ có việc phủ phục như « thây ma » (tanquam cadaver!).

Đó là một thứ *mệnh lệnh tối thượng* (impératif catégorique) hay « kỷ luật nhà binh » hay một cơ máy tự động.

Như thế cuộc đời của mỗi cá nhân phải được rập mẫu của một khuôn thước ngoại tại. Khuôn thước ấy là mẫu mực đo bất cứ hành vi nào của cá nhân. Do đó, cuộc sống phải đều đặn, mực thước, liên tục mãi mãi. Kant đã là điển hình của lối sống ấy. Mỗi buổi chiều ông đã cứ đi dạo vào một giờ nhất định, thường xuyên đến nỗi dân chúng Koenigsberg cứ theo đó mà xoay đồng hồ họ cho trúng. Lối sống càng mực thước bao nhiêu thời càng rập mẫu một « Hòa âm tiền định » (Leigniz) bấy nhiêu.

Nói tóm, tính cách cốt yếu của Nghiêm nghị ở đây hệ tại ở việc hợp lý hóa thời gian sống thực : mỗi hành vi, mỗi cử chỉ, mỗi quyết định đều phải được thích nghi vào mỗi điểm thời giờ đồng tính với nhau. Nếu vậy, thời gian sống không còn tương lai hay dĩ vãng nữa, nghĩa là không còn thể sửa đổi, cải thiện hay nắn đúc được. Mọi viễn tượng đã bị đóng cửa cả. Hơn nữa, cả hiện tại sống thực cũng không còn lý do tồn tại nữa, vì sống thực trong hiện tại bao giờ cũng ngầm chứa bao nhiêu bất ngờ và bấp bênh. Nhưng trong lối sống nghiêm nghị đồng loạt, nhất luật đây thời gian chỉ còn bị nhuộm đầy một mầu xám ngoách, mất hết sắc thái của sống thực. Hay nói cho đúng, đời sống đã trở thành vô thời gian. Lối sống của nhân vị ngôi thứ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nhất đã trở thành lối sống ngôi thứ ba : sống là sống trào ra ngoại tại, theo như Kierkegaard đã mô tả: «Trong lối sống Đạo đức này, mỗi cá nhân chỉ cần lột trần hết nội tâm tính của họ đi để rồi biểu thị nó trong một cái gì ngoại tại».

Nghiêm nghị không những phủ nhận thời gian sống thực mà còn phủ nhận cả sử tính trong mỗi hiện sinh. Vì sống thực thiết yếu phải là sống bằng « dự phóng » (Entwurf) : « Yếu tính của con người chính là hệ tại ở hiện hữu của họ » (Heidegger). Nhưng lối theo kỷ luật (lối vâng lời mù) đã biến tính cách dự phóng kia thành một « bản sao » y nguyên, có thể sao đi sao lại trăm ngàn lần. Tính cách sáng tạo của dự phóng bị xóa nhoà trong mô phạm khách quan. Nên sống ở đây không còn là sống thực mà là « đào ngũ » đối với đời sống. Nệ vào lề luật, vào nhiệm vụ phải thi hành: « phải thế này ... phải thế kia... » (Pflicht của Kant) vì lề luật dạy, không còn được sai thù, suy vi mảy may, đó chính là hiện sinh thoái vị đàng sau kỷ luật. Có lẽ những con người thường muốn thoát ly chính mình trong kỷ luật « nhà binh » hay « nhà tu » là chính những con người « đào ngũ » đó. Như thế họ tự hủy diệt chính mình trong kỷ luật ngoại tại. Simone de Beauvoir đã nhận xét về lối sống nghiêm nghị ấy như sau : « Mỗi khi sống nghiêm nghị theo kiểu đó tức là khi tự do phủ nhận chính mình vì những chuẩn đích mà họ coi là uyệt đối ». (Il y a sérieux dès que la liberté se renie au profit des fins qu'on prétend absolues). (trong Les Temps modernes : Pour une morale de l'Ambiguïté. Novembre, 1946, trang 205).

Không những tự diệt trong kỷ luật, con người nghiêm nghị còn tự diệt trong đoàn thể, trong xã hội, trong đảng phái và trong tôn giáo ... Như thế con người nghiêm nghị là một con người đã bị đóng khung, không còn tiến triển. Từ đây họ phủ nhận chính mình và phủ nhận cả thế giới họ sống, nên không lạ gì mà họ dễ trở thành độc đoán, cuồng tín, bạo động, như Simone de Beauvoir còn nhận xét thêm rằng : « Con người Nghiêm nghị rất nguy hiểm nên không lạ gì mà họ trở thành độc đoán » (l'homme sérieux est dangereux, il est naturel qu'il se fasse tyran). (sd, trg. 394).

Sau đây còn một hình thức Nghiêm nghị nguy hiểm và trầm trọng hơn. Trong lịch sử tư tưởng Âu châu từ buổi sơ khai thái độ Hài hước của Socrate đã xuất hiện một cách sáng sủa trên màn ảnh của một lập trường Nghiêm nghị rất lố bịch, ngạo nghễ và kiêu hãnh nhất. Lối nghiêm nghị này có thể tạm gọi là *Nghiêm nghị theo quan điểm lý thuyết*. Các *Ngụy luận gia* (Sophistes) là tượng trưng cho loại nghiêm nghị này. Ở Nhã-điển đồng thời với Socrate, ông đã thường phải chạm trán với một số tư tưởng gia chuyên môn dạy về Tri thức, và Hùng biện. Họ là những người không bao giờ cảm thấy mình hụt lý : luôn luôn họ tự xưng là những Giáo sư có thể trả lời bất cứ câu hỏi nào; không bao giờ họ biết do dự hoài nghi hay suy nghĩ tra vấn cả. Họ tuyệt đối chắc tâm với chính mình và với con đường họ đi. Con đường ấy họ coi là con đường vương giả. Trong các Đối thoại của Platon, những nhân vật ấy thường xuất hiện như những đối phương của Socrate : Hippias tự xưng mình làm được tất cả. Protagoras coi mình là một giáo sư dạy mọi nhân đức. Euthyphron là một chàng đạo đức rởm đủ lối. Callicles và Thrasymaque là những người tưởng mình có thể xây dựng được một nền đạo đức học và chính trị học trên quyền lợi của

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

kẻ mạnh... Nói tóm, họ là những con người sống trong tự mãn, trong thủ cựu. Jankélévitch gọi họ là những người sống trong « trạng thái khoái ý khờ khạc của Vô thức » (« euphorie » béate de l'inconscience). Như thế họ không còn biết mình sống thế nào nữa. Họ đã đánh mất hẳn thái độ Hoài hước, nghi vấn. Nên Socrate mới nhắc nhở ta đừng vội nghe theo trật tự giá trị mà các Triết gia rởm ấy đề nghị, vì họ là những người lấy làm nghiêm nghị những trật tự nào hay chân lý nào họ đã sáng nghĩ hay thiết lập ra, thế rồi họ tôn trọng trật tự và chân lý như những tuyệt đối và cũng muốn cho mình được tôn trọng vì trật tự và chân lý ấy. Trong Đối thoại Hippias major, một lần chính Hippias đã dám khoe mẽ với Socrate rằng : « Nếu ông biết tôi đã kiếm được nhiều tiền như thế nào... thời ông sẽ rất bỡ ngỡ. Đây tôi chỉ kể ra một trường hợp : một lần kia tôi đi Sicile, lúc ấy Protagoras cũng đang ở đó; ông ta đang được đề cao; nhưng vì ông đã khá già, còn tôi tuy bấy giờ hãy còn trẻ hơn ông ấy nhiều, thế mà tôi đã kiếm được hơn 150 đồng (mines) và hơn 20 đồng nữa ngay trong một địa hạt nhỏ bé như Incyos. Khi về quê, tôi đem món tiền ấy tặng cha tôi. Thấy thế, cha tôi và tất cả các người đồng hương của tôi đều bỡ ngỡ và tấm tắc khen lao. Nên tôi *chắc chắn* rằng : một mình tôi còn làm ra tiền *gấp hai nhà Ngụy luận* hợp lại. Hai người đó cho ông muốn chọn ai thì tùy ý » (282 tiếp).(Xem thêm Cratyle: 384 b).

Thái độ Nghiêm nghị của các Ngụy luận gia ấy còn thể hiện một lần nữa trong Đối thoại Ménexène, khi ông này nêu lên kiểu mẫu lý tưởng cho tất cả các bài Điếu văn xưa, hiện nay và sau này. Những Điếu văn ấy phải được đọc trước tất cả các mộ người chết ở mọi xứ sở. Qua bài mô tả và lên án của Socrate, ta sẽ dễ nhận ra thái độ *tự-phụ* của họ lên tới mực độ nào. Socrate nói : « Hỡi Ménexène, thực ra, hình như chết ở chiến địa thì được nhiều lợi, vì được chôn táng linh đình và long trọng, mặc dầu lúc chết mình rất nghèo nàn. Hơn nữa, mình còn được các vĩ nhân danh tiếng ca tụng, mặc dầu lúc sinh thời mình đã chẳng có công trạng gì, vì những vĩ nhân kia là những người không ca tụng bừa bãi, trái lại, họ sửa soạn những điều văn của họ rất cẩn thận. Họ có những thuật ca tụng rất khéo léo, vì họ có thể gán cho mỗi người những đức tính họ có và cả những đức tính họ không có. Họ gợt dũa lời nói của họ bằng những danh từ rất bóng bẩy có thể mê hoặc tâm hồn ta. Họ ca ngợi Quốc gia bằng muôn ngàn cách và ca tụng người chết vì chiến tranh, rồi ca tụng tất cả dòng giống các tổ tiên đã đi trước và ca tụng cả chính chúng ta là những người còn sống nữa. Khi nghe những lời ca tụng của họ, chính tôi đang nói với ông đây, hỡi Ménexène, cũng cảm thấy được nâng cao do những lời họ ca tụng và mỗi lần đứng đầy, chăm chú nghe như bị mê hoặc, tôi cũng tin tưởng như bỗng nhiên tôi được tâng bốc lên, hãnh diện hơn... Đứng trong trường hợp ấy, tôi không thể không tin tưởng rằng : tôi đang sống trên những Quần đảo của các Đấng Diễm phước. Được thế chính là nhờ ở các nhà Hùng biện đại tài của chúng ta » (234 c).

Theo lời tố cáo trên đây thái độ nghiêm nghị của các nhà Hùng biện là ở chỗ họ đã muốn biến các Điếu văn của họ thành những kiểu mẫu đời đời, thiết lập một lần là xong. Như thế họ đã lên án một cách tiên thiên những

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

gì là sáng kiến cá nhân, vì họ đã muốn nhốt chúng vào những giới hạn chật hẹp của những hình thức Hùng biện và tư tưởng khách quan trống rỗng. Thái độ Nghiêm nghị ấy còn truyền tụng qua dòng lịch sử Triết học Âu-châu trong những Hệ thống Triết học và Tôn giáo lớn. Ngoài các Vũ trụ luận đồ sộ của học phái Ioniens và chủ trương Nhất nguyên « ngạt thở » của Parménide, còn biết bao Hệ thống Triết học khác cũng yêu sách một *tuyệt đối* nào đó để làm nền tảng cho lý thuyết của họ. Bergson muốn cho mỗi triết gia đều phải tìm ra được một thực tại tuyệt đối, để nhờ đó có thể vượt lên trên được mọi tranh luận giữa các môn phái. Nên có lúc ông đã hỏi rằng : « không biết có cách nào tìm ra được một thực tại một cách *tuyệt đối* thay vì chỉ có thể biết được nó một cách tương đối (...) ? Đó mới chính là Siêu hình học » (La pensée et le mouvant, trg. 206). Nên trong truyền thống Âu châu ra như Tuyệt đối đã trở nên của ăn thường nhật cần thiết cho mỗi triết gia, vì với họ, một triết học không tuyệt đối có lẽ sẽ là một mâu thuẫn tự nội. Tuy nội dung của danh từ tuyệt đối đã trải qua nhiều biến trạng khác nhau, nhưng chủ đích của mỗi nền triết học Hệ thống đã nằm sẵn trong danh từ tuyệt đối rồi, tức là mỗi triết học đều muốn xác định lãnh vực hoạt động riêng biệt của mình như một lãnh vực siêu việt tuyệt đối. Nguyên tự La-văn của danh từ Tuyệt đối vẫn ngầm ngầm nằm sẵn trong mỗi triết học, vì *Absolu* do *Ab-solutum* tức *Séparé* nghĩa là tách biệt hẳn với mọi cái khác. Tách biệt đồng thời còn có nghĩa là *Linh-thánh, Huyền-nhiệm* (Secretum, Sanc-tum). Như vậy cả ba danh từ : Absolu, Secret tức Sacré và Saint đều đã là đồng nghĩa với nhau trong nguyên thủy. Theo đó, tuyệt đối phản lập với mọi tương đối vì tương đối bao giờ cũng liên hệ với cái gì khác. Mà đã liên hệ thời không giấu kín được, mà đã không giấu kín được thời tất nhiên không bảo vệ được tính cách linh thánh, huyền-nhiệm. Vậy tuyệt đối chính là đối-tượng cốt yếu của siêu hình học. Dần dà về sau nhất là ở thế kỷ 20, do áp-lực của Duy kiện (positivisme comtien) của Đại học Pháp đã thay đổi danh từ Siêu hình học bằng danh từ *Triết học tổng-quát* (philosophie générale). Kiểu nói tuy mới, nhưng nó chỉ là phản ảnh của một phân tích rất xưa của Kinh viện học, vì học phái này đã phân chia ra một bên là *Siêu hình học chuyên biệt* (Metapysica specialis) bàn về Vũ trụ và Con người. Theo đó, Vũ trụ và con người được coi là những lãnh vực thực tại riêng biệt; một bên là *Siêu hình học tổng quát* (metaphysica generalis) bàn về Hữu thể tổng quát và những điều kiện tổng quát để đi đến tri thức theo kiểu « Triết học đệ nhất » (philosophie première) của Aristote. Nhưng đối tượng của Siêu hình học này không tổng quát theo nghĩa trừu tượng mà thôi, trái lại nó còn đặt đối lập *thực tại tuyệt đối* của Hữu thể tối cao với tất cả các *thực tại đặc thù* khác, vì những thực tại sau là tương đối cả. Cũng vì thế mà triết học đệ nhất của Aristote và Kinh viện học cũng mang tên là Thần học. Như vậy mục đích của Siêu hình học tổng quát là phải đứng ở quan điểm Thiên chúa vô thời gian mà nhìn toàn diện vũ trụ thời gian. Chỗ đứng của nhà triết học là ở quan điểm của vì sao Sirius. Đó mới là điểm tuyệt đối. Vậy tuyệt đối chính là nhìn con người và vũ trụ theo quan điểm của Thiên chúa : cung thánh *linh thánh huyền nhiệm* vô song.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nhưng về sau Siêu hình học tổng quát ấy lại đánh mất cả quan điểm tuyệt đối của mình, nghĩa là thay vì lấy Thiên chúa làm quan điểm tuyệt đối thời các triết học Hệ thống về sau lại lấy Hữu thể, Siêu việt và nhất là Lý trí... làm Tuyệt đối. Gusdorf đã nhận định tình trạng ấy một cách tinh vi qua những lời sau đây. Ông viết : « Tuyệt đối chính là lãnh vực Hữu thể (hiện hữu) của nhà Triết học kể từ Platon trở đi. Tất cả mọi triết học đều khởi đầu bằng việc cầu cứu tới một Thực tại siêu việt vượt lên trên thân phận con người. Thực tại siêu việt ấy sẽ mang lại cho vũ trụ tất cả ý nghĩa của nó ». Descartes, Spinoza và Hegel đều đã làm thế cả. Nhất là Hegel vì ông này tin tưởng sẽ mang lại cho ta mọi bí quyết bằng quan niệm « Tinh thần tuyệt đối » của ông. Nên với ông, bất cứ giai đoạn tiến triển nào hễ còn đứng trong tương đối đều phải được vượt qua cả, để sau cùng có thể vươn tới được đỉnh cao nhất đó. Như thế Siêu hình học xuất hiện như một Luận lý học về Tuyệt đối theo kiểu Biện chứng pháp. Ông viết : « Luận lý học phải được quan niệm như một hệ thống của Lý trí thuần túy, hay như lãnh vực của tư tưởng thuần túy. Lãnh vực ấy là lãnh vực của chân lý như thế nó hiện hữu trong tự nội và vị nội, mà không có trá hình hay như dưới một vỏ bọc nào cả. Vì thế có thể nói được rằng : nội dung ấy là một biểu niệm của Thiên chúa y như nó hiện hữu trong yếu tính đời đời của nó, trước khi tạo dựng vũ trụ hay một trí khôn hữu hạn nào » (Science de la Logique, I, trg. 35).

Tuyệt đối ấy còn được Hegel biểu diễn bằng quan niệm *Toàn diện* (Totalité) và chỉ có trong Toàn diện ấy mới có sự *Nghiêm nghị* đích đáng. Kierkegaard đã nhận định ra điểm ấy và có một lúc ông đã đồng ý với Hegel mà chủ trương rằng : Toàn diện tuyệt đối là cái gì đã được tổ chức hẳn hoi, không còn gì luộm thuộm. Vậy Hệ thống là một toàn diện đã được tổ chức tự bên trong để đi tới tuyệt đối; trong đó mọi giây phút phải được hiểu biết tự bên trong, phải được bảo vệ và nâng đỡ do Hệ thống. Nên tất cả mọi sự kể cả các đức tính trong con người đều chỉ giữ được tính cách nghiêm nghị của chúng là khi chúng được xếp thành hệ thống và là nội dung của hệ thống. Như thế một khi tuyệt đối vượt ra ngoài những gì không *đứng đắn*, thời cũng phải vượt lên trên mọi liên quan với thân phận và quan điểm của con người. Nói một cách khác, Tuyệt đối mới là nghiêm nghị vì tuyệt đối mới là Hoàn hảo (le parfait), Hoàn tất (l'accompli), Độc-lập (l'autonome), còn tương đối là những gì không nghiêm nghị, vì bất hảo, vì bất toàn. Nên theo yếu tính của nó, ý niệm tuyệt đối phản lập lại mọi thực tại của con người và coi nó là những gì bất toàn. Tất cả những gì thuộc con người vì vậy cũng bị coi là khuyết điểm. Trái lại chủ đích của Siêu hình học là phải đạt tới được cái gì hoàn hảo, trọn vẹn. Vậy chỉ có Tuyệt đối là hoàn hảo, là Nghiêm nghị tột bậc. Nên Tuyệt đối phải được coi là định lý nền tảng của Siêu hình học. Masson-Oursel đã thâu tóm yếu luận Triết học của ông bằng một định nghĩa về *sự-kiện Siêu hình học* một cách tổng quát, phổ biến cho mọi truyền thống triết học như sau : « Có một tác động hay tác vụ Siêu hình học có thể đi kèm theo với tri thức lý luận hay trực giác, ít là cho tới khi gần đụng chạm được tuyệt đối (...). Vậy Siêu hình học là việc giảng nghĩa các hiện tượng (tương đối) bằng Tuyệt đối ». (Il existe un *acte* ou une *fonction*

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

métaphysique, susceptible de s'accompagner de connaissance discursive ou intuitive, au moins jusqu'aux approches de l'absolu (...). La *métaphysique* est explication des phénomènes par de l'absolu). Le Fait métaphysique, trang 43.

Về phương diện tôn giáo, ta cũng nhận thấy nhan nhản những thái độ Nghiêm nghị lý thuyết xuất hiện qua những chủ trương chỉ nại vào có truyền thống ngàn đời, vào những giá trị tuyệt đối của một « lý giới » nào đó, hay những thái độ độc tín vị vào những tranh luận lý thuyết suông có thể gây ra đổ máu tai hại. Jankélévitch đã nhận thấy sự kiện ấy như sau : « Trong tôn giáo cũng có một thứ *Duy lý* rất xa lạ với kiểu nói nhún » (ở đây hiểu là Hài hước) (Il y a tout un rationalis me religieux qui demeure étranger à l'esprit de la *litote*). L'Ironie... trg. 72-73 và trg. 5.

Nói tóm, Nghiêm nghị là muốn sống trong một tình trạng an ninh giả tạo (sécurité trompeuse des fausses évidences) hay muốn « an giấc trên tấm nệm êm ái của những chân lý cũ rích » (dormir sur le mol oreiller des vieilles certitudes) và trong Vô thức, nghỉ ngơi, hạnh phúc giả tạo (sd. trg. 4).

Nhưng thái độ nghiêm nghị bằng tuyệt đối là một thái độ nguy hiểm. Trên kia với nghiêm nghị Đạo đức, sự nguy hiểm đã khá trầm trọng, nhưng ở đây sự nguy hiểm xem ra còn trầm trọng hơn nữa. Cái nguy hiểm nhất của những con người nghiêm nghị là chỉ còn biết sống gắn liền với những chân lý mà họ coi là hiển nhiên đã sở hữu được một lần là xong, nghĩa là họ không còn biết *nghi hoặc*, tra vấn nữa. Ý thức đó là một ý thức đã bị ru ngủ, ứ đọng, khô đét, hoàn toàn bị hấp dẫn trong những tiếng đập của trái tim rồi. Ý thức ấy là một ý thức tự lừa dối chính mình. Hơn nữa, trong khi con người nghiêm nghị luôn luôn khiếu nại đến tòa án của tuyệt đối thời họ đã vô tình rơi vào một tình trạng độc đoán và độc thoại, vì tuyệt đối cắt đứt mọi liên lạc với cái khác (ab-solutum) và nhất là phá hoại công cuộc đối thoại giữa người với người. Vì đối thoại mới là nền tảng trên đó có thể thiết lập cộng đồng giữa loài người với nhau. Đối thoại, cộng đồng và thông cảm là những điều kiện thiết yếu để loài người gặp gỡ nhau về phương diện triết lý cũng như về phương diện tôn giáo. Cả trên hai bình diện Jaspers đã nêu ra những cái nhìn sâu sắc. Ông viết : «... Ngày nay, hoàn cảnh toàn diện của con người cũng như từ muôn thuở đối với ta có một sự quan trọng quyết liệt : tôi muốn tìm hiểu người khác trong sự chân thành nhưng không thể được; lòng tin tưởng của tôi chạm trán phải một tin tưởng khác biệt và, như thế, chính lại là lúc tôi chắc tâm về tôi nhất. Một đôi khi, lúc bị bế tắc, ta như phải cưỡng bách phấn đấu với nhau mà không hy vọng hòa giải. Trong trường hợp ấy chỉ còn một lối thoát: một là hàng phục, hai là bị tiêu diệt. Những con người ấy là những con người ủy mị và thụ động không có lập trường vững chắc, nên nếu họ có đồng ý với nhau thì cũng chỉ là một đồng ý mù quáng hay chỉ là thách thức đố kỵ nhau một cách cố chấp.

Tất cả những cái đó không phải phụ thuộc cũng không phải không quan hệ. Phải, những cái đó có thể là không quan hệ nếu tôi sống cô lập mà cũng có thể có được chân lý vững chãi và đầy đủ rồi. Sự đau khổ tôi cảm nghiệm thấy khi không thể thành thật thông cảm được với người khác, hay sự thỏa thích tuyệt vời trong khi thành thật thông cảm được với người khác,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cả hai đều không có nghĩa đối với tôi trên bình diện triết lý, nếu tôi chỉ bo bo vào chân lý riêng tư của tôi và sống trong một cảnh cô lập hoàn toàn, vững tâm tin tưởng vào chân lý của tôi. Tại sao thế ? Vì tôi chỉ tồn tại khi tồn tại *với kẻ khác* Một mình, tôi không là gì cả » (Triết học Nhập môn trg. 52).

Trái lại kẻ nào nại đến tuyệt đối tất nhiên là họ không muốn và không thèm nghe ai nữa. Rồi đến lúc cùng đường muốn biện hộ cho chân lý của họ, nếu họ có quyền bính trong tay thời không ngần ngại xử dụng những phương pháp tàn bạo. Không lạ gì mà trong lịch sử loài người thường thấy những lý thuyết gia tôn giáo, một khi đã dám tự phụ rằng mình nắm được trong bàn tay tất cả những tiểu tiết tỉ mỉ rất hiển nhiên của mọi tư tưởng Thần thánh, thời họ đã vô tình đánh mất cuộc giao hảo với loài người, hơn nữa họ còn đâm ra căm thù loài người bằng những tổ chức tôn giáo pháp đình. Nên trong phân tích Phân tâm học hiện sinh, Sartre đã mô tả những nguy hại của thái độ Nghiêm nghị và coi nó là kết quả của một ác ý. Và Nietzsche đã khéo tóm cả phần thứ nhất của bài này vào trong một câu vắn tắt đã trưng dẫn ở trên đầu : « Bất cứ một tuyệt đối nào cũng đều thuộc bệnh lý cả».

*
* *

Trái lại « Hài hước là biểu hiệu của lành mạnh » (Nietzche).

Thực vậy Hài hước là một thái độ căn bản đối lập lại với Nghiêm nghị. Hài hước đã đầu thai vào những bộ mặt vĩ đại trong lịch sử loài người. Nhưng nội dung sâu xa của nó ít được xác nhận. Trong truyền thống tư-tưởng Âu châu theo một vài khía cạnh nào đó, Socrate đã thể hiện được thái độ Hài hước ấy. Nhưng danh từ Hài hước dùng ở đây xem ra hơi hàm hồ, vì nói chung, (cả trong Pháp ngữ và cả trong Việt ngữ) nó thường có nghĩa nhạo báng, nhại chê ai : miệng nói khác mà lòng nghĩ khác, kiểu đọc chúc từ, « Compliment, ment » hay « Khẩu phật, tâm xà »...

Ngoài ra Hài hước còn có nghĩa là mỉa mai, châm biếm, chế riễu, (moquerie sarcastique), nói xấu, bôi nhọ ai. Sau cùng Hài hước còn là tra vấn, hỏi han. Nói đúng hơn tra vấn ở đây còn ngầm hiểu là *Nghi vấn* : có *nghi* ngờ, mà vì *nghi* ngờ hay hơn nữa để gieo *nghi* ngờ vào lòng người mình tra vấn, mới phải hỏi. Nói tóm, tuy trong tư tưởng của Socrate danh từ Hy lạp « Eironeia » phải hiểu là *Nghi-vấn* (hay cũng có thể hiểu là Tra vấn, Giả bộ...), nhưng bao giờ cũng vẫn ngầm chứa một khía cạnh đôi chút *mỉa mai, hài hước* đối với những đối thoại viên quá nghiêm nghị trong tự phụ chân lý của họ. Vì thực sự trong thái độ nghi vấn tức là nghệ thuật riêng của Socrate cũng có một điểm tương tự với khôi hài và hài hước. Trong nhận xét sau đây của Jankélévitch ta có thể nhìn thấy nét tương tự đó : « Giữa Nghệ thuật, Khôi hài và Hài hước có *một đặc điểm chung* liên kết chúng lại với nhau được, vì cả ba đều chỉ xuất hiện được là khi nào *sức sống căng thẳng đã chùn* » (Voici un trait qui les rapproche : l'art, le comique, l'ironie deviennent possibles là où se relâche *l'urgence vitale* (ở đây hiểu là thái độ nghiêm nghị : sức căng thẳng) (sd. trg. 1).

Vậy Socrate đã thực hiện thái độ Hài hước ấy như thế nào ?

Socrate thường nói : một Triết gia phải là một người Hài hước, (le philosophie ironise) tức là biết Nghi vấn. Lối triết lý viết bằng Đối thoại của Platon cũng là một khía cạnh thể hiện

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

được Nghi vấn một cách khéo léo. Nếu về sau Socrate và Platon đã không đi vào con đường thiết lập *học-thuyết Lý niệm* (théorie des Idées), thời có lẽ Triết lý của họ còn có thể dư âm một cách khác sâu xa hơn trong tư tưởng giới Âu châu. Và Nietzsche đã không phải gắt gao với hai ông đến thế. Tuy nhiên hầu hết các Đối thoại của Platon đều phản chiếu những khía cạnh phong phú của thuật Hài hước do Socrate chủ trương. Vì theo Socrate bất cứ một suy tư đứng đắn hay nghiêm nghị nào cũng đều cần phải được hài hước đi kèm theo. Nói một cách khác, một kiến thức xem ra đích xác, chân thực hay tuyệt đối tới đâu cũng còn cần phải được duyệt lại hay *tra vấn* lại. Cũng vì lý do ấy nhiều cuộc tranh luận triết lý trong các Đối thoại của Platon đều xuất hiện như những *Hài kịch* cả. Sau đây là mấy nét sơ họa phương pháp Hài hước Socrate thường dùng : mỗi Đối thoại trong Platon hầu hết đều bắt đầu bằng một định nghĩa hoặc về Chân (le vrai), Chính (le juste), Mỹ (le beau), Hiếu (piété). Lập tức một đối thoại viên — phần đông là Ngụy luận gia (Nghiêm nghị với mọi đặc tính của Nghiêm nghị) — hấp tấp, tự phụ, kiêu hãnh liền đề nghị ra một định nghĩa và họ công nhận đó là một định nghĩa xác đáng, không thể hoài *nghi* (vấn) được. Theo họ định nghĩa ấy không là gì khác hơn là một chân lý tuyệt đối không thể lay chuyển được. Vì thế mới thấy Socrate chống đối một cách ác liệt, tinh anh, hùng hồ, lắm khi như vũ bão. Hai bên chạm súng kịch liệt : lập tức Socrate trổ hết tài thuật Biện chứng Nghi vấn. Bắt đầu ông « giả bộ » công nhận định nghĩa của đối thoại viên vừa nêu ra một cách hớn hở, nhưng ông còn phân tích và diễn dịch cho tận rễ những hậu kết ngầm chứa trong định nghĩa ấy để nhìn nhận cho thật mặt nội dung của nó. Sau cùng ông mới hỏi lại đối thoại viên xem có phải định nghĩa đó là chính định nghĩa mà họ đã đề nghị ra không ? Trong khi Socrate phân tích và diễn dịch như vậy đối phương cứ theo dõi và công nhận những phân tích và diễn dịch của Socrate. Hơn nữa qua những phân tích và diễn dịch ấy, định nghĩa của họ xem ra càng ngày càng thêm sáng sủa hơn, có khi còn phong phú và sâu xa hơn họ tưởng.

Tiếp đó đột ngột Socrate ngừng lời về định nghĩa nói trên và ông bắt đầu tấn công : dựa theo hậu kết cuối cùng đã diễn dịch ra được ở định nghĩa của đối phương, ông vạch trần mâu thuẫn của nó ra. Như thế hậu kết này lại mâu thuẫn với định nghĩa khởi điểm. Đối phương thấy mình bị đẩy vào chân tường và hổ thẹn vì cái tội Luận lý sai tầy trời : tiền hậu bất nhất !

Lúc ấy nếu đối phương có thiện chí, thì Socrate kết luận rằng : định nghĩa khởi điểm không giá trị nữa và vì thế phải nêu ra một định nghĩa khác. Như thế, Socrate mới tiếp tục cuộc tranh luận, rồi kiểm thảo lại tất cả mọi định nghĩa mà đối phương nêu ra thêm về sau. Thường thường đối thoại không có kết luận, sau đó khi đối thoại viên còn đang lúng túng Socrate từ giã họ và hẹn tới lần sau sẽ có thể bàn lại vấn đề. Nhưng nếu là một đối thoại viên không còn đủ can đảm và thiện chí để tiếp tục đối thoại nữa thời đối thoại bị chấm hết dở dang ở đó. Gorgias là một Đối thoại điển hình : trong ấy Calliclès bị mắc bẫy, không còn đủ nghị lực và minh mẫn để đi vào dòng nghi vấn của Socrate nữa. Thế là ông ta phải đầu hàng.

Theo đó Hài hước của Socrate không được coi như một thuật châm biếm hay thái độ chỉ muốn bôi nhọ đối phương.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Romano Guardini đã nhận định rõ điều đó, khi ông viết rằng : « Hài hước của Socrate (...) không nhằm bôi nhọ người khác » (L'ironie socratique ne vise pas *à disqualifier* l'autre...) La mort de Socrate, Bản dịch Pháp, trg. 23-24. Hegel cũng coi Hài hước ấy là không chủ bụng giữ trịch thượng với đối phương. (Ce n'est pas la conscience d'être supérieur) Leçons sur l'histoire de la philosophie, t. II, trg. 164-165.

Trái lại, một trong những mục đích sơ khởi và căn bản của Socrate là dùng chính cạm bẫy của Ngụy luận gia để bắt họ, như Bergson đã nhận xét : « Thuật Hài hước mà ông (Socrate) mang theo với mình luôn có chủ đích là để hủy bỏ những ý kiến nào chưa được suy nghĩ chín chắn. Và trong khi đặt chúng mâu thuẫn với chính mình thời chúng liền cảm thấy xấu hổ... » (L'ironie qu'il promène avec lui est destiné à écarter les opinions qui n'ont pas subi l'épreuve de la réflexion et à leur faire honte, pour ainsi dire, en les mettant en contradiction avec elles-mêmes). Les deux Sources de la morale et de la religion, trg. 59. Như thế đối với Socrate cũng như với Newman sau này, sống trong nhàn lạc tức là sống trong một tình trạng nguy hiểm. (To be at ease is to be unsafe). Nên Hài hước của Socrate chống đối lại mọi thái độ lừng khừng, lầm lỳ, tọa vị trong Vô thức ngái ngủ và kiêu hãnh. Mà Nghiêm nghị dưới bất cứ hình thức nào cuối cùng cũng sẽ đi đến trạng thái muốn hưởng thái bình, an nhàn, tọa vị như thể cả. Đó là những đặc tính của một bệnh lý cả về thể xác lẫn tinh thần, một bệnh lười chỉ muốn náu mình trong an ninh, không còn nguy cơ, đột ngột bất ngờ chi nữa. Péguy đã coi « an nhàn » (tranquillité) và « tọa vị » (sédentarité) là những biểu hiệu nói lên thái độ nghiêm nghị. Ông viết : « Thực sự tất cả khuynh hướng vĩ đại (tức Duy trí) đã muốn *bắt ngừng trí khôn* lại như vậy là một nhu cầu muốn sống lười lĩnh an nhàn và chính là biểu thị của bệnh lười tinh thần. Vì trên hết mọi sự, họ chỉ muốn tọa vị » (En réalité, tout ce grand besoin de fixer l'esprit est un besoin de paresse et l'expression même de la paresse intellectuelle. Ils veulent avant tout être *tranquilles*. Ils veulent avant tout être *sédentaires*). Note conjointe sur M. Descartes et la philosophie cartésienne, Oeuvres complètes, t. IX, trg. 247-248.

Về phương diện tôn giáo, thái độ lười lĩnh trong « an nhàn » và « tọa vị » còn ăn rễ ngầm ngầm sâu xa hơn nữa. Có những tín đồ chỉ muốn ẩn thân trong những hình thức ngoại tại, những chân lý khách quan đã thiết định một lần là xong, nên chỗ họ có thể tọa vị được là đoàn thể, là tế tự, là giáo điều. Yếu tố đoàn thể chỉ có nghĩa trên bình diện xã hội, ở đây cá tính con người bị đóng khung, bị bóp chết ngạt, trong khi cậy dựa quá đáng vào đoàn thể và những « kỷ luật » của đoàn thể. Một cách nào đó, lòng tin tưởng của con người lại thể hiện hai hình thức đầu tiên của nghiêm nghị. Yếu tố tế tự thường liên hệ với yếu tố đoàn thể : tế tự ngoại tại với những nghi thức phức tạp cần có vì đoàn thể, nên tế tự hay thiên về y phục, về hình thức. Những yếu tố ấy là những gì khô khan, cứng nhắc làm cho con người có thể « liều mình » an nhàn, tọa vị ở đó. Hơn nữa, yếu tố giáo điều vì ngầm chứa những chân lý khách quan nên cũng có thể giết chết tín ngưỡng. Nói tóm, bất cứ một yếu tố ngoại tại nào cũng có thể giảm bớt sức phấn khích cố gắng trong con người và sau cùng đẩy con người vào một tình trạng mà Jaspers

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thường gọi một cách mỉa mai là « an nghỉ và thanh bình lười lĩnh » (Ruhe : repos, tranquillité). Vì theo ông trong tôn giáo cũng cần tới một thái độ Hài hước, thái độ đó ông gọi là « Niềm tin triết lý » (Foi philosophique). Chính vì thiếu Niềm tin ấy mà người ta mới thường rơi vào tình trạng an nhàn, tọa vị kia.

Đối với tất cả những loại người lười lĩnh trên, thái độ của Socrate rất cần thiết. Thái độ Hài hước gieo vào tâm hồn họ một băn khoăn, một sức căng thẳng, để gây nên ở đó một phản khích mới như Guardini đã mô tả : « Hài hước của Socrate chủ ý gây nên một băn khoăn và sức căng thẳng ở giữa lòng con người, để do đó mới phát xuất một phản khích mong đợi nơi chính đối thoại viên » (Son ironie cherche à créer un malaise, une tension au centre de l'homme, pour que de là procède le mouvement attendu, chez l'interlocuteur lui-même). sd. trg. 23-24

Nhìn sâu vào tư tưởng Âu châu ở thời Tiền-Socrate, người ta sẽ dễ nhận ra sự cần thiết của một con người như Socrate : một đàng những chủ trương Vũ trụ luận đồ sộ và Nhất nguyên độc đoán mọc lên nhan nhản, nhất là Nhất nguyên của Parménide. Ông này thường được coi là Thần Kronos của Triết học, chủ trương một học thuyết « mất máu » (exsangue, Nietzsche) muốn vò xé, rồi nuốt trửng cả những gì phức tạp ngay khi chúng vừa xuất hiện. Nên tất cả những gì là biến dịch, tha thể và phức tạp đều bị nuốt tiêu tán trong dạ dầy của Nhất thể cả. Chủ trương ấy là một thứ Nhất nguyên phàm ăn, một sức nặng đè chặt trên toàn thực tại ngoài Nhất thể. Vũ trụ hiện ra như một cảnh trời tiêu điều, tịch mạc của Ouranos, không còn một tia sáng của bỡ ngỡ, ngạc nhiên và băn khoăn nữa. Nhưng Socrate với khuôn mặt và chủ trương Hài hước đã biến đổi hẳn bộ mặt buồn tẻ của Nhã điển đi. Ông ta đùa bỡn với dân chúng, nên không lạ gì mà Schelling đã so sánh ông với Thần Dionysios — một vị thần trẻ trung đã mang lại cho Ouranos những giọng hát véo von và thanh âm nhộn nhịp để chế riễu những Vũ trụ luận và nhất là Nhất nguyên ngạt thở kia. Socrate ở đây giữ đúng vai trò của một triết gia tức là biết gây thắc mắc, băn khoăn cho những xã hội loài người chỉ muốn sống trong « an nghỉ » Socrate cũng như bất cứ triết gia thực thụ nào đều mang bộ mặt của một chú hề trong vai trò khôi hài của Shakhespeare nơi cung điện của các Đế vương. Họ là những đứa con nghịch ngợm và mâu thuẫn, chỉ biết gây thắc mắc, chỉ biết đặt lại vấn đề liên miên. Vì thế nhiều con người Nghiêm nghị chỉ nghĩ bụng rằng : đó chẳng qua chỉ là một lũ hề, không quan trọng và đứng đắn chi cả. Chính Socrate cũng đã bị người đồng thời coi là ông lang rong (charlatan), một chàng múa rối (jongleur), một anh phá đám (trouble-fête), một thầy phù chú (un être goétique). Số phận các Triết gia qua mọi thời đại cũng không khác gì ! Họ làm choáng váng, quay cuồng cả một đô thị, một xã hội kiên cố và có quy củ vững chãi. Tình trạng con người triết gia không bao giờ sáng sủa. Nếu họ sống xứng đáng với sứ mệnh của họ thời luôn luôn họ phải là một ý thức gây băn khoăn cho một xã hội đã có nền tảng vững chãi. Họ phải phê bình, phải hoài nghi những gì đã được coi là hiển nhiên tuyệt đối. Nietzsche đã có lý khi ông gọi nhà triết học là « bác sĩ của văn minh » (médecin de la civilisation). Xã hội dè dặt với họ, nhưng họ cũng phải giữ miếng với xã hội. Chính vì thế mà có nhiều triết gia phải mang mặt

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nạ để sống giữa trần thế. Ngay chính Descartes là một tượng trưng lớn nhất của Duy lý pháp, và là tác giả thời danh của Phương pháp luận mà cũng đã để lọt trong số các ghi chú của ông lúc còn thiếu niên một câu hầu như mâu thuẫn hẳn với lập trường cốt yếu của ông. Câu ấy là « tôi phải đi ra với một bộ mặt nạ » (larvatus prodeo : je m'avance masqué). Thú nhận đó là một thú nhận kỳ khôi đã có thể phát ra ở cửa miệng của một nhà Duy lý triệt để như Descartes. Nhất là ông còn là một con người rất tôn trọng trật tự và phép tắc xã hội, thế mà nhiều lần ông cũng đã phải đeo mặt nạ để sống, ví dụ lẫn trốn sang Hòa lan, do dự không muốn cho xuất bản những tác phẩm của ông, hay giấu giếm một vài điểm trong lý thuyết của ông, để tránh những vụ án như của Galilée. Không xa Descartes bao nhiêu phải kể đến Spinoza : để tránh những công phẫn của người đồng thời như Socrate, ông này đã phải sống tàng ẩn... Tất cả các Triết gia như thế là những người đối lập với các « Giáo sư triết học » hiện nay theo kiểu một Wolff, một Kant và một Hegel... là những nhân vật xuất hiện nhan nhản trong các Đại học Đức và Âu châu. Trái lại, một Voltaire, một Rousseau, một Diderot lại gần với những con người Triết gia phải đeo mặt nạ kia; hầu hết họ đã phải nếm mùi « khám đường » cả, vì họ đã dám tư tưởng thực sự, mặc dầu nguy cơ cho tính mạng và tự do của họ. Jarpers khi nói về Nietzsche có viết rằng: Nơi Nietzsche « có một *bộ mặt nạ* che đậy để không ai nhìn thấu, ngoại trừ những con mắt tinh anh, vì những con mắt ấy mới nhìn thấu sự thật... Bất cứ một trí khôn sâu sắc nào cũng cần phải mang một mặt nạ » (Wahl : Etudes Kierkegaardiennes, trg. 684.

Nhưng dầu mang mặt nạ, họ vẫn là một con cuồng phong thổi mạnh trên ý thức phẳng lặng, ngái ngủ của những chính quyền, của những đoàn người thiếu máu và hết nghị lực. Ngụy thần Biện chứng pháp của họ làm mệt lử các thanh thiếu niên trên các công trường và ngã ba đường. Nên họ mới dễ bị người đời lên án *vì hai trọng tội*: một là làm hư hoại thanh niên; hai là tội dám đương nhiên nhập cảng các thần mới vào trong một xã hội đã có những tôn giáo kỳ cựu. Nhưng cả hai tội hình như có thể quy vào một là tội « phá rối trật tự » (trouble-fête), vì mỗi xã hội đã được tổ chức quy mô và « long trọng » như một *Ngày lễ*, linh thánh. Tội ấy còn có thể gọi là tội Nguyên tổ của các triết gia chính cống. Jankélévitch đã mô tả con người Socrate qua những nét trên đây trước khi đi đến kết luận như sau : « Hài hước của Socrate là một Hài hước *Nghi vấn*. Ông đã phá tung những nền Vũ trụ luận đồ sộ, kiên cố của Học phái Ioniens và chủ trương Nhất-nguyên ngạt thở của Parménide bằng những câu hỏi thắc mắc. Trước hết ta nên nhận định rằng : Socrate là một Ngụy luận gia... nhưng là một Ngụy luận gia bất mãn, một Ngụy luận gia không đếm xỉa gì đến Ngụy luận thuyết nữa... Vì với Ngụy luận gia, ông còn mánh lới hơn cả Ngụy luận gia : ông đã đánh bại mưu của những lối tranh biện phi lý và thái độ « hãnh tiến » phỉnh gạt kia. Bằng những Nghi vấn Socrate đã sàng sẩy kỹ lưỡng các ông buôn văn bán chữ đó. Rồi còn mưu mánh, tinh anh muốn chọc thủng cả những bầu da đựng hùng biện của họ và bóp bẹp cả những bong bóng phồng chứa đầy kiến thức vớ vẩn của họ. Nói tóm Socrate là ý thức của dân Nhã điển... » sd. trg. 2-3.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Gây băn khoăn thắc mắc trong lòng người chính là nhiệm vụ của những triết gia Hài hước. Nhưng có lẽ đó mới là khía cạnh *tiêu cực* của Hài-hước. Hegel là người đã nhìn thấy khía cạnh tiêu cực này và tính cách mâu thuẫn của chính tiêu cực ấy bằng một phân tích sâu sắc. Theo ông Hài hước của Socrate chỉ là một giai đoạn tiêu cực (négativité : antithèse) trong quá trình « Hiện tượng luận của Tinh thần » (Phänomenologie des Geistes). Trong Luận án về khái niệm Hài hước (Le Concept de l'Ironie), khi còn là môn đệ trung thành của Hegel, Kierkegaard cũng đã công nhận điều đó y như Thầy ông, vì chủ đích của Hiện tượng luận Tinh thần và của Hệ thống là phải khám phá ra được một Nhất trí nội tại cho mọi quá trình lịch sử và tư tưởng. Vì vậy hễ một thực tại nào tự phóng ra ngoại tại thời không thể dẫn tới Nhất trí được. Nên theo tinh thần của Hegel, Kierkegaard giảng nghĩa Hài hước của Socarte là một Tiêu cực; nói khác đi, thái độ Nghi vấn bằng Hài hước và Sản ý của Socrate ngầm chứa một điểm tiêu cực, vì *hỏi* người khác là một thái độ *Nghi vấn đối với chính chân lý mình có* và *với chính mình*. Hơn nữa *hỏi người khác* còn là hỏi ra *ngoại tại* nếu vậy nội tại nhất trí tuyệt đối căn bản cho Hiện tượng luận Tinh thần và Hệ thống Luận lý không thể đứng vững nữa, vì theo nguyên tắc Tiêu cực tức Phản đề là một giai đoạn tất yếu của lịch sử và của tư tưởng. Nó không cần và không được phép cần tới một câu hỏi ra ngoại tại nào cả, nhất là đi hỏi người *khác*: hỏi ra ngoài là phản bội với tính cách đồng nhất tuyệt đối giữa các giai đoạn trong luật Tam đẳng. Mà trong luật Tam đẳng, tự Tam đẳng này sang Tam đẳng khác cho tới khi tiến đến Tinh thần là Nhất trí tuyệt đối chỗ dung hòa được mọi bất đồng và khác biệt, đều phải nhất trí bất cứ ở giai đoạn nào. Như vậy, nếu là tiêu cực thời Biện chứng pháp Hài hước của Socarate không thể đi tới Nhất trí được, và hoặc có thể gọi là nhất trí được thời cũng chỉ là một *nhất trí trong trống rỗng* (unité dans le rien). Vậy phải kết luận rằng : Biện chứng pháp của Socrate là biện chứng hoàn toàn tiêu cực. Kết quả của biện chứng pháp tiêu cực ấy là không thể đi tới « Ý tưởng » được, vì vậy mà Socrate mới trở lui và hô hào trở lui về với chính mình : hãy tự biết mình !

Vậy nếu đứng trong Hệ thống của Hegel thời Hài hước không thể tồn tại được, trái lại nó phải là một giai đoạn *bị thống trị* và *bị vượt qua* (dominé et dépassé), vì bất cứ thực tại nào cũng đều mang trong mình một mầm mống của Hủy thể. Hegel đã diễn tả sự vượt bậc ấy không những bằng *quan điểm Sử quan* (explication Weltgeschichtlich) tức trong Hiện-tượng luận về Tinh thần mà còn bằng cả *quan điểm Luận lý* (Logique) tức trong Biện chứng pháp Tam đẳng.

— *Quan điểm Lịch sử* của Hegel là một Lịch sử tổng quát. Theo ông Lịch sử là một *toàn diện* (totalité), và tiến trình tiến hóa của *thế giới* (tổng quát) tất nhiên sẽ lôi cuốn, thu hút và sau cùng tiêu diệt bất cứ một *cá nhân* (đặc thù) nào. Thế rồi cứ mỗi giai đoạn quyết liệt của Lịch sử lại thấy xuất hiện một thực tại mới, thực sự hơn. Thực tại mới này sẽ đến chiếm chỗ thực tại đã biến mất, vì thực tại này đã trở thành một thực tại *bị hủy thể*, vì tự trong nó, nó đã chứa chấp mầm mống của hủy thể và không còn giá trị nữa (Chính đề : phản đề). Nên lịch sử Thế giới chẳng qua chỉ là một chuỗi dài gồm những tranh đấu bi thương và hy sinh vì một « Ý tưởng »

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

(une suite de conflits et de sacrifices). Trong viễn tượng ấy Socrate hay bất cứ ai ai cũng chỉ là một lợi khí, một trung gian, một giai đoạn của lịch sử tổng quát mà thôi. Nên Hài hước của ông cũng chỉ là một giai đoạn trong quá trình lịch sử ấy.

Chỉ có lịch sử thế giới mới phán đoán được tất cả giá trị của Hài hước. Vậy giá trị của Hài hước là gì ? Nó chỉ là một tiêu cực (phản đề) nằm trong Hệ thống lịch sử lớn, vì nó đã xuất hiện trong một tình trạng căng thẳng tức là lúc một *nguyên tắc mới* vừa *đã có đấy*, vừa *chưa có đấy*; vừa đang có trong *tiềm thể* (en puissance), vừa đang có trong *hiển thể* (en acte).

Ban đầu Kierkegaard đã đồng ý với Hegel để giảng nghĩa Hài hước của Socrate như thế.

— Quan điểm Lịch sử trên đây có lẽ chỉ là một trong những hậu quả tất yếu của *Luận lý Biện-chứng pháp* theo Hegel Cũng như trên quan điểm Lịch sử, ở đây Hài hước của Socrate cũng đã được xác định như một *Tiêu cực*, nhưng đây là một Tiêu cực *tuyệt đối, vô song* (négativité absolue, infinie). Trên đây Socrate và Hài hước của ông chỉ là một giai đoạn lịch sử, thì ở đây lại chỉ là một giai đoạn Luận lý. Giai đoạn ấy là giai đoạn tiêu cực tuyệt đối, vô song, vì mỗi phản đề đều là phản đề thuần túy, không thể đem so sánh nó với cái khác được. Hai đặc tính *Tuyệt đối* và *Vô song* đây do Kierkegaard giảng nghĩa thêm, vì theo Kierkegaard trong tất cả mọi trình bầy của Hệ thống, mỗi lần muốn thấy khái niệm Hài hước xuất hiện trong Hệ thống, thời cũng đều ngầm thấy trong khái niệm ấy hai khía cạnh hàm hồ : một khía cạnh *tiêu cực* (négativité), theo khía cạnh này, Hài hước xem ra không đáng giá gì cả (trò chơi, đồ bỏ của cái « lũ hề » như dư luận của xã hội đối với các « chàng hề » triết gia); nhưng theo một khía cạnh khác tức trong tiêu cực kia lại *thiết yếu có tích cực* (positivité absolue, infinie), thời Hài hước lại có một giá trị nào đó, mà còn là một giá trị vô song do chính tính cách tuyệt đối ấy. Đây là điểm Kierkegaard đã nhấn mạnh để đi đến lối giảng nghĩa Socrate theo quan điểm hiện sinh sau này.

Nói tóm, dưới con mắt Hegel và Kierkegaard ở giai đoạn đầu tư tưởng của ông, Hài hước chỉ là một giai đoạn tiêu cực và tiêu cực bị vượt qua trong lịch sử cũng như trong luận lý.

Nhưng có phải Hài hước chỉ là thế không ? Không, Hài hước của Socrate không chỉ là tiêu cực tức là gây băn khoăn mà thôi; nó còn là một thực tại tích cực không thể vượt qua đi được. Kierkegaard dẫn dà xa ảnh-hưởng của Hegel đã giúp ta nhìn được khía cạnh *tích cực* của Hài hước, cả về quan điểm Lịch sử, cả về quan điểm Luận lý.

Trước khi đi vào từng quan điểm một Kierkegaard đã nhằm đả phá chính quan niệm tiêu cực mà Hegel đã đem áp dụng cho trường hợp Socrate. Với Hegel, quan niệm tiêu cực tức phản đề chỉ là một « Trung gian » (Vermittlung) luận lý và áp dụng trong Lịch sử để giảng nghĩa sự phù hợp, liên quan giữa các giai đoạn lịch sử khác nhau. Nhưng Hegel đã đánh lộn sòng thực tại của thực tại tức hiện sinh sang thực tại của luận lý, rồi giản lược hai bên vô nhau, theo công thức nền tảng của ông : « Tất cả những gì *thực tại* đều *hợp lý* cả và ngược lại Tất cả những gì *hợp lý* đều *thực hữu* » (Tout ce qui est réel est rationnel. Tout ce qui est rationnel est réel).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nhưng với Kierkegeaard, yếu tố tiêu cực ấy đã xuất hiện trong một *cá nhân*, nên tiêu cực không còn là một tương quan luận lý như trong hệ thống nữa, mà là một *thực thể* (un être) hơn nữa còn là một thực thể đã được *thiết định* (un être déterminé), tức một hiện sinh không thể giản lược vào mỗi cái gì khác được. Nên Socrate vừa vượt ra ngoài *lịch sử tổng quát* vừa vượt ra ngoài cả *luận lý*

— *Về quan điểm Lịch sử*: Với Hài hước của Socrate Hiện sinh, sự đối lập giữa nội tại và ngoại tại đã rất rõ rệt nghĩa là nếu Socrate là một con người cụ thể thời ông là một cá nhân « nội tại » không thể giản lược vào một « ngoại tại » nào cả. Đó là một điểm phản lập hẳn với chủ trương « nội tại là ngoại tại » (l'intérieur c'est l'extérieur) của Hegel mà Sartre tuy chủ trương Hiện sinh, nhưng cũng vẫn ngầm ngầm công nhận. Những ý tưởng đối lập giữa nội tại và ngoại tại vừa nói trên đã xuất hiện ngay ở những trang đầu của Luận án, khi Kierkegaard viết : « Socrate thuộc về loại người mà chúng ta không thể sống với họ ở *ngoại tại* được, vì với ông, ngoại tại còn chỉ thị một cái gì khác và đối lập lại với chính nó. Với ông, ngoại tại không đứng trong *hòa âm nhất trí* (tức là không đồng tính) với *nội tại* được; trái lại nó còn hoàn toàn đối lập với *nội tại* nữa. Tuy ông quan niệm rằng : mỗi cá nhân phải chiếm được địa vị trong một xã-hội và còn phải uốn mình để có thể sống trong khuôn khổ tổng quát ấy, nhưng đồng thời ông cũng đã viết rằng : *sự sống nội tâm* bao giờ cũng là *một thực tại vô song* (incommensurable) đối với toàn khối trong đó nó hiện hữu. Với người Hi-lạp, giữa *Yếu tính* (essence) và *Hiện tượng* (phénomène) đã có sẵn một nhất trí trực tiếp, nhưng nơi Socrate thì không thế, vì ông là con người Hài hước. Mà đối với người Hài hước, thì hiện tượng không phải để biểu thị yếu tính ; trái lại, hiện tượng thường che giấu yếu tính. Socrate chính là con người đó vì ông tượng trưng *một cách Hài hước* chính sự đối lập giữa *yếu tính* của ông (tức cuộc sống nội tại đích thực của ông) và *hiện tượng* của ông (tức sự thể hiện ra bên ngoài của ông). Vì theo Socrate, sống Hài hước là làm cho người đời cảm thấy rằng: lối sống *bên ngoài* (hiện tượng) là hình ảnh khác hẳn lối sống thầm kín *bên trong* (yếu tính). »

Như thế với hình ảnh Hài hước thực thụ của Socrate, ta đã nhận rõ được sự dị biệt tuyệt đối giữa nội tại và ngoại tại trong mỗi Hiện sinh của con người. Không những hai bên dị biệt mà còn đối lập nhau là khác. Điểm này là điểm quan trọng nhất trong phần thứ hai của Luận án. Thái độ phản đối Hegel đã vọt lên đến tột độ. Kierkegaard còn chủ trương phải điều chỉnh lại lối giảng nghĩa về Hài hước của Hegel. Hơn nữa ông còn giảng nghĩa cốt yếu của Hài hước là gì và tính cách nghiêm nghị của Hài hước như thế nào. Ông cho rằng : Hegel đã không nhận ra *sứ mệnh thiêng liêng* (mission divine) của Socrate. Sứ mệnh ấy là một sứ mệnh đứng đắn, nghiêm nghị. Nó nằm sâu trong *Nhân cách riêng tư, hiện sinh* của Socrate. Chủ trương này sẽ phân biệt Kierkegaard với các nhà Sử học khác là những người chịu ảnh hưởng Hegel một cách sâu xa. Nhưng theo Kierkegaard, Hegel phải công nhận rằng: cũng như đấng Kytô, Socrate là một « vĩ nhân » có nhân cách đặc biệt; cả hai đều không dạy một *lý thuyết suông* không thiết lập một triết học hay tri thức luận nào cả. Nhiệm vụ và căn

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

bản cuộc đời của họ không nhằm mang lại những ý tưởng trừu tượng. Trái lại lối sống của họ là cư xử với mỗi cá nhân trong từng trường hợp thực tế một. Nên liên lạc của họ với mỗi cá nhân cũng chỉ là những liên lạc riêng tư (chứ không phải những liên lạc theo kiểu trung gian luận lý) Socrate còn là vĩ nhân ở chỗ ông biết sống biệt lập và không ưa thích tham gia chính trị. Đó là hình ảnh của những Triết gia thực thụ; Nietzsche gọi con người triết gia là con người cô lập « le philosophe est solitaire). Ông chỉ say sưa thực hiện « Tri kỷ » (Triết nhân tri kỷ). Kierkegaard còn nêu ra một khía cạnh mới của câu « Tri kỷ ». Theo ông, « hãy biết mình » còn có nghĩa là « hãy xa lánh những người khác » (tức xã hội) (Sépare-toi des autres!) Ngoài ra ông còn ca ngợi cả tinh thần chủ quan tích cực nơi Socrate. Ông nói : « Tất cả cuộc đời của ông là một thái độ phản đối lại những gì *đã được thiết lập* ». Cuộc sống của ông là một cuộc sống đặc thù, dị biệt với những gì thuộc đoàn thể, thuộc thể chế xã hội (hiểu *das Man* của Heidegger). Kierkegaard gọi là một « cuộc đời không có thuộc từ » (une vie sans prédication); nói khác đi, cuộc đời ấy là « một thực tại vô song » (incommensurable) và cái gì trong đó cũng đều vô song cả. Nên không một khuôn thước Quốc gia hay công cộng nào có thể đo lường được, nghĩa là chính quyền đạo đời không thể lấy chức tước, tặng vật, huy chương hay bằng nọ sắc kia mà ban thưởng cho ông được. Những đức tính ấy đều nói lên tính cách *cá nhân đặc biệt* và *độc đáo* trong con người mà sau này Kierkegaard coi là một trong những phạm trù căn bản của Hiện sinh. Như thế trong con người của Socrate, tinh thần Hài hước đã trở thành một lối sống hiện sinh ở mực độ cao nhất. Với đoàn thể cũng như với cá nhân, ông sống toàn bằng Hài hước, vừa hấp dẫn vừa đẩy họ lùi xa, nên ông chỉ có thể liên lạc với họ *từng lúc một* (momentanément), theo thời gian bất liên tục, chứ không như liên lạc theo quá trình Lịch sử tổng quát.

Hơn nữa, theo Hegel cho rằng Socrate có là một vĩ nhân cá biệt, nhưng cá nhân ấy cũng phải *thích hợp với thời đại của ông*. Trái lại theo Kierkegaard, như thế không có nghĩa là Socrate là *sản phẩm* của thời đại đi trước để rồi sẽ là bàn đạp cho thời đại đi sau như quá trình lịch sử tổng quát của Hegel tưởng tượng, vì với mỗi đặc tính vô song của cá nhân, nhất là trường hợp Socrate, không thể thể được, vì ông không phải một con người tầm thường theo kiểu quân cờ hay con số vô ngã. Trái lại Socrate là một « nhân vật đặc biệt » (une personnalité originale). Nếu thế con người Socrate vượt ra ngoài và lên trên lịch sử tổng quát, mỗi cá nhân đều mang một sử tính (historicité) riêng tư mà con mắt sử gia nhất là triết gia sử quan không nhòm ngó tới được. Vì lịch sử tổng quát không thể giảng nghĩa ông một cách đầy đủ, thấu đáo được. Ông không phải một giai đoạn Biện chứng như bất cứ một giai đoạn nào khác để có thể nằm trong Hệ-thống lịch sử được. Trái lại, ông là một ý thức duy nhất, không giống với một giai đoạn nào cả.

Hơn nữa, cho rằng : Socrate có đứng trong lịch sử tổng quát đi nữa tức là thích nghi vào lịch sử như Hegel nói, nhưng lối thích hợp này mang một sắc thái đặc biệt vô song, vì Socrate nhập vào lịch sử của loài người do một ân điển và bang hộ đặc biệt của Thần minh (par une sorte d'intervention divine et de grâce).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

— *Về quan điểm luận lý*: Không những Socrate đã vượt lên trên lịch sử tổng quát, mà còn vượt lên trên và ra ngoài cả luận lý biện chứng nữa. Trên đây Socrate đã được quan niệm theo phương pháp Hài hước đối với lịch sử; từ đây, Kierkegaard sẽ đặt quan niệm Hài hước trong viễn tượng của Luận lý. Kierkegaard sẽ diễn giải quan niệm hài hước này cho tới khi ông sẽ gặp Socrate thực thụ. Trên kia đã nói : cũng y như Hegel đã có lúc Kierkegaard nhận định thấy hài hước là một tiêu cực tuyệt đối vô song. Nhưng ông cho rằng chính Hegel đã không nhận ra và ý thức được tầm quan trọng của khía cạnh « vô song ». Sau đây là những đặc tính vô song trong quan niệm hài hước của Socrate mà Kierkegaard đã tự phụ nhận ra. Theo ông : hài hước là một sự lanh lẹ. Lanh lẹ bằng hài hước là khi hiện hữu như một chủ động hiện hữu cho mình mà đồng thời lại không để một cái gì tồn tại trong mình. (L'ironie est une agilité du sujet existant pour soi qui ne laisse rien subsister). Có lẽ Jankélévitch đã chú giải tính cách *lanh lẹ* của hài hước một cách tinh vi hơn nữa, khi ông so sánh nó với tính cách *ngu ngốc* của các loại người nghiêm nghị: « những tính tình nghiêm nghị và « có khi quá nghiêm nghị », như đứa nhỏ trong « những bản kịch trẻ nhỏ » của Schumann; họ nhắm mắt nhào đầu vào những cảm xúc nhất thời của họ không còn nghĩ trước dè sau chi cả; vừa cảm xúc gì bất cứ : yêu, giận, phấn khởi họ liền vung cả tâm hồn vô đó. Người đời gọi họ là những người « liều thân » để bảo rằng : họ là những người « cô cùng » trong con đường cảm xúc của họ. Họ muốn dấn toàn thân vào một lời nói, một nụ cười, một cái nhìn, một cái nắm tay. Họ còn muốn dấn toàn thân mỗi giây phút họ sống. Nhưng họ là những con người *ngốc* chỉ muốn đổ dốc mọi sự về có một phía : họ đành đã mất thì mất hết. Không lạ gì mà họ dễ là mồi ngon cho tai họa ! Tựu trung, *họ là những linh hồn ẻo lả* vì một khi bị những sô sát của số mệnh, thời họ chỉ ngây ngô giơ cả « một miếng mông to » cho tai họa quất túi bụi. Họ liều tất cả cho tất cả, nên họ thấy luôn luôn khổ sở, vì càng hi vọng nhiều (bằng tất cả) thời họ càng gây nên duyên cớ để thất vọng nhiều.

Nhưng *hài hước* dậy họ rằng : đừng bao giờ dấn toàn thân vào cảm xúc nào cả; trái lại, phải biết dự trữ một số năng lực. Nghiêm nghị căng thẳng quá mức sẽ làm con người kiệt quệ và đẩy linh hồn vào một trạng thái rút gân và đau khổ ê chề. Tập quán nâng đỡ ý chí ta bằng những thói quen cơ máy làm sao, thời hài hước cũng tránh cho ta bao nhiêu trường hợp không phải dùng tới những điệu gắt gao bi đát quá. Vì không ai có thể yêu hay ghét như quay cuồng mãi mãi được, hay đam mê bất cứ một cái gì được, nên trước hết Hài hước khai triển trong ta một thái độ khôn khéo « ích kỷ », nhờ đó ta tránh được những phấn khởi hay đau đớn ủ rũ quá trớn...; hơn nữa, Hài hước còn hiến ta một phương tiện để đừng bao giờ *ủy mị* chỉ vì nó đã dậy ta không bao giờ được *phấn khởi* quá đáng. « Những ai nghe lời chỉ dẫn của Hài hước thời trong đời sống bao giờ cũng để dành ra một lối thoát phòng thân, để bất cứ giờ phút nào họ khỏi bỡ ngỡ lúc tai họa xuất hiện. Như thế không ai bắt được họ thật sự cả : ví dụ muốn bắt được quả tang họ đang sầu khổ... Nhưng bắt thế nào ? Vì chính họ đã được an ủi rồi ! Con người thật của họ ở đâu ? Họ đâu có ở đó, vì họ ở *chỗ khác* rồi hay đúng hơn, chả thấy họ đâu cả... Cũng như Jules Laforgue nói về các chàng Pierrots rằng :

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« Đang khi âu yếm ngồi trong lòng
« đàn bà,
« Thì xem ra họ lại có vẻ là một *đệ tam nhân* » s. trg 24-25.

Đó chính là tính cách lanh lẹ cốt yếu của Hài hước và cũng chính vì tính cách lanh lẹ ấy mà Hài hước không thể bị dung nạp thực sự trong khuôn khổ của một hệ thống được. Cùng với Hegel, tuy Kierkegaard đã công nhận Hài hước như một giai đoạn biện chứng có thể thống trị và thắng vượt được, nhưng ở đây ông tuyên bố rằng : « Còn một lối nhìn Hài hước sâu xa hơn nữa » Ông viết : « người ta đã có thói quen coi Hài hước là một khái niệm trừu tượng, gán cho nó một vị trí trong hệ thống như một giai đoạn còn biến thái đi được, và sau đó coi nó được mô tả một cách thực vắn tắt, nên người ta sẽ không hiểu vì sao mà Socrate đã phải cống hiến cả một cuộc đời để sống Hài hước. (Tất nhiên họ sẽ không hiểu) vì họ đã coi nội dung (phong phú) của cuộc đời ấy như một *hư vô* (tiêu cực: phần đề). Nhưng làm thế là người ta không nhớ rằng : một quan niệm Hài hước theo khái niệm như thế có thể hiện diện trong hệ-thống, nhưng không bao giờ hiện diện trong cuộc đời; người ta đã không nhớ rằng : cũng như tất cả quan niệm của đời sống, Hài hước cũng chứa chấp những sức quyến rũ, những tranh đấu, những thất bại, những chiến thắng của nó. Nghi vấn cũng thế, trong hệ thống nó là một giai đoạn có thể bị vượt qua nhưng trong thực tế, nghi vấn bao hàm một nội dung phong phú vô biên, vì ở đây nghi vấn được sống thực trong một giao tranh độc đáo với tất cả những gì có thể đứng lên hay giữ lập trường phản đối lại nó. Đó chính là sự sống tư riêng mà kiến thức không đi vào được... Giả sử kiến thức có quyền không biết đến những cái đó, nhưng sự sống tư riêng cá nhân không thể không biết được. Và như Hegel đã nói một nơi nào rằng : với Socrate, phải nói là sự sống cá nhân hơn là về những suy luận trừu tượng » J. Wahl: Etudes kierkegaardiennes, trg. 105-106.

Nói tóm với Kierkegaard Hài hước của Socrate không có chỗ đứng trong *Lịch sử tổng quát* cũng như không có chỗ đứng trong *luận lý biện chứng* được.

Qua thái độ Hài hước lanh lẹ, Socrate muốn giúp những con người nghiêm nghị tôn thờ tuyệt đối nhìn thế sự vào cuộc đời cho đứng đắn. Sự lanh lẹ của Hài hước thể hiện ra qua hai khía cạnh khác nhau và xem ra đối lập nhau: một đàng, mỗi khi nhìn từng sự vật lẻ tẻ hình như Hài hước liền chế riễu chúng lập tức. Ở đây Hài hước xem ra chứa chấp đầy những phóng thích và trêu chọc tế nhị. Nói khác đi Hài hước chỉ nhìn vào những *tiểu tiết*. Nhưng một đàng Hài hước còn là một khả năng nhìn *toàn diện*. Trong viễn tượng đó Hài hước như muốn đánh tan những tiểu tiết lặt vặt đi để chúng thích nghi vào một toàn diện. Như vậy Hài hước tương tự như một phi hành gia vươn mình lên cao trên sự vật để nhìn toàn diện (theo kiểu suncptikos gar o eiron của Platon) giá trị của Hài hước ở đây là biết nhận định rằng : những sự việc xảy ra ở trần gian và trong cuộc đời của mỗi người đều như phi lý cả, nhưng không phải chúng không có giá trị gì, vì đặc tính của Hài hước là biết công nhận rằng : mọi biến cố ở đời đều vừa hoàn toàn, vừa bất toàn đồng thời. Hầu như không một cái gì đáng khinh rẻ; nhưng hầu như cũng không có một cái gì tuyệt đối cần thiết cả. Nói cách khác, với khả năng nhìn tiểu tiết và toàn diện đồng thời, Hài hước mở màn cho thấy tính cách

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

hàm hồ tương đối của cuộc đời. Thực vậy dưới con mắt của người Hài hước cuộc đời tương tự như Tình yêu (Eros) nói trong Symposion (Banquet), cuộc đời con người là con đẻ của Thanh bần (Pauvreté) và của Phong phú (Expédient) : tuy bị hạn hẹp và bất toàn, nhưng cuộc đời của mỗi người vẫn còn bảo vệ được một vài ghi tích của sự Thiện hoàn hảo và phong phú. Cốt yếu của cuộc sống « độc đáo » là ở chỗ nó không lấy cái hơn làm cái kém hay lấy cái kém làm cái hơn. Đó chính là tình trạng hàm hồ, tương đối trong con người. Họ luôn luôn bị chi phối, xâu xé bởi thiện và bất thiện, hoàn hảo và bất hảo (*Meliora video proboque, Deteriora sequar,* Ovide). Họ không bao giờ hoàn toàn tự ý thức về chính mình cũng như không bao giờ hoàn toàn sống trong tối tăm về chính mình. Vì thế cuộc đời luôn luôn như ẩn như hiện : khi thì u tối hiện ra giữa lòng ánh sáng, khi thì ánh sáng hiện ra giữa lòng u tối. Đứng trước tình trạng ấy con người không bao giờ tự thỏa mãn được với chính mình cũng không bao giờ thỏa mãn được với sự vật. Nên Hài hước bó buộc phải là Hài hước *đối với sự vật,* (ironie sur les choses) và *với chính mình* nữa (ironie sur soi) (Jankélévitch). Tức là thái độ Hài hước muốn trị giá những hiển nhiên giả tạo một cách đích xác, muốn chống đối lại tất cả những gì muốn quan niệm cuộc đời bằng những khái niệm và hệ thống hay những gì muốn hạn hẹp cuộc đời vào những khuôn khổ chật hẹp của tuyệt đối khách quan. Nên sống Hài hước là phải biết rằng: một cá nhân có thể qua đi nhưng những thể chế vẫn tồn tại, và có khi công cuộc tồn tại mà tác giả của nó đã chết mất rồi. Mỗi khi suy nghĩ tới những điều đó con người vừa phấn khởi vừa hơi thất vọng. Hơn nữa về phương diện siêu hình cũng như kinh tế và xã hội không biết bao nhiêu yếu tố phi lý, lố lăng thường xảy ra như một may rủi của số mệnh hay như lối « con tạo xoay vần nơi nao ! » ví dụ ở đời lắm khi chính những bất công lại có thể xây lập nên được một hòa âm trật tự hay một lý thuyết gia có thể bị chết vì chính lý thuyết của mình hay một xã hội lại phải nhập cảng những tư tưởng, những cảm tình, những sản phẩm, ngôn ngữ mà chính họ đã sáng tạo ra. Có khi một hiện tượng có thể xảy ra ngoài những định luật thường xuyên đã được thiết định; có khi một cá vật lại không phục tòng những định luật tiến hóa của một loại chung; có khi với những phương tiện mâu thuẫn người ta đã có thể dễ dàng đạt tới đích... Buồn cười hơn nữa là lắm khi một biến cố nhỏ nhen có thể làm sụp đổ cả những ý hệ đồ sộ và trịnh trọng hay một bất ngờ vô nghĩa lại có thể tạo nên những con người anh hùng, vang bóng một thời. Lắm khi cái bất ngờ lại có thể tạo nên những công cuộc vĩ đại...

Như vậy Hài hước càng ngày càng giúp ta thụ lý sâu xa rằng : toàn diện cần thiết cũng y như tiểu tiết không cần thiết. Đó là một lạc quan của bi quan. Trong Hài hước như có một sức co dãn vô hạn, nhờ đó những mâu thuẫn có thể luôn luôn bị tiêu tán, vì những mâu thuẫn ấy mỗi lúc lại được dung nạp thành một toàn diện mới; rồi đứng trước những lố lăng của số mệnh, Hài hước cũng biết tìm cách lén mình sống thích nghi với chúng mà vẫn lạc quan được... Hài hước là không quá phẫn nộ trước những bất trung tầy trời, cũng không quá phấn khởi trước những đầu hàng, tuyên thệ trung tín của kẻ khác. Tất nhiên đó là biểu hiệu của một thái độ bi quan nhưng là một bi quan rất gần gũi với

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thiện cảm. Đang khi san dịch Kinh thánh, Luther bị quỷ chế riễu, lập tức ông tìm cho hắn một chỗ đứng trong thế giới ông đang sống. Thế là yên chuyện.

Nên Hài hước là am hiểu và mở rộng nhãn giới để có thể tiêu hóa được những gì « tản mát » của cuộc tiến hóa và những nghịch âm của cuộc sống (Ironiser, c'est comprendre et s'élargir pour résorber le « sporadisme » de l'évolution. Höffding).

Hơn nữa, Hài hước còn là con người có con mắt « tinh anh » hay đúng hơn bao giờ cũng vượt ra ngoài những *giới hạn hẹp hòi* của cuộc đời, mỗi khi họ phải chạm trán với. Ở đây Hài hước thể hiện ra như một suy tư trên chính suy tư của mình. Gide gọi là « một ý thức vượt ra ngoài » (conscience du par-delà) Hài hước như vậy không khác gì thái độ tế nhị khoan dung biết tha lỗi cho đời như người bạn tha lỗi cho bạn mình. Tha thứ là một cách chế riễu nhưng không phải chế riễu để chế riễu, nên tuy có ngầm chứa một khía cạnh chế riễu nhưng Hài hước còn vượt xa trên chế riễu : chế riễu thô kệch, quê mùa, độc đoán bao nhiêu thời Hài hước lại càng tế nhị, tinh vi, bao dung bấy nhiêu.

Nhưng giá trị độc đáo nhất của Hài hước có lẽ sẽ là ở chỗ nó dẫn ta vào con đường thoàn thiện nội tâm. Thực vậy, với thái độ Hài hước ta sẽ nhìn thẳng sự với con mắt khinh đời : đứng trước những tấn bi kịch nhỏ nhen người đời thường sầu khổ, lo âu và kèn cựa nhau thời Hài hước lại giảng hòa, đơn giản hóa và đánh tan bầu không khí nặng nề. Hài hước còn « chế riễu » cả những con người bôn ba, vất vả « đẩu xuống trôn lên » để vần những tảng đá lớn như chàng Sisyphe. Hài hước còn đập vỡ những lối nghiêm nghị long trọng giả mạo, những quá khích lố bịch, những thái độ thần thoại phi lý như mê sảng. Với những con người mang nặng khuynh hướng muốn biện hộ cho những tin tưởng độc tín hay những người đam mê trong cuồng tín quá độ hay những hành động muốn trở thành tập quán, thành kiến im lìm, Hài hước như một nguyên lý điều hành ức chế cảm tình, hay như một yếu tố « giản quy » thường được dùng trong tâm lý học cổ điển, mục đích để hạn chế khuynh hướng ảo-tưởng thường sẵn có trong các hình ảnh.

Nói tóm Hài hước phản công lại những chủ trương và thái độ « độc đoán » bệnh lý.

Hài hước còn được so sánh với *E thẹn* (Pudeur) ai ai cũng có cảm tình mà mỗi cảm tình đều biết e thẹn cả : không những chỉ có thể xác mà còn cả toàn diện ý thức cũng biết e thẹn nữa. Trước hết e thẹn ngầm chứa sự tôn trọng trước một cái gì bí nhiệm nhất là trong tình yêu, vì tình yêu là một cảm xúc phong phú và nghiêm nghị nhất trong các cảm xúc; e thẹn tôn trọng trong con người khác một cái gì u uẩn như ban đêm, mờ mịt, bí nhiệm như một thâm cung trong đó chỉ có mình cá nhân mới nhìn nhận rõ chính mình. Nên e thẹn là tiên cảm thấy một cao quí tinh thần, tức sự cao quí thuộc về những thực tại của linh hồn. Cái bí nhiệm ấy hiện ra như một « quầng trăng » (halo) mập mờ, ẩn ẩn hiện hiện, mà không ngôn ngữ hay cử chỉ nào diễn tả, phác họa nổi. Hơn nữa, một khi họa may có diễn tả bí nhiệm đó được cách nào tuy thế nó vẫn còn mang theo « quầng trăng » bất xác ấy và toàn cả con người mang bí nhiệm ấy cũng vẫn còn bị « quầng trăng » mờ ảo bao phủ. Nên e thẹn là cách thức biết xử dụng bí nhiệm ấy một cách nhẹ nhẹ, khôn khéo.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Hài hước chính là một bộ mặt của E thẹn muôn mặt. Những chế riễu là bình phong nó dùng để làm giảm dịu ánh sáng của một bí nhiệm. Cũng như E thẹn, Hài hước biết rằng: Tình yêu là một huyền nhiệm vô song. Những tâm hồn ngây thơ thường bi bô, bạ chi nói nấy, bạ đâu trần truồng ra đấy. Những con người ấy là con người nhẹ dạ, thiếu sự tôn trọng đối với những gì huyền nhiệm thực sự, vì ở đời có những điều ít khi nói ra được hay chỉ được nói ra có một lần mà thôi : người Hài hước biết rõ điều đó, khi họ chế riễu mọi giá trị, nhưng chính vì chế riễu mà họ đã thực sự tin tưởng vào các giá trị thực thụ. Nên chế riễu của Hài hước là một chế riễu ý thức, còn chế riễu suông là một chế riễu vô thức. Hai bên đối lập nhau như *E thẹn* thực sự (Pudeur) với *hổ thẹn giả tạo* (pudibonderie) : một đàng muốn che giấu mà không có gì để che giấu, e thẹn ấy không có đối tượng không có bí nhiệm : E thẹn ấy là e thẹn trước cái trống không, nhẹ dạ và ngây thơ. Trái lại e thẹn trước Huyền nhiệm khó mô tả, khó vạch trần là một thái độ còn nghiêm nghị hơn chính cả nghiêm nghị nữa.

Không lạ gì mà Kierkegaard đã so sánh Hài hước với *cảm tình đạo đức* khi ông viết : « Hài hước xuất hiện là khi người ta đem lắp những thực tại đặc thù của cuộc đời hữu hạn liền vào yêu sách vô hạn của đạo đức. Như thế mới thấy sự mâu thuẫn. » (L'ironie apparaît quand, en mettant de façon continue les particularités de la vie *finie* en connexion avec *l'infinie* exigence éthique, on laisse ainsi apparaître la contradiction) Post-Scriptum aux miettes philosophiques, bản dịch Pháp, trg. 339. Thực vậy trong Hài hước của Socrate ta gặp lại thực sự được bản vị hiện sinh là con người muốn thoát ly mọi lối xếp loại. Ngày nay ta không thể khảo sát Socrate theo quan điểm lịch sử hay phác họa được một sơ đồ đúng thực về Socrate và tư tưởng ông. Chính vì thế mà sau khi đã nhấn mạnh trên tính cách « chủ quan » trong tư tưởng Socrate, Kierkegaard còn đồng thời nhấn mạnh cả về ý nghĩa sâu xa của Hài hước nữa. Ông viết : « Thái độ Hài hước xuất hiện là khi Socrate muốn đem « vô hạn » lên sân khấu » (veut faire entrer en scène l'infini) sđ. trg. 55. Với Kierkegaard, Socrate thể hiện đúng kiểu mẫu một nhà tư tưởng đã biết thấu hiểu rằng : « Nếu bi đát không được Hài hước đi kèm theo thời bi đát ấy chỉ là một ảo tưởng (và rằng) Hài hước nếu không được bi đát bảo đảm thời Hài hước ấy còn thiếu sự đứng đắn. » (Le *pathos* qui n'est pas garanti par le *comique* est illusion (et que) le comique n'est pas garanti par le pathos est manque de maturité) sđ. trg. 58.

Nên Kierkegaard mới nhại lại Socrate rằng : Socrate thật là một chàng hề: ông chẳng màng gì tới việc dạy tiếng Do thái hay điêu khắc hay ca vũ, trái lại, ông chỉ chăm chú vào việc dạy cho người khác những điều mà ai ai cũng đã biết, hay đúng hơn, đáng ra phải biết. Phương pháp giáo-dục của Socrate thiết yếu là Hài hước, vì ông nhằm dạy ta tìm lại điều ta đã có, đứng nhìn những gì gần gũi nhất, đi con đường trực thăng nhất. Nói tóm, Hài hước đặt ta đối diện với tình trạng mâu thuẫn: tức là đang khi ta tìm những con đường quanh co, dài dòng thì chính là lúc ta lại phải tìm về khởi điểm là chính ta. (Ce Socrate est tout de même un farceur,... de se moquer de l'hébreu, de la statuaire, de la danse, et de la philanthropie historico-mondiale; et alors se préoccuper encore

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tellement de Dieu, et à ce point que, bien qu'il n'eût cessé de s'exercer pendant toute sa vie (oui comme un danseur-solo à la gloire de Dieu), il attendait l'épreuve du Dieu en doutant qu'il pût la soutenir avec succès, qu'est-ce que cela siginifie à la fin ?...) sd. trg. 59.

Như thế Hài hước của Socrate không phải một trò cười hay chế riễu suông, trái lại nó đặt ta vào đúng trọng tâm của sự nghiêm nghị, mà nghiêm nghị như một Huyền nhiệm đối tượng của E thẹn.

Thái độ của Proudhon trong khám đường Ste-Pélagie là tượng trưng kết tinh được những đặc tính và huyền nhiệm của Hài hước mà ta muốn mô tả phần nào trong bài này; trong tập Tự thuật nhà Cách mạng ấy có ghi những câu đanh thép sau đây :

« Hài hước — Tự-do thực thụ ơi! Chính ngươi đã giải thoát ta khỏi lòng ham hố chức quyền, khỏi bị làm nô lệ các đảng phái, khỏi sự tôn thờ những lối sống máy móc, khỏi thái độ khoa học tự phụ rởm, khỏi khuynh hướng đua nịnh người trên, khỏi những phỉnh lừa của chính trị, khỏi cuồng tín của những nhà Cách mạng, khỏi bầu khí mê tín bao quanh cả vũ trụ lớn lao này và khỏi sự tôn thờ chính mình...

« Ngươi sẽ ủy lạo con người Công chính khi hấp hối trên thập giá mà còn cầu nguyện cho lý hình rằng : Lạy Cha! xin xá lỗi cho chúng vì chúng hành động mà không suy nghĩ !

« Hài hước yêu đương ơi !

Chỉ có ngươi là tinh tuyền, thanh sạch và kín đáo.

Ngươi là người mang lại cho vẻ đẹp thêm sự kiều diễm và cho tình yêu thêm sự mặn nồng; Ngươi gieo rắc Bác ái bằng tinh thần Khoan dung; Ngươi phá tan những thành kiến sát nhân...; Ngươi chữa lành những con người cuồng tín và nặng óc đảng phái. Và *Nhân đức cao quý*, hỡi Nữ thần, còn chính là ngươi.

Hỡi Nữ hoàng ơi, hãy đến với ta đi... »

DUNG-ĐẠO

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đối-lập trong các chế-độ Dân-chủ Tây-phương

CAO HUY THUẦN

Danh-từ « dân-chủ » là một danh-từ rất quen dùng nhưng rất khó định-nghĩa. Nhiều định nghĩa đã đưa ra, trong đó có câu nói bất-hủ của Abraham Lincoln (1), nhưng không định-nghĩa nào hoàn-toàn thỏa-đáng.

Tuy nhiên chế-độ dân-chủ nào cũng mang một hoài-bão chung : đó là cố gắng thế nào để cho dân chúng tham gia tích-cực vào sự điều-khiển công việc chung. Do đó ta có thể nói rằng « dân chủ là sự đồng-hóa tối-đa giữa người cai-trị và kẻ bị trị » (l'identification maximum des gouvernants et des gouvernés) (2).

Đó là lý-tưởng mà các chế-độ dân-chủ cố-gắng thực-hiện. Lý-tưởng, vì dân-chủ bao hàm ý-nghĩa dân tự mình cai-trị mình, mỗi người dân chỉ biết vâng theo nguyên-tắc mà chính mình đã chấp-nhận. Dân-chủ bao hàm ý-niệm đồng-thanh nhất-trí (unanimité).

Thực tế cho ta thấy rằng lý-tưởng đó không thể nào thực-hiện được. Không thể quan-niệm được rằng về bất cứ vấn-đề nào mọi người đều đồng ý với nhau. Rốt cuộc trong chế-độ dân chủ, ý-kiến của đa số chiếm phần ưu-thắng, bởi vì quyết-định theo đa số là phương-diện để thực-hiện sự đồng-nhất tối-đa giữa người cai-trị và kẻ bị-trị. V-dụ để giải-quyết một vấn-đề, 60 người lựa chọn giải pháp A và 40 người lựa chọn giải-pháp B, mà là vì nếu chấp-nhận giải-pháp A thì sự đồng nhất giữa người cai-trị và người bị-trị đạt được một mực-độ cao hơn : 60 phần trăm dân chúng sẽ tự mình vâng theo quyết-định của chính mình. Như vậy trong thực tế

---

1) « Government of the people, by the people, for the people » (Chính-phủ của dân, bởi dân và cho dân).

2) G. Vedel, Introductions aux Etudes Politiques, Les Cours de droit, 1957-58 trang 374.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

dân chủ là cai trị của đa số. Đó là một nhược-điểm của dân-chủ. Bởi vì nếu giải-pháp dân-chủ làm thỏa-mãn được một đa số 60 người nói trên thì lại gây bất công cho 40 người kia, 40 người này phải phục-tùng một ý muốn không phải là ý muốn của họ. Nhiều tác-giả đã nêu lên điểm bất công đó và chỉ-trích giá-trị của chế-độ dân-chủ, Alexis de Tocqueville, khi khảo-sát về nền dân-chủ ở Hoa-kỳ đã cảnh-cáo rằng sự độc-tài của đa-số nguy-hiểm không kém gì sự độc-tài của các vua chúa ngày xưa (3). Tuy nhiên ta phải công-nhận rằng đó là một sự bất-công không thể nào tránh được. Đi tìm một sự đồng nhất hoàn toàn giữa người cai trị và kẻ bị-trị cũng viển-vông như đi tìm trăng vào ba mươi. Học thuyết mác-xít tự-hào có thể giải-quyết vấn-đề bằng cách thực-hiện một xã-hội không giai-cấp, lý-tưởng đó vẫn là ảo-mộng (4).

Chế độ dân-chủ Tây-phương chấp-nhận sự bất-công đó như một sự-kiện. Điều cốt yếu là phải làm thế nào để bảo-vệ quyền-lợi của thiểu-số, làm thế nào để thực-hiện những mối tương-quan thanh-bình giữa đa số và thiểu-số. Trong chế-độ dân-chủ Tây-phương, thiểu-số phải phục tùng đa-số, nhưng sự phục tùng đó không phải là một sự nô-lệ. Ý-kiến của đa-số chỉ được chấp-nhận sau một cuộc tranh luận. Bởi vì dân-chủ trước tiên là một cuộc đối-thoại : đối thoại giữa nhà lập-hiến và nhà lập-pháp, đối-thoại giữa người cai trị và kẻ bị-trị, đối-thoại giữa Quốc-Hội và Chính-phủ, đối thoại giữa Quốc-gia và các tổ-chức tư-nhân, đối-thoại giữa đa-số và thiểu số (5). Trong cuộc đối-thoại đó, tiếng nói của thiểu-số luôn luôn được tôn-trọng và bảo-vệ để cho cuộc đối-thoại không biến thành độc-thoại, đặc điểm chính của các chế-độ độc-tài.

Trong chế-độ dân-chủ, nếu đa-số có quyền cai-trị, thì thiểu-số cũng có một quyền quan-trọng không kém : *quyền đối-lập*. Sự cầm quyền của đa số và sự đối-lập của thiểu-số là hai mặt của đồng tiền dân-chủ.

Vậy tại Tây-phương, Đối-lập được quan-niệm thế nào trên lý-thuyết và được tổ-chức thế nào trong thực-tế ?

***

3) A. de Tocqueville, la Démocratie en Amérique.
4) Xin xem G.Burdeau, Traité de Science Politique, Tome VI từ trang 151.
5) G.Vedel, sách viện dẫn, trang 383 và kế tiếp.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

I. — SỰ CẦN-THIẾT CỦA ĐỐI-LẬP TRÊN PHƯƠNG-DIỆN LÝ-THUYẾT

Ngày nay người ta vẫn xem một sự đối-lập tự-do, tích cực và được tôn-trọng như là tiêu-chuẩn của một chế-độ dân-chủ thực-sự (6). Đối-lập không phải chỉ là một lực-lượng chính-trị hợp-pháp, mà còn là một bộ-phận trong guồng máy chính-quyền. Vì vậy ở Anh lãnh-tụ của đảng đối-lập cũng có một tước vị chính-thức : Lãnh-tụ đãng đối-lập của Nữ-Hoàng (Leader de l'Opposition de Sa Majesté).

Trên phương diện lý-thuyết, đối lập cần-thiết cho tự-do, cần thiết chính đa-số, và cần-thiết cho sự điều-hòa liên-tục của đời sống chính-trị.

1) Đối lập cần thiết cho tự-do. —

Trên bình diện triết-lý chính-trị, đối-lập là hệ-luận của tự-do; muốn đo trình-độ tự-do của một nước, người ta thường xét phạm-vi cùng khả-năng đối-lập trong nước đó. Thừa-nhận quyền chống-đối của thiểu-số tức là công-nhận rằng quyền của thiểu-số phát xuất từ một dữ-kiện cao hơn lĩnh-vực chi-phối pháp-luật thực-tại (droit positif). Theo nghĩa đó, quyền đối-lập có thể được xếp vào loại những quyền tự-nhiên (droits naturels). « Đối-lập là quyền đầu-tiên trong những quyền của chúng ta, là nhiệm vụ lành-mạnh nhất trong những nhiệm-vụ của chúng ta » (7). Lành-mạnh, bởi vì nếu người bị-trị không có tự-do chống-đối, nền dân-chủ đặt căn bản trên sự tranh-luận sẽ không còn tồn-tại : Không có tranh-luận dân-chúng sẽ không còn tự-do lựa chọn nhà cầm quyền, và qua nhà cầm quyền, lựa chọn chính-sách. Không có tranh-luận, những người có tài và có kinh-nghiệm sẽ bị loại ra ngoài vòng chính-trị; do đó những người của đa số vì không có đối thủ sẽ không còn lý do nào để tự kiểm-soát mình. Sự độc-quyền tư-tưởng, độc-quyền hành-động là hình-thức đáng sợ nhất trong các chính-thể mệnh-danh là dân-chủ ngày nay.

Các chính-thể độc-tài tự-hào là cai-trị với sự thỏa-thuận của dân-chúng. Ta không chối cãi rằng điều đó có thể xảy ra trong thực tế. Tuy nhiên điểm

---

6) M. Duverger, Démocratie libérale et Démocratie totalitaire trong Vie intellectuelle tháng 7-1948 trang 57.

7) Proudhon, Oeuvres, viện dẫn trong G.Burdeau, Traité de Science Politique, Tome V trang 573.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

khác biệt căn-bản giữa một chính-thể độc-tài với một Chính-thể dân-chủ thực-sự là phương-pháp nhờ đó Chính-phủ đạt được sự thỏa-thuận của người bị trị. Các chính-thể độc-tài tạo ra sự thỏa-thuận đó bằng cách độc-quyền sử-dụng — một cách khéo-léo — những phương tiện tuyên truyền, nhồi sọ trong quần chúng. Không có hình-thức tước-đoạt tự-do nào ghê-tởm mà khéo-léo hơn sự tước-đoạt tự-do mà kẻ bị tước đoạt vẫn tin rằng mình còn tự-do : các người sống trong các chính-thể độc-tài có thấy chăng hình-ảnh một đàn cừu bị dẫn đến lò sát-sinh mà vẫn « tự-do » tin rằng người đang dẫn mình là kẻ che-chở, giải-phóng cho mình khỏi cái họa chó sói ?

Trong chính-thể dân-chủ thực-sự, trái lại; sự thỏa-thuận của dân-chúng là kết-quả của một sự va chạm giữa những ý-tưởng trái ngược được tự-do phát biểu. Chính-phủ — phe đa số — dự vào cuộc đấu một cách bình-đẳng. Chính vì thiểu-số được coi như có giá trị tự bản-chất của nó, chính vì thiểu-số là bộ mặt có thể thấy được, sờ được của tự-do, cho nên dù kết-quả của cuộc tranh-chấp ra sao đi nữa, quyền của thiểu số vẫn không hề bị xâm-phạm : giá trị của tự-do không tùy-thuộc vào sự thành-công. Không khiến được người khác theo ý của mình, tự-do vẫn được bộc-lộ, rõ-rệt bằng sự phủ-nhận.

2) Đối lập cần-thiết cho đa số. —

a) *Đối lập bảo-vệ uy-thế của chính-quyền.* — Không có đối-lập, đa số chỉ là một sức mạnh máy-móc : có sức mạnh thật đấy, nhưng không có Uy-quyền, có thể bắt người khác tuân theo, nhưng không thể khiến người ta kính-phục. Con số có giá-trị là con số tạo ra được sau một cuộc tranh chấp với các khuynh-hướng đối-lập, cũng như kẻ hiệp sĩ ngày xưa chỉ được tiếng anh-hùng sau khi hạ được địch-thủ. « Chiến-thắng không gian lao thì khải hoàn không vinh-dự » (8), câu thơ đó của Corneille áp-dụng vào trường hợp này quả là đúng. Sự thảo-luận rộng-rãi trong một khung-cảnh tự-do làm chứng cho giá-trị của giải-pháp đã được chấp-nhận. Hiểu như thế, đối-lập tuy chống lại quyền-hành nhưng chính thực là ủng-hộ quyền-hành, tạo uy-thế cho quyền-hành (9).

---

8) « A vaincre sans péril, on triomple sans gloire » Le Cid.

9) Guizot, Des moyens de gouvernement et d'opposition dans l'Etat actuel de la France, viện dẫn trong Burdeau, Traité de Science Politique, Tome V trang 576

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

b) *Đối-lập kích-thích đa số.* — Thông thường đối-lập ngăn-cản cho đa số lạm-dụng sức mạnh của mình; đối-lập buộc đa-số phải luôn luôn tự kiềm-soát mình. Sự hiện-diện của đối-lập cũng như một liều thuốc kích-thích đa-số. Muốn giữ vững uy thế của mình, luôn luôn đa-số phải tích-cực hoạt-động để tranh-dành nhân-tâm với thiểu-số. Những ý-kiến của đối-lập bao giờ cũng được đa số xem xét cẩn-thận để hoặc bác-bẻ, hoặc thâu nhận những điều hay lẽ phải.

3) Đối lập cần-thiết cho sự điều-hòa liên-tục của đời sống chính-trị.

Vai trò chính yếu của đối-lập là chủ-trương một chính sách để thay thế cho chính-sách của đa-số đang cầm quyền.

Hoàn cảnh chính-trị không phải luôn luôn nhất-định. Thái-độ của dân-chúng cũng luôn luôn đổi thay. Chính Đối-lập bảo-đảm cho sự thay đổi thái-độ đó được diễn ra trong khuôn-khổ hợp-pháp và không phương hại đến sự liên tục của đời sống chính-trị. Nhờ sự hiện-diện của Đối-lập mà hậu-quả của những cuộc đầu phiếu không thành ra nguy-hiểm : những khuynh-hướng đã bị thất-bại trong cuộc bầu-cử vẫn đặt hy-vọng nơi Đối-lập để chờ-đợi một sự phục-thù; những khuynh hướng đó vẫn luôn luôn có mặt trong hoạt-động chính-trị và sẽ là những bàn tay nâng đỡ, ủng hộ một chính-phủ có thể lên thay thế cầm quyền trong tương lai. Đây là một đặc điểm vô-cùng quan-trọng trong đời sống dân chủ. Thực vậy, nếu dự-định rằng thế nào cũng có ngày mình lên nắm chính quyền, Đối-lập sẽ không có những thái-độ cứng rắn, không dùng những biện pháp bạo động, không chỉ-trích vu-vơ, không hứa-hẹn hão-huyền, không đưa ra những chương-trình mỵ dân, thiếu xây dựng... Nếu Đối-lập ngày hôm nay có thể là Đa-số của ngày mai, những khó-khăn đang chờ-đợi của ngày mai sẽ định đoạt thái-độ hiện-tại của Đối-lập. Có ai lại phá-hủy gia-tài mà mình sắp được hưởng ? Có ai đập nát dụng cụ mà mình sẽ sử-dụng ? Vì vậy có thể nói rằng đối-lập duy-trì sự liên tục của chính-quyền.

Những sự nhận-xét trên về vai trò của Đối-lập trên phương-diện lý-thuyết không khỏi có tính cách ảo-tưởng một đôi phần. Nhưng vai trò đó, nếu có chỗ không hợp với hoàn-cảnh chính-trị hiện thời nữa, thì trái lại, hoàn-toàn phù-hợp với những điều-kiện xã-hội và trí-thức của một Quốc-gia tự-do. Trong một Quốc-gia tự-do, quyền hành bị hạn-chế vào việc quản-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

trị một xã-hội hiện-tại; trong một Quốc-gia tự-do, dân chúng tin-tưởng ở những lợi-ích của sự tranh-luận do lý-trí hướng-dẫn; trong một Quốc-gia tự-do, dân chúng đặt hết lòng lạc-quan vào sự cạnh-tranh — cạnh tranh trên lĩnh-vực chính-trị cũng như thương mại; nói tóm lại, tất cả mọi tin tưởng của chế-độ tự-do đều phù-hợp với một sự đối-lập có kỷ-luật nhưng được tôn-trọng, mạnh mẽ nhưng ngay thẳng (10).

Vì vậy trong các nước dân-chủ Tây-phương, luật-pháp quy-định để bảo-vệ sự độc-lập và tự-do của khuynh-hướng đối-lập. Đối-lập hoạt-động một cách hợp-pháp sẽ tránh được những cuộc cách-mạng đẫm máu vẫn thường xảy ra ở các nước Á-Phi và Châu-Mỹ La-Tinh.

II. — TỔ-CHỨC CỦA ĐỐI-LẬP TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ

Nguyên tắc phân quyền cổ-điển chia nhiệm-vụ chính-trị trong nước cho hai cơ-quan lập-pháp và hành-pháp ngày nay đã bị giảm giá-trị. Người ta căn cứ vào một sự phân biệt mới hợp với thực-tế hơn : phân biệt giữa *nhiệm-vụ cai-trị* và *nhiệm-vụ đối lập* (11). Đặc-tính cốt yếu của các chế-độ dân-chủ « Tây-phương » là sự hiện-diện của một đối-lập có tổ-chức; đặc tính căn-bản của các chế-độ dân-chủ « Đông-phương » là không có đối-lập.

Ngày nay, trong chế-độ dân-chủ thực-sự, đối-lập được thể-hiện qua hệ-thống các chính-đảng. Một tác-giả danh tiếng, Bryce, đã nói rằng các chính-đảng « mang lại trật tự từ sự hỗn-loạn của vô số những cử-tri », và Disraeli cũng nhấn mạnh : « Không thể có một chính-thể đại-nghị nếu không có một chính thể đảng-phái » (12). Ngày xưa Cổ La-Mã có các hộ-dân-quan (tribuns de la plèbe) để bảo-vệ quyền-lợi của giới bình-dân, ngày nay các đảng đối-lập vai trò bảo-vệ quyền-lợi của các giới thiểu-số (13).

---

10) Xin xem G.Burdeau, sách viện dẫn, Tome V trang 578.
11) M.Duverger, Les partis politiques, 1951, trang 452.
12) Viện dẫn bởi Hugh Gaitskell, Opposition in Older Democracies, trong Democracy in the New States, New Dehli, 1959, trang 74.
12) Không phải chỉ ở các nước tự-do mới có các đảng đối-lập. Ta vẫn thấy các đảng đối-lập trong các quốc-gia độc-tài, nhưng những đảng này hoặc không được tổ-chức chặt-chẽ, hoặc hoạt-động một cách bất hợp pháp.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Vai trò đó được thực-hiện như thế nào trong đời sống chính trị thường ngày ?

Hai nhiệm-vụ chính của Đối-lập là *chỉ-trích, phê-bình* mọi hoạt-động và chính sách của chính-phủ đang cầm quyền, và *đưa ra một chính sách khác* để dân chúng lựa chọn trong cuộc bầu-cử. Như vậy có một Chính phủ đang cầm quyền và một — hay nhiều — Chính-phủ lúc nào cũng có hy-vọng sẽ lên thay thế.

Hai nhiệm-vụ trên được thực-hiện ra sao một phần lớn là tùy ở bản-chất của hệ-thống chính-đảng trong mỗi nước.

Gạt bỏ trường-hợp chế-độ độc-đảng ra ngoài, bởi vì trong chế-độ này không có đối-lập (14), ta chỉ xét ảnh-hưởng của các chánh-đảng đối với nhiệm-vụ đối-lập qua hai chế-độ lưỡng-đảng và đa-đảng.

1) Đối-lập trong hệ-thống đa-đảng. —

Trường-hợp điển-hình là Pháp. Điểm đặc-biệt nhất trên chính-trường Pháp là không đảng nào có thể tự mình cai-trị bằng lực-lượng của mình (16). Vì vậy thông thường các chính-phủ ở Pháp là một tập-hợp của nhiều khuynh hướng đảng-phái khác nhau (Gouvernement de coalition). Đặc-điểm đó đã mang lại nhiều hậu quả quan trọng :

a) Trước hết không đảng nào đủ sức thực-hiện được chương-trình của mình. Các biện-pháp dung-hòa vì vậy thường hay được áp-dụng : các chính-phủ ở Pháp nghiêng về bên hữu để mong biểu quyết được một vài đạo-luật, rồi lại quay về bên tả để mong chấp-thuận vài đạo luật khác. Do đó *không có sự phân biệt rõ-ràng giữa Chính-phủ và đối-lập.* Dù cho Chính-phủ dựa được vào một đa-số đi nữa, đa số này cũng không rõ ràng và vững chắc : luôn luôn có những phần-tử sẵn-sàng chạy qua hàng ngũ khác, luôn

---

14) Tại Nga-sô và các nước chư hầu, một hình-thức « đối-lập nội-bộ » khá đặc-biệt rất được phổ-biến : tự kiểm thảo (auto-critique). Các cán-bộ tại mọi giai tầng luôn luôn tự phê bình những hành-động và tự tô-giác những thiếu sót của mình. Các tác giả mác-xít gọi đó là hình-thức mới của « tự-do tư-tưởng ». Sự thực đây là một lối thú tội công-khai chứ không phải là một hình-thức đối-lập như họ chủ-trương, vì tự kiểm-thảo không phải có mục-đích chống lại chế-độ mà là tận diệt kẻ thù của chế-độ.

15) Tình trạng trước bầu-cử Quốc-Hội ngày 25-11-62 vừa qua. Trong cuộc bầu cử này, đảng của tướng De Gaulle đã chiếm được đa-số tuyệt-đối tại Quốc-Hội. Bộ mặt Chính-trị của Pháp nhờ đó đã thay đổi nhiều.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

luôn có những mưu mô để phân tán hay phá-hủy những liên minh. Hàng-ngũ đối-lập lại không gồm những phần tử đồng nhất : họ dễ tập hợp để *chống lại* một chính-sách hơn là để *ủng-hộ* một chính-sách. Do đó *không có cơ-quan nào thực-sự đảm-nhiệm vai trò đối-lập.*

b) Hơn nữa, vì phải dung-hòa đường lối với các đảng khác, vì không có một chương-trình rõ-rệt, vì không thể thực hiện được những lời tuyên-bố lúc tranh cử, các đảng-phái ở Pháp dần-dần *mất ý-thức trách-nhiệm.* Đối-lập có khuynh hướng đi vào đường lối mị dân : chỉ-trích bừa-bãi, hứa hẹn hão-huyền.

c) Sự tranh-chấp chính-trị ở Pháp không phải là một sự tranh-chấp giữa những chương-trình rõ-rệt, mà là một sự *tranh chấp về những nguyên tắc căn bản,* về bản-chất của chính-thể. Đảng Cộng-sản không thừa-nhận nguyên-tắc dân-chủ tự-do, không dung-nạp chế-độ đa-đảng, không công-nhận quyền đối-lập và quyền tự-do phát-biểu ý-kiến. Các đảng không Cộng-sản bác bỏ chế-độ độc-đảng, bác bỏ sự độc-tài của Quốc-gia, bảo-vệ quyền đối-lập và tự-do tư-tưởng. Giữa hai khuynh-hướng đó, sự tranh-chấp không phải ôn-hòa, ngay thẳng trong tinh-thần thể thao, mà là một cuộc tranh-chấp một mất một còn đối với đảng Cộng-sản: đảng Cộng sản lên cầm quyền sẽ tiêu diệt các đảng khác.

Một chính-thể như vậy rất mong manh, chỉ có thể tồn-tại chừng nào đảng độc-tài vẫn còn ở trong thế đối-lập, hay tuy cộng-tác trong Chính-phủ nhưng với một tỷ-lệ nhỏ. Nếu tự một mình nắm quyền, đảng đó sẽ tiêu-diệt mọi khuynh hướng khác. Vì vậy có tác-giả đã cho rằng Chính-thể lưỡng-đảng khó lòng áp-dụng thành-công ở Pháp, bởi vì một trong hai khuynh hướng thù-nghịch sẽ là đảng Cộng-sản : ngay khi đảng Cộng-sản thắng cử, hệ thống lưỡng-đảng sẽ bị hủy bỏ (16).

d) Cuối cùng, vì có nhiều chính-đảng cực-hữu và cực tả có khuynh-hướng mạnh hơn ở các nước khác. Cũng vì thế mà các đảng ở giữa thường hay liên-kết với nhau để lập chính-phủ, nhưng lại là những chính-phủ yếu

---

16) M.Duverger, les Partis Politiques, 1951, trang 460. Trong cuộc bầu-cử vừa qua, đảng Cọng-sản Pháp đã chiếm nhiều phiếu nhất sau đảng của tướng De Gaulle.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ớt và hay chết yểu (17). Những đảng cực-hữu và cực tả khó lên nắm quyền nên ta không lấy làm lạ khi thấy những sự chỉ-trích gay gắt thường do các đảng đó mà ra. Điều nguy-hiểm là sự đối-lập này không phải là đối-lập đối với Chính-phủ nào, mà là đối-lập với cả hệ-thống chính quyền và với chính cả nền dân-chủ.

Để tóm tắt, không ai chối cãi rằng ở Pháp có Đối-lập. Có thể nói rằng những sự chỉ trích ở Pháp còn nhiều hơn ở những nước theo hệ-thống lưỡng-đảng. Bất cứ lúc nào cũng có người sẵn-sàng chỉ-trích và đối-lập. Nhưng cả trong nghị-viện cũng như ở ngoài dư-luận quần-chúng, Đối-lập không được tổ-chức thực-sự. Đối-lập mạnh nhất là từ các đảng cực hữu và cực tả không muốn cộng tác với nhau, và vì khó lên nắm quyền nên cũng ít tinh-thần trách-nhiệm. Lúc tuyển-cử, không có những đường lối rõ-rệt để dân chúng lựa chọn lấy một; dân không biết đâu là « đối-lập», đâu là « chính-phủ » để lựa chọn.

Đối-lập ở Pháp rời-rạc, lộn-xộn, ít trách-nhiệm và liên tục.

2) Đối-lập trong hệ-thống lưỡng đảng. —

Ta sẽ xét hai trường hợp tiêu biểu : Anh (hệ-thống lưỡng-đảng cổ-điển) và Hoa-kỳ (một hệ-thống lưỡng đảng đặc-biệt).

A. — Đối lập ở Anh.— Không nước nào có một tổ-chức đối-lập hoàn hảo như ở Anh. Hai nhiệm-vụ chính của đối-lập nêu lên ở trên được thực-hiện một cách mỹ-mãn tại Anh : Đảng đối-lập ở Anh luôn luôn theo dõi và chỉ-trích hoạt-động của chính-phủ; đảng Đối-lập ở Anh có một chính-sách, một chương-trình rõ-rệt để dân-chúng, trong khi cầm lá phiếu, có thể lựa chọn hoặc chính-sách của Chính-phủ đang nắm quyền hoặc đường lối của đảng đối-lập : như thế đảng đối-lập ở Anh là một Chính-phủ đang thành tựu, một « nội-các bóng » (Shadow Cabinet). Đối-lập ở Anh được

---

17) Tình-trạng ở Pháp khác với các nước Thụy-điển, Na-Uy, Đan-Mạch. Tại các nước này cũng có nhiều đảng, nhưng lại có một đảng chiếm ưu-thế hơn các đảng kia, nghĩa là tuy không đa-số tuyệt-đối, nhưng cũng có một số ghế trội hơn các đảng kết-hợp với mình nhiều. Nhờ đó chính-phủ có thể theo đuổi một chính sách có hiệu-quả (cố nhiên với điều kiện đảng ưu-thế đó có tổ-chức có kỷ-luật gắt gao). Trái lại, các chính đảng ở đây không có những lý-thuyết, những tư-tưởng chống đối nhau, mà chỉ tranh nhau để nắm quyền, nên có thể dễ-dàng kết-hợp với nhau bền chặt.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tổ chức cả ở trong lẫn ngoài nghị-viện. Chương trình của đảng đối lập lúc tranh cử cũng là chương trình hành-động sau kỳ tuyển cử, nghĩa là tính cách *liên tục*.

Sở dĩ đối-lập ở Anh thành-công như vậy vì Anh theo chế-độ lưỡng-đảng, một chế-độ lưỡng-đảng có kỷ luật nghiêm-minh, có tổ-chức chặt-chẽ : đảng đa-số cầm quyền, đảng thiểu-số đóng vai đối-lập. Nhưng nhiệm-vụ đối-lập ở Anh được xem như một nhiệm-vụ công : Lãnh-tụ của đảng đối lập có một danh-hiệu chính-thức và được trả lương.

Tất cả những khuyết-điểm của đối-lập trong chế-độ đa đảng không tìm thấy ở đây.

a) Trước hết đây là một sự đối-lập *ôn-hòa, xây-dựng*. Đảng đối-lập chỉ trích trong ý-thức trách-nhiệm, và đưa ra một chương-trình có thể áp-dụng được. Sở dĩ như vậy vì đảng thiểu-số biết rằng một ngày kia mình sẽ lên cầm quyền, nếu hứa hẹn thái quá sau này sẽ không thực hiện được lời cam kết và do đó sẽ mất phiếu trong kỳ tuyển cử kế tiếp.

b) Sau đó, đây là một sự đối-lập *rõ ràng*: dân chúng có thể biết rõ những sự khác biệt giữa quan-điểm của đảng đa-số và đảng thiểu-số để lựa chọn. Trong những cuộc bàn cải tại Quốc-hội cũng như lúc tranh-cử, hai đường lối đối chọi với nhau khiến dân chúng theo dõi cuộc tranh chấp dễ-dàng và hứng thú như nhìn hai phe trong một trận túc cầu. Đối-lập rõ-ràng là một yếu-tố mang lại sự hữu-hiệu và vững bền của chính-thể Anh.

c) Hơn nữa, đối lập ở Anh có tính-cách *thẳng-thắn*.. Tinh-thần *fair-play* được áp-dụng trong trường chính-trị cũng như trong các cuộc thể-thao. Dự vào trận đấu, hai bên đều công-nhận những luật-lệ của trận đấu.

d) Sau cùng, và đây là một đặc điểm quan-trọng, *nhưng sự chỉ-trích không đã động đến những nguyên tắc căn bản*. Hai đảng Bảo-thủ và Lao-động có những quan-điểm khác nhau về sự sản-xuất sản-phẩm về sự phân phối lợi-tức v.v..., nhưng cả hai đảng đều hoàn toàn đồng ý về những nguyên tắc căn bản của chính-thể : Không người dân Anh nào muốn hủy-bỏ Hoàng Gia, không ai thừa nhận sự độc-quyền tư-tưởng, ai cũng bảo-vệ sự tuyển-cử tự-do, ngay thẳng ... (18).

---

18) H.J.Laski đã viết: « La politique anglaise, comme le déclara une fois Lord Balfour, était une controverse organisée; or quand les individus sont d'accord sur les grandes lignes de la controverse et désirent seulement discuter ses détails, quand c'est le un peu plus ou le un peu moins qui fait l'objet du débat et non les principes mêmes de la vie sociale, alors le succès du gouvernement parlementaire est facile » (Viện dẫn trong Burdeau, op.cit.T.v. p.567).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tất cả những đặc-tính trên đã mang lại cho nước Anh một chính-thể vững bền và hữu-hiệu mà tất cả quốc-gia khác trên thế-giới đều mong ước.

B. — Đối-lập ở Hoa-kỳ.

Hoa-kỳ cũng theo hệ-thống lưỡng-đảng, nhưng chế-độ lưỡng-đảng ở Hoa-kỳ không giống ở Anh, do đó đối-lập cũng mang một bộ mặt khác.

a) Trước hết, các chính đảng ở Hoa-kỳ *thiếu kỷ-luật*. Khác với ở Anh (19), các dân-biểu ở đây muốn bỏ phiếu thế nào cũng được. Vì vậy nhiều khi các dân-biểu thuộc đảng Cộng-Hòa lại bỏ thăm ủng-hộ đường lối của Chính-phủ Dân-chủ và trái lại. Các Chính-phủ ở Hoa-kỳ không bao giờ hy-vọng được hoàn-toàn các dân-biểu của đảng mình ủng-hộ, cũng như không bao giờ sợ tất cả các dân-biểu phe đối-lập chống lại. Trong tình-trạng đó, chế độ lưỡng đảng đã tiến đến gần chế-độ đa đảng, và đối-lập ở Hoa-kỳ, *trên bình diện Quốc-Hội* giống chính-thể Pháp hơn là Anh. Trong trường-hợp Tổng-Thống Hoa-kỳ thuộc một đảng, và đa-số ở Quốc-Hội thuộc đảng khác như trường-hợp Tổng-Thống Eisenhower hồi năm 1954, người ta khó biết đâu là Chính-phủ, đâu là đối lập.

Hơn nữa, trong thời-gian giữa hai cuộc tranh-cử Tổng-Thống, ta không biết ai là lãnh-tụ của đảng vừa thất-cử trong cuộc đầu phiếu vừa qua. Hiện giờ đảng Cộng-Hòa phải đợi đến kỳ Đại-hội của đảng mới có thể định-đoạt việc đưa ứng-cử-viên ra tranh-cử Tổng-Thống vào năm 1964 (20). Các chính-đảng ở các tiểu-bang lại còn độc-lập hơn nữa : các đảng-viên thuộc cùng một đảng được tự-do theo đuổi những đường lối và quan-điểm riêng của mình.

Tuy nhiên ta phải công-nhận rằng trên *bình-diện tuyển cử*, đối lập ở Hoa-kỳ có tổ-chức hơn, vì cuộc tranh-chấp hạn-chế vào hai đối-thủ, một bên ủng-hộ chính-quyền, một bên công-kích. Cuộc tranh-cử Tổng-Thống có tính cách ôn-hòa hơn, rõ-ràng hơn, và không đến nỗi mỵ dân vì bên nào cũng có hy-vọng sẽ gánh-vác trách-nhiệm Chính-phủ. Cuộc tranh-cử vào Hạ và Thượng-nghị-viện khác hẳn.

---

19) Các chính đảng ở Anh tổ-chức rất chặt-chẽ : có những người (gọi là whip) có nhiệm-vụ duy-trì và củng-cố kỷ-luật của đảng, Dân-biểu nào biểu-quyết ngược với đường lối của đảng sẽ bị trừng-phạt.

20) Ở Anh mọi người đều biết lãnh-tụ của mỗi đảng, và vì lãnh-tụ của đảng thắng cử sẽ là Thủ-Tướng, nên khi bầu cho một đảng nào, dân Anh đồng-thời chỉ-định cả vị Thủ-Tướng tương lai.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

b) Bản chất của đối-lập ở Hoa-kỳ cũng khác ở Anh và Pháp : đây không phải là một sự tranh-chấp trên nguyên-tắc, chủ-nghĩa, mà chỉ là một cuộc tranh-đấu để dành quyền — một đảng nắm quyền, một đảng muốn lên thay thế. Maurice Duverger phân-biệt ba loại tranh-chấp : tranh-chấp không nguyên-tắc, tranh-chấp về những nguyên-tắc thứ-yếu, tranh-chấp về những nguyên-tắc căn-bản (21). Hoa-kỳ thuộc loại thứ nhất, Anh loại thứ nhì và Pháp, thứ ba.

Nhiều người trách rằng đối-lập ở Hoa-kỳ mất hẳn ý-nghĩa thực-sự, và dân chúng không thể căn cứ vào những cuộc tranh chấp giữa hai chính-đảng để định-đoạt thái-độ đối với những vấn-đề trọng-đại quan-hệ đến sự sống còn của đại cường-quốc đang dẫn đầu thế-giới tự-do này.

Tính-cách địa-phương (localisme) trong chính-sách Hoa-Kỳ cũng là do thiếu một chủ-nghĩa, một nguyên-tắc trong các chính đảng Hoa-kỳ: vì thiếu một chủ nghĩa nên những cuộc tranh-chấp chính-trị chỉ quy-tụ trên những vấn-đề liên quan đến những quyền-lợi riêng biệt và địa phương. Cũng vì thiếu một chủ-nghĩa nên trong những cuộc tranh-cử Tổng-Thống, tư cách cá-nhân của ứng-cử-viên đóng phần quan-trọng.

Ta đã đơn-giản-hóa vấn-đề bằng cách so-sánh nhiệm-vụ đối-lập trong ba quốc-gia tiêu-biểu : Pháp, Anh và Hoa-kỳ.

Ta nhận thấy :

— Ở Pháp chỉ-trích thì nhiều, nhưng không có tổ-chức, còn việc thành lập một Chính-phủ thứ hai để đưa ra cho dân chúng lựa chọn với Chính-phủ đang cầm quyền, ở Pháp nhiệm-vụ đó chẳng hề được thực hiện.

— Ở Hoa-Kỳ, Chính-phủ cũng phải lo chống đỡ những mũi tên phê-bình nhất là từ Quốc-Hội. Nhưng trong khoảng thời-gian giữa những cuộc tuyển-cử, đối-lập không được tổ-chức chặt-chẽ như ở Anh. Tuy vậy trong cuộc tranh-cử, dân chúng có thể lựa chọn giữa hai đường lối; mỗi đảng có một chương-trình riêng và trình bày trước dân chúng để dân lựa chọn.

— Ở Anh, hai nhiệm-vụ của đối-lập được hoàn-thành mỹ-mãn nhất: phe đối-lập chỉ-trích Chính-quyền cả lúc tranh-cử lẫn trong suốt thời-gian những cuộc tranh cử; đảng đối-lập được tổ-chức chặt-chẽ như một Chính

---

21) Les Partis Politiques, 1951, trang 458.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

phủ, có Thủ-Tướng và các Bộ như một Nội-các thật (Shadow Cabinet) để đưa ra cho dân chúng so-sánh với Chính-phủ đang cầm quyền.

Theo Hugh Gaitskell— lãnh-tụ đảng đối-lập Anh vừa mới quá-cố— (22) đối-lập, muốn đạt đến trình-độ cao như ở Anh, cần có hai điều-kiện cốt yếu sau, ngoài điều-kiện lưỡng-đảng :

1) Những điểm khác biệt giữa hai đảng-phái không được sâu xa đến độ một đảng thà tiêu hủy nền dân-chủ, hơn là để đảng kia lên cầm-quyền, nhưng đồng thời cũng phải không được sơ sài quá đến độ sự lựa chọn của dân chúng thành ra vô-nghĩa. Nói một cách khác, như ta đã thấy ở trên, sự tranh-chấp chỉ liên-quan đến những nguyên-tắc thứ yếu (une lutte sur des principes seconds) chứ không đả động đến những nguyên-tắc căn-bản.

2) Phải có một số « cử-tri bập bênh » nghĩa là những người có khuynh hướng thay đổi ý-kiến. Nếu không có số phiếu của loại người này, một đảng sẽ luôn luôn nắm quyền, và điều đó vô cùng nguy-hiểm cho nền dân-chủ. Một đảng ở mãi trong Chính-quyền dần dần sẽ có khuynh-hướng độc-tài, còn đảng kia luôn luôn bất-lực sẽ đâm ra hằn-học, chỉ-trích bừa-bãi, mất hẳn ý-thức trách-nhiệm. Xét trong đời sống chính-trị ở Anh ta thấy rõ có sự luân phiên cầm quyền giữa hai đảng Bảo-thủ và Lao-động. Trái lại tại Cộng-Hòa liên-bang Đức, đảng Xã-hội Thiên-chúa-giáo của Thủ-Tướng Adenauer vẫn cầm quyền từ sau thế chiến thứ hai. Nhiều tác-giả đã nêu lên mối e-ngại này đối với chính-thể dân-chủ nghị-viện ở quê hương của Hitler (23).

***

Bàn về vấn-đề đối-lập trong các chính-thể dân-chủ Tây-phương, ta không thể nêu lên câu hỏi : Có thể quan-niệm một sự đối-lập theo kiểu Tây-phương tại các quốc-gia Á-Phi mới độc-lập và kém mở-mang không ?

Đây là một vấn-đề tối quan-trọng cần phải nghiên-cứu kỹ-lưỡng. Ở đây chúng tôi chỉ xin đề cập đến một cách hết sức sơ-lược.

---

22) Opposition in Older Democracies trong Democracy in the New States, trang 82.83.

23) Xem G.Burdeau, Droit Constitutionnel et Institutions Politiques, 1959, trang 202, 203.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ai cũng thấy rằng đối-lập ở Anh là một yếu-tố làm cho chính quyền thêm mạnh và hữu-hiệu. Ai cũng thấy rằng một sự đối-lập đứng-đắn và xây-dựng có thể diệt trừ được nạn tham-nhũng, thối-nát tại một số quốc-gia Á-Phi. Nhưng du-nhập hệ-thống đối-lập ở Anh qua các nước hậu-tiến này phải chăng là một chuyện điên-rồ ? Một nền dân chủ gán ép từ bên ngoài mà không có những điều-kiện để sinh-sống ở bên trong sẽ là một chế-độ dân-chủ bệnh-hoạn.

I. — CÁC NƯỚC Á-PHI ĐANG Ở TRONG TÌNH-TRẠNG KHÓ-KHĂN

Ta chỉ kể ở đây ba khó khăn chính :

a) Sự đe-dọa của Cộng-sản.— Cộng-sản là một đám mây đen chực che lấp vầng trăng dân-chủ tại các quốc-gia Á-Phi. Tại các quốc-gia này, có nước đang chiến-đấu một mất một còn với chủ nghĩa Cộng-sản (Việt-Nam Cộng-Hòa, Đại-Hàn, Trung-Hoa Quốc-gia...) nên e-ngại rằng đối-lập tự-do có thể bị Cộng-sản lợi-dụng, có nước vẫn để cho đảng Cộng-sản hoạt-động, nhưng kiểm-soát rất ráo-riết, có nước loại hẳn đảng Cộng-sản ra khỏi hoạt-động chính-trị. Điều này không có gì lạ, bởi vì bản-chất đảng Cộng-sản vốn là một đảng độc-tài, chủ-trương của đảng này là lên nắm quyền để loại bỏ hẳn các đảng khác và cả nền dân-chủ.

b) Sự phát triển kinh-tế.— Hầu hết các nước Á-Phi đều nghèo khổ, đang muốn mang đôi hia bảy dặm để hòng theo đuổi các đàn anh Tây-phương, giải-phóng khỏi tình-trạng kém mở-mang. Những chương trình kinh-tế được vạch ra, và mọi cố-gắng đều tập-trung vào việc thực-hiện những chương-trình đó. Trong những nước còn thiếu kinh-nghiệm dân-chủ, kém trình-độ giáo-dục, người ta e ngại rằng việc thực-hiện những chương-trình nói trên sẽ khó-khăn nếu phe đối-lập không đồng quan-điểm cứ thường-xuyên chỉ trích, chống-đối, hay xúi-dục dân chúng chống lại luật-lệ và phá-hoại chính-sách của Chính-phủ. Kế hoạch kinh-tế, cũng như chiến-tranh, bao-hàm nhiều sự cưỡng-bách đối với các nước hậu-tiến đang cần xây-dựng một nền móng cho nền kinh-tế trong nước. Chiến-tranh muốn thắng-lợi cần có sự ủng-hộ của dân-chúng; kế-hoạch kinh-tế cũng vậy, muốn thành-công, cần phải có hậu-thuẫn chính-trị, nhất là trong giai đoạn đầu tiên.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

c) Các lực-lượng phản-động của xã-hội cũ.— Sự canh-tân quốc-gia trong các nước Á-Phi thường gặp phải sự chống đối của các lực lượng phản động trong xã-hội cũ : các nguyên-tắc cổ-hủ của Hồi-giáo, sự phân-biệt giai-cấp, tính bướng-bỉnh của các bộ-lạc lạc hậu.

Nhiệm-vụ khó khăn của nhà cầm-quyền là phải chiến-thắng mọi tư-tưởng lạc-hậu đã ăn sâu vào tâm-khảm của một số dân. Thủ-Tướng Nehru đã có lần nói : « Ai bảo rằng các lực-lượng đối lập ở Ấn-Độ là yếu ? Đối-lập mà chúng tôi phải chiến-đấu là chủ nghĩa ngu-dân và tính lười biếng của dân-chúng... » (24).

2. — CÁC NƯỚC Á-PHI THIẾU NHỮNG ĐIỀU-KIỆN THÀNH-CÔNG CỦA MỘT CHẾ-ĐỘ ĐỐI-THOẠI

Muốn một chính-thể xây-dựng trên sự tự-do đối-thoại được thành-công cần phải có những điều-kiện tối-thiểu sau :

a) Dân-chúng phải có một trình-độ giáo-dục về Chính-trị khá đầy đủ.— Muốn phát-biểu đúng-đắn nguyện-vọng của mình lên nhà cầm-quyền, cũng như muốn theo dõi những cuộc tranh-luận tại Quốc-Hội hay trong những cuộc tranh-cử, dân-chúng phải có một cái vốn trí-thức khá cao. Cuộc đối-thoại không phải chỉ thu gọn vào một nhóm trí-thức trong Chính-phủ và Quốc-Hội, trái lại phải mở rộng ra trong mọi tầng lớp dân-chúng. Người dân cần phải hiểu và để ý đến những lý-lẽ nêu lên trong cuộc bàn cãi cùng những quyết-định đã được chấp-nhận. Muốn thế, những tự-do công-cộng cần phải được bảo-đảm nhất là tự-do báo-chí, tự-do hội-họp, tự-do hiệp-hội (liberté d'association); chưa đạt được trình-độ trưởng thành về chính-trị những tự-do nói trên khó lòng được sử-dụng một cách hoàn-hảo : cần phải biết dung-nạp và kính-trọng ý-kiến của người khác, cần phải biết chấp-nhận kết-quả của cuộc tranh-chấp, cần phải ngay-thẳng trong khi sử-dụng tự-do... tất cả những điều đó là công-trình của một tập quán văn-minh.

---

24) Viện dẫn trong Asoka Mehta, Opposition in the New States, Democracy in the New States, trang 93.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

b) Trình-độ phát-triển kinh-tế và xã-hội khá cao.

Muốn một chế-độ tranh-luận thành-công, mực sống của dân-chúng cần phải khá cao. Nếu dân nghèo-khổ quá, họ sẽ không thể nào tin được rằng những biện pháp nữa chừng, những cuộc bàn-cãi dông-dài tại Quốc-hội có thể là chiếc đũa thần làm biến đổi hoàn-cảnh của họ. Kẻ thù đầu tiên của Chính-thể đối-thoại là sự khó-khăn về kinh-tế. Chính nhờ những điều-kiện kinh-tế thuận-lợi hồi đầu thế-kỷ 19 mà các chính-thể tự-do đã nảy nở tốt đẹp ở Âu-châu; sau này cũng chính vì sự bất-lực của nền kinh-tế tự-do đối với các vấn-đề xã-hội mà các chính thể tự-do dần-dần mất giá-trị.

Do đó chế-độ tranh-luận không phù-hợp với việc xây dựng lại một xã-hội mới (25). Hầu hết các nước đang thực-hiện một cuộc cách-mạng kinh-tế và xã-hội đều gạt bỏ đường lối tranh-luận.

c) Cần phải có một xã-hội đồng-nhất. — Đồng nhất phương-diện chủng-tộc, ngôn-ngữ, tiến-hóa... Đã đành, còn phải đồng nhất về phương-diện tinh-thần nữa. Đồng nhất về tinh-thần có nghĩa là dân chúng đều thừa-nhận một vài giá-trị căn-bản, trước tiên là thừa-nhận xã-hội hiện-hữu. Dân chúng không thể vì mong muốn thực-hiện một xã-hội tốt đẹp hơn mà nỗi dậy phá hủy hoàn-toàn trật-tự hiện-tại.

Ba điều-kiện tối thiểu trên, các nước Á-Phi đều thiếu.

a) Đại đa-số dân-chúng đều thất học, mù chữ. Ở Indonesia chẳng hạn, quá 60% dân chúng không biết đọc biết viết (26). Cơ quan UNESCO đã làm một bản so-sánh số người thất-học ở Á-Phi với Âu-Mỹ như sau :

Khu vực	số thanh niên thất học	tỷ số thanh-niên thất học
Bắc Âu và Tây-Âu	1 tới 2 triệu người	1 tới 2%
Bắc Mỹ Châu	4 tới 5 triệu người	3 tới 4%
Phi Châu	98 tới 104 triệu ng	80 tới 85%
Á-Châu	510 tới 540 triệu ng	60 tới 65% (27)

25) Burdeau, Traité de S.P. T.V. trang 568.
26) Articles et Documents 30-7-1957 số 0.537.
27) Theo Trần-văn-Minh, Quê-Hương số 6 tháng 12-1959.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

b) Mực sống của dân-chúng Á-Phi quá thấp kém so với các nước Âu-Mỹ (28).

c) Xã-hội Á-Phi không đồng-nhất. Đã đành Pháp và Anh cũng không tự-hào là những quốc-gia đồng-nhất (ở Anh chẳng hạn, dân Scots vẫn còn biểu-lộ nỗi bất-mãn), nhưng những mối bất hòa ở đây không bao giờ trầm-trọng đến nỗi phải gây chia rẽ, xâu xé.

Tại các nước Á-Phi, trái lại, những mối chia rẽ trong nước không sao giải-quyết nổi và đe-dọa trầm-trọng nền thống-nhất quốc-gia. Các tiểu-bang ở Miến-Điện, các hòn đảo ở Nam-Dương đã từng dùng khí-giới để đòi tự-trị. Ở Nigeria, các lãnh-tụ chính-trị của 3 chủng-tộc quan-trọng nhất Ibo, Yoruba và Hausa cũng muốn ly-khai (29). Chính-quyền càng bất-lực, nỗi bất-bình của dân chúng càng tăng, các khuynh-hướng đối-lập càng triệt-để khai-thác những khía-cạnh tình-cảm của dân bằng những mối chia-rẽ cổ hữu hoặc là tôn-giáo, ngôn ngữ hay bộ lạc.

Đối lập trong các nước hậu-tiến Á-Phi lâm vào một thế-bí : hoặc bất-lực, hoặc chia rẽ.

Đứng trước những mối khó khăn vừa kể phải chăng vấn-đề đối-lập trong các nước Á-Phi là một chuyện không tưởng ?

Ta đã thấy nhiều nước Á-Phi sau khi đã thất bại với chính sách đa đảng công-nhiên tuyên-bố sẽ thành-lập chính-sách độc-đảng và không thừa-nhận đối-lập. Cộng-Hòa Ả-Rập Thống-Nhất đã tuyển 5.000.000 đảng viên đầu tiên vào đảng duy nhất trong nước, Liên hiệp xã-hội Ả-Rập (Union Socialiste Arabe) (30). Quốc-Hội Ghana đã biểu-quyết, với một đa-số khổng-lồ một kiến-nghị yêu-cầu thiết-lập hệ-thống độc-đảng trong nước. Ông Sulemanu Idrissue, tác-giả của bản kiến-nghị, đã tuyên-bố rằng hệ-thống cổ-truyền Phi-Châu không trù-liệu sự đối-lập. Một dân-biểu khác, Yao Boateng, cũng nói rằng sự tranh-chấp giữa Chính-phủ và Đối-lập là một ý-niệm dân-chủ nhập-cảng từ Tây-phương, hoàn-toàn xa-lạ đối với Phi-Châu (31). Khuynh-hướng này càng ngày càng bành trướng tại Phi-Châu.

Trái lại, các lý-thuyết gia Tây-phương vẫn chủ-trương rằng các nước Á-Phi nên cố-gắng phát-triển một sự đối-lập có tổ-chức, có hiệu-quả hơn

---

28) Xin xem chi-tiết cùng các con số trong các bài khảo-luận của Trần-văn-Minh trong tạp-chí Quê-hương.

29) Asoka Mehta, sách viện dẫn; trang 87.

30) Le Monde, 6-12-62.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

là đàn-áp đối-lập. Nếu không có đối-lập đứng-đắn, Cộng-sản và những lực-lượng phản dân-chủ lại càng dễ lợi-dụng những sự bất-bình, phẫn-uất trong dân-chúng (32).

Việc lựa chọn giữa hai giải-pháp trái ngược trên là một vấn-đề sinh-tử đối với nền dân-chủ đang còn phôi-thai trong các nước hậu-tiến Á-Phi.

Và đây là một sự lựa chọn : Hiến-pháp Maroc vừa được dân-chúng chấp-thuận trong cuộc trưng-cầu dân-ý ngày 7-12-1962 đã can đảm ghi trong điều 3 : « Không thể có một đảng duy nhất ở Maroc » (Il ne peut pas y avoir de parti unique au Maroc) (33).

Một chiếc bè đang cố gắng chèo ngược lại giòng nước. Liệu bè có vượt được sóng chăng ?

CAO HUY THUẦN

31) Theo Journal d'Extrême Orient.
32) Hugh Gaitskell, sách viện dẫn trang 85.
33) Xem Maurice Duverger, la Nouvelle Constitution marocaine, le Monde 30-11-1962.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

VÀI NÉT VỀ SINH HOẠT CỦA

Hát Quan họ trong truyền thống văn-hóa dân-gian

LÊ - VĂN - HẢO

I. — HÁT QUAN-HỌ TRONG BỐI CẢNH VĂN-HÓA TỈNH BẮC-NINH

Trong nền văn chương truyền miệng phong phú của dân tộc Việt-Nam, cũng như của tất cả các chủng tộc, dân tộc khác ở Đông nam châu Á, những bài hát phong tình đối đáp (chants d'amour alternés) giữa thanh nam thanh nữ, chiếm địa vị quan trọng nhất (1).

Đặc biệt ở tỉnh Bắc ninh miền trung du Bắc Việt có loại dân ca trữ tình gọi là *Hát Quan họ*. Tìm hiểu Quan họ Bắc ninh là một dịp giúp ta đi sâu vào nền văn hóa dân gian cổ truyền.

Đất Bắc ninh, xưa gọi là đạo Bắc Giang, rồi đổi là trấn Kinh bắc, một miền giàu có về mặt dân ca, cũng là một vùng nổi tiếng về phong quang cẩm tú (2); về điền địa phì nhiêu (3); về sắc đẹp, duyên dáng và tình tứ của

---

1) Xem các mục Littérature Man, Littérature Siamoise, littérature Birmane, littérature Laotienne, littérature Cambodgienne trong quyển Histoire des littératures, t. I : Littératures anciennes, orientales et orales (sous la direction de R. Queneau, Encyclopédie de la Pléiade, Paris, Gallimand, 1956).

2) Phan huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí, (bản dịch VSHVN, 1960) : Dư địa chí, quyển III, trg. 86-94 : « Mạch đất tốt tụ vào đấy nên càng nhiều chỗ có dấu tích đẹp; tinh hoa họp vào đấy nên sinh ra nhiều danh thần... phong tục dân phần nhiều chuộng văn hóa, ít quê kệch... ruộng cấy lúa mùa rất tốt, việc làm ruộng, việc trồng dâu đều phồn thịnh ».

3) Như thế.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đàn bà, con gái (1); về thông minh, hay chữ và thành đạt của danh thần, văn sĩ (2). Bắc ninh lại là một trọng tâm nguyên thủy của dân tộc và văn minh Việt-Nam, nơi có nhiều dấu vết cổ tích và lịch sử xưa nhất ở miền Bắc(3), nơi có nhiều miếu, đình thờ những thần Thành-hoàng cũ nhất trong tôn giáo dân gian (4). Nếu các vết tích kỳ cựu và quan trọng nhất của *tổ tiên người Việt* là người Lạc Việt và của văn hóa Đông-sơn đã nằm trong lòng miền Thanh-hóa, thì căn nguyên, quê quán của văn hóa Việt-Nam chính là đất Bắc ninh.

Cách xa cố đô Thăng-long chừng 30 cây số, Bắc-ninh « có nhiều ruộng đồng bát ngát, có nhiều đồi trọc nhấp nhô;... có núi Hồng Vân, sông Tiêu-tương, có chùa Lim, chợ Cầu », có những nông dân sống cuộc đời lao động rất nhọc nhằn cần mẫn, nhưng ngôn ngữ và con người của họ thì « nhẹ-nhàng duyên dáng như lời ca Quan họ » (5). Trong bối cảnh lịch sử và văn hóa này, ta có thể tưởng rằng nhân dân Kinh-bắc đã có những thời được sống an nhàn thoải mái hơn các vùng khác và nhờ đó họ mới sáng tác nên một loại hát trữ tình sâu sắc tế nhị đem ra hát đối đáp giữa gái trai trong những dịp lễ lạc mùa xuân.

Sau khi xét qua nội dung tình cảm, hình thức văn chương và âm nhạc của hát Quan họ, ta sẽ xét đến sinh hoạt của nó trong truyền thống văn hóa dân gian, do đó ta có thể nhấn mạnh về mấy đặc tính của nó về mặt phong tục học.

---

1) Vũ ngọc Phan : Tục ngữ và dân ca (tái bản 1961) trg. 314 : « Người con gái đất Bắc ninh đã nổi tiếng về sắc đẹp, về tình tứ từ lâu. Giai cấp phong kiến thống trị đã biết như thế, nên trong thời Lý, trong thời Lê-Trịnh, con gái Kinh bắc đã là nạn nhân... bị tuyển vào làm cung phi khá nhiều ».

2) Phan huy Chú : sách đã dẫn, trg. 86-94.

3) L. Bezacier, L'Art Vietnamien, Paris 1955, xem họa đồ « Carte des Monuments Historiques classés du Tonkin et du Nord Việt-Nam »
và Nguyễn văn Huyên, Contribution à l'étude d'un génie tutélaire annamite : Lý phục Man, extr. Bull. de l'Ec. Franc. d'Ex.-Or. t. XXXVIII, 1938, trg. 15-16.

4) Nguyễn văn Huyên : A propos d'une carte de répartition des génies tutélaires de la province de Bắc ninh, Bull. de l'Inst. Indoch. pour l'ét. de l'Hom. t. III, fasc. 1, trg. 137-55.

5) Lưu Khâm, Nguyễn đình Tấn, Nguyễn Viêm, Tìm hiểu nguồn gốc và sinh hoạt của quan họ Bắc-ninh, TSAN số 1 (tháng 6-1956) trg. 17.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

II. — NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC HÁT QUAN HỌ

Cũng như hầu hết các loại dân ca trữ tình ở nước ta, hát Quan họ vay mượn nhiều nơi phong dao. Hầu hết các bài Quan họ đều đặt theo lối thơ lục bát hay lục bát biến thể. Đó là những bài tình ca do « nam nữ thanh niên Bắc ninh hát lên để ca tụng tình yêu, nói lên những oán trách, hờn ghen và giận tủi về yêu đương, những tâm tình sôi sục về yêu đương » (1).

Tính chất trữ tình của các điệu hát ấy có thể chia ra thành mấy loại như : loại bài có tính chất nhẹ nhàng, chân thật, vui tươi, cởi mở, hoạt bát, thoải mái (ví dụ bài *Mây khi khách đến chơi nhà, Con cua, Con chim khôn, Con gà vàng*) loại bài có tính chất bày tỏ, tin tưởng, lạc quan, yêu đời, trìu mến (bài *Gương vỡ lại lành, Một trăm thứ hoa, Luyện sơn trang)* loại bài tình tứ, duyên dáng, thắm thiết, say sưa (bài *Gửi thư, Người xinh, Nhất ngon là mía lan điền, Đôi ta như nước trong chum) ;* có loại mang tính chất vui tươi nửa trào phúng, nửa tình tứ một cách ý nhị (như bài *Cây gạo cao cao*) có loại đượm nhớ nhung trách móc (bài *Giả bạn, Mặt trời đã xế về tây, Người về bỏ bạn sao đành)*(2). Trong các bài Quan họ nhiều nhất là những bài để tỏ tình, rất ít bài nói lên sự thật tình, nhưng trong tỏ tình cũng có nhiều hình dáng : khi thổ lộ tâm tình, khi thăm dò lòng bạn, khi hy vọng, mong mỏi nhớ nhung người tình, khi trách móc hờn giận ghen tuông người tình, nhưng kết cuộc những câu thổ lộ tâm sự cùng là để thăm dò tình bạn là nhiều hơn cả :

— Anh như cây gỗ xoan đào
Em như câu đối dán vào nên chăng ?
— Em như cây cảnh trên chùa
Anh như con bướm đậu nhờ nên chăng ?

Theo sự nhận xét của nhiều nhà dân tộc nhạc học, hát Quan họ có đến hàng trăm điệu khác nhau; lại nữa, các tài tử Quan họ đã vay mượn thanh âm nhạc điệu của đủ các thứ dân ca như ngâm thơ, kể truyện, ru con, đò

---

1) Vũ ngọc Phan: Hát Quan xọ Bắc ninh trong *Sơ thảo Lịch sử Văn học Việt nam* quyển I, 1957 trg. 235.
2) Mấy ví dụ này đều lấy trong : *Quan họ*, tập I (1960) (20 bài, 28 trang)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đưa, cò lả, trống quân, chầu văn, chèo, tuồng, hò, lý, xẩm, hát ví, hát á đào v.v. và mặc dù thế, hát Quan họ xưa nay vẫn giữ được đặc tính của nó là hoàn toàn phục vụ cho âm nhạc (1).

Văn thể của hát Quan họ tuy là lối thơ lục bát, nhưng khi hát, vì những chỗ lên bổng xuống trầm, vì những nhu cầu của sự chuyển giọng, chuyển lời, cho nên loại dân ca này mang mấy đặc tính sau đây :

Trong bài hát bao giờ cũng có thêm vào nhiều tiếng không có trong nguyên văn của phong dao : đó là những tiếng vô nghĩa, hoặc những chữ hát chệch hẳn đi, hoặc những tiếng dùng để đưa hơi như : *y, a, ư, ô, ơ, a ha, ôi hôi, ư hư, ối a, ý a, này a, i ì, v.v...*, hoặc những tiếng đệm (đệm lót và đệm nghĩa) như : *thời, mà, tình chung, ô mấy, ai ơi, là rằng, tình rằng, tình tang, tình chung, tình bằng*, v.v... Nhờ những chữ đệm, chữ láy lặp lại như thế mà nhạc khúc và nhất là nhịp điệu tiết yếu của câu thơ lục bát được thay đổi luôn và trở nên phong phú vô cùng.

Ví dụ phong dao có bài Trồng Cơm :

« Trồng cơm khéo vỗ nên bông,
Một bầy con nít lội sông đi tìm
Thương ai con mắt lim dim
Một bầy con nhện đi tìm giăng tơ
Thương ai duyên nợ tang bồng »

khi trở thành Quan họ Bắc-ninh thì hát là :

1 — *(Tình bằng có cái) trồng cơm (khen ai) khéo vỗ (ô mấy bông) nên bông*
2 — *Một bầy (tang tình) con nít (ô mấy lội lội) lội sông (ô mấy) đi tìm*
3 — *(Em nhớ) thương ai (đôi) con mắt (ô mấy) lim dim*
4 — *Một bầy (tang tình) con nhện (ớ ớ ớ ô mấy) giăng tơ (giăng tơ ô mấy) đi tìm*
5 — *(Em nhớ) thương ai duyên nợ (khách) tang bồng.*

đó là chưa kể những chỗ hát lại hai lần như ở phần đầu câu 2 và ở phần cuối các câu 1, 2, 3, 5.

---

1) Vũ ngọc Phan, Sđd, trg. 236.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ngoài những tiếng đưa hơi, tiếng đệm, tiếng láy, có khi trong bài hát có cả những tiếng dùng để ghi hệ thống âm giai của cổ nhạc là hò, xự, xàng, xề, cống, v.v... Như trong mấy câu của bài Quan họ sau đây :

Bạn (thời tình chung) không thấy bạn
Tình không (ô tình là không) thấy tình...
Ú này xang, ú này xang, xang ú xê phàn
Xê liu cống tình.... (1)

hay trong mấy câu của một bài khác :

May quần (tình chung là vuông) nhiễu tím (i a, i a)
Gởi ra (gởi ra chồng) cho chồng
Ú xáng, ú xáng u cái liu xê phàn
(thời cái nồi gởi ra cho chồng)

(Xe chỉ luồn kim)

Một trong những đặc tính quan trọng nhất của hát Quan họ về mặt âm nhạc là sự phong phú và sự biến chuyển của *hệ thống ngũ cung* trong khúc điệu các bài hát : điểm này đang nằm trong phạm vi khảo tầm, thảo luận giữa các nhà chuyên môn về âm nhạc học và dân tộc nhạc học, nhưng không ai chối cải rằng sự biến chuyển của hệ thống ngũ cung — có thể gọi là sự *chuyển hệ* theo ý Ô. Trần văn Khê — đã đem lại cho hát Quan họ một nhạc tính tế nhị, tinh vi, vô cùng uyển chuyển, du dương, réo rắt, gợi trong lòng người nghe nhiều cảm hứng êm ái, say sưa (2).

---

1) Không biết đoạn này thuộc về bài nào, chỉ thấy dẫn trong Vũ ngọc Phan, sđd, trang 236.

2) Hệ thống âm giai thông thường của cổ nhạc Việt là hệ thống ngũ cung (échelle pentatonique), nhưng trong nhiều bài hát Quan họ, có khi phải dùng đến sáu hoặc bảy *nốt* (notes) để ghi âm. Do đó vài nhà khảo nhạc đã nêu ý là âm nhạc ta không phải có hệ thống ngũ cung thôi, mà cũng có hệ thống lục cung hay cả đến hệ thống thất cung (heptatonisme) như trong âm nhạc Âu Tây.

Nhưng theo khảo tầm của các ông Constantin BRAILOIU, Jacques CHAILLEY và TRẦN VĂN KHÊ (lãnh vực Việt Nhạc) thì dù trong những trường hợp có gam 6 hay 7 âm chen lẫn trong hệ thống ngũ cung cổ điển, cũng không thể nói rằng hệ thống này đã đổi hẳn thành lục cung hay thất cung, nhưng chỉ có thể nói rằng hệ thống ngũ cung đã biến chuyển (do đó Ô. Trần văn Khê chủ trương dùng từ ngữ « chuyển hệ », danh từ âm nhạc Tây phương gọi là métabole) vì những lẽ sau đây :

(xem tiếp trang sau)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

III. — HÁT QUAN HỌ TRONG TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA DÂN GIAN

a) Địa dư Hát Quan họ

Hát Quan họ là một lối hát địa phương, lối hát đặc biệt của vài huyện thuộc tỉnh Bắc-ninh và của vài làng thuộc tỉnh Bắc giang (1).

Theo Minh Trúc, nơi thịnh hành Quan họ nhất ở vùng Bắc-ninh là phủ Từ-sơn, là mấy huyện An-phong, Tiên-du (nhất là ở tổng Trầm-khê) và Võ-giàng: trong huyện này, trai gái làng nào cũng hát thạo; vùng Bắc-giang có huyện Việt-yên là nơi có vài làng sùng loại hát này.

Trong khoảng đất đi từ các làng Thổ-hà (Bắc-ninh), Mật-ninh và Nội-ninh (Bắc-giang) về phía Bắc, cho đến các làng của tỉnh Bắc-ninh giáp giới miền Hà-nội như làng Lủng-giang (tức là làng Lim), Nội-duệ, Long-

---

Trong hát Quan họ — và trong nhiều loại nhạc Việt-nam — có khi ta nhận thấy trong gam 5 âm thông thường hệ thống ngũ cung cổ điển có chen vào một hay hai *nốt* mới lạ, những nốt này được gọi là nốt « *biến* » (dịch chữ pyens) : đặc tính của chúng nó là chúng nó ít xuất hiện trong khúc điệu và chỉ dùng tạm thời để trang điểm thêm cho gam 5 âm, cho nên danh từ âm nhạc Tây phương gọi chúng là notes de passage, notes d'agréments hay notes d'appogiature); lại nữa chúng nó không có một cao độ nhất định (intonation hésitante). Khi những nốt « biến » này ngưng kết lại, trở nên vững chải thì ta tưởng nó có thể làm cho gam có đến 6 hay 7 âm, nhưng nhìn kỹ lại, khi có một hay hai nốt « biến » thêm vào thì một hai nốt chính của gam lại mất đi. Ví dụ trong hệ thống hò xự xang xê công liu (ngũ cung) hay do, re, fa, sol la, do, nếu có nốt «biến» là *mi* hay *si* thêm vào thì *la* (công) lại mất đi (xem chẳng hạn bài Quan họ Đi *khắp bốn phương trời*, trong *Quan họ*, tập II,số 5, nxb. Âm nhạc,1960).Rốt cuộc, hệ thống ngũ cung vẫn không hóa thành một hệ thống có nhiều hơn 5 cung (tons), nhưng ta thấy nó biến chuyển thành nhiều gam 5 âm khác nhau. Sự đó có thể gọi được là « chuyển hệ » (métabole, mà giáo sư C. Brailoiu định nghĩa như sau : succession ou alternance dans le cours d'une mélodie pentatonique, de 2 ou de plusieurs gammes de 5 sons avec ou sans retour périodique et final au point de départ). Xin đọc thêm : Trần văn Khê, La Musique Vietnamienne Traditionnelle, Paris P.U.F. 1962 trg. 225-229 bàn về hiện tượng « métabole » (chuyển hệ) trong Việt-nhạc; trg. 237-38, trg. 242 : chuyển hệ trong bài « Ngũ cung đảo », bài « Nam Ai ».

1) Hai tỉnh Bắc ninh và Bắc giang ngày xưa chỉ là một, gọi là trấn Kinh bắc, trước khi có tên Kinh bắc, vùng này mang tên là đạo Bắc giang như đã nói trên, rồi lại được chia ra thành lộ Bắc giang thượng và lộ Bắc giang hạ đến đời Nguyễn thì được chia ra thành hai tỉnh.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Khám và Vân khám ở phía nam, ở đây làng nào cũng biết hát và cũng có lập hội hát (1): đó là một trong những tục lệ của văn hóa dân gian đã được duy trì cho đến khoảng giữa thế kỷ XX (từ những năm 1940 mờ, biến mất trong chiến tranh điêu tàn.

b) Mùa hát, dịp hát và nơi hát.

Ngày xưa trai gái vùng Bắc-ninh có thể hát Quan họ quanh năm : mỗi lần có dịp lễ lạc là họ mời nhau đến hát, cả đến khi không có việc gì họ cũng rũ nhau đến một làng nào đó trong vùng để cùng nhau vui hát, « chỉ cốt là trước khi đến họ bảo cho nhau biết trước để có thì giờ gọi người » (2). Nhưng Quan họ đặc biệt thịnh hành vào mùa thu tháng tám và nhất là vào tiết xuân trong ba tháng giêng, hai, ba : trong địa dư văn hóa nước ta, vùng Bắc ninh chắc chắn là vùng nhiều hội hè nhất, và ngày của ba tháng xuân thì gần hết là những ngày hội. Theo P. Gourou, một làng như làng Đình-bảng (lẽ tất nhiên ở tỉnh Bắc-ninh) một năm có thể có đến 80 ngày hội ! (3).

Dịp hát quan trọng nhất là các dịp đám cưới, đám khao, đám giỗ, đám hội; một vài khi trai gái hát ở *hội đình*, trong dịp lễ « *vào đám* » thờ cúng Thành-hoàng, nhưng họ hát nhiều nhất ở *hội chùa*. Bắc-ninh là vùng có lắm chùa chiền vì ở đó là quê hương của các vua nhà Lý, mà đời Lý là thời đại cực thịnh của Phật giáo ở nước ta, nên trong mấy thế kỷ XI, XII, chùa mọc lên đó có thể nói là như nấm. Lệ nhà chùa cứ hàng năm về tiết xuân có một ngày làm lễ thờ Phật, ngày đó tức là ngày « *hội* » mà trai gái lợi dụng dắt nhau đến để hát : họ trà trộn trong đám thập phương bốn đạo nhưng mục đích hoàn toàn không phải là lễ bái mà là để đối hội chùa thành hội hát.

Hát Quan họ là lối hát không dính dáng đến lao động — trái với nhiều loại dân ca khác như hò, hát ví — vì thế không hát ở ngoài đồng trong khi làm lụng. Có thể hát tại nhà trong các dịp cưới hỏi, giỗ khao, hay sau khi đã hát ở hội đình hội chùa rồi mới mời nhau về nhà; tại nhà có khi gái ngồi trong nhà hát ra và trai ngồi trên bờ đê hát vọng xuống (4); có khi cùng nhau

---

1) Minh trúc, Hát quan họ, báo Trung bắc Tân-văn, số 5962 (4-3-1937)
2) Minh trúc, Hát quan họ, báo Trung-bắc Tân-văn, số 5962 (4-3-1937).
3) P. Gourou, Les paysans du Delta tonkinois, trg. 272.
4) Minh Trúc, Hát Quan họ (II), Trung Bắc Tân văn số 5963 (5-3-1937).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ngồi trong thuyền thúng trên mặt hồ để vui hát trong một đêm hè hay một chiều thu.

Tại hội đình, trai gái hát trước bàn thờ Thành-hoàng và lắm khi các bài ca chỉ có tính chất tôn giáo một chút lúc đầu thôi, còn về sau thì toàn là những bài tình ca. Tại hội chùa, họ hát ở trước cửa chùa, giữa sân chùa, có khi ở cả trong chùa, nhưng thường hay hát ở các sườn đồi, hay giữa các đám ruộng, hay trên những bờ đê bên cạnh chùa.

Mùa Quan họ bắt đầu từ mồng 4 tháng giêng ở hội đầu tiên là hội Chắp; trai gái hát xong hôm đó lại hẹn nhau ngày hôm sau đi hát ở hội Ó, rồi mồng 6 lại gặp nhau ở hội Ném hay ở hội Khả Lễ, cứ tuần tự như thế cho đến hết xuân mới hết hát hội. Dưới đây là bản kê các ngày và các hội của tháng giêng :

Mồng 4	: hội	Chắp	Mồng 11	: hội	Nếnh
— 5	: —	Ó và Muối	— 12	: —	Sói (Xuân Ái)
— 6	: —	Ném và Khả lễ	— 13	: —	Lim và Sơn-lũng
— 7	: —	Đồng cao	— 16	:	Thị cầu (ChùaTrong
— 8	: —	Trọi	— 18	:	Tanh sơn
— 9	: —	Và	— 20	:	Thị cầu (chùaNgoài)
— 10	: —	Đại tráng và Hộ vệ	— 28	: —	Trẩm khê

Đến tháng 2, mồng 2 có hội Linh Quang, rằm có hội Đào thôn, ngày 19 có hội Yên xá ngoại v.v... không thể kể hết được vì phải đi khắp các hội mới có thể ghi ngày và ghi tên hàng trăm hội hát Quan họ mùa Xuân (1).

c) Hát Quan họ « cầu vui » tại hội chùa và tại nhà.

Theo Minh Trúc, sau đây là quang cảnh cuộc hát quan họ trong những năm 1930-40, tại hội chùa làng Đồng cao tổng Xuân lai, huyện Gia-bình) (2). Hội mở ngày 7 tháng giêng, làng ở gần tỉnh lỵ và gần đường xe lửa nên trai gái rủ nhau từng bọn đến đó rất đông. Mỗi bọn, trai hay gái, phải có ít nhất 4 người để thay phiên nhau hát : hát rất tốn hơi nên người hát mau mệt; quan họ phải hát giọng đôi, nghĩa là hai người cùng hát một lúc, một

---

1) Minh Trúc, Hát Quan họ (I), Trung Bắc Tân văn, số 5962 (4-3-1937)
2) Minh Trúc, Hát Quan họ trong Trung Bắc Tân văn số 5962, 63, 64, 67, 69, 71, 74, 76 (tháng 3-1937).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

người « dẫn » (chính) và một người « luồn » (phụ). Mỗi bọn quan họ có một người đứng đầu đại diện, được cả bọn tôn làm anh Hai hay chị Hai, các người khác cứ theo thứ tự hát hay, hát kém, lấy tên là anh Ba, anh Tư, anh Năm, Anh Sáu, hay chị Ba, chị Tư, chị Năm, chị Sáu. Lệ quan họ không có anh Cả, chị Cả như trong Hát-Ví, cũng không có từ anh Bảy hay chị Bảy trở xuống, và những người trong một bọn không cần là phải biết hát tất cả, chỉ cần 4 người hát được, còn bao nhiêu dự vào cho đông cũng không sao.

Vào khoảng 3,4 giờ chiều, lúc đác ở hội Chùa Đồng cao vài bọn trai quan họ bắt đầu đến, vào qua trong chùa rồi đi quanh chùa là nơi hát hội. Hễ một bọn trai thấy bọn gái nào độ 5,6 người trạc 15, 16 tuổi trở lên là họ đến đưa trầu ra mời, có bọn gái lắc đầu nói là không biết hát, có bọn đáp rằng đã có bạn, tức là có bọn trai khác hẹn đến hát rồi. Muốn mời một bọn quan họ phải có túi hay cơi trầu và liệu xem người nào lớn tuổi trong bọn thì mời người ấy trước vì phần nhiều đó là chị Hai hay anh Hai của bọn. Mời hát rất khó khăn, có khi bị từ chối đến 2,3 lần mới được nhận. Người mời phải là anh Hai hay chị Hai trong bọn : những hội nào xem chừng đàn bà con gái ít hơn thì đàn ông con trai phải mời, trái lại nếu con trai có vẻ ít thì con gái phải mời. Mục đích khi đến hội là hát nên phải để ý mời hay đợi được mời, nhưng dù trai hay gái mời, sự khó khăn cũng ngang nhau vì bên nào cũng biết kén chọn, từ chối nhiều lần khi thấy những đại diện của phái mình có ít người dự hội.

Cũng như ngày giỗ có *văn khấn*, mời quan họ cũng có những câu đầu lưỡi riêng mà trai gái gọi đùa là văn khấn. Được mời xong, bọn trai hay gái còn giả bộ từ chối vài lần để bên đối diện càng thêm ân cần khẩn khoản, rồi lại bọn mới bắt đầu cuộc hát. Thường thường trai hát trước một bài (giọng Sống). Sống của quan họ cũng như câu giáo đầu của chèo, tuồng hát ca trù; hát Sống là cốt để « dạo » giọng cho « *nền* ». Ví dụ :

Trai : « *Hôm nay tứ hải giao tình*
Tuy rằntg bốn bể như sinh một nhà
Số chúng tôi phải lấy vợ xa
Số các người không lấy chồng nhà được đâu ».

Đáp lại bài giọng sống, 2 người bên bọn gái phải hát lại một bài giọng sống : đó gọi là đối giọng, và có khi còn phải đối câu nữa (ví dụ bên trai hát bài « *Xuống thuyền* », bên gái hát lại bài « *Đón đò* » hay bài « Đi buôn »

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

trong đó mỗi câu đối lại với câu của « *xuống thuyền* »). Câu hát bên trai gắn bó thì bên gái hoặc hát gắn bó hơn, hoặc là hát đẩy ra, « rối » ra (nếu cảm thấy không thích gắn bó).

Gái : « *Hôm nay được chút nhàn riêng*
May mà gặp bạn tình duyên năm sáu người
Duyên số bởi trời hôm nay gặp gỡ
Biết đến bao giờ đẩy vợ đây chồng »

Sau khi mỗi bên đã hát 2 bài sổng, trai đổi giọng, hát sang « *giọng vặt* » nghe vui và dễ hiểu hơn giọng sổng. Trong giọng vặt, câu hát rất linh tinh, vặt vãnh, không giống nhau; trái lại trong giọng sổng (và trong giọng bỉ sắp nói sau) những câu của một bài đều có chỗ ngân nga giống nhau và những « sếp » đều bằng nhau. Mỗi *sếp* tức là một mạch, sau đó có thể ngừng để nghỉ. Ví dụ trong bài :

1 « *Từ ngày đi hội Đồng cao*
2 *Lòng ta tơ tưởng biết bao về tình*
3 *Xa xa một đám mây xanh* »
. . .

câu đầu là câu đưa giọng rồi cứ câu 2 (8 chữ) liền với câu 3 (6 chữ), câu 4 liền với câu 5, v.v... làm thành một sếp.

Nếu giọng sổng là của lúc bắt đầu, dùng để gắn bó nhau, giọng vặt dùng để hát khi đã thân thiết với nhau lắm. Trong giọng này, có bài hát để trêu nhau hay để ghen nhau. Vã lại lúc hát đến nó, tài nam nữ mới bắt đầu tỏ rõ. Có người nói rằng *vặt* gồm có 36 giọng khác nhau, có người nói nhiều hơn thế nữa, có giọng bắt chước tiếng đàn, tiếng thổn thức, tiếng cối xay lúa, có cả giọng bắt chước tiếng ngoại quốc. Khi hai bên đã hát với nhau, bên hát trước hát giọng nào, bên hát sau phải theo giọng ấy để trả lời và phải theo cho đúng, không được bỏ một tí ngân nga, như thế mới là đối chọi, không đối được là tỏ cái kém cỏi của mình.

Những bọn quan họ quen biết đã kết bạn với nhau thì không cần thi thố tài năng mấy, nhưng lần đầu gặp gỡ hai bên trai gái đều gắng sức tranh đua.

Sau khi mỗi bên hát được vài bài giọng vặt thì hát sang « giọng bỉ » là một giọng khó hát; người hát nó cần phải có nhiều hơi để kéo dài quản

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ngân nga; những bài giọng bỉ phần nhiều không được hát mấy, hát nó tổn giọng mà cũng không hay.

Trong khi hát bọn quan họ có lệ xưng hô với nhau là anh Hai, hay chị Hai, anh Ba hay chị Ba v.v... như anh chị em trong một gia đình. Trong bài hát cứ hết một sếp thì 2 người hát bên bọn này gọi tên một người của bên kia, như *chị rằng Hai ơi*, hay *Ầy mấy chị Hai ơi* hay *Tình rằng chị Hai ơi* (gọi chị Hai); hoặc như *anh rằng Ba ơi*, hay *Ầy mấy anh Ba ơi* hay *Tình rằng anh Ba ơi* (gọi anh Ba).

Hát mãi như thế đến khi trời sẩm tối; trước cửa chùa người đã bớt đông khách đi chùa về dần hết chỉ còn lại trai gái quan họ. Những bọn này mãi cùng nhau hát, rời xa thực tế, quên cả thời gian không gian, và có lẽ không biết bên cạnh bọn họ còn có nhiều bọn khác đang cùng nhau đối đáp; con trai con gái tụm nhau mà hát, gái lấy nón hay mượn ô của bọn trai che kín mặt khi hát, trai cũng làm như thế, họ quây quần lấy nhau, không nhìn ngang nhìn ngửa ra ngoài, mỗi khi bên này hát xong lại chăm chú nghe bên kia trả lời. Ngoài hát ra không nghĩ gì nữa. Bây giờ câu ghát giọng hát mới tình tứ keo sơn.

Nếu một trong hai bọn muốn ra về thì hát bài « *Giả bạn* » trong đó nhiều câu tỏ tình quyến luyến với một giọng có khi thật não nùng ai oán. Bên kia cũng hát lại một bài « giã bạn » khác. Xong bài đó lại hát lên một bài giọng sống — dùng để hát lúc bắt đầu gặp gỡ gần bó mà cũng dùng để hát tạm biệt chia tay.

Thường thường tại các hội chùa trai gái quan họ ở lại rất khuya, đến tận 11, 12giờ đêm, nhất là trai gái của mấy làng gần nơi hát hội.

Nếu cuộc hát đã gây nên tình khăng khít giữa trai bọn, thì bên trai hay bên gái mời bạn về nhà tại làng mình để tiếp tục hát. Từ chùa về làng mỗi bọn trai gái đi một bên đường và hát gọi là « hát rong đường » đối đáp nhau.

Đến nhà mời bạn vào gian giữa và giới thiệu cùng cha mẹ. Con gái đi hát quan họ tại hội chùa xong mời bạn trai về nhà để kéo dài cuộc vui là sự thường trong phong tục Bắc ninh, dù đàn bà có chồng cũng có thể làm như vậy; chồng các người chơi quan họ không bao giờ ghen vợ và trước mặt bạn của vợ, không bao giờ nhận là vợ chỉ bảo đó là em, chị hay cô, thôi; còn đàn ông mời bạn gái về nhà vợ cũng không bao giờ ghen tuông, đó là một lệ chung của Quan họ; và hơn nữa, khi đã đi hát, dù đã có vợ hay chồng

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

bao giờ cũng nói dối là chưa vợ chưa chồng gì cả, đó là một lệ khác, được xem như hoàn toàn không phạm đến lâ luân lý.

Người làng biết có bọn quan họ lạ rủ nhau đến xem mặt và nghe hát rất đông. Sau khi mời bạn dùng cơm nước, hai bên lại tiếp tục cuộc đối đáp dưới ánh trăng nay ánh đèn từ khuya cho đến gần sáng. Đêm ngắn tình dài. Trai gái tiễn nhau ra về trước khi người làng thức dậy (họ rất kiêng để cho những người này bắt gặp) từ nhà ra đến cổng làng không hát nữa, chỉ nói chuyện, chị Hai đi đôi với anh Hai chị Ba với anh Ba, tuần tự như thế; những cuộc tình chuyên đằm thắm và lâu bền của các bạn quan họ thường hay bắt đầu tự lúc này. Trai gái hẹn hò gặp nhau lại tại những hội khác và hứa sẽ đến nhà nhau trả nghĩa, nối tình (1).

d) Hát thờ thần tại hội đình.

Tục hát Quan họ tại đình trước để thờ thần sau để chung vui giữa người cùng làng hay giữa hai làng vốn có giao hảo với nhau, là một tục được thịnh hành từ lâu.

Theo Nguyễn duy Kiện, tương truyền của hai làng Lũng giang (tức là làng Lim) và Tam sơn cho biết rằng, đã lâu lắm, tự đời thượng cổ, nhân dân 2 làng giao hảo nhau rất thân mật cho đến ngày nay. Hễ làng nào có việc quan hôn tang tế thì thông báo cho làng kia biết để dân làng này cử vài người làm đại biểu đem đồ lễ sang, hoặc viếng hoặc mừng nhà hữu sự bên làng kia. Làng Tam sơn hằng năm cứ tháng giêng có lễ vào đám thờ cúng Thành hoàng, trong làng mở hội, nào các trò vui, nào tế lễ rước sách, nào cỗ bàn linh đình; các cụ tư văn, kỳ mục bàn nhau mời các cụ bên Lũng Giang sang chơi xem hội, để cho sợi dây thân ái của hai làng càng ngày càng được thêm thắt chặt. Các cụ bên làng Lũng giang nhận lời và ước hẹn ngày sang chơi. Sáng ngày 13 tháng giêng họ họp nhau độ năm bảy cụ ông, năm bảy cụ bà và một số đông nam nữ biết hát Quan họ, kéo nhau sang làng Tam sơn dự hội. Bên Tam sơn cũng cử một số đông người ra tận đường cái quan đón. Sau khi đã ngồi trên dưới thứ tự tại đình, nhân dân hai làng chuyện trò và chè chén vui vẻ rồi bắt đầu vào cuộc hát. Cứ lần lượt trai bên này hát gái bên kia đáp, gái bên kia hát trai bên này đáp. Lúc đó các cụ ngồi nghe, nào rung đùi, nào gật đầu thưởng thức các câu hát hay, có lúc quá cao

---

1) Minh Trúc, Hát Quan họ, Trung Bắc Tân văn số 5963, 64, 67, 69, 71, 74, 76, tháng 3 năm 1937.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

hứng các cụ lại vỗ tay khen ngợi. Cuộc vui cứ thế kéo dài thâu đêm suốt sáng. Sau một đêm hai họ cùng vui về lại cùng nhau chè chén say sưa. Rồi bên quan khách từ biệt bên quan chủ ra về; chủ cũng tiễn khách ra khỏi làng, rồi chia tay nhau trên con đường cái quan. Lúc sắp chia tay giọng hát càng thêm nỉ non, trầm bổng, với những dáng điệu say sưa cùng những lời hò hẹn của những tâm hồn chất phát và bình dị.

Từ thuở ban sơ cổ đại, hai làng Lũng giang và Tam sơn cứ theo tục ấy mà di truyền cho con cháu mãi mãi, về sau họ cũng có thay đổi đi ít nhiều (1). Có lẽ nguồn gốc của hội Quan họ chùa Lim nổi tiếng, là do đó mà ra (2).

Theo sách *Bắc ninh tỉnh khảo dị*, vào những năm ở đầu thế kỷ XX còn sót lại một tục « *hát Quan họ thờ thần tại đình* » rất ly kỳ ở làng Viêm xá (huyện Võ giàng). Trai gái làng này vốn giao du kết bạn với trai gái làng Hoài bảo (huyện Tiên du); họ họp nhau lại thành nhiều gia đình hay phường quan họ, mỗi phường có độ 20 người là 10 con trai của làng này cọng với 10 con gái của làng kia. Viêm xá mở hội vào đám thờ thần một năm hai lần nhằm tiết xuân và tiết thu (ngày mồng 4 tháng giêng và ngày 10 tháng 8); mỗi lần có hội, mời một đoàn trai Hoài bảo sang; sau khi quan viên kỳ mục bô lão làm lễ tế và sau khi dân làng đã ăn tiệc xong đâu đấy mọi người ngồi lại tại đình nghe hát. Trong đình gái Viêm xá ngồi một bên, trai làng và trai Hoài bảo ngồi một bên. Trước khi hát có lễ bái thần, đoạn mỗi người ngồi tề chỉnh trong khi một trai Viêm xá lấy cau trầu ra mời các tài tử quan họ :

— « Hôm nay là ngày khai xuân, mời anh cả chị cả đôi bên ăn giầu, trước hát thờ thánh sau hát mừng xuân ». Nói xong lần lượt mời tất cả các anh chị quan họ.

Trong khi hát 4,5 người bên này đồng xướng và 4,5 người bên kia đồng đáp. (Ở hội chùa ta đã thấy khi ca chỉ có 2 người đồng hát, một « dẫn », một « luồn »).

Trai Hoài bảo là tân khách nên xướng trước :

---

1) Nguyễn duy Kiện, Hội Lim, Việt báo số 1059 (ngày 21-2-1940) trg. 2.

2) Nguyễn văn Huyên trong quyển Les chants alternés des garçons et des filles en Annam có tả sơ qua hội Lim (trg. 9 trở đi); Nguyễn duy Kiện cũng tả sơ qua hội Quan họ này, từ khi nó còn thịnh hành cho đến khi hội hát đã trở thành nơi « hò hẹn của hạng trai hư hỏng, gái gió trăng » (bài đã dẫn, trg. 2).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trai : *Chúc thờ thượng đẳng tối linh,*
Mừng cho dân xã hiển vinh đời đời

Gái *(Viêm xá) : Hát thờ thượng đẳng anh linh*
Mừng cho an nước an dân tốt lành

T: *Hát thờ thượng đẳng anh linh*
Phù trì dân xã hiển vinh muôn đời

G: *Chúc thờ thánh đề lên ngôi*
Trên thuận lòng trời dưới thuận lòng dân

T: *Chúc mừng thọ khảo vô cương*
Trăm năm chọ vẹn cương thường ái ân

Từ đây trở đi trai gái không hát mừng thần thánh vua chúa gì nữa, chỉ hát toàn những câu thổ lộ tâm sự hay gởi gắm duyên nghĩa. Vì vậy gái trả lời :

G: *Ngày này ra đứng cửa chùa*
Chẳng trông thấy bạn như mua lấy sầu

T: *Chim khôn đậu nóc nhà quan,*
Trai khôn năm bảy, gái ngoan một chồng.

G: *Người về sắp gạch xây thùng*
Để tôi nấu rượu cùng chung một nhà

T: *Hay là chia của chia nhà*
Chia đất Viêm xá cửa nhà chăn đơn

G: *Hay là người có đâu hơn*
Để tôi phải chịu trăm thương nghìn sầu
vân vân...

Hát một hồi lâu tại đình rồi, khi trời đã tối, bọn gái mời trai quan họ Hoài bão về nhà chị Cã quan họ Viêm xá, làm cơm đải. Lúc này là lúc kỳ mục bô lão và dân chúng Viêm xá ăn tiệc tại đình. Sau khi trai Hoài bão đã cơm rượu xong thì trai Viêm xá cùng con gái và đàn bà nào trong làng thích hát đều lại nhà chị Cả : những đàn bà đã có chồng, chồng cũng để cho đi, con gái chưa chồng cha mẹ cũng cho đi, Trong cuộc hát quan họ cầu vui tại nhà, nam nữ chia ra thành từng bọn mỗi bọn có độ 10 trai 10 gái đặt tên là anh Cả, anh Hai cho đến anh Năm, chị Cả chị Hai cho đến chị

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Năm còn từ người con trai hay con gái thứ sáu trở đi thì đều gọi là anh Bé, chị Bé. Trong nhà trai ngồi một bên gái ngồi một bên rồi lần lượt hát ca đối đáp cùng nhau :

Trai : *Bước sang năm mới thái hòa*
Hôm nay mới được một nhà kết duyên
Gái : *Bước sang năm mới bình yên*
Hôm nay mới được khách tiên đến nhà

Xong gái lấy trầu ra mời trai ăn mà hát tiếp rằng :

G : *Giầu này kết, khách còn xa*
Bây giờ thấy khách lòng đà mừng thay
Gió hương đưa khách đến đây
Giầu têm cánh phượng hai tay khuyên mời

T : *Khen cho cũng thật duyên trời*
Đưa ra kết mối cùng người bạn loan. v.v...

« Nam nữ ca du tại gia » như thế từ khoảng 8,9 giờ tối đến 4,5 giờ sáng. Nhưng vào khoảng nữa đêm hay một giờ khuya, trong nhà đèn tắt hết và trai gái cùng nằm với nhau mà hát, anh Cả hát với chị Cả, anh Hai hát với chị Hai, anh Bé hát với chị Bé v.v... Cùng nằm ca giao duyên với nhau như thế cho đến lúc cặp nào phục tài, mến đức, thuận tình nhau thì họ lần lượt đi ra ngoài và đem nhau vào một nơi vắng vẻ nào đó trong làng . Rồi những cặp ấy lại trở về nằm ca với nhau trong nhà cho đến tận sáng. Lúc bây giờ là lúc trai phải trở về trước khi người làng thức giấy. Gái Viêm xá đưa trai Hoài bảo ra đến cổng làng mình. Chị Cả tiễn đưa anh Cả, chị Hai tiễn đưa anh Hai, cứ tuần tự như thế, từ nhà ra đến cổng làng họ đi trên những con đường khác nhau, hay cùng đi trên một con đường nhưng mỗi cặp cách xa nhau một khoảng xa. Khi ấy trời con mờ mờ, cặp nào còn lưu luyến cảm thương nhau quá thì họ ngừng ở một nơi nào kín đáo bên đường để tình tự cùng nhau.

Xã Viêm xá (Bắc ninh) có tục lệ cho trai gái gặp gỡ như thế, trước là để thi tài nhau trong câu hát sau là để quen biết nhau toàn diện; nhà nào có con gái mà cấm ngăn không cho con đi ca hát vui chơi như thế thì bị các nhà khác chê bai cho rằng : « Những người có con gái không cho đi hát cũng hư mất đời mà lại không tuân theo tục lệ làng ». Năm nào làng không cử

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

hành trong dịp lễ vào đám hai tục « *nam nữ ca sự tại đình* » và « *nam nữ ca du tại gia* » này thì trong làng có xảy ra nhiều sự không may : người vật bất an, mùa màng hư hỏng, buôn bán lỗ lã, nhân dân sinh ra cãi cọ kiện cáo lẫn nhau, trai gái sinh ra tật hư nết xấu làm chuyện tổn hại đến thanh danh làng : truyền thống Viêm xá nhận định như thế (1).

đ) Hát khoa, hát giỗ, hát cưới.

Ngoài tục hát cầu vui tại hội chùa và hát thờ thần mừng xuân trong dịp lễ vào đám tại đình, Quan họ còn có tục hát khao, hát cưới, hát giỗ, tựu trung cũng chỉ là những dịp cho trai gái gặp gỡ nhau để tỏ tấm tình qua câu hát.

1) Tục hát khao giữa hai làng Điềm-Xá và Bựu Xim.

Vào thời xưa lắm, cách đây chừng 12 thế hệ (300 năm ? 600 năm ?) có hai người làm quan thị lang trong triều , một người quê ở Điềm-xá (huyện Võ giàng) và một người quê ở Bựu-xim (huyện Tiên-du) là bạn thân với nhau; đến khi về hưu, hai người có giao ước tiếp tục kết bạn đi lại với nhau và mời thêm họ hàng hai bên cùng đến dự vào những ngày lễ lạc của hai làng cho thêm vui; trong những cuộc vui ấy có ca hát. Thời đó trong nhân dân đã có tục hát đúm, và từ khi có tục kết bạn giữa hai họ nhà quan và lan ra bà con hai làng thì người ta đem những câu hát đúm vào để ca hát trong những ngày lễ khao tình bạn của hai họ hai làng ấy.

Sau đó lưu truyền tục lệ này, cứ hội Điềm tháng 8, hội Bựu tháng giêng nhân dân hai làng tụ họp xung quanh một ngọn đèn lớn để ca hát và tục lệ ấy còn truyền cho đến ngày nay (2).

2) Tục hát Hỏi, hát Cưới, tại làng Dương ổ.

Có nhiều nơi trai gái Quan họ đi hát ở đám cưới của hai người thuộc bọn họ đã gặp gỡ và thương yêu nhau trong cuộc hát, mà đi đến hôn nhân (3), đó không phải là một tục lệ đặc biệt mà chỉ là một trong những dịp lễ trai gái gặp gỡ hát ca suốt đêm lễ cưới để mừng cho cặp uyên ương mới.

---

1) Bắc ninh tỉnh khảo dị, tập I quyển 5, tờ 14 a đến 20 b.
2) Lưu Khâm, Nguyễn đình Tấn, Nguyễn Viêm, bđd, I, trg. 17.
3) Toàn Ánh, Phong lưu đồng ruộng, trg. 19 : « Tháng 9 năm ấy, trong làng Quan họ xôn xao: anh Sáu Bích ở Thị Cầu lấy chị Sáu Liên làng Xuân Ái. Trong ngày cưới, họ lại hát suốt đêm ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nhưng tại làng Dương-ổ (cũng gọi là làng Đồng-cao), những cuộc hát quan trọng nhất không phải là cuộc hát hội chùa (ngày 7 tháng giêng) mà là cuộc hát trong các dịp ăn hỏi và ăn cưới giữa hai họ nhà trai nhà gái. Tục hát này là nguồn gốc của một số điệu hát cưới rất khó khăn phải tập luyện lâu ngày mới thuần thục (1); tục rất cổ và còn lưu truyền tới nay trong một vài làng ở tỉnh Bắc-ninh mà thôi.

3) Tục hát giỗ các vua nhà Lý tại làng Đình Bảng.

Theo lời truyền tụng của dân làng Đình bảng, tục hát giỗ này phát sinh vào thời kỳ nhà Trần dấy nghiệp, kế tiếp nhà Lý, vào khoảng đầu thế kỷ XIII. Mặc dầu nhà Trần muốn xóa bỏ kỷ niệm của vương triều cũ, bắt nhân dân ai có họ Lý phải đổi thành họ Nguyễn (2), lòng mến tiếc của nhân dân Bắc-ninh vẫn không phai và nhất là ở làng Đình-bảng (phủ Từ-sơn), nơi quê quán của Lý Thái-tổ, các quan viên kỳ mục bô lão phản đối nhà Trần bằng cách hằng năm tổ chức ngày giỗ long trọng các vị vua Lý, có rất nhiều dân các làng lân cận đến dự.

Nhân đó các quan viên muốn cho cuộc lễ thêm vui vẻ linh đình bèn tổ chức hát đúm cho nam nữ đối ca; nhưng vì hát đúm hình như không được nghiêm trang nên các cụ bèn đặt thêm những bài, những giọng mới và một số luật lệ riêng cho thích hợp với cuộc đại lễ. Lối hát được đặt ra để hát giỗ các vua Lý gọi là hát Quan họ. Cho đến trước Chiến tranh 1946-54, mỗi năm vào ngày giỗ vua, dân Đình-bảng cùng với dân các làng phụ cận như Nội-duệ, Trùng-quán, Phù-đổng, Lũng-giang kéo nhau đến đền Lý-bát-Đế để đánh bạn và thi tài trong những cuộc hát thi lấy giải (3).

e) Hát thi lấy giải (làng Điềm xá).

Tục hát thi lấy giải được tổ chức tại nhiều làng ở tỉnh Bắc-ninh, như tại làng Đình-bảng vừa nói trên. Đi vào trong chi tiết ta thấy cuộc thi hát Quan họ thường được cử hành như sau.

Làng Điềm-xá mở hội hát Quan họ từ ngày 13 đến 17 tháng 2, năm nay làng lại có tổ chức cuộc hát thi cho trai gái có dịp trổ tài khoe trí. Quan họ

---

1) Lương đức Thiệp, Xã-hội Việt-Nam, dẫn trong Nguyễn tiến Chiêu : Tìm hiểu nguồn gốc Quan họ Bắc ninh, Bách khoa số 65 (15-9-59) trg. 37.

2) Lê Tắc, An-nam chí lược, quyển 12, bản dịch của Ủy ban phiên dịch Viện Đại-Học Huế, xuất bản năm 1961.

3) Nguyễn tiến Chiêu, bđd., trg. 37-38.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

các làng rủ nhau đến dự rất đông. Hát thi không hoàn toàn giống hát cầu vui tại chùa : không những phải biết các giọng sổng, vặt và bỉ, lại còn phải thuộc 5 giọng « trên » đặc biệt mà tài tử Quan họ đã đặt tên là giọng « Tình tang », «Hừ la » (hay là rằng), « Đường bạn », « Xuống sông », «Lên núi ». Theo Minh Trúc, giọng « trên » là những giọng rất nặng, rất khó hát nhưng không hay bằng giọng « vặt ». Những câu hát của giọng « trên » thì ngắn nhưng các đoạn, các mạch thì dài; có câu chỉ có 14 hay 16 chữ nhưng lúc hát cũng mất thì giờ như các câu dài khác (1).

Trước khi hát thi trai gái phải đối đáp nhau trong một cuộc hát thải trừ là hát giọng « trên », qua được chặng này mới bắt đầu dự cuộc thi chính thức, bằng những giọng hay lạ khác, lấy trong mục lục sổng, vặt, bỉ, v.v...

Làng Điềm-xá gần làng Xuân ái nên Quan họ gái làng này đến giữ giải thách hát. Hội tổ chức tại Điềm-xá, tất nhiên trai làng phải vào phá giải trước nhất. Lúc hát thi, hai bọn trai gái ngồi ở hai bên trường kỷ, ở giữa đặt một cái bàn trên để các giải thưởng như chè, pháo, khăn hồng, nhiễu điều, đồ đồng..., thêm vào đó có 6 chiếc chén bày úp về phía bọn trai và 10 chiếc về phía bọn gái. Chốc nữa, mỗi lần bên nào bị thua, viên giám khảo lấy đi một chiếc chén, bên nào hết chén trước thì bị loại. Giám khảo gồm có nhiều người, đứng đầu là người cầm trịch (sổ ghi số ăn thua trong cuộc thi) ngồi giữa, người này phải là một người giỏi Quan họ, thuộc đủ các giọng để có thể hát lại những câu của bên nào hát trước mà bên kia không hát đối được (2).

Sau khi đã thi thải trừ bằng các giọng « trên » xong trai gái rút thăm thử xem bên nào hát trước. Có khi một bên ỷ tài nhường cho bên kia hát trước không cần đợi rút thăm. Sau một giờ hát qua hát lại trai Điềm-xá chẳng còn chiếc chén nào khi bên gái hãy còn đến 9 chiếc ! Trước khi đám nam nhi thất bại cuốn gói đi xa hẳn, gái Xuân ái còn hát đuổi một câu :

Làm trai giọng hát cho nền
Để đi giữ giải tháng giêng mới hào !

Và bọn gái này giữ giải từ ngày mười ba cho đến rằm chẳng có bọn trai làng nào dám vào hát đối. Mãi đến chiều hôm rằm một bọn trai Thị-

1) Minh Trúc, Hát Quan họ, bđd., Trung Bắc Tân văn, số 5967 (10-3-37).
2) Toan Ánh, sđd., trg. 17-18.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cầu mới đến. Đôi bên gặp nhau trí tài không hơn không kém, kéo dài mãi cuộc thi hát cho đến ngày 16. Sau cùng ban giám khảo làng Điềm-xá phục tài của hai bên, định chia đôi giải thưởng thì bọn con trai xin nhường. Đây là một tục lệ đẹp của Quan họ : khi đã bất phân thắng bại thì phục nhau và nhường nhịn nhau để giao hữu , không chèn ép, không kèn cựa nhau, có khi là thay phiên nhau lấy giải (1).

IV. — MẤY ĐẶC TÍNH CỦA HÁT QUAN-HỌ VỀ MẶT DÂN-TỘC-HỌC

Trên đây là một vài nét về sinh hoạt của hát Quan họ trong truyền thống văn hóa của nông dân Việt-nam; qua mấy tục lệ hát thờ, hát giỗ, hát cưới, hát khao, hát thi tài hay hát vui xuân, ta có thể nhấn mạnh trên vài đặc tính của hát Quan họ để hiểu rõ thêm vai trò của nó trong văn minh thuần túy dân tộc.

a) Thái độ của các tài tử Quan-họ đối với lệ hát này.

Hát Quan họ là một loại hát không dính dáng đến lao động, chỉ dùng trong các dịp lễ lạc vui chơi; trai gái Quan họ không phải sống về nghề hát, không thể gọi là những người hát chuyên nghiệp. Nhưng không phải bất cứ ai ai cũng có thể hát được Quan họ.

Muốn hát Quan họ phải có nhiều điều kiện, phải có giọng tốt, phải chịu khó tập luyện nhiều, phải có trí nhớ và ít nhiều thông minh, ở đây nghĩa là có ít nhiều tài đối đáp, biết bình tĩnh để trả lời người đối diện không những trong ý câu hát mà nhất là trong giọng bài hát : hát Quan họ khó hơn và tế nhị hơn hát Trống-quân là ở chỗ đó. Có lẽ Quan họ là loại hát độc nhất trong toàn bộ dân ca Việt-nam và trong truyền thống nam nữ đối ca về mặt phải đối cả giọng lẫn lời.

Một điểm khác đáng chú ý là vượt qua mọi khó khăn kia, tài tử Quan họ là người rất yêu nghề : chỗ hát dù ở xa mấy họ cũng đi, dù mưa dù bão họ cũng đi, và dù trong ngày vừa qua họ đã lao động nhọc nhằn, mà đã đến hát thì hát thâu đêm suốt sáng, không biết mệt, chỉ biết tiếc đêm ngắn tình dài, thế rồi hôm sau lại cố gắng làm lụng suốt ngày như thường lệ; nếu không cố gắng can đảm như thế hay sinh ra biếng nhác uể oải trong việc làm ăn —

---

1) Lưu Khâm, Nguyễn đình Tần, Nguyễn Viêm, bđd., I, trg. 21.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

sự đó đôi khi xảy ra — , thì cha mẹ cho rằng vì luyến bạn, nhớ tình, ham chơi hơn ham làm, có thể cấm ngăn không cho đi hát nữa thì thất vọng biết bao !

Yêu nghề đây, đối với gười Quan họ là yêu nghệ thuật, yêu kinh nghiệm tình cảm trong cuộc gặp gỡ hát vui, cho nên tuy người trai hay gái Quan họ không sống bằng nghề ca Quan họ, nhưng việc ca hát rất là hệ trọng trong đời sống của họ, không có không được. Hiện tượng này không phải chỉ có trong làng Quan họ mà thôi, ta tìm thấy ở nhiều nơi khác cái đắm đuối, cái sức mạnh quến rủ của sự yêu thích dân ca và nhất là yêu thích dự phần vào tục lệ nam nữ đối ca, như trong làng hát ví, hát dặm ở Nghệ Tĩnh, trong hội hát Trống-quân từ miền Thanh-hóa trở ra toàn cõi Bắc-việt (1).

---

1) Nguyễn văn Huyên (Les chants alternés des garçons et des filles en Annam, trg. 12-13) kể rằng trai gái đi từ tỉnh này sang tỉnh nọ, trèo đồi vượt sông để gặp gỡ nhau trong những hội thi hát Trống quân; — Nguyễn đổng Chi (Hát dặm Nghệ-Tĩnh, trg. 74) nói đến sức mạnh quyến rủ trai gái đi hát dặm;— Nguyễn chung Anh (Hát ví Nghệ Tĩnh, trg. 60, 70) kể sự ham thích của thanh niên nam nữ và cả đến những người trung niên cao niên đối với hát ví, đi từ làng này qua xã nọ, huyện này qua phủ nọ cho được gặp nhau mà hát, không quản ngại xa xôi; — Ninh viết Giao, (Hát phường vải, trg. 13-15) nói đến sự say mê của gái trai và của những nhà nho đối với thứ dân ca này : « Biết bao chàng trai đã thức liền đêm này qua đêm khác để đi hát phường vải. Xa mấy cũng đi, bận mấy cũng đi. Nếu ban đêm bận xay lúa giã gạo thì ngay từ buổi trưa đã cố tranh thủ làm cho kỳ xong. Họ bất chấp cả trời mưa. Mưa to nếu không có tơi nón thì bỏ quần áo vào một cái vò, mình đóng khố, hai tay ôm chặt vò, chạy một mạch đến nơi... Trời lụt cũng cứ đi..., nước sông lên to nhưng vẫn cố chèo chống thuyền đò sang chỗ có hát cho kỳ được. Bỏ một buổi hát thì đêm đó không tài nào ngủ yên giấc. Và sáng hôm sau, ăn không thấy ngon, làm việc uể oải... Có điều lạ là sau một đêm hát, mặc dù thức khuya mất ngủ, sáng hôm sau các chàng trai làm việc rất hăng — có khi năng xuất còn tăng lên nữa; các nhà nho mê hát phường vải cũng chẳng kém gì trai gái trong vùng. Nhiều nhà nho làm gia sư, đêm đêm giả lấy chăn làm thành hình người đang ngủ, chồng gối lên, đắp chiếu lại để lừa nhà chủ mà đi hát phường vải; một số ông khác, đi hát mãi khuya mới về, sợ ngủ trưa, đã lấy giấy bản bện thành một cái dây, một đầu buộc vào ngón chân, một đầu châm lửa, lửa từ từ bénj lửa đến gần ngón chân, lửa đánh thức nhà nho dậy để dạy học; một số nhà nho khác đã không ngại thân phận học trò, đêm đêm cởi quần áo đội lên đầu bơi qua sông và tìm đến chỗ hát phường vải ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

b) Tục kết bạn, tình huynh muội trong hát Quan họ.

Đi hát Quan họ với nhau nhiều khi trai gái phục tài mến đức nhau, họ kết bạn và thề nguyền sẽ hát với nhau mãi mãi hết xuân này sang xuân khác, mặc dù lúc đó hay sau này trong bọn họ đã có nhiều người lập gia thất.

Trong một vài vùng, lại có tục lệ muốn hát Quan họ phải kết bạn trước đã. Việc trai gái Quan họ kết bạn với nhau bề ngoài giống như một chuyện cưới xin, chỉ khác điều là không lấy nhau thôi. Tục lệ đã về kết bạn đó cử hành như sau : một bọn trai gái làng nào muốn kết bạn với bọn trai gái làng khác phải tập hợp một số anh em biết hát và tìm một người lớn tuổi, hát hay cầm đầu cứ mỗi bọn độ chừng mười người, nhân ngày hội ở làng bọn kia mang trầu cau và đồ lễ đến đình lễ thần và ra mắt quan viên trong làng, xin kết bạn « Quan họ » với anh chị em bên đó, nam kết với nữ, nữ với nam. Buổi lễ thần đó có đốt pháo ăn khao như một ngày cưới, như thế là cha anh làng đó công nhận cho con em của mình kết bạn với bọn kia. Trong một bọn 15, 20 bạn trẻ như thế gọi nhau theo thứ bậc tuổi tác và tài hát : anh hai, chị hai, anh ba, chị ba, v.v... (có nơi có anh cả, chị cả, nhưng hai người này chỉ nặng về mặt lãnh đạo, giao dịch, tổ chức, chứ không thường hát nhiều). Sau đó lại đến lượt bọn Quan họ gái trai làng kia đến yết thần làng bạn của mình, cũng lại đốt pháo chè chén trước khi vào hát (1).

Tình bạn hữu, tình anh chị em giữa những người cùng chung một « gia đình » Quan họ thật là thân thiết; họ coi cha mẹ của nhau như cha mẹ của mình, những dịp hiếu hỷ buồn vui họ đều có đi lại thăm hỏi biếu xén, cha mẹ bạn có yếu đau, họ tìm đến săn sóc an ủi (2). Mấy chữ anh Hai, anh Ba, chị Hai, chị Ba mà họ dùng để xưng hô với nhau quả thật đã thành những tiếng thân yêu ràng buộc họ bằng sợi dây tình cảm đậm đà không thua gì tình máu mủ, có khi còn hơn nữa là khác, vì ở đây có cái sung sướng cảm động của những kẻ chưa hề quen biết nhau mà lại tìm thấy nhau, nhìn nhận nhau trong một cuộc gặp gỡ rất thanh thú là cuộc hát ca.

Tục kết bạn, kiểu xây dựng gia đình Quan họ giữa gái trai như thế có tự bao giờ. Ta đã biết truyền thống giao hảo của mấy làng Điềm xá và Bựu-xim, Lũng-giang và Tam-sơn. Hai làng trước thì cho sự giao hảo hiện tại là hậu quả tình bạn hữu giữa hai họ nhà quan rồi lan ra họ hàng giữa hai

---

a1) Toan Ánh, sđd., trg. 15 và Lưu Khâm, Nguyễn đình Tấn, Nguyễn Viêm, bđd., I, trg. 19-20.

2) Lưu Khâm, sđd., trg. 20.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

làng; hai làng sau thì giảng nghĩa chữ Quan họ như là mối tình thân giữa quan viên và nhân dân hai làng tự một thời rất xa. Ta có thể nghĩ rằng tục giao hiếu giữa hai làng trong nhiều nơi tại thôn quê nước ta là một trong những duyên cớ chính của sự kết giao giữa trai gái. Một bằng chứng của sự đó là tục kết bạn giữa trai gái Quan họ làm liên kết hai làng có khi ở xa nhau hơn 10 cây số (như Điếm xá và Bựu xim chẳng hạn) trong khi những làng ở lân cận nhau mà không giao hảo thì ít có tục kết bạn mặc dù có hội hát quan họ (1).

c) Tình cảm trong hát Quan-họ.

Những bài hát quan họ hầu hết đều nặng về tình bạn và tình yêu, nhưng đứng giữa thứ tình bạn này và thứ tình yêu kia, trai gái quan họ còn biết đến một thứ tình cảm rất đặc biệt, đó là mối tình sâu xa và man mác, có được ít nhiều cái hy-vọng mỏng manh, hay cái trầm thống nhè nhẹ của khách đa sầu hay của người lãng mạn, đó là mối tình của những kẻ thương yêu nhau hầu như vợ chồng tuy biết rằng có thể sẽ không thành đôi lứa cùng nhau.

Không phải chỉ có thanh niên nam nữ trong bọn người đi hát Quan họ, mà có cả những người đã thành gia thất, và khi hai vợ chồng đi hát, có thể chồng kết bạn ở một làng, vợ kết bạn ở một làng; khi bạn đến chơi với vợ — bạn đây là bạn trai — nếu vợ đi vắng, chồng cũng phải tiếp đải thật niềm nở như tiếp bạn mình vậy, còn người vợ đối với bạn của chồng — bạn đây là bạn gái— cũng phải tử tế, qúy mến như bạn của mình. Đó là một tục lệ trong đời tình cảm của tài tử quan họ. Vợ chồng không bao giờ ghen tương nhau trong những trường hợp này, và nếu đã ghen tương tức là có ý hy sinh nghệ thuật cho thường tình thì không còn mặt mũi nào đi hát nữa.

Có khi trong đôi vợ chồng, một người hoặc vợ hay chồng không biết hát thì chỉ tiếp bạn sơ sơ trong chốc lát rồi tránh đi nơi khác để cho bạn được tự-do ca hát với vợ hay với chồng mình (2). Và lại, như trên đã nói, trước mặt quan họ nam bạn của vợ, không bao giờ người chồng nhận vợ của họ, họ chỉ bảo đó là em, là chị hay là cô thôi; ngược lại, người vợ cũng không bao giờ nhận chồng của mình trước mặt bạn gái của chồng, chỉ bảo đó là anh, hay cậu hay chú của mình thôi. Lại có một tục nói dối vô tội khác là nếu bạn chưa biết mình có vợ hay có chồng thì bao giờ cũng

---

1) Lưu Khâm, sđd., trg. 19.
2) Lưu Khâm, Nguyễn đình Tân, Nguyễn Viêm, bđd., I, trg. 20.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nói là mình chưa chồng chưa vợ gì cả, để trong giao du có thể coi nhau như « cặp bạn thân thiết mà không hẳn là vợ chồng » (1). Và vì thế mà trong làng quan họ có khi cuộc giao hoan ca hát giữa một người còn ở độc thân và một người đã lập gia đình có thể kéo dài từ xuân này qua xuân nọ, trong niềm thương mến đầy say mê, kính phục.

Và khi nhắc đến một người bạn cũ đã đi lấy chồng, trai quan họ có thể nói rằng : lúc mến thương nhau tôi đã biết có ngày nay, nhưng mến thương nhau đâu phải là bắt buộc cùng đi với nhau trên một con đường, và dù sao đi nữa, cái tấm tình quan họ thoảng qua xưa kia cũng là một niềm an ủi lớn, có thể nhớ đến nó để mỉm cười trong những khoảng đời đau khổ (2).

d) Những lề lối « kiểu cách » trong hát Quan họ.

Hát quan họ có nhiều lề lối riêng, rất phức tạp, không thường thấy trong sinh hoạt của các loại dân ca khác, đặc biệt nhất là cái lối giữ lễ giữa những người cùng ở trong một gia đình quan họ.

a) **Nơi hát:** không phải bất cứ nơi nào cũng hát quan họ được, không hát nó ở nơi đồng áng nếu có hát thì chỉ để ôn luyện hay vì quá nhớ bạn mà thoát lên lời ca; nơi hát quan họ phải là nơi đám hội (tại chùa hay tại đình), đám giỗ, đám khao, đám cưới, hay là tại nhà tư, hay trong thuyền thúng trên mặt hồ. Do đó ta có thể tưởng rằng Quan họ không phải là một loại dân ca thuần túy, hát nơi nào cũng được, tùy theo giờ phút hứng thú của người nông dân lao động (3)

b) **Cách ăn uống:** ngoài những bữa cơm đơn sơ của bạn trai gái quan họ xuất tiền ra đãi nhau, bửa cỗ của quan họ là những cỗ rất to — ít có cỗ nào sánh bằng — nhưng khi ăn thì trai gái ăn rất ít, chỉ đụng đủa vào một ít đồ ăn, chỉ nhắm sơ một tý rượu, họ ăn uống rất thanh đạm, hầu như làm khách hoặc là vì trong khi đang say đắm yêu đương không thiết ăn, hoặc là sợ ăn uống hơi suồng sã hay chỉ tự nhiên cũng bị người ta chê cười, sợ uống rượu vào hơi nhiều có thể choáng váng hay say, sau không hát được

---

1) Lưu Khâm, Nguyễn đình Tân, Nguyễn Viêm, Tìm hiểu Quan họ Bắc ninh, dẫn trong Vũ ngọc Phan, sđd., trg. 233; Trong làng hát dặm Nghệ Tĩnh cũng có tục lệ tương tự : « Ví dụ như người đi hát dặm đã có vợ con rồi, nhưng ra giữa đám chị em thì phải nói ngược lại, chứ nếu nói thật thì còn có duyên gì nữa » (Nguyễn đổng Chi, sđd., trg. 74).

2) Minh Trúc, bđd., VIII, Trung Bắc Tân văn, số 5976 (20-3-37).

3) Lưu Khâm, Nguyễn đình Tân, Nguyễn Viêm, bđd,., I, trg. 20

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nữa, sinh ra lù khù hay sỗ sàng, làm mất danh giá của ban tổ chức thì họ không cho kết bạn và không cho hát nữa (1). Nhưng dù sao cách ăn uống làm khách này rất ít thấy ở nông dân nếu ta quan sát một buổi ăn tiệc tại đình chẳng hạn, không những tuyệt đối không làm khách lại còn ăn uống rất đáo khẩu, tay đủa tay chén khề khà.

c) **Cách trang phục**: khi đã đi hát thì không những trai gái mà cả đến các người trung niên và cao niên cũng đều phải ăn mặc thật đẹp, quần áo lành lặn chưa đủ, còn phải cho đẹp mắt mới được : nào là gấm, the, lụa, quần trắng, áo thâm, khăn xếp v.v..., dù sao cũng phải chỉnh tề vào bậc nhất (2); ai không có quần áo đẹp thì phải đi mượn. Có những thanh niên dù trời không mưa không nắng cũng xách kè kè một ô lục soạn, có những thiếu nữ không có phấn hồng thì lấy giấy bao hương thấm nước xoa vào má (3).

d) **Cách nói năng**: nam nữ quan họ xưng hô với nhau rất nhã nhặn lễ phép, khiêm tốn, mặc dù nam hay nữ đều xưng em để thưa liền anh, liền chị (hay lền anh, lền chị); cách nói năng cũng rất sính văn-hóa : hát thì gọi là ca, cao thì gọi là kiêu (dùng tiếng Hán Việt thích hơn là dùng tiếng nôm na); muốn nói chuyện thì vận thơ ra, ví dụ muốn nghe hát thì nói

Quy môn treo cửa mành mành
Gần chàng mà chẳng được nghe canh đồng hồ (4)

Nói tóm lại, người quan họ ít dùng cách nói đơn giản của sinh-hoạt thường ngày mà dùng một lối nói riêng biệt kiểu cách, thành thử muốn đi hát, trước nhất phải tập hát, lại phải tập luôn cách ăn nói.

đ) **Cách ca hát**: khi hát, tài tử quan họ không có dáng điệu đơn sơ tự-nhiên; có người mắc phải mấy tật phức tạp như sau : vừa hát vừa che

---

1) Lưu Khâm, Nguyễn đình Tấn, Nguyễn Viêm, bđd., I, trg. 20
2) Lưu Khâm, Nguyễn đình Tấn, Nguyễn Viêm, bđd., I, trg. 20.
3) Vũ ngọc Phan, sđd., trg. 232; cách trang phục cầu kỳ này cũng có thấy nơi trai gái các dân tộc thiểu số, anh em với dân tộc Việt-Nam, ở miền thượng du, trong các hội hát mùa xuân như hội Đồng mỏ chẳng hạn : « trai tay cầm ô, đó là vật trang sức của con trai Thổ, dù mưa dù nắng không bao giờ mở ra ! » (Hội Đồng mỏ, báo Trung Bắc Tân văn số 5958, 5959, 5960 (27-28 tháng 2 và 1, 2 tháng 3-1937)
4) Lưu Khâm, Nguyễn đình Tấn, Nguyễn Viêm, bđd., I, trg. 20.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

miệng, chồng má, bưng tai; hay lấy ô, nón che mặt (1); ngồi hát cũng không ngồi như bình thường mà lại chân co, chân ruỗi : hỏi các tài tử về nguyên nhân mấy sự cầu kỳ nầy, họ trả lời rằng xưa nay bắt chước nhau như vậy thôi, chớ chẳng ai dạy là phải chồng che co ruỗi như thế nầy, thế khác.

e) **Thái độ quần chúng đối với cuộc hát.**

Trong các ngày hội, làng xã tổ-chức nhiều trò chơi bình dân như đúa đu, bơi chãi, chạy chữ, đánh vật, cướp cầu, v.v... nhưng việc nghe hát quan họ hình như chiếm đông khách nhất, thính giả đông quê bị hấp dẫn bởi trai gái quan họ là người trẻ, đẹp, tài ba. Các tài tử này đến từ nhiều vùng lân cận nơi có tổ chức cuộc hát. Nhiều cô gái làng mê say chàng trai quan họ từ bên kia sông sang hát hội xuân tại đình đã thề : « Phen này em quyết khăn gói mà sang sông ». Hễ bọn quan họ nào trong làng mời được bạn về nhà vui hát thì người làng đến xem mặt, xét tài. Còn ngày thường, nếu có tổ-chức ca hát ở đâu, bà con làng xóm cũng đến nghe rất đông cho thỏa lòng mến yêu nghệ thuật và sở thích ngắm trai thanh gái lịch đua tài.

V. — HÁT QUAN HỌ NGÀY NAY

Sau gần 10 năm chiến tranh, và vì Bắc Ninh cũng đã từng trở nên một chiến địa, truyền thống hát Quan họ bị tổn thương khá nhiều; theo Lưu-Khâm, Nguyễn Viêm và Nguyễn đình Tấn (2) người biết hát ngày nay phần đông là các bậc cao niên, ít có thanh niên; việc kết bạn cũng bị gián đoạn; hơn nữa quan niệm của thanh niên khác hẳn với xưa, họ cho tình cảm theo lề lối quan họ là lạc hậu. Trong vài làng như làng Sói, làng Trầm Khê, có vài người đi qua lại hát với nhau, còn phần nhiều là người cùng làng, hát có tính chất ôn lại. Về phía con trai, không có ai hát; con gái ở mấy làng Ngang, Nội hát nhiều, ở Sói và Trầm Khê (Khúc toại) lẻ tẻ có một số chị em tập hát. Số lượng bài hát còn lại trong ký ức các ông cụ bà cụ cũng khá nhiều : theo Huỳnh Lý (Khái quát về văn chương truyền miệng, trong Lược thảo Lịch sử Văn học Việt-Nam, 1957, trg. 22) trong một ngày hội Quan

---

1) Lưu Khâm, Nguyễn đình Tấn, Nguyễn Viêm, bđd., I trg. 20 : không biết họ che như thế là vì thẹn thuồng hay cốt ý làm cho có tiếng vang. Theo Minh Trúc, trai gái mượn nhau ô nón che trước miệng cho giọng khỏi tản mác và để khỏi phải hát to, vì cách ngân nga trong Quan họ đã làm tổn giọng, làm người hát khá mau mệt rồi.

2) Lưu Khâm, Nguyễn đình Tấn, Nguyễn Viêm, bđd., I, trg. 21.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

họ năm 1956, người ta đã ghi chép được 600 bài. Theo khuynh hướng mới, Quan họ có thể đồng ca giữa 4,5 người — trước kia chỉ hát có 2 người, tuyệt không có hát 1 hay hát 3 người, sợ không thuộc, hay không đều. Một điểm khác đáng ghi, là ngày nay Quan họ không còn là một loại hát hoàn toàn địa phương. Nhạc tính phong phú, nội dung sâu sắc của Quan họ đã làm nó vượt khỏi biên giới văn hóa chật hẹp của tỉnh Bắc Ninh mà lan tràn khắp miền Bắc và ra nước ngoài nữa.

LÊ-VĂN-HẢO

***

BẢN KÊ TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

1) Tài liệu Văn Tự

2) Tài liệu nghệ thuật

1) TÀI LIỆU VĂN TỰ

1) *Bắc Ninh tỉnh khảo dị*, 6 tập (bản chữ Hán chép tay để tại Thư-Viện Á Đông học hội, Paris.
2) Bezacier, L. *L'Art Việtnamien*, Paris 1955
3) Dương Quảng Hàm *Việt-Nam văn học sử yếu*, Sài gòn 1956, trg. 24 và 26
4) Lê Tắc *An-Nam Chí lược*, bản dịch của Ủy ban Phiên Dịch Sử Liệu Việt-Nam, Viện Đại-Học Huế, 1961.
5) Lê văn Hảo *Introduction à l'Ethnologie du Đình*, Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises, XXXVII, nº 1, 1er trim. 1962, trg. 41-72.
6) Lưu Khâm, Nguyễn đình Tấn, Nguyễn Viêm, *Tìm hiểu Quan-họ Bắc Ninh* (ronéo), 1956)
7) n. t. *Tìm hiểu nguồn gốc và sinh hoạt của Quan họ Bắc Ninh*, I và II, Tập san Âm nhạc số 1 (tháng 6-1956) tr. 17-21, và số 2 (tháng 7-1956) trg. 11-15 (là những trang trích ở quyển trên).
8) Minh Trúc *Hát Quan họ* báo Trung-Bắc Tân văn số 5962, 63, 64, 67, 69, 71, 74, 76 (tháng 3 năm 1937), ký hiệu Jo 93891, Bibliothèque Nationale de Paris.
9) Nguyễn duy Kiện *Hội Lim*, Việt báo số 1059, (21-2-1939, năm thứ 16 loại mới)
10) Nguyễn đình Phúc *Thêm vài ý kiến về các giọng Quan họ*, TSAN số 4 tháng 10-11-1956 trg. 15-17.
11) Nguyễn đình Tấn *Mấy ý kiến trao đổi về nâng cao và phát triển Quan họ* TSAN cũng số 4, trg. 18-20.
12) Nguyễn đồng Chi *Hát dặm Nghệ Tĩnh*, Hà-nội 1944, 340 trg.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

13) Nguyễn đổng Chi *Một số tục cổ và trò chơi của người Việt-Nam trong Tết Nguyên Đán và ngày xuân,* TSNCVSĐ số 37, tháng 2-1958, trg. 5-17.

14) Nguyễn tiến Chiêu *Tìm hiểu nguồn gốc Quan Họ Bắc ninh,* Bách-khoa số 64 (1-9- và số 65 (15-9-1959) : trg. 42-44 và trg. 36-40.

15) Nguyễn tiến Chiêu *Trống Cơm,* Bách khoa số 67 (15-10-59) trg. 46-49 (cũng phải đọc Trần văn Khê, *Nhân đọc bài « Trống Cơm » của Ô. Nguyễn tiến Chiêu ,* Bách-khoa số 78 và 79 (1-4 và 15-4-60) trg. 73-77 và 61-63.

16) Nguyễn văn Huyên *A propos d'une carte de répartition des génies tutélaires de la province de Bắc Ninh ,* Bull. de l'Instr. Indochi. pour l'ét. de l'Hom. (BIIEH), III, fasc. 1, trg. 137-55.

17) Nguyễn văn Huyên *Contribution à l'étude d'un génie tutélaire annamite : Lý Phục Man,* Bull. de l'Ec. Franc. d'Ext. - Or XXXVIII, 1938 trg. 1-110 nhất là trg. 15-16.

18) Nguyễn văn Huyên *Les chants alternés des garçons et des filles en Annam,* Paris 1934, 222 trg., nhất là trg. 9-25 và trg. 198,222.

19) Phan huy Chú *Lịch triều hiến chương loại chí,* bản dịch TBDVSHVN, I, : Dư địa chí : Kinh Bắc, trg. 86-94.

20) Toan Ánh *Hội hè tháng tám,* báo Lành Mạnh (L.M.) số 49, 50,51 (1960)

21) Toan Ánh *Mấy ngày hội xuân lịch sử,* L.M. số 54, 55, 56 (1961)

22) Toan Ánh *Những ngày hội xuân có tiếng ở Bắc Việt,* L.M. số 42, 43, 44 (1960).

23) Toan Ánh *Phong lưu đồng ruộng,* Sài-gòn, 1957 (tái bản), 158 trg. nhất là trg. 11-19 : Hát Quan họ, một lối chơi xuân thú vị ở vùng Bắc ninh; trg. 22-29 : Hát Trống quân; trg. 71 77 : dún đu.

24) Toan Ánh *Thêm mấy hội Xuân,* L.M. số 65-66 xuân Nhâm dần 1962

25) Trần văn Khê *Hát Quan họ,* Bách khoa số 43 (15-10-58) trg. 49-55

26) Trần văn Khê *Place de la musique dans les classes populaires au Việt-Nam,* Bull. de la Soc. des Et. Indoch. XXXIV, fasc. 4, 1959, 361-377.

27) Trần văn Khê *Principes de base de l'Expression Musicale des Musiques de l'Extrême-Orient* (chưa xb.)

28) Trần văn Khê *La métabole dans la musique vietnamienne* (đang soạn)

29) Trần văn Khê *La musique vietnamienne traditionnelle,,* sắp xb. Paris 1962

30) Tú Ngọc *Các giọng trong Quan họ,* TSAN số 3 (tháng 8-9-1956 trg. 19-23 và trg. 24-2)

31) Vũ ngọc Phan *Tục ngữ và Dân ca Việt-Nam,* 1961 (tái bản), 446 trg. nhất là trg. 314-15 và 389-97.

32) Vũ ngọc Phan *Hát Quan họ Bắc Ninh,* trong quyển *Sơ khảo lịch sử Văn học Việt Nam,* 1957, I, trg. 230-237.

33) Ninh viết Giao *Hát phường vải, dân ca Nghệ Tĩnh,* 1961, trg 183.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

NHẠC VÀ LỜI CỦA HÁT QUAN HỌ

1)Dân ca, tập I, 1954 12 tr. trong đó có n. và 1 của bài : *Trồng Cơm, Xem hội trăng rằm* (tức là *Trèo lên quán dốc*) và *Hoa thơm bướm lượn*

II) Dân ca Việt Nam (có bản dịch lời hát ra Pháp văn và Anh ngữ), 1956, 32 trg. trong đó có : *Qua cầu gió bay, Xe chỉ luồn kim, Hoa thơm bướm lượn*

III) Quan họ, tập I, 1960, 28 trg., 20 bài :
Mấy khi khách đến chơi nhà, Con gà vàng, Gửi thư, Gương vỡ lại lành, Con cua, Đắp nấm trồng chanh, Một trăm thứ hoa, Người xinh, Luyện sơn trang, Bóng quế giải thềm, Chén sơn để cạnh mạn thuyền, Đôi ta như nước trong chum, Người về bỏ bạn sao đành, Tình rằng, Giả bạn, 36 thứ chim Con chim khôn, Cây gạo cao cao, Nhất ngon là mía lan điền, Mặt trời đã xế về tây...

IV) Quan họ, tập II, 1960, 24 trg., 20 bài : *Đợi chờ, Khi tương phùng khi tương ngộ, Kể bốn mùa, Gió mát trăng thanh, Đi khắp bốn phương trời; Trống rồng, Trời đã vẹn toàn, Mụ quán bán hàng, Mạn thuyền, Đôi tay nâng lấy cơi trầu, Tuần khanh chường, Duyên nợ ba sinh, Chưa kịp đôi hồi, Đêm qua đốt đỉnh nhang trầm, Nỗi đương sông, Đêm hôm rằm, Bích phần để thi, Giăng non, Tiếng khoan như gió thoảng ngoài, Cắp nón ra đi.*

V) Phạm Duy (sưu tập) *Cây trúc xanh*, báo Sáng dội miền Nam, loại III số 8 (26) tháng 8-1961, trg. 23.

***

2) TÀI LIỆU NGHỆ THUẬT

Đĩa hát:

1) Hát Việt Nam (microsillon 33 T/m. 25 cm, hát trường kỳ, *số 85 A: Gái thôn Đoài, trai thôn Thượng* (hát đúm) / một trai một gái trước đối ca sau đồng ca.

2) Hát Việt-Nam (microsillon 33 T/m, 25 cm, hát trường kỳ, *số 28* :
Dân ca Quan họ B.N. mặt 1: *Xe chỉ luồn kim*(đối ca)
mặt 2 : *Cây trúc xanh* (đối ca)

3) Hát Việt Nam (microsillon 33T/m, 25cm, hát trường kỳ, số 29 :
mặt 2 : *Hoa thơm bướm lượn.*

4) Đĩa hát Việt-Nam 3184 - P 20245-19: *Ngồi tựa mạn thuyền*, độc ca, có Sáo, Nhị (Cò) và Nguyệt (Kìm) phụ họa ; bắt đầu ngâm mấy câu Sa mạc rồi mới bắt qua quan họ bài « *Ngồi tựa mạn thuyền*».

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

5) Le Chant du monde số L.D.Y. 4046 - Y.E.L. 635-45 và Y. E. L. 636-45
mặt thứ 1 — bài 2 : *Thỏa nỗi nhớ mong* Q.H. giọng hãm) độc ca có sáo phụ họa.
— *Ngồi tựa mạn thuyền* (trên nhãn đề lầm là Cắp nón đợi đò) (Q.H. giọng Là rằng) có Sáo, Tam, Nhị, Hồ (Gáo) và Sanh phụ họa; độc ca.
mặt thứ 2 — bài 1 : *Trèo lên quán dốc* (cũng gọi là *Xem hội trăng rằm*); n.n. đối ca, có Sáo, Tam, Nhị, Hồ, và Sanh phụ họa.
— bài 2 : *Cắp nón đợi đò*; độc ca, có Nhị, hồ và sanh phụ họa
— bài 3: *Ngồi tựa mạn thuyền*, độc ca, có sáo, nhị và nguyệt phụ họa; trước khi hát bài Q.H. này, có ngâm ca mấy câu Sa mạc rồi mới bắt qua bài.

6) Tiếng hát Việt Nam số D.C. 0023-57-0024-57—ĐH 5710-30 898 và 30899
mặt trước : *Trống Cơm* (Q.H. giọng vặt) hợp ca nữ của đoàn ca vũ NDTƯ
mặt sau : *Gã bạn*; hợp ca nữ đoàn văn công NDTƯ Xuân Tứ đệm đàn accordéon.

7) Tiếng hát Việt-Nam số D.C. 0010-57, ĐH573-28412 :
Ông Tơ, do Thương Huyền và Trần Thụ song ca.

8) Tiếng hát Việt-Nam số D.C. 1010, VN 0024-2 :
Qua cầu gió bay, do Thương Huyền và Vũ tự Lân song ca, Thái thị Liên đệm đàn piano, Nguyễn chi Hiếu thổi sáo.

9) B.A.M. (Boite à Musique), Paris, L.D. 365 A : Musique du Việt-Nam, *Qua cầu gió bay*, do Mộng Trung và Trần văn Khê song ca rồi hợp ca, có đàn nguyệt phụ họa.

L.V.H.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tây sơn diệt Trịnh, phù Lê

NGUYỄN - PHƯƠNG

I. — TÂY SƠN LẤY THUẬN-HÓA

Nguyễn hữu Chỉnh vào giúp Tây Sơn (1782).

Ngay khi Tây sơn đang say sưa chiến thắng, sinh lực dồi dào, chí đang mạnh, khí đang hăng, đang ôm ấp một hy-vọng vô bờ bến, thì một mưu sĩ đại tài lại xuất hiện ở chỗ đô cũ của người Chàm, xin cho được làm tôi ba anh em nhà họ, để chỉ dẫn trong việc sử dụng nguồn sinh lực họ sẵn có một cách hữu hiệu. Mưu sĩ nói đây là thuộc bầy tôi cũ của họ Trịnh, Nguyễn hữu-Chỉnh.

Chỉnh là người Nghệ-an, thuộc làng Đông hải, huyện Chân lộc. (1) Cha ông là một thương gia hào phú, có quen biết với Hoàng ngũ Phúc. Khi lớn lên, Chỉnh theo đuổi học hành, có tài văn chương, nhất là văn nôm, và được Ngũ Phúc khen ngợi cùng nhận làm gia khách. Trong dịp vào lấy Phú xuân năm 1776-1775, Ngũ Phúc đã dùng Hữu-Chỉnh làm thư ký riêng. Khi Nguyễn-văn-Nhạc xin qui thuận, Ngũ Phúc đã giao cho viên « gia khách chưởng thư » của ông công việc mang sắc chỉ kiếm ấn vào Qui nhơn phong cho Nhạc làm Tây sơn Hiệu trưởng Tiền phong Tướng quân. Đó là một cuộc gặp gỡ đầy hậu quả quan trọng cho lịch sử nước nhà. Chính dịp đó, Nhạc và Chỉnh xem ra đã có vẻ tương đắc. Nơi Chỉnh, Nhạc có lẽ đã nhận được một người có nhiều tài năng, cũng như nơi Nhạc, Chỉnh có lẽ đã gặp được một cơ hội tốt khả dĩ dựa vào để thao túng. Thế rồi, khi công việc ở Thuận hóa xong xuôi và phải trở về Bắc với khuôn khổ cũ, dường như Chỉnh không quên được gầm trời cao rộng đầm ấm của miền Nam. Hơn nữa, khuôn khổ cũ chẳng bao lâu đã tỏ ra khắt khe độc ác, bây giờ tiếng gọi

1) *Cương mục* ở quyển 44 tờ 27a nói Nguyễn hữu Chỉnh là người huyện Chân lộc, nhưng *Hoàng Lê nhất thống chí* (trang 31) lại nói là huyện Phúc lộc. Theo địa chí, Chân lộc mới đúng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

của chân trời mới, đầy phiêu lưu, ở bên kia rặng núi Hải vân càng trở nên réo rắt, quyến rũ, khiến cho Chỉnh không thể cầm mình được mà không liều thám hiểm một phen.

Thật thế, Thăng long vào cuối đời Trịnh Sâm đang trải qua một tình trạng thối nát chẳng khác gì Phú xuân của Chúa nguyễn mấy năm về trước. Nhìn kỹ, người ta sẽ nhận được đó chỉ là một lâu dài bề ngoài tuy còn đồ sộ, mà thực sự bên trong mối mọt đã rúc đục gần hết cột kèo, và chính chủ nhân cũng đã trở nên si mê mù quáng không còn biết gì đến đàn chuột không mèo đang tung hoành khắp nơi trong chốn đế đô. Cảnh hư hỏng của Bắc hà nầy, thiết tưởng không đâu được diễn lại một cách rành mạch cho bằng trong quyển *Hoàng Lê nhất thống chí*. Thật là một cảnh thượng bất chính, hạ tác loạn điển hình.

Trước hết là tấn kịch Trịnh Sâm mê Đặng thị Huệ, tha hồ cho gà mái gáy tự do, làm loạn đảo tinh thần. Rồi đến việc phủ quan chia phái đảng, kẻ thì ủng hộ Trịnh Cán, đứa con trứng nước của Thị Huệ, kẻ thì nâng đỡ Trịnh Tông, người con đã lớn của Ngọc Hoan, đến nỗi hai bên đả kích nhau kịch liệt khi Trịnh Sâm còn sống, và càng đả kích nhau kịch liệt hơn khi Trịnh Sâm vừa băng hà cùng để ngôi lại cho Cán. Nhưng di hài Trịnh Sâm chưa kịp chôn, thì Tông đã nỗi dậy chiếm lấy ngôi Chúa cùng giết cả bè lũ của Cán. (1)

Bấy giờ, người đứng đầu trong việc ủng hộ Trịnh Cán là Hoàng đình Báu, tức là cháu gọi Hoàng ngũ Phúc bằng chú (2). Nguyễn hữu Chỉnh rất quen với Đình Báu, và có thể nói được là ân nhân nữa, vì khi Ngũ Phúc chết, cả Hữu Chỉnh lẫn Đình Báu đều bị cáo là đã lấy trộm của cải của Ngũ Phúc và đều bị tù. Trong những lúc bị tra tấn về vụ đó, Hữu Chỉnh vẫn bằng lòng chịu, không khai gì hết về Đình Báu, nhờ thế Đình Báu được vô sự. Do đó, Đình Báu càng yêu mến Hữu Chỉnh hơn. Khi Đình Báu làm trấn thủ Nghệ an, ông đã giao cho Hữu Chỉnh việc huấn luyện thủy thủ để đánh giặc biển, rồi khi ông được triệu về làm trấn thủ Sơn nam, công việc của Hữu Chỉnh là coi đội quân Tiền trung đi tuần phòng hải phận, và sau đó lại coi quân Tiền cơ đóng ở Nghệ-an. Dầu ở gần, dầu ở xa, Hữu Chỉnh cũng đã được dư luận cho là tay chân của Hoàng đình Báu.

---

1) *Hoàng Lê nhất thống chí*, chương I và II.
2) Về Hoàng đình Báu, xem *Cương mục* quyển 45 tờ 4b, 13b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bởi vậy, khi Trịnh Tông nổi dậy cướp chính quyền, giết Đình Báu, người thân cận của Hữu-Chỉnh liền lo cho số phận ông. Bấy giờ Hữu Chỉnh có một bạn thân ở Sơn nam, tên là Hoàng viết Tuyển. Được tin báo động ở kinh thành, Viết Tuyển vội vàng vào Nghệ an báo cho Hữu Chỉnh biết. Thoạt nghe, Hữu Chỉnh rất lo ngại. Ông bèn tìm đến bàn kế với trấn thủ Nghệ an lúc đó là Võ tá Diêu. Tá Diêu là em rể của Đình Báu, nên Hữu Chỉnh không ngần ngại đem hết điều hơn lẽ thiệt bày tỏ cho nghe. Câu chuyện giữa hai người, đại để thế nầy :

Khi Tá Diêu hỏi phải làm thế nào để giải quyết tình trạng, Hữu Chỉnh nói :

Trấn ta tiếp giáp với trấn Thuận hóa. Phó tướng Phú xuân là Hoàng đình Thể và đốc tướng Đồng hới là Khôi Thọ đều là thuộc tướng của tiên công (1), đều có nghĩa đồng thuyền với chúng ta. Vậy nên gửi mật thư cho Đình Thể, bảo dùng mưu giết đại tướng để chiếm lấy thành. Khôi Thọ thì sẽ chiếm lấy Đồng hới làm chỗ ứng viện. Phần công, hãy giữ trấn này làm căn cốt, lập đường Hoàng mai lại, đóng đồn lớn ở Quỳnh-lưu để làm kế cố thủ. Về việc canh phòng mặt biển, đã có tôi lo. Công nên cố làm như vậy.

Tá Diêu xin suy nghĩ đã.

Chỉnh nói : Không làm như thế, thì chỉ còn một đường nữa là bỏ mà đi.

Tá Diêu hỏi : Đi đâu mà yên được ?

Chỉnh đáp : Thiên hạ vạn nước, lo gì không có chỗ đi, nhược bằng trì hoãn, quân tầm nã sẽ vào tới nơi.

Tá Diêu do dự không dám quyết (1).

Quan trấn thủ Nghệ-an không dám nghe theo lời Hữu Chỉnh, vì chương trình ông nầy đem ra thật là quá táo bạo, vượt hẳn mức can đảm của hạng người tầm thường. Nhưng xét cho kỹ chương trình đó không phải là không

---

1) *Cương mục* q. 45 tờ 33ab; *Hoàng Lê nhất thống chí* trg 32-33. Đọc đoạn trích trên đây rồi so với đoạn văn của *Hoàng Lê nhất thống chí* ở chỗ nói đó, người đọc thấy ngay rằng sách trước đã toát lược sách sau. Đó là một trong nhiều chỗ *Cương mục* toát lược *Hoàng Lê nhất thống chí*.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thể thực hiện. Nó tỏ ra quá chu đáo nên người ta có thể nghĩ rằng Hữu Chỉnh đã suy tính các điều đó từ lâu trước và nay mới gặp trường hợp thuận tiện để nói ra. Chương trình đó còn có thể cho biết nữa rằng lòng của Hữu Chỉnh luôn luôn nhớ đến miền Nam và trù tính công việc với sự hiện diện của miền nầy trong óc.

Để thực hiện mơ ước làm chúa một vùng với chương trình chu đáo vừa nói, có lẽ lúc đó cũng là trường hợp thuận tiện nhất, nhưng Tá Diêu không thể thực hiện được, nên Chỉnh tìm chân trời mới. Cùng với Hoàng viết Tuyển, Hữu Chỉnh lấy thuyền đem gia đình vượt biển vào Qui nhơn giúp Anh Em Tây-sơn. *Cương mục* chép rằng : Văn Nhạc được Hữu Chỉnh lấy làm mầng lắm, tiếp đãi như khách trọng. Hữu Chỉnh đem việc nước (của Chúa Trịnh) mách với giặc (Tây-sơn), luôn luôn thúc giục họ gây hấn, để mong báo thù những kẻ đã quấy phá ông. Ông khuyên Văn Nhạc tích trữ lương thực, sắm sửa khí giới, khích lệ tướng mục, huấn luyện sĩ tngũ, để lo việc lấy Thuận-hóa (1).

Tình hình Thuận-hóa, kể từ ngày họ Trịnh chiếm cứ,.

Năm Nhâm dần (1782), khi Nguyễn hữu Chỉnh bỏ Nghệ-an vào giúp Tây-sơn, vị Đại-tướng làm trấn phủ Thuận-hóa là Phạm ngô Cầu, thường gọi là Quận Tạo hay quan Đại. Trước kia Ngô Cầu giữ chức trấn thủ Sơn nam. Tháng 8 năm Bính thân (từ ngày 13 tháng 9 đến 11 tháng 10, 1776) ông được Chúa Trịnh sai vào Nam hà cai trị Phú-xuân thay Bùi thế Đạt. Ông vốn là hạng người hèn nhát vô mưu, nhưng lại được phủ chúa tin dùng, vì ông chỉ chờ lệnh cấp trên ban xuống để thi hành, chứ không có sáng kiến gì. Năm Đinh dậu, (1777) ông được lệnh thi hành thuế má trong lĩnh vực thuộc quyền ông, không may cũng năm đó, lĩnh vực ông bị cắt bớt mất một phần, tức là châu Bố chính. Về trước, Bố chính chia làm hai châu, Bắc Bố chính thuộc về Bắc hà, và Nam Bố chính thuộc về Nam hà, nay Chúa Trịnh truyền sáp nhập hai châu lại một, và châu mới nầy thuộc về châu Hà hóa, trấn Nghệ-an (2).

Cũng năm Đinh dậu, Ngô Cầu mất viên đốc thân Nguyễn lệnh Tấn. Lệnh Tấn là người có tài lược biết phòng xa. Thấy hiểm họa Tây sơn, Lệnh Tấn nhiều lần đã trình bày với Ngô Cầu và cũng đã gửi mật khải ra

---

1) *Cương mục* q. 45 tờ 34a.
2) *Sách đã dẫn* q. 45, tờ 3b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bắc cho Trịnh Sâm biết nữa. Công việc đó của Lệnh Tấn đã không được ích gì, lại làm cho cấp trên nghĩ rằng ông là người hiếu sự. Bởi đó khi vì tội « hiếu sự » nầy, Lệnh Tấn bị gọi về Bắc, việc bố phòng ở biên giới phía nam lại càng bị phế trễ hơn nữa,. Thật, Ngô Cầu cũng như Bắc hà đã mắc vào mưu Nguyễn Nhạc, vì chính đầu năm Đinh dậu chúa Tây-sơn đã khôn khéo xin đầu hàng và được họ Trịnh phong cho làm Trấn thủ Tuyên úy Đại sứ ở Quảng-Nam (1).

Ở chỗ biên viễn, các quan họ Trịnh đã không có sức mạnh dồi dào, lại dần dần bị cô độc và oán ghét nữa. Lúc đầu, khi mới vào cai trị, họ cư xử với dân chúng Thuận hóa rất tử tế. Vào tháng 7, 1775, giáo sĩ Halbout, bấy giờ ở Huế, đã có thể viết về Paris rằng ở đây « người Bắc đối đãi với dân không phải như với kẻ thù, mà trái lại như cha mẹ, anh em » (2). Nhưng rồi không được bao lâu đã dồn dân vào thế đối lập, vì thái độ hách dịch, của họ, nhất là vì những cách thế họ dùng để bóc lột dân đen cho được thỏa mãn lòng tham không còn ai kiểm chế. Bầu không khí càng nặng nề thêm khi Thuận-hóa bắt đầu phải nộp thuế cho Thăng long vào năm 1777. Với lệnh thuế má, chẳng những ách cai trị của người Bắc hà đè xuống nặng hơn, mà còn ăn ra rộng rãi hơn trên nhân dân. Nói được rằng các quan Bắc hà ai cũng vơ vét, nhưng con người thâu vào được nhiều hơn cả và vì đó lòng căm phẫn của nhân dân dồn vào nhiều hơn, đó là quan trấn phủ. Bấy giờ quan lợi dụng tất cả mọi cơ hội để làm tiền bất cứ ai, nhưng có thể nói được người công giáo Nam hà càng thiệt thòi hơn nữa, vì yếu thế hơn. Trước kia khi còn làm trấn thủ Sơn nam ông đã dùng nhiều thủ đoạn đối với người công giáo, nay làm chúa tể ở Phú xuân, cố nhiên ông càng tung hoành đắc lực lắm nữa. Và bấy nhiêu việc không tốt đã làm cho người Bắc và người Nam ở Thuận hóa dần dần trở nên những kẻ tử thù (3).

Ngô Cầu cũng đã nhận thấy tình trạng bất ổn bắt đầu khai diễn. Ông lo ngại viết thư về Thăng long xin tăng cường lực lượng để bảo vệ biên thùy. Trịnh Sâm bấy giờ mới tin là Thuận hóa có thể sinh sự lôi thôi, nhất

---

1) *Sách đã dẫn* q. 44, tờ 34a, q. 45, tờ 2b.

2) *Nouvelles Lettres Edifiantes* tập VI, trg 203. Giáo sĩ Halbout bấy giờ giảng đạo ở Thuận-Hóa và rồi cũng chết ở đó vào năm 1788.

3) Chẳng hạn xem thư của Le Breton đề ngày 10 tháng 7, 1787 gửi cho giáo sĩ Blandin ở Paris. Thư khố của Mission Etrangères de Paris, số 691, trg 811. Về sự dân Nam thù ghét dân Bắc sẽ thấy sau, khi Phú-Xuân đã thất thủ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

là về phía Nguyễn Nhạc, nên sai Hoàng đình Báu vào làm trấn thủ Nghệ An thay cho Trần đình Thể, để ông nầy đem năm cơ đội vào đóng ở Bố chính. Thật ra Tây sơn lúc đó chưa có gì đáng sợ vì họ đang dồn tất cả lực lượng về phía Gia-định, nhưng sự lo ngại về nhân dân tỏ ra rất có căn cứ vì chẳng bao lâu loạn lạc đã nổi lên ở vùng Khang lộc, Lệ thủy (Quảng bình). Với lời cáo cấp của lưu thủ Đồng hới là Ngô phúc Uýnh, Đình Thể đem quân vào dẹp yên được và được Trịnh Sâm ban thưởng, phong cho làm Thuận hóa đốc lãnh, cùng sai Hoàng thúc Nhẫn mang cờ tiết và sắc ấn vào cho. Bấy giờ là tháng 11 năm Đinh dậu (tháng 11 âm lịch ăn từ ngày 30 tháng 11 đến ngày 29 tháng 12, 1777) (1).

Từ khi Đình Thể vào làm phó tướng Phú xuân, Ngô Cầu được yên tâm phần nào về phương diện quân sự, nhưng cũng vì phương diện đó mà chẳng bao lâu hai bên thành ra chia rẽ. Ngô Cầu không ưa Đình Thể vì thấy thế lực quan phó tướng càng ngày càng mạnh, Đình Thể không phục Ngô Cầu vì thấy quan Đại quá ư tham nhũng, khiến lòng dân oán ghét. Chính tình trạng chia rẽ này Hữu Chỉnh đã xui Võ tá Diêu lợi dụng để có thể nổi dậy chống với cơn bắt bớ của Trịnh Tông. Nhưng nếu Tá Diêu không đủ can đảm để lợi dụng, thì rồi đây Hữu Chỉnh sẽ thừa mưu kế để khai thác cho quyền lợi của Tây sơn và của riêng ông nữa trong việc tấn công Phú xuân.

Việc lấy Phú xuân (1786).

Phiêu lưu vào Qui-nhơn, Nguyễn hữu Chỉnh mang theo một trí óc đầy mưu kế. Muốn thi hành các mưu kế đó, ông cần phải nắm được trong tay thế lực của Tây Sơn, bởi đó việc trước tiên của ông là cố gắng để mua cho được lòng của Anh Em Nhạc, Huệ. Để mua lòng, phải hết lòng, biết thế, Hữu Chỉnh không còn bỏ qua một việc gì mà không ra tay. Ông đem chính tình miền Bắc trình bày cặn kẽ cho Nguyễn Nhạc. Thế chưa đủ. Một người em rể của ông vâng lời họ Trịnh vào Qui-nhơn có ý dỗ dành ông trở về Bắc, ông không ngần ngại đem giết đi để chứng tỏ rằng ông đã dứt khoát phục vụ chủ mới. Tích cực hơn nữa, ông hiến kế cho Tây-sơn, nhất là trong việc đánh Thuận-hóa và Bắc hà (2).

---

1) *Cương mục* q. 45, tờ 6b.
2) *Hoàng Lê nhất thống chí* trg 54.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Phần Nguyễn Nhạc, ngay từ đầu, ông đã mơ ước lấy kinh đô Chúa Nguyễn. Khi thấy họ Trịnh kéo quân vào chiếm, ông giữ một thái độ khiêm tốn, kính cẩn, nhưng vẫn không cho là miếng mồi ngon đã mất. Ông vẫn nhìn ra và chờ đợi thời cơ thuận tiện. Nguyễn hữu cChỉnh vào Nam đã dịch thời cơ của Nguyễn Nhạc lên tới gần hơn một chặng khá dài, nhưng vào quãng giữa năm Ất tị (1785), khi đại phá xong quân Xiêm lực lượng Tây sơn từ Gia-định khải thắng trở về Qui nhơn, xem ra việc đánh Phú xuân không còn xa lắm nữa. Sức mạnh cũng như mưu kế, bấy giờ Nguyễn Nhạc đã có thừa, chỉ còn một điều có thể khiến ông do dự, đó là tình trạng phòng thủ của Phú xuân. Thì, may sao, đầu năm sau, một người từ ngoài Phú xuân đã vào mách báo cho ông đầy đủ. Người quí hóa nầy là Nguyễn phú Như.

Phú Như là sứ giả của Phạm ngô Cầu, nhưng lại là bạn cũ của Hữu Chỉnh. Sở dĩ Ngô Cầu sai Phú Như vào Qui nhơn là vì quan trấn phủ đang ở trong một tình thế đáng lo. Vào cuối năm Quí mão (1783), Trịnh Tông đã nắm vững chính quyền, liền cho Hồ sĩ Đống vào quan sát Thuận hóa. Khi trở về, Sĩ Đống đã nhiều lần đề nghị với Chúa đặt người khác thay thế Ngô Cầu, vì ông này « tham nhu ». Dầu Chúa còn thương cho ngồi yên vị, Ngô Cầu cũng không khỏi thắc mắc nghi ngại. Ông biết rằng nếu nay một việc gì bất lợi xảy ra ở biên giới là địa vị ông không còn có cơ cứu vãn nữa, bởi đó được tin Tây-sơn đã toàn thắng ở Gia-định và hình như đang chưa bằng lòng với kết quả thâu lượm được, ông vội vàng cho Phú Như vào liên lạc để dò xét tình hình. Nhưng như đa số các quan Bắc hà ở Phú xuân, Phú Như không có thiện cảm với Ngô Cầu. Đàng khác, đến Qui-nhơn, ông lại được Hữu Chỉnh dụ dỗ, hứa hẹn, nên ông không còn tiếc gì mà không nói về thực trạng của Thuận hóa, đến nỗi ông kết luận rằng Phú xuân có thể lấy được dễ dàng. Cổ nhiên Hữu Chỉnh không mong mỏi gì hơn. Ông trình với Nguyễn Nhạc, và họ chuẩn bị xuất quân (1).

Bấy giờ là tháng tư năm Bính ngọ (từ 28 tháng 4 đến 26 tháng 5, 1786). Tây sơn bắt đầu dùng mưu. Họ cho một thuật sĩ ra Phú xuân đem việc họa phúc nói với Ngô Cầu. Đã sẵn lòng mê tín, lại gặp lúc vận nhà không được đỏ và thân xác ốm yếu, tâm thần lo lắng, Ngô Cầu sẵn sàng ngồi xuống để nghe hết các lời của người khách thích thời. Khách khuyên quan phải lập đàn cúng vái may ra mới qua được bước đường « xung », và cổ

---

1) *Hoàng Lê nhất thống chí* trg 59; *Chính biên liệt truyện* q. 30, tờ 12a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nhiên làm lễ càng to càng hay. Quan vội vàng mở đám và mở rất to, cho xứng với chức quan Đại. Thế là ở chùa Thiên Mụ trống đánh cờ mở, người đi lại dập dìu, chương trình đến bảy ngày đêm mới hết. Trong dịp nầy các tướng lãnh, và nhất là binh sĩ phải phục dịch rất khó nhọc. Và chính lúc cuộc lễ đang tiếp diễn như vậy, Ngô Cầu được tin quân Tây sơn kéo đến (1)

Để đánh lấy Phú xuân, Nguyễn Nhạc đã đặt Nguyễn Huệ làm tiết chế thủy bộ chư quân. Hữu Chỉnh được làm hữu quân đô đốc, còn con rể của Nhạc làm tả quân đô đốc. Thủy quân thì do Nguyễn Lữ chỉ huy. Ở Thuận hóa lực lượng thực ra không phải nhỏ. Bấy giờ họ có một đạo quân đồn trú tại đèo Hải-vân ở dưới quyền của Hoàng nghĩa Hổ. Tại trấn phủ, họ có chừng ba nghìn quân lưu đồn, chừng ba vạn lính canh thú. Về cấp chỉ huy, ngoài Phạm ngô Cầu, đại tướng, người ta thấy có Hoàng đình Thể phó tướng, Võ tá Kiên, tì tướng, Nguyễn trọng Dương, đốc thị v.v... Nhưng lực lượng nầy không có hiệu lực nhiều, trước là vì tình trạng chia rẽ của các quan, sau là vì ai nấy đang mỏi mệt với công việc của cuộc lễ, không còn có sức nào để chiến đấu (2).

Phần Nguyễn Huệ, ông tiến rất nhanh, theo đà của ngôi sao đang rực sáng của ông. Đến Đà nẵng, ông gặp một tàu Bồ đào-nha mới cập bến vài ngày trước, ông liền cho bắt chủ tàu và em của người nầy trói lại bỏ xuống nước cùng giết hai người nữa, còn bao nhiêu thủy thủ khác thì bắt giúp việc trong các chiến thuyền của ông. Tàu thì bị cướp sạch trơn rồi bị đốt phá để lấy ván làm cầu. Nên nhớ rằng cách cư xử độc ác như vậy, không phải quân Tây-sơn chỉ dành cho người ngoại quốc mà thôi, mà còn dùng đối với nhiều người trên đường tiến của họ, nhất là với nhà giàu. Xem ra

---

1) Trong thư viết về Paris để ngày 10,7, 1787, giáo sĩ Breton nói cuộc lễ kéo dài đến 8 ngày và thêm rằng « avant que ce terme fût expiré, on lui fait apporter subitement la nouvelle que les ennemis étaient à la porte de la citadelle. Giáo sĩ La Bartette, bây giờ ở Quảng-trị, trong thư để ngày 23 tháng 6, 1786, viết cho giáo sĩ Blandin ở Paris rằng : Je vous dirai que Quan Đại a été pris précisément qu'il était tout occupé à faire toutes les diableries possibles *đám chay* etc.., dans la plus fameuse pagode de tout Phú-xuân, pour recouvrer sa santé qui était déjà bien délabrée. Documents relatifs à l'épropre de Gialong của Léopold Cadière trang 12, 13).

2) Nói rằng thủy lực của Tây sơn chừng 400 chiến thuyền, là dựa vào một thư của giáo sĩ Le Roy để ngày 6 tháng 12, 1786 cho biết khi quân Tây-sơn ra Bắc họ có 400 thuyền. Đoán rằng khi lấy được Phú-xuân, họ không thêm được bao nhiêu vào số chiến thuyền của họ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

càng thắng trận, họ càng hăng, không phải chỉ hăng để trừ địch, mà còn hăng trong việc giết người, cướp của (1).

Ở đèo Hải-vân, Huệ giết viên thú tướng, phá tan binh sĩ, rồi tiến ra Phú xuân. Đang lúc đó, thủy lực từ biển cũng kéo vào cửa Tư hiền, thanh thế rất là lẫm liệt.

Nhưng Tây sơn càng sẵn sàng để lấy Phú xuân bao nhiêu, thì xem ra các tướng họ Trịnh cũng sẵn sàng để mất trấn phủ của họ bấy nhiêu. Được tin giặc đến, Ngô Cầu ở Thiên Mụ hốt hoảng chạy về, thì nhận được một bức thư của Nguyễn hữu Chỉnh. Thư không phải gửi cho ông, nhưng được đem cho ông, vì người gửi muốn như vậy. Trong thư Hữu Chỉnh lấy chỗ bạn bè khuyên Hoàng đình Thể liệu đem thành Phú xuân hàng với Tây sơn rồi sẽ được bảo toàn phú quý. Đến đây, sự hèn nhát của Ngô Cầu đã thấu mức cực độ. Ông đã giữ lấy phong thư vừa nói không phải để tránh cho Đình Thể khỏi phản bội quyền lợi của Bắc hà, nhưng là để cho chính ông có thể phản bội trước mong lĩnh được phần thưởng do việc đó mà ra. Thật thế, khi thấy quân Tây sơn đến, các quan đã vội vàng hội nhau bàn tính, và đã quyết đánh, nên treo cờ « điều » lên (2). Hoàng đình Thể và hai con là Hoàng đình Vị và Hoàng thất Dương, thúc quân cực lực chiến đấu để bảo vệ thành. Đạn hết, Đình Thể cho người vào xin quan Đại tướng, nhưng Ngô Cầu đã không cho, còn đóng cửa lại. Đình Thể tức giận quyết vào giết Ngô Cầu vì chắc ông nầy đã có ý phản bội, nhưng khi Đình Thể vừa quay vào thì thấy dinh quan trấn phủ đã thượng cờ trắng. Trước sự thật cay nghiệt đó, ông trở lại liều chết chống cự với địch.

Phần quân Tây sơn, họ đến Phú xuân vào ngày 13 tháng 6, 1786 (3). Họ định giàn quân đổ bộ ngay vào thành, nhưng bấy giờ nước cạn, từ bờ nước vào chân thành cách xa đến vài trượng, hơn nữa, trên thành binh sĩ Bắc hà dưới sự chỉ huy của Hoàng đình Thể đang bắn xuống như mưa,

---

1) Theo thư của La Bartette viết cho Décourvieres ở Paris đề ngày 10 tháng 7, 1786.

2) Trong thư của giáo sĩ Doussain viết về Paris cho giáo sĩ Blandin đề ngày 6 tháng 6, 1787, có đoạn nói rằng : D'abord les rebelles les entouraient dans le *đồn* et voulaient leur donner le temps pour se rendre. Les mandarins tinrent sonseil; Quan Đại avec quelques mandarins étaient d'avis de lever *cờ bạc*, mais les autres ..... (bị rách) et voulurent lever *cờ điều*, ce que voyant, les rebelles fondirent sur eux et firent un massacre terrible.

3) Tức là ngày 18 tháng 5, năm Bính ngọ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

một thuyền của họ bị chìm nên họ đành rút ra xa xa để đợi. Không ngờ, đêm đó nước sông lên to, thuyền có thể vào sát được chân thành. Họ bèn kéo lên chung quanh thành, vây hết các cửa, rồi nhân lúc Hoàng đình Thể hết đạn, họ hùa nhau trèo lên tường, càng lâu càng đông. Một cơn hỗn chiến tiếp theo. Đình Vị, Thất Dương, Tá Kiên cố sức ngăn địch lại, nhưng quân Tây-sơn ùa tới chém vào chân ngựa của các ông khiến các ông bị ngã và tử nạn. Đình Thể, ngồi trên mình voi điều khiển mặt trận, thấy thế vội vàng đến cứu, thì bị tên nài voi phản, bỏ voi nhảy xuống lẫn lộn vào giữa đám đông. Đình Thể lúng túng chưa biết làm thế nào, thì đã bị bắn chết trên bành voi. Các tướng lãnh không còn nữa, quân Bắc hà tan vỡ hỗn độn. Bấy giờ quân Tây sơn kéo vào dinh quan trấn phủ. Ngô Cầu cho mở cửa, trói mình lại xin hàng. Ông bị Nguyễn Huệ tống về Qui nhơn, chỉ được ăn cơm với muối rồi bị giết. Đốc thị Nguyễn trọng Dương cũng chết giữa cơn loạn chiến (1).

Làm chủ Phú xuân, quân Tây sơn đã tàn sát tất cả những ai là người Bắc hà họ gặp được trong thành. Về cuộc tàn sát nầy, người đồng thời, ai cũng thuật lại một cách khủng khiếp. Mười ngày sau khi Tây sơn đến Phú xuân, giáo sĩ La Bartette viết về Paris cho giáo sĩ Blandin trước kia đã giảng đạo ở Bắc hà rằng : « Kìa Nhạc vừa quay ra phía nầy với một đạo quân hùng hậu vừa bộ vừa thủy. Các người Bắc hà của ngài thường ngày khinh dễ họ, nay bị một vố đau chưa bao giờ thấy. Tất cả những người ở trong thành Phú xuân, cả quan lớn, cả binh sĩ, không có người nào thoát được. Người ta giết nhau một cách rùng rợn không sao tả xiết » (2).

Sông Gianh không phải là chỗ dừng chân.

Xong việc ở Phú-xuân, Nguyễn Huệ tiến ra lấy các đồn ở Quảng trị, Bồ chính. Thủy quân cũng tiến ra theo đường biển. Họ đi nhanh, nhưng tiếng đồn về trận Phú xuân đã đi nhanh hơn họ, nên việc chiếm hai tỉnh còn lại của đất Nam hà cũ không còn khó khăn là bao. Nói cách khác, quân Bắc hà đã có trốn thoát thật nhanh để khỏi sa vào tay Nguyễn Huệ.

Ở Dinh-cát, người Bắc thoát được nhờ một tên lính đã bị thương nặng trong trận Phú xuân ra báo cho biết. Vừa nghe tin là họ đưa nhau

---

1) *Cương mục* q. 46, tờ 14b-16a. *Chính biên Liệt truyện* q. 30, tờ 12, 18a-19 *Hoàng Lê nhất thống chí* 60-62.

2) *Documents relatifs à l'époque de Gia-long* 15-16.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tìm đường trốn. Họ chạy được một quãng thì bị dân chặn lại đòi bắt. Họ nói rằng, nếu là dân mà đòi bắt họ, thì họ sẽ chém đầu, nhưng nếu đó là quân Tây sơn, thì họ xin hàng. Người ta liền đi báo cho quân Tây sơn, vì bấy giờ thủy lực của Tây sơn đã ra đến Bố chính. Tây sơn bắt được 200 người Bắc và ba voi đemđvề. Tướng Tây sơn liền tống tất cả người Bắc xuống biển. Quan thú tướng đồn Dinh cát bỏ chạy cũng bị bắt, và dầu ông là rể của Chúa Trịnh, ông cũng bị quân Tây sơn để cho voi đạp (1)

Bấy giờ chính là lúc người Nam trả thù lại người Bắc về tất cả nhữngcách cư xử hà ngược họ đã phải chịu. Người Bắc rất dễ nhận vì giọng nói khác vi người Nam, và vì vậy gặp đâu là họ bắt được đó. Bấy giờ giáo sĩ Longer ở cửa Tùng (Quảng trị) có một tên đầu bếp người Bắc. Nghe tin cách đó vài ba trăm thước dân đang giết một đồng hương của tên đầu bếp, nên giáo sĩ hết sức lo sợ đem giấu kín để rồi gửi lên ở tạm miền núi. Giáo sĩ viết vào ngày 22 tháng 7, 1786, rằng : « Bởi vì 12 năm nay, kể từ khi họ vào chiếm miền bắc Nam hà, người Bắc hà đã áp chế dân hết sức khiến dân giận ghét họ đến cực độ, và chỉ có tôn giáo mới có thể trấn át được lòng giận ghét đó. Bởi vậy, tôi không sợ gì nơi các kẻ theo Thiên Chúa giáo, còn người lương chung quanh chúng tôi, thì họ tức người Bắc đến chết đi được » (2).

Kể ra, các đồn Bắc hà ở Bố chính mới có thể thoát được một cách thành công. Thú tướng đồn Đồng hới là Vị-phá hầu và viên hiệp đồng Ninh Tốn đều cứu được thân. Họ vừa có thì giờ nhiều hơn những kẻ ở Dinh cát, và đường thoát của họ gần hơn. Dầu sao, số những người vượt được sông Gianh về Bắc chỉ có mấy trăm (3).

Người Bắc không còn nữa, nhưng để cho họ không thể trở vào, Nguyễn Huệ truyền đắp lại Lũy Thầy. Công việc nầy chừng một tháng sau đã hoàn tất. Ông cũng chọn La-hà làm chỗ đóng đồn để chống giữ cương giới, giống như thời Trịnh Nguyễn phân tranh.

Thế là trong vòng năm, sáu ngày, Tây sơn đã thu phục được tất cả đất Thuận hóa, kể từ đèo Hải vân ra đến sông Gianh. Như đã thấy trên, họ đến Phú xuân ngày 13 tháng sáu, ngày sau đó họ chiếm được thành, ngày 17

---

1) Thư của giáo sĩ Longer gửi cho giáo sĩ Blandin ở Paris, đề ngày 26 tháng 7, 1786, và thư của giáo sĩ Doussain gửi cho Blandin, đề ngày 6 tháng 6, 1787.

2) *Như trên*

3) *Cương mục* q. 46, tờ 14b, 16a, *Chính biên liệt truyện* q. 30, 19b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

họ đã cho thủy quân ra đến Bồ chính, và ngày 18 các đồn ở Dinh cát đều vào tay họ. Thật là một thành công hết sức rực rỡ (1).

Đến đây, hình như Nguyễn Huệ cùng các anh ông là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, đã có thể lấy làm thỏa mãn. Điều họ hằng mong muốn và nay đã đạt được, đó là làm chủ Nam hà, thay quyền cho họ Nguyễn. Trải nhiều khó khăn, họ đã làm xong việc họ định làm một cách vẻ vang. Ý của Nhạc cũng như của Huệ là dừng lại đã, vì việc xâm chiếm Bắc hà xem ra quá to tát và họ chưa nghĩ tới. Nhưng thử hỏi, giả sử họ dừng lại đây để gây dựng sự nghiệp, liệu chừng sự nghiệp của họ có thể đứng vững được lâu dài không ? Nói cách khác, hỏi họ có thể đương đầu được một cách thắng lợi theo đà đã có từ trước đến nay với lực lượng tấn công mới của Nguyễn Ánh không ? Dầu là kinh nghiệm cho chúng ta biết Nguyễn Huệ đã mấy lần đánh thắng Gia định, câu hỏi phỏng đoán vừa đặt ra đó vẫn khó có thể trả lời được một cách thuận lợi cho Tây sơn. Một lý do là vì lực lượng Tây sơn, dầu có gia tăng, cũng chỉ gia tăng về số, chứ không gia tăng về hiệu lực của võ khí, về chiến thuật. Trái lại, về phần Nguyễn Ánh, sau cuộc thảm bại của quân Xiêm, đã táo bạo cho con đi cùng Giám mục Đá đa lộc sang Pháp cầu viện. Khi những người nầy trở về họ sẽ mang theo cả nền tản bộ của Tây phương cùng lực lượng do nền tản bộ đó tạo cho. Đem lực lượng mới nầy so với lực lượng của Tây sơn chúng ta thấy được đâu là phần hơn. Hơn nữa, nếu trước kia Tây sơn là những « kẻ cướp hiền lành », thì kể từ khi xưng vương, xưng đế, họ đã lột mặt nạ và tỏ ra là những kẻ cướp thực sự, nghĩa là bạo tàn, tham ác, khiến nhân dân chán ghét. Và nhân dân càng ghét Tây sơn bao nhiêu, họ càng quay về cùng Nguyễn Ánh bấy nhiêu, Gia định quay trước rồi cả Việt-nam quay sau. Bởi đó, với giả thuyết đặt ra, phần thắng cuối cùng rồi có lẽ cũng về tay Nguyễn Ánh.

Nhưng, trong thực tế, Tây sơn đã không dừng lại với bờ sông Gianh. Họ còn tiến, tiến nữa, trên đường oanh liệt của họ. Họ cố tranh thủ thời gian, vì dường như linh tính đã báo trước cho họ biết rằng thời gian sẽ không để họ tồn tại lâu dài.

---

1) *Chính biên Liệt truyện*, q.30, 19b; *Hoàng Lê nhất thống chí* trang 62. *Theo Hoàng Lê nhất thống chí* thì việc lấy Thuận-hóa hoàn tất vào ngày 14 tháng 5 năm Bính ngọ, tức là ngày 9 tháng 6, 1786.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Và, với sự thúc giục của Hữu Chỉnh, Nguyễn Huệ ra Bắc hà... diệt Trịnh... phù Lê...

II. — TÂY SƠN DIỆT TRỊNH

Hiệu lực của một luận lý.

Nguyễn Huệ lấy Thuận-hóa, đó là do mệnh lệnh của đề huynh ông, và ông đã làm xong mệnh lệnh, lần nầy cũng như bao nhiêu lần trước, trong cuộc đời làm tướng của ông. Bổn phận của một nhà tướng, đến thế kể là đã thỏa mãn lắm. Từ trước đến giờ, theo ông, làm tướng chỉ là để dùng võ lực thi hành chu đáo những điều cấp trên dạy bảo...

Nhưng khi đuổi được quân binh họ Trịnh sang khỏi sông Gianh, quan niệm về bổn phận làm tướng đã trải qua một thay đổi lớn trong óc Nguyễn Huệ, một thay đổi táo bạo đến nỗi hình như nó làm ngạc nhiên cả chính mình ông. Bởi vì ,lần nầy, ông không còn tuân theo mệnh lệnh nữa, ông đã vượt quá mệnh lệnh, vượt quá sông Gianh, cho được tiến vào một cuộc phiêu lưu mới, một cuộc phiêu lưu nó sẽ đặt ông lên hẳn ở hàng đầu trong nhà họ Tây sơn, nó sẽ đặt ông cả ở hàng đầu trong số các vị anh hùng Đại Việt, nhưng đồng thời nó cũng sẽ gây mầm nghi kỵ, rồi thành ra chia rẽ, thù địch, và làm cho chính nhà Tây sơn chóng tan tành.

Lần nầy, Nguyễn Huệ đã bắc tiến...

Bắc tiến là một hiện tượng đầy ý nghĩa.

Bây giờ Bắc tiến là một việc mới mẻ đối với Nguyễn-Huệ, nhưng không phải là một con đường chưa ai đi. Lê Lợi đã đi trước. Ông nầy đã khởi nghĩa từ Thanh hóa, đã vào đánh Nghệ-an để lấy đó làm cơ sở rồi mới tiến quân đắc thắng ra Bắc. Nhưng, với Nguyễn Huệ, cuộc Bắc tiến đã bắt đầu từ Thuận hóa, hay đúng hơn, từ sự thắng Thuận-hóa, và bởi đó, đã dời địa điểm phát tích cuộc bắc tiến vào một quãng khá dài. Và Đại Việt đã lớn thêm thực sự, không phải với từng chặng Nam tiến, cho bằng với từng chặng của công việc Bắc tiến đó (1).

Cuộc Bắc tiến của Nguyễn Huệ quan trọng như thế, nên chúng ta thử tìm xem đâu là lý do.

---

1) Xem bài « Ai đã thống nhất Việt-nam, Nguyễn Huệ, hay Nguyễn-Ánh », trong *Bách khoa* số 148+149, tháng 3, 1963,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trước tiên, chúng ta phải nghĩ đến tâm lý của những người chiến thắng. Thắng nào có nghĩa gì khác ngoài sự hơn địch, vượt được cương giới địch đặt cho. Thắng là xây dựng một sự nghiệp, mà cũng là phá sức đàn áp, phá chướng ngại. vật. Như thế, một người đã quen chiến thắng, càng ngày càng nhận thức mạnh mẽ ý nghĩa của tự do, càng ngày càng thưởng nếm mặn mà hương vị của nó. Mà nếu người đó là một người hễ đánh thì thắng như Nguyễn-Huệ, thắng không những như lòng mong ước, mà đôi khi còn vượt ngoài sở ước nhờ những sự may mắn tình cờ, thì bấy giờ người đó không phải chỉ dễ dàng say sưa vì tự do, lại còn dễ dàng tin vào ngôi sao tốt, tin vào số mạng hơn người của mình, và tự nhiên trở thành tự-phụ. Một khi đã quen với tự do, đã trở thành tự phụ, người ta trước dầu có thói phục tùng đến đâu, thói nầy cũng dễ dàng bị cái đà tự do tự phụ đó phá vỡ để xô đẩy tài năng vào những môi trường thí nghiệm mới mẻ hơn. Nguyễn Huệ, sau khi thắng được Phúc xuân, chiếm cứ đất Nam hà mãi cho đến bờ Sông Gianh, chính đang ở trong tình trạng tâm lý tự-do, tự phụ đó. Ông chẳng khác gì một con ngựa khỏe, hí một tiếng rung động một gầm trời, mà không ngang dọc được thêm nữa, chỉ vì một sợi dây mong manh ràng buộc. Nay nếu trước mặt con ngựa khoẻ như vậy, trải ra bao la cả một cánh đồng cỏ cây xanh tốt, có thể mặc sức vẫy vùng, thì hỏi sợi dây mong manh vừa nói còn làm thế nào ngăn nó lại được nữa. Mà Nguyễn hữu Chỉnh đã mở cho Nguyễn Huệ thấy cả cánh đồng mông mênh ở Bắc hà, lẫn tính cách yếu ớt của sợi dây đang ràng buộc ông. Thật vậy, dầu người ta có thể nói rằng Nguyễn-hữu-Chỉnh không phải là động cơ độc nhất xô đẩy Tây sơn ra Bắc hà, ai cũng phải nhận rằng lý luận đích đáng của ông đã đóng một vai hết sức trọng yếu trong việc làm cho Nguyễn-Huệ định đoạt bắc tiến vậy.

Nguyễn-hữu-Chỉnh đã đề cập đến Bắc hà trong khi hội đàm để làm báo cáo cho Nguyễn-Nhạc về cuộc đại thắng ở Thuận-hóa. Đại để, Hữu-Chỉnh đã nói với vị tướng Tây sơn rằng :

« Ngài vâng mệnh ra lấy Thuận hóa, đánh một trận mà xong, oai danh rung động thiên hạ. Trong phép dụng binh có ba điều cốt : một là thì, hai là thế, ba là cơ, hễ gặp được ba điều đó là đi đâu thắng đấy. Nay ở Bắc hà, tướng trẻ, binh kiêu, triều đình không còn kỷ cương gì cả, ta thừa thế mà ra đánh lấy, đó là như cổ nhân đã nói : « chiếm kẻ yếu, đánh kẻ tối, lấy kẻ loạn, đè kẻ sắp mất ». Cơ hội và thì ấy không nên bỏ lỡ ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đó là một luận điệu vừa suy tôn, vừa khích lệ. Lời nói như vậy, trong trường hợp như vậy, không khỏi làm cho Nguyễn Huệ lưu ý. Vì đã nhận ngầm là lời của Hữu Chỉnh có lý nên không cãi, mà chỉ bàn thêm: « Bắc hà là một nước lớn, có nhiều nhân tài. Cổ ngữ có câu : « Con ong có nọc », không thể khinh thường ». So sánh lời nói của hai người với nhau, chúng ta nhận thấy một bên là cách trình bày của một người thông thạo kinh sách, bên kia là lối đối đáp của hạng bình dân, nhưng cả hai bên đều dựa trên cùng một nền tảng để lý luận, sự khôn ngoan. Xét ra, chẳng khác gì một bên nói : của cho không lấy là dại, và bên kia đáp lại : chắc gì đã là của cho.

Câu chuyện đến đây chỉ mới bắt đầu, nhưng cũng đã đủ yếu tố để làm cho Hữu Chỉnh sung sướng. Thấy tướng Tây sơn đã đi vào con đường lý luận của ông, Hữu Chỉnh vội vàng nói cho thiệt mạnh mong chóng thuyết phục, nên đã trình bày ý kiến một cách hơi sống sượng. Ông nói : « Nhân tài Bắc hà chỉ có một mình tôi. Nay tôi đi rồi, ấy là cả nước trống không, xin dừng nghi ngờ ». Tuy học có ít, nhưng trí khôn sắc sảo không kém ai, Nguyễn Huệ liền vặn lại : « Không ngờ ở ai, có lẽ ngờ ở ông thôi ». Vừa nghe xong, Hữu Chỉnh thất kinh vì chủ tướng đã có thể thốt ra những lời chua cay về mình. Ông liền tự biện hộ : « Đó là tôi cũng theo bụng ngu hèn, nói nước tôi không có nhân tài đó thôi ».

Không cần phải giải thích, Nguyễn-Huệ cũng thừa biết là ý của Hữu Chỉnh muốn nêu lên cho thật cao sự Bắc hà hiện thiếu nhân tài, nghĩa là có thể chinh phục không mấy khó khăn, và trong cách nói của Hữu Chỉnh ông cũng nhận thấy sự thật, nên ông tìm hiểu tiếp. Ông hỏi : « Một nước đã đứng vững bốn trăm năm, một chốc mình đến cướp lấy, người ta sẽ bảo việc ấy là cái gì?». Hoàn hồn vì giọng ôn tồn của Nguyễn-Huệ, Hữu Chỉnh thưa một cách đầy cẩn thận:

« Nước tôi có vua lại có chúa, đó là việc cực biến xưa nay. Vả Chúa Trịnh tiếng là phù Lê, kỳ thực vẫn là ăn hiếp thiên tử, người trong nước vẫn không bằng lòng. Trước đây, những đấng anh hùng khởi sự, ai cũng phải vịn vào tiếng tôn Lê. Nhưng số họ Trịnh chưa hết, nên công việc của những người ấy không thành. Nay xét ở trong địa lý họ Trịnh có câu nói rằng :

Chẳng đè chẳng bá
Quyền nghiêng thiên hạ,
Truyền hai trăm năm,
Buồng nhà mắc vạ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tính từ Thái vương (Trịnh Kiểm) đến Vĩnh vương (Sâm) vừa đúng sổ hai trăm năm, nếu ngài lấy cớ « Diệt Trịnh phò Lê » mà kéo quân ra, thiên hạ ai cũng theo phục. Ấy là cái công nghiệp không mấy đời có ». Phân tích lời của Hữu Chỉnh, chúng ta thấy ông đã lập luận một cách khôn khéo, khôn khéo, vừa dựa vào lịch sử vừa khai thác lòng mê tín của Nguyễn-Huệ để làm cho ông ta ngã lẽ. Không đem ra ngay chiêu bài « Diệt Trịnh phù Lê », ông nói đón rằng trước kia có người đã lấy danh nghĩa đó để nổi dậy chống họ Trịnh, nhưng họ không thành công vì mạng họ Trịnh còn lớn. Nhưng nay, theo địa lý, mạng họ Trịnh đã hết, chắc chắn việc lớn sao cũng có kết quả. Đối với một người đã thấy câu sấm « Tây khởi nghĩa Bắc thâu công » thành tựu một cách viên mãn qua tay chinh chiến của chính mình mình, như Nguyễn-Huệ, một lời địa lý, như lời Hữu Chỉnh vừa trích về họ Trịnh, tất phải có một sức lôi cuốn lớn. Câu hỏi ông đặt trên là vì ông thắc mắc về ý dân, mà ý dân cũng là ý Trời, nay qua lời địa lý, ông thấy được Trời không còn ủng hộ họ Trịnh nữa, thì dân đâu lại phản đối việc ông ra dẹp họ Trịnh để tôn phù nhà Lê. Chẳng những việc đó không đáng ngại, mà còn là một nghĩa lớn phải làm. Thế là, yên tâm, Nguyễn Huệ qua vấn đề khác, vấn đề đối với Nguyễn Nhạc. Ông nói với Hữu Chỉnh rằng : « Đó là việc rất hay. Nhưng ta vâng mệnh đi đánh Thuận hóa, không phải vâng mệnh đi đánh nước ngoài. Xoay việc nọ ra việc kia, thì ra làm sao ?» Với những khó khăn khách quan trên được giải quyết, hỏi khó khăn chủ quan nầy của Nguyễn-Huệ, có khó khăn gì đối với Hữu Chỉnh. Hữu Chỉnh liền trả lời một cách may mắn rằng : « Trong kinh *Xuân thu* có nói « xoay nhỏ mà công lớn, thế là có công, sao gọi là xoay. Vả lại, ông há chẳng nghe cổ nhân đã nói : « Tướng ở ngoài, mệnh vua có khi không cần phải theo hay sao ? » (1).

Nói cho đúng, lời của Hữu Chỉnh mang hình thức một ngụy biện. Chỉnh xem ra quên rằng, đầu xoay xở là tốt, nhưng nó chỉ tốt trong phạm-vi tìm phương pháp để làm tròn bổn phận thôi, và tướng ở ngoài mặt trận, dầu có trường hợp không cần phải theo mệnh vua, nhưng đó phải là những trường hợp khẩn cấp, bất ngờ, mà thôi. Xét về tình hình Bắc hà, như sự thối nát của Thăng long, sự họ Trịnh áp bức vua Lê, nào có gì là mới mẻ, bất ngờ, khẩn cấp ? Hơn nữa, việc ra Bắc hà diệt Trịnh phù Lê, làm sớm

1) Những lời trích đều theo bản dịch của Ngô tất Tố, trong quyển *Hoàng Lê nhất thống chí* trang 62-63.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

hơn, hay muộn hơn một tháng, nào có quan hệ gì ? Đàng khác, sau một trận đại thắng, nếu người ta vẫn có lý khi tiếp tục ngay công việc hành quân để khai thác lòng hăng hái của ba quân, thì người ta càng có lý khi cho binh sĩ nghỉ lại một thời gian để thở, để lấy sức. Việc vừa chưa khẩn cấp, lại vừa nên cho quân nghỉ, thêm vào đó bổn phận phải nhận lệnh trước khi làm, hỏi sao Nguyễn-Huệ không đợi một ít để thỉnh ý kiến của Thái đức ? Nhưng hỏi ư ? Chắc gì Nguyễn Nhạc đã cho, lại cần gì phải nghỉ xa đến thế, đang khi lý luận của Hữu Chỉnh đã có sức mạnh đủ để giải đáp những thắc mắc còn vương vấn lòng ông ?

Được, thế là đi...

Trên đường ra Bắc.

Trước khi ra đi, Nguyễn Huệ sắp đặt công việc ở Thuận hóa, rồi gửi về Qui-Nhơn một bản báo cáo, đại ý nói :

« Lũ thần vâng mệnh, theo mưu mô của miếu đường, để binh ra đi, nhờ về oai trời thiêng liêng, Thuận hóa đã yên, thiên hạ rung động. Nay ở Bắc hà quân kiêu, tướng lười, thế có thể lấy, thần xin theo lẽ tiện nghi, ủy cho hữu quân Nguyễn Chỉnh hãy đem tiền bộ thủy quân đi trước, thẳng tới Sơn nam. Thần đang thu thập nhân dân các xứ men bể, chọn lấy binh tráng để thêm thế quân, hẹn trong ít ngày sẽ dẹp yên xứ Bắc hà. Còn thành Thuận hóa, hiện đã giao cho thần-đệ là Đông định công coi giữ. Vậy xin ban gấp chiếu chỉ cho thần dân theo ». (1).

Chúng ta thấy được lời lẽ của tờ báo cáo đi theo một chiều với lý luận trên, nên đây chắc chắn là do ngòi bút của viên « gia khách chưởng thư » cũ của Hoàng ngũ Phúc. Hỏi Hữu Chỉnh hãnh diện biết bao khi viết xong tờ trình đó. Như vừa thấy, việc Nguyễn-Huệ ra Bắc lần nầy là phần lớn do lý luận khôn khéo của Hữu Chỉnh. Nhưng ông không hãnh diện vì thành tích đó cho bằng vì đã đạt mục đích riêng. Vào Qui nhơn, ông thiết gì việc phục vụ Tây sơn, nếu không phải là để nhân vào đó cho được về Bắc. Nay ông đã được về Bắc, với một lực lượng khải thắng, dẫn đường cho Nguyễn Huệ, nghĩa là đi trước Nguyễn Huệ nữa, hỏi còn gì sung sướng cho bằng ? Vì vậy ông đã quá sung sướng, sung sướng đến say sưa, nên đã phạm vào nhiều nếu bất cẩn, khiến Bắc hà chê ghét và anh em Nhạc Huệ bỏ rơi.

---

1) *Hoàng Lê nhất thống chí* trang 89.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ở Đồng hới ra đi, Hữu Chỉnh được Nguyễn-Huệ đặt làm chức hữu quân tiên phong, dẫn một đoàn thuyền chừng 400 chiếc đi trước, ra thẳng Vị hoàng, tức là một địa điểm gần tỉnh lỵ Nam định ngày nay, và đến nơi thì đốt lửa làm hiệu. Sở dĩ họ chọn Vị hoàng làm chỗ hội quân trước khi tiến lên Thăng long là bởi ở đó có một lương trường lớn; lấy được lương trường tức là giải quyết được một vấn đề tiếp tế quan trọng.

Phần Hữu Chỉnh, được một dịp để lên mặt với những người ở chỗ quê hương quen biết, dọc đường ông dừng lại nhiều chỗ để tuyên dương thanh thế. Khi ông dừng lại ở Nghệ an, trấn thủ Đường trung hầu Bùi thế Toại cùng tướng sĩ đua nhau bỏ chạy. Ở Thanh hóa, trấn thủ Thủy trung hầu, Tạ danh Thủy cũng thế. Ở Nghệ an, vì là quê của ông, dư luận xôn xao mạnh về lực lượng và công việc ông đang làm. Vừa chê, vừa khen, người ta bảo nhau rằng : « Cũng rắn cắn gà nhà, Chỉnh thật là có tội, nhưng đó cũng là một việc hơn người ». Hỏi không hơn người sao được, vì ở Bắc hà bấy giờ còn ai bằng Hữu Chỉnh ? (1)

Hữu Chỉnh đến cửa Đại an ngày 11 tháng 7, 1786, và cũng ngày đó lên đến Vị hoàng. (2) Ông không phải đánh gì, vì tướng sĩ có bổn phận canh giữ lương trường đã trốn chạy khi nghe tiếng đoàn thuyền ông kéo tới. Họ đã bỏ lại tất cả cho ông, tính ra có đến hàng trăm vạn hộc lương và hằng vạn xâu tiền (3). Thật là một thắng lợi dễ dàng và qúy hóa. Lấy xong địa điểm, ông đốt lửa làm hiệu như đã hẹn với chủ tướng Tây sơn.

Nguyễn Huệ chỉ huy một đoàn thuyền hùng hậu. Như Hữu Chỉnh đã làm trước, ông cũng dừng lại nhiều chỗ để bắt người, lấy của. Khi ông đến Vị hoàng ngày 17 tháng 7, thanh thế ông huy hoàng lẫm liệt chẳng khác gì một ông vua. Ở đây, Hữu Chỉnh đã sắp đặt mọi sự cho được nghinh đón, cũng như cho được khởi hành. Lương thực đã được chất lên các thuyền. Ông đã tịch thu thêm một số thuyền các chú để chở. Lúa gạo còn lại, ông

---

1) *Liệt truyện* q. 30, tờ 21a

2) Ngày 11 tháng bảy, 1786, tức là ngày 17 tháng sáu năm Bính ngọ,. Đây là theo thư của giáo sĩ Le Roy viết ngày 19 tháng 7, 1786, và thư của giáo sĩ Sérard viết ngày 31 tháng 7, tức là chỉ cách việc xảy ra có 20 ngày. Như thế chắc là đúng hơn nhật ký của *Hoàng Lê nhất thống chí* nói Hữu Chỉnh đến Vị hoàng ngày 6 tháng 6, năm Bính ngọ. (xem trang 64).

3) Về chi tiết « hàng vạn xâu tiền », dầu các sách sử không nói đến cũng có thể đoán được, nhưng thực sự chi tiết nầy có thể gặp được trong quyển *Văn Lê di sử* bằng Hán-văn, của Hàn lâm Kim xuyên hầu Nguyễn trọng Ninh, tờ 2a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đã cho dân lấy chia nhau để nuôi thiện cảm rất cần thiết trong buổi đầu. Nguyễn Huệ hội đàm với ông về tình hình, về mưu kế. Thấy không còn có gì ngăn trở việc tiến quân, ngay ngày hôm sau, lực lượng Tây sơn đã lên đường hướng về Thăng long.

Thăng long bối rối.

Khi Hữu Chỉnh đến Vị hoàng và chiếm cứ lương trường, thành Thăng long chấn động. Một cảnh rối loạn diễn ra, thiếu não. Lần quần như gà ăn phải bọ xít, các quan không còn biết bố trí thế nào để chống lại với địch quân đang ào ào kéo tới. Thái độ lần quần nầy không phải đến nay mới bắt đầu, mà nó đã phát hiện từ lâu, từ ngày phủ Chúa được tin thành Phú xuân thất thủ kia.

Thật vậy, kể từ khi phu trạm chạy về cho biết tin xấu miền Nam, các quan trong triều đã bàn tán với một giọng buông trôi, thất vọng. Biết được Thuận-hóa đã vào tay Tây-sơn, đình thần đồng nghị rằng : « Thuận-hóa vốn không phải cương thổ của triều đình. Về trước đã hao phí của cải sức lực, mà lấy được rồi cũng chẳng ích lợi gì. Vậy chỉ nên xét việc lấy Nghệ-an làm chỗ lưu đồn như xưa ». Đó thật là một thái độ hèn nhát, nhưng chúng ta sẽ thấy các quan vào thời Trịnh mạt còn có thể hèn nhát hơn thế nhiều (1)

Khi định xong việc lùi về ranh giới Nghệ-an, Thăng-long tìm người để đặt làm tổng chỉ-huy đoàn quân viễn thú. Thật là một cuộc thi đua thoái thác nhiệm vụ bắt từ cấp trên ăn xuống. Cuối cùng triều đình định Thái-đình hầu Trịnh tự Quyền phải nhận chức thống tướng, suất 27 kỳ hiệu quan quân vào đóng ở giới hạn miền nam của Nghệ-an để hạn ngữ giặc. Nhưng nhận lệnh là một việc, mà thi hành lệnh còn là một việc khác. Không thể tránh trút được, ông cứ dần dà không chịu ra đi. Và ông dần dà cũng có lý vì người dưới cũng bắt chước người trên mà tìm cách lần tránh. Họ đã tìm được một biện pháp để trì hoãn thời gian khởi hành, đó là vịn lý do vị thống tướng không đủ tư cách để xin đổi vị khác. Thật ra, Tự Quyền không phải là người xứng nhất để chỉ huy họ. Những kẻ xứng đáng nhất lại là những kẻ có vây cánh, nên đã có thể xin được cho khỏi đi. Vì những việc lôi thôi đó, nên sau hơn mười ngày đoàn viễn quân thú mới có thể khởi hành.

---

1) *Cương mục* q. 46, tờ 17b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nhưng họ đi đâu nữa bây giờ, vì khi họ rời khỏi Thăng-long được ba mươi dặm, thì một tin như sét đánh đã cho kinh đô biết rằng Tây sơn đã lấy Vị hoàng.

Hỏi phải làm sao đây ?

Giặc đã đến nhà, thế tất phải đánh.

Thăng-long phải dùng quân viễn chinh để giữ nhà. Quân đã có sẵn, nhưng một điều quan hệ vẫn thiếu, « chiến tâm ». Dầu sao cũng phải xoay xở, đến đâu hay đó.

Trong cơn hoảng hốt, triều đình dàn thế trận. Trịnh tự Quyền được lệnh đem thủ hạ ông đang có sẵn xuống giữ Kim động; trấn thủ Sơn nam, Đỗ thế Dận đem bộ binh đến giữ Phù sa; Đinh tích Nhưỡng chỉ huy thủy binh xuống giữ Cửa Luộc. Họ vội vàng ai nấy đến nhiệm sở thì vừa gặp quân Tây sơn đến.

Bắc hà chiến Bại.

Hoàn cảnh bên phía họ Trịnh càng lúng túng bao nhiêu, thì xem ra bên phía Tây sơn càng thuận lợi bấy nnhiêu. Nước lụt lớn, nay đã xuống thấp. Gió thường ngược, nay bỗng trở nên xuôi. Theo đà Trời giúp đó, họ tiến nhanh về phía phố Hiến, lỵ sở của Sơn nam. Họ tiến nhanh nhưng với một chương trình đo đắn. Trước tiên họ gặp Đinh tích Nhưỡng vào chiều tối ngày 18 tháng 7. Sao lại gặp nhau buổi tối ? Tình cờ ư ? Một người đồng thời nói quân Bắc hà muốn đánh buổi tối để dễ tẩu thoát trong trường hợp bị bại, nhưng chính nhờ buổi tối mà Tây sơn dễ lừa được đối phương của mình.

Thấy địch gần đến, Tích Nhưỡng dàn thuyền sang sông, lập thế trận chữ « nhất » — nhất tự trận — có ý chắn đường. Nhưng địch khôn hơn và mưu hơn. Họ đã có sẵn một toán thuyền trên đó toàn người rơm. Theo chiều gió, họ thả cho thuyền trôi lên. Tưởng là thuyền có người thật, quân Bắc hà nổ súng. Họ bắn trúng, vì có thuyền bị chìm. Những thuyền không chìm cứ tiến, và súng Bắc hà cứ nổ. Một điều làm cho họ ngạc nhiên là bắn bao nhiêu cũng không nghe có tiếng người trên thuyền địch. Mãi về sau, khi có một vài thuyền trôi đến gần, họ mới biết rằng người họ bắn là người giả. Chính lúc họ khám phá được điều đó thì đạn họ đã hết, và cũng chính lúc đó người thật của Tây sơn lên tiếng. Nguyễn Huệ cho binh sĩ đánh trống ầm ầm, đồng thời đại bác nổ long trời lở đất, và quân ào ào tiến cả trên bộ cả dưới sông. Lực lượng của Đinh tích Nhưỡng tan vỡ. Họ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

bỏ thuyền lại, tuôn nhau lên bờ để chạy cho mau. Những kẻ thuộc quyền chỉ huy của Đỗ thế Dận và Trịnh tự Quyền cũng sợ hãi chạy tán loạn. Khi Nguyễn Huệ đến lỵ sở tỉnh Sơn nam (Hưng yên), thì thành không còn ai giữ nữa. Vơ vét xong của cải, ông trực chỉ kinh đô (1).

Nhưng trước khi theo dõi quân Tây-sơn đến mặt trận Thăng-long, chúng ta thử dừng lại chốc lát để nghe lời một vài người đồng thời thuật lại về cuộc đụng độ đầu tiên nầy giữa lực lượng nam bắc.

Trong một thư dài, viết theo lối nhật ký, ngay khi việc xảy ra, giáo sĩ Le Roy nói : « Trong đêm 18 rạng ngày 19 tháng 7, bọn giặc, tức là những kẻ đã lấy Vị hoàng và hiện nay đang ở Hiến nam, đã đánh một trận với người Bắc hà hầu như suốt cả đêm. Cuộc chiến đấu thật là kịch liệt giữa quân Chúa và quân của Cống Chỉnh : ở Kẻ Vĩnh, chúng tôi nghe được tất cả tiếng súng của họ. Quân Bắc hà thua, họ chạy trốn, nhưng không chết mấy » (2). Giáo sĩ Sérard, trong thư đề ngày 31 tháng bảy, nghĩa là hơn mươi ngày sau biến cố, càng nói rõ hơn nữa: «Ngày 18, đoàn thuyền tiên phong mở buổm chạy về phía phố Hiến đến dinh quan trấn thủ. Chúa chúng ta đã sai quân đến chống. Hai bên đánh nhau từ 6 giờ tối đến nửa đêm. Binh sĩ chúng ta đã khôn ngoan khai chiến vào lúc chiều tối để lỡ ra thua thì có thể nhờ bóng đêm mà trốn thoát. Quân Nam-hà đánh mạnh đến nỗi làm cho quân ta tan vỡ và họ chiếm dinh quan trấn thủ » (3).

Theo thư sau đó thì xem ra việc khai chiến vào chiều tối là sáng kiến của quân Bắc hà, nhưng thiết tưởng đó chỉ là một cách nói hóm hỉnh để tả sự thất bại quá dễ dàng về phía quân Bắc thôi, chứ thực sự sáng kiến đánh

---

1) *Hoàng Lê nhất thống chí* trang 65; *Liệt truyện* q.30, tờ 21 ab; *Cương mục* q. 46, tờ 18.

2) Léopold Cadière, *Documents Relatifs à l'époque de Gia-long*, trang 7: Dans la nuit du 18 au 19, les giặc qui ont pris Vị hoàng et sont à Hiến nam, ont eu une bataille avec les Tonkinois, qui a duré presque toute une nuit. Le combat a été fort vif entre le parti royal et celui de Cống Chỉnh: nous entendions à Kẻ vĩnh tout le bruit de leur artillerie. Les Tonkinois ont eu le dessous; ils ont pris la fuite, mais sans perdre beaucoup de soldats.

3) Cadière, *sách như trên* trang 10: Le 18, l'escadre d'avant fit voile du côté de Hiến vers le camp du gouverneur. Notre Roi avait envoyé des troupes par terre et par mer pour lui faire tête tête. Les deux armées se choquèrent depuis environ six heures du soir jusqu'à minuit. Notre brave soldat avait eu la prudence d'attaquer sur la fin du jour, afin de pouvoir en cas d'accident faire retraite à la faveur des ténèbres. Le Cochinchinois pressa tellement qu'il mit notre armée en fuite et s'empara du camp du gouverneur de la province.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ban đêm phải ở về bên Tây sơn, vì một đàng họ có thể hơn để có thể sắp đặt ngày giờ, đàng khác vì đi đánh xa nhà, họ phải tìm cách để dành dụm đạn dược, và cách đó chỉ có lợi trong trường hợp đánh vào đêm, như đã thấy trên.

Từ Sơn nam ra đi, các tướng Tây-sơn không còn gặp sức kháng cự nào, cho đến khi đến gần Thăng long. Sự vắng người kháng chiến nầy, một phần vì thanh thế uy hùng của Nguyễn Huệ, mà một phần cũng do cách tuyên truyền càng lâu càng rộng rãi hơn của Tây sơn. Từ Vị hoàng, họ đã sai người đi các nơi khoe khoang mục đích Diệt Trịnh phù Lê của họ. Vừa thấy thế, lại vừa yêu, người Bắc đã thiên về thái độ chờ đợi hơn là nỗ lực chiến đấu.

Ở Thăng-long, khi được tin Sơn nam hất thủ, người ta sợ hãi không còn hồn vía. Tất cả lực lượng đã đổ dồn về phía đó, nay biết lấy gì mà chiến đấu ?

Nói cho đúng, ở kinh đô bấy giờ còn có Kiêu binh. Đó là tên thiên hạ dùng để gọi hạng lính tuyển ở Thanh, Nghệ. Hạng lính nầy trước gọi là tinh binh và rất được tin dùng ở Thăng long. Khi Trịnh Tông giành quyền với Trịnh Cán, bọn lính đó đã ủng hộ Trịnh Tông lên ngôi. Rất hãnh diện về công tác đó, bọn họ tự kể mình là những nhân vật quan trọng, không chịu phục tùng ai nữa, đến cả Chúa cũng thế, vì chính Chúa là con đẻ của họ. Nói cách khác, họ đã trở thành kiêu căng quá độ, và người ta gọi họ là Kiêu binh. Từ 1782, thực sự Kiêu binh đã làm chủ Thăng long. Họ đòi hỏi Chúa đủ điều, họ bàn việc triều chính với nhau, họ muốn hà hiếp ai thì hà hiếp. Kể ra, chính họ đã là một hoạn nạn rồi, cậy vào họ sao được (1).

Vì thế, triều đình phân vân, không biết nên hàng hay nên chiến. Trong cuộc hội đàm về chiến lược, có người ở Nghệ-an ra tên là Nguyễn Lệ để nghị với Trịnh Tông nên đặt tướng giữ thành, rồi rước vua lên Sơn tây đợi ngày sau cử binh khôi phục, chứ nay nếu đánh thì Kiêu binh không thể dùng được. Trịnh Tông đã sắp nghe theo, thì bỗng lời của Lệ lọt vào tai Kiêu binh. Tức thì bọn nầy lấy lẽ Lệ đã đem giặc đến và tìm cách giết ông. Lệ phải vội vàng trốn lên Sơn tây.

---

1) Về Kiêu binh, xem ở chương 2 của *Hoàng Lê nhất thống chí*

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trong hoàn cảnh khó xử đó, người ta đua nhau đổ tội cho tham tụng Bùi huy Bích, công kích rằng vì quan tể tướng không biết lo xa nên kinh đô mới gặp phải đường quẫn bách. Chúa Trịnh cho là phải và bắt ông ra làm giám quân đốc chiến. Thế rồi Chúa bí mật gọi Trần công Sán đến vấn kế. Sán đã có những lý lẽ để an ủi Chúa một phần nào. Ông nói :

« Giặc kéo quân vào sâu trong xứ lạ, đó là một điều nhà binh dạy phải « tránh, vậy hãy dụ họ đến gần rồi đánh một trận là giết được. Còn kinh « sư là căn bản của cả nước, không nên bỏ mà đi xa. Chẳng may gặp buổi « thế bức cũng không được vịn vào mà bỏ, chỉ nên cùng nhau ra ngoài « thành đánh với giặc một trận » (1).

Chúa nghe lời Sán, liền cho gọi Thạc quận công Hoàng phùng Cơ, bấy giờ làm trấn thủ Sơn tây, và các con ông về, giao cho việc trấn giữ ở hổ Vạn xuân, quân của bổn hiệu Thị Thủy thì sai đi giữ bến Thúy-ái, còn chính Chúa thì đốc suất quân trong thành ra giữ bến Tây-long.

Quân của Trịnh Tông sắp đặt chưa xong, thì quân của Nguyễn Huệ đã kéo đến. Bấy giờ là ngày 20 tháng 7. Thay vì cho thuyền chạy thẳng lên Thúy-ái, quân Tây sơn đã đổ bộ một phần ở phía dưới, rồi cả thủy cả bộ đồng tiến. Quân các hiệu Thị thủy vừa bị đánh đàng trước, vừa bị đánh đàng sau, xoay trở không kịp liền vỡ chạy tan tác. Hai viên tướng Trịnh là Nguyễn trọng Yêm và Ngô cảnh Hoàn can đảm chống cự, nhưng được một lúc cũng tử trận. Tin thất bại ở Thúy-ái truyền đi nhanh chóng và lạnh lùng như hiệu chuông báo tử. Quân Hoàng phùng Cơ ở Vạn-xuân lúc đó đang ăn vội vàng vất tất cả mà trốn, trơ trọi chỉ còn cha con Phùng Cơ với vài người nữa khẳng khái đối phó với địch. Đỗ thế Pháp, một trong nhữhg kẻ ở lại với Phùng Cơ, đánh một lúc rồi tử trận. Các con của Phùng Cơ, tám người chết hết sáu, chỉ còn hai thoát được với cha. Kinh thành hết hy vọng (2).

Ở bến Tây-long, Trịnh Tông giục quân tiến đánh. Binh sĩ nhìn nhau không chịu tiến, rồi bỗng xô đẩy nhau chạy trốn. Quân Tây sơn không biết ai là Chúa, xông vào gặp ai giết nấy. Trước cảnh tượng chán nãn đó, Trịnh Tông quay voi trở vào thành thì, than ôi, đến cửa Tuyên vũ, Chúa thấy

---

1) *Cương mục* q. 46, tờ 20a.

2) *Cương mục* q. 46, tờ 20b, 21 a; *Hoàng Lê nhất thống chí* 66, 67; *Liệt truyện* q. 30, tờ 21b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thành đã phất phới cờ địch. Để khỏi bị bắt, Chúa vội vàng dẫn voi về hướng tây với một số cận vệ thưa thớt còn lại.

Ngày 21 tháng 7, Nguyễn Huệ vào thành Thăng-long, dễ dàng dường như không có sức chống cự. Ông đến đóng ở phủ Chúa, ra lệnh nghiêm cấm binh sĩ không được cướp bóc nhân dân.

Trận Thăng-long là trận thứ hai quân Tây-sơn phải đánh trên đường diệt Trịnh. Giáo sĩ Sérard, trong thư đã nhắc đến trên, nói tiếp về trận nầy của Nguyễn Huệ rằng :

« Vài hôm sau, ông đến kinh thành. Lực lượng Bắc hà đánh một trận « thứ hai, nhưng cũng không thành công gì hơn trận trước. Cuộc chiến « đầu lại càng lưu huyết hơn, thiệt hại nặng nề hơn, và thắng trận hoàn « toàn hơn về phía địch. Ngày 21, bọn nầy cầm súng cầm gươm tiến vào « kinh đô, một chỗ mà tất cả đang ở trong tình cảnh hỗn độn. Vào như « thế, không khó lắm, vì thành chỉ là một hàng rào bằng tre, binh sĩ cùng « nhà giàu đã trốn đi và để cửa mở. Chúa đã chạy trốn về phía núi... »

Cái chết của Chúa Trịnh.

« ...Chúa đã chạy trốn về phía núi và đã tự tử » (1). Giáo sĩ Sérard không cho biết chi tiết về cái chết của Trịnh Tông, nhưng các tài liệu Việt-nam bổ khuyết đầy đủ chỗ đó. Theo các tài liệu nầy, thì lúc đầu, khi mới chạy trốn, Trịnh Tông còn có voi ngựa và người đi theo, nhưng đến bến đò Yên lãng, tất cả đã phải bỏ lại và Chúa thì cải trang. Trong năm, sáu người theo Chúa bấy giờ, có một người tên là Nguyễn Noãn, con cháu của Lan quận-công Nguyễn Thực.

Nguyễn Noãn là gia thần của Chúa, gặp lúc biến, được lệnh về làng mộ quân. Chúa thấy Noãn không đem quân đến đón, sinh ngờ vực, mới bảo ông đi tìm một viên tiến sĩ, mong rằng văn thần sẽ trung thành hơn. Nguyễn Noãn gặp được viên Thiêm sai tri lại phiên Lý trần Quán ở làng Hạ lôi. Trần Quán là người làng Vân canh, huyện Từ Liêm, đậu tiến sĩ năm Bính tuất (1766). Ông có làm việc ở triều đình và hiện đang trốn loạn. Sở dĩ ông ở Hạ-lôi là vì ở đó ông có một tên học trò cũ đang làm chức tuần huyện, tên là Nguyễn Trang. Trang vốn tính hung hãn và lúc đó có một số thủ hạ. Nhân đó Trần Quán nhờ Trang hộ tống Chúa. Khi giới thiệu Chúa

---

1. Cadière, *Documents* trang 11.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cho Trang, Trần Quán đã khôn khéo giấu sự thật và nói đó là quan tham tụng Bùi huy Bích. Nhưng Trang đã được Nguyễn Noãn cho biết rõ người đó là ai, và bọn họ cùng với đồng đảng là Nguyễn ba Châu, thay vì đem Chúa đi trốn đã đem Chúa đi nộp cho địch. Biết được cơ sự, Trần Quán hết sức hối hận, ngon ngọt khuyên bọn Trang đổi lòng. Trang đáp một cách vũ phu rằng : « Sợ Thầy không bằng sợ giặc, mến Chúa không bằng yêu thân» (1), rồi dẫn Trịnh Tông đi. Hãy nghe *Hoàng Lê nhất thống chí* thuật:

« Tức thì Trang quay về nhà rồi quát thủ hạ dìu Tông ra kinh.

« Quán ra đón đường, lạy Tông vừa khóc vừa kêu :

« — Ôi trời ôi, tôi giết Chúa tôi, trời có biết không ?

« Tông vẫn an ủi :

« — Tấm lòng trung nghĩa của ngươi, « cô » đã biết rồi. Ngươi không « cần tự oán mình nữa.

« Quán muốn xn Tông chậm lại một chút, nhưng chưa kịp nói thì « Tông đã bị Trang đẩy đi rồi.

« Tới giữa đường, Trang dẫn Tông vào nghỉ trong một hàng nước, « Tông vớ được con dao của nhà hàng, tức thì đưa lên đâm cổ. Trang « trông thấy vội vàng giằng được con dao đó. Cổ Tông tuy đã bị thương, « nhưng mũi dao còn nông, vết thương cũng nhỏ, Tông lấy ngón tay chọc « vào chỗ thương xé ra, nhưng lại bị Trang giữ lại. Một lát, Tông vật vã « đòi uống nước lạnh, Trang lấy nước cho uống, Tông bưng nước, uống « được vài hớp thì chết. Trang cùng thủ hạ khiêng thi hài Tông đến kinh. « Quân giặc mừng lắm, bèn đem bêu ra ngoài cửa Tuyên vũ để cho thiên- « hạ cùng biết, rồi sai theo lễ vua chúa khâm liệm cho Tông, và dùng kiệu « rồng đưa ra chôn ở làng Cung-quốc công (2) ».

Với cái chết của Trịnh Tông, đã chết cả một chế độ từ lâu bị người Bắc hà oán ghét, chế độ Chúa Trịnh ức hiếp vua Lê.

Dân chúng oán thù

Dân Bắc hà oán ghét Trịnh Chúa.
Khi Chúa mạnh, họ ghét, nhưng ôm bụng mà chịu.

---

1) *Cương mục* q. 46, tờ 21: Uý sư bất như úy tặc, ái vương bất như ái thân.
2) *Hoàng Lê nhất thống chí* 71-72.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Khi Chúa yếu, họ ra mặt trả thù. Hành động bỉ ổi của Nguyễn Trang cũng chỉ là một hình thức trả thù. Và, nay Chúa không còn nữa, họ trả thù nơi thủ hạ của Chúa, nhất là bọn Kiêu binh. Kiêu binh mấy năm nay đã dựa thế Trịnh Tông để làm càn, để nhiễu hại dân chúng. Chúa bị hại, họ liền mất thăng bằng, và rơi vào tay dân, chẳng khác gì quả da rơi vào tay lũ trẻ đang hăng. Nhiều tài liệu đã thuật lại số phận của bọn Kiêu binh trong bước đường cùng.

Một bộ sách chỉ biết nhiều về vua chúa, ít để ý đến dân, như bộ *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục* có thể không nói đến vấn đề đó, nhưng những kẻ sống đồng thời như Ngô thời Chí và các giáo sĩ Tây phương không khỏi để ý đến tình cảnh của dân Bắc. Họ để lại những giòng chữ trong đó chúng ta thấy được như lòng căm phẫn của đám đông đang sùng sục sôi. Giáo sĩ Sérard chẳng hạn đã viết :

« Dân chúng đã bị phiền nhiễu nhiều về cách cai trị hà khắc của nhà « Chúa, họ càng tức bực vì những nỗi quấy rối lính tráng bắt Chúa (Trịnh « Tông) chịu từ khi lên ngôi cho đến bây giờ. Bởi đó nay họ trả thù, họ « đợi bọn đó dọc đường để lột quần áo, họ lột cả của vợ con bọn đó nữa. « Đó là cách Trời phạt thói hách dịch của quân *Ba phủ*, trước kia họ « chiếm chỗ nhất vì họ là lính cận vệ và chỉ họ mới có thể đến được gần « Chúa, nay họ đã trở thành những kẻ rốt hết » (1).

Đến đây những ai đã đọc *Hoàng Lê nhất thống chí* chắc phải nhớ đến mấy giòng nầy :

« Còn bọn Kiêu binh, sau khi tan vỡ, đều phải trốn ra các làng. Nhưng « chúng đến đâu cũng bị dân quê kể tội kiêu lộng ngày trước và làm nhục « nhã đủ đường, không có chỗ nào chứa chấp. Có người cởi trần trùng « trục hốt hoảng ở phía trong thành chạy ra, khi qua cửa ô, bị dân ở đó « trông thấy, họ liền chỉ mặt và nói :

---

1) Cadière, *Documents* trang 11 : Les peuples sont ennuyés de la domination tyrannique de sa famille, et plus fatigués encore des vexations que les soldats lui font souffrir depuis le commencement de son règne. Aussi prennent-ils leur revanche aujourd'hui en attendant ces soldats sur les chemins et les dépouillant même de leurs habits, eux, leurs femmes et leurs enfants. C'est ainsi que Dieu punit l'orgueil des Ba-phu : ils étaient les premiers, composaient la garde du roi et étaient presque les seuls qui approchassent de sa personne; aujourd'hui ils vont être les derniers.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« — Thằng bụng phệ kia có lẽ là lính Nhưng-kiệu (kiêu binh), lôi cổ nó lại mà đánh chết đi.

Người ấy vội đáp :

— Không phải, Ta là quan huyện úy huyện Thọ xương đây.

Mọi người cùng cười :

— Người ta vẫn bảo « ông huyện to bụng » thật không sai.

Người ấy cũng cười rồi đi.

Bữa ấy, lính Thanh Nghệ dắt nhau về quê đói khát chết ở dọc đường kể có hằng trăm » (1).

Giáo sĩ Le Roy cũng đồng ý như vậy, ông viết : « Quân *Ba phủ* cũng bị nhục nhã đáng kiếp : bọn *quân kiệu* đó trước kia vênh váo như ông chúa, nay phải trốn tránh, trần trụi lụi chỉ còn một dây lưng và hầu không thể xin được một nắm cám để ăn cho khỏi chết đói. Người ta nói là các quan không muốn dùng họ nữa, còn dân thì chán ngán về cách quấy nhiễu của họ... » (2)

Nhưng hết nạn kiêu binh, dân Bắc vẫn chưa hết khổ được, như sẽ thấy sau.

III. TÂY SƠN PHÙ LÊ

Thực bụng phù Lê.

Khi Nguyễn-Huệ vỗ vào tử thi của Trịnh Tông và nói : « Tiếc cho chàng trai trẻ đẹp. Giả sử lúc đầu mà sớm xin hàng, thì đâu có mất phú quý. Sao lại phải giết hại mình cho khổ? » (3), đó chỉ là một lời ngoại giao, tỏ ra rằng ông cũng có lòng quảng đại, thương người, nhưng nếu có hàng Tây sơn đi nữa, họ Trịnh cũng không thể nào không mất phú qúy được, vì mục đích của Nguyễn Huệ cũng như của Hữu Chỉnh là diệt Trịnh. Vậy với cái chết của Trịnh Tông, mà ông may mắn khỏi nhúng tay vào đó, ông đã làm xong được một phần của chương trình ông đã tuyên bố với thiên hạ, như là nguyên nhân của việc đem quân ra Bắc.

Xong diệt Trịnh, đến phù Lê.

---

1) *Hoàng Lê nhất thống* 71.

2) Cadière, *Documents* trang 7.

3) Lời vừa trích chỉ gặp ở *Liệt truyện* chính biên, q. 30, tờ 22a : Khả tích hảo nam tử. Đương sơ nhược tảo nghinh hàng, đương bất thất phú qúy, hà khổ tự tường ?

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Phù Lê ư ? Mà sao phải phù Lê ? Bấy giờ không phải là lúc Nguyễn Huệ có thể nắm tất cả quyền hành như trở bàn tay sao ? Nhưng có nhiều lý do bắt Nguyễn Huệ phải thực bụng phù Lê.

Trước hết, chúng ta thấy rằng, khi Nguyễn Huệ dấn thân ra Bắc lần nầy, ông đã liều mình chẳng khác nào lao mình vào một cuộc mạo hiểm vĩ đại. Ông thắng trận thì thắng đó, nhưng chính sự đắc thắng quá dễ dàng đã làm cho ông ngờm ngợp. Huống hồ ở thủ đô Thăng long bất cứ gì cũng còn mới lạ đối với ông, cảnh cũng lạ, người cũng lạ, văn minh, chính trị cũng lạ, và nhất là chính trị. Nền chính trị nầy, ông đã tỏ ra rất am hiểu tính cách cổ cựu của nó, vậy trong ngày một ngày hai, hỏi làm thế nào mà nắm được cho vững ? Đàng khác, dầu là tướng giỏi, ông chưa hề cầm quyền cai trị, và vì cai trị còn mới lạ như thế đối với ông, thì dại gì ông lại bắt thử nó ở một chỗ hết sức phức tạp trong một hoàn cảnh chưa hề quen biết.

Với cảm tưởng ngại ngùng đó, ông còn có một mối lo bên lòng, lo về anh ông. Hỏi anh ông, Nguyễn Nhạc, đang nghĩ thế nào về hành động táo bạo của ông ? Kể từ ngày ở Đồng-hới gửi báo thiệp về Qui nhơn đến khi ông thắng Thăng long, thấm thoát đã một tháng trời, vậy mà ông chưa được tin tức gì từ Nam gửi ra. Dầu sao, chắc ông cũng đã biết rằng anh ông và dư luận ở Nam vẫn không nghĩ đến việc ông chiếm Bắc hà để cai trị. Về dư luận chung, chúng ta có được một đại diện xứng đáng nơi giáo sĩ La Bartette. Ngày 23 tháng 6, 1786, ông đã viết về sự Tây sơn ra Bắc rằng: « Tôi không tin họ kiêu căng đến nỗi muốn chiếm Đàng ngoài để cai trị, tôi tin họ ra ngoài đó chỉ là để phô trương rằng họ can đảm và để cố cướp lại một phần số vàng bạc mà người Bắc hà đã lấy về trong khi Chúa Nguyễn bỏ trốn » (1). Về ý của Nguyễn Nhạc, người ta thấy được rõ rệt là ông ta không muốn cho Nguyễn Huệ làm chúa Bắc hà vì ông ta đã vội vàng ra Bắc đem em về, như sẽ nói đến về sau.

Nay giả sử Nguyễn Huệ biết rằng anh ông chống lại việc chiếm cứ Bắc hà, nhưng ông cương quyết ở lại Thăng long để làm vua cai trị, hỏi ông có

1.) Cadière, *Documents* trang 14 : Je ne crois pas qu'ils poussent leur orgueil jusqu'à vouloir prendre tout le Tonkin et y régner; je crois qu'ils y auront été pour faire seulement parade de leur bravoure et tâcher d'en enlever une partie de l'or et de l'argent que les Tonkinois avaient pris du temps de la fuite de Chúa Nguyễn...

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thể làm việc đó bất chấp cả anh ông không ? Nhìn qua, người ta có thể nghĩ rằng có lẽ ông bỏ qua được Nguyễn Nhạc, vì bấy giờ hầu như tất cả lực lượng của Tây sơn đang nằm trong tay ông, và lực lượng nầy dường như rất phục tùng ông. Nhưng xét lại, chắc gì binh sĩ ông đã mù quáng phục tùng ông ? Đa số họ đã phục tùng ông không phải vì chính mình ông, mà vì vua họ là Nguyễn Nhạc, họ chiến đấu không phải vì tướng, mà Nguyễn Huệ từ trước đến giờ mới chỉ là một vị tướng. Đàng khác, các vị đại tướng của ông chắc cũng sẽ không đồng ý trong việc đó. Chúng ta biết tả quân Võ văn Nhậm là rể của Nguyễn Nhạc, và cứ sự thường ông sẽ ủng hộ nhạc phụ ông. Còn hữu quân Nguyễn hữu Chỉnh thì rõ ràng là ông không bằng lòng, vì ông đã giục Nguyễn Huệ nên trung thành với lời đã tuyên bố là « diệt Trịnh phù Lê ».

Trong thực tế, Nguyễn Huệ đã không hề có ý làm sai chương trình ông đã định trước đó.

Nguyễn Huệ với Lê Hiển-Tôn.

Đối với Lê hiển Tôn, Nguyễn Huệ giữ một thái độ chung thủy.

Kể từ khi ở Vị hoàng, ông đã cho người đem trộm thư lên Kinh tâu rõ với vua về ý nghĩa tôn phù. Nhưng một thư như vậy, thường ít khi được tin cậy. Vua Lê không tin gì mấy nên khi quân Tây sơn tiến vào Thăng long, và Nguyễn Huệ cẩn thận sai một tỳ tướng dẫn một chi binh đến bảo vệ hoàng điện, những kẻ canh hầu Lê hiển tôn, bấy giờ đang ốm, đã hết sức lo ngại và nghĩ đến việc rước vua đi trốn. May sao ngay lúc đó, có người thấy tỳ tướng đến qùy ở cửa điện với một phong thư, người ta mới biết thực tâm của chủ tướng Tây sơn. Thư vừa thỉnh an vua vừa xin phép hôm sau vào chầu. Mọi người đều yên lòng.

Sáng ngày 22 tháng 7 (1), Nguyễn Huệ cùng Hữu Chỉnh đến điện Vạn thọ. Coi mình là thân phận một nhà tướng đến giúp một vị vua, Nguyễn Huệ cư xử hết sức lễ phép. Vua Lê đang nằm trên giường bệnh. Nguyễn

1) Về ngày Nguyễn-Huệ vào chầu Hiển tôn, không chỗ nào nói rõ. *Hoàng Lê nhất thống chí* cho biết rằng ngày đó là ngày sau khi Kinh thành bị hạ ? Về ngày Kinh thành bị hạ thì giáo sĩ Le Roy, viết theo lối nhật ký, đặt vào trong mục của ngày 20 tháng 7, nhưng giáo sĩ Sérard thuật lại rõ là ngày 21 tháng 7. Chúng tôi đã theo Sérard nhận ngày nguyên soái Tây sơn vào Thăng long là ngày 21. Vậy sáng hôm sau, tức là sáng ngày 22. Xem *Hoàng Lê* trang 76, 77, và Cadière, *Documents* trang 7, 11.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Huệ lạy năm lạy, vái ba vái, rồi, vì vua mời mãi, ông mới ngồi ghé vào chiếc sập đặt bên cạnh sập ngự. Để mở đầu câu chuyện, ông tâu :

«Thần vốn là dân áo vải đất Tây sơn, thừa thời quật khởi, tuy không phải là một kẻ đã được nhờ cơm áo của bệ hạ, nhưng từ nơi hoang vắng xa xăm đã lâu vốn khâm ngưỡng thánh đức của bệ hạ. Nay được thấy thiên nhan, cũng là do lòng chí thành của thần, mà cũng vì họ Trịnh lăng bức vô đạo, nên Hoàng thiên mới mượn tay thần để đánh phạt họ Trịnh, cho được làm sáng tỏ uy bệ hạ. Thần may mà thành công thế nầy, cũng là do phúc đức của bệ hạ cả. Vậy thần chỉ nguyện cho thánh thể khang cường để coi sóc thiên hạ, khiến cho thần ở nơi xa xăm cũng được hưởng nhờ phúc đó»(1).

Và rồi hai bên tiếp tục trao đổi trong một bầu không khí thân nghiêm, bên vua thì hết lòng cám ơn vị tướng đã làm xong việc lớn, bên Nguyễn Huệ thì lặp lại ý nghĩa tôn phù, vô vị lợi. Hữu Chỉnh được chủ tướng giới thiệu với vua Lê và cũng bắt đầu quen biết. Đối với một người lanh trí khôn như Hữu Chỉnh, quen biết không phải là để giúp đỡ cho bằng lợi dụng và ông đã có cơ hội ngay để làm việc đó. Bấy giờ vua Lê lấy lễ già nua lắm cầm mời Nguyễn Huệ ở lại Bắc hà cọng tác vào việc trị nước. Nguyễn Huệ đã từ chối ngay vì cớ không có lệnh anh. Nhân dịp đó Hữu Chỉnh xen vào xin vua hạ chiếu tuyên triệu các cựu thần trở về làm việc. Nhưng tuyên triệu ai ? Đó là chỗ Hữu Chỉnh có thể cho sáng kiến ông làm việc. Ông kể ra những kẻ ông mong sẽ ảnh hưởng được một cách dễ dàng như Phan lê Phiên, Uông sĩ Điển, Trần công Sán, Nhữ công Chẩn, Nguyễn Hoàn.

Các người được giấy tuyên triệu nầy, chỉ trừ Nhữ công Chẩn — vì ông ta cáo bệnh không chịu đến — đều trở lại triều đình. Phần thì vì biết ơn Hữu Chỉnh, phần thì vì thấy Hữu Chỉnh thế lực, ngày ngày họ chầu chực nơi nhà ông. Có người, như Uông sĩ Điển, khi nghe có giấy đòi mình, còn sợ hãi đem ấn Binh bộ của ông đem nộp cho Hữu Chỉnh, mong Hữu Chỉnh can thiệp cho được yên thân. Nhiều cử chỉ như vậy của các cựu thần họ Trịnh càng làm cho Hữu Chỉnh hãnh diện về địa vị quan trọng của mình. Mà hỏi không quan trọng sao được? Mọi sự Lê hiển tôn đều dạy bảo phải bàn với Nguyễn Huệ, nhưng Nguyễn Huệ vì chưa quen người, quen việc đã giao tất cả lại cho Hữu Chỉnh. Bấy giờ, thực sự, Hữu Chỉnh là mối dây liên lạc giữa vua Lê và chủ tướng Tây sơn, cũng như giữa hai vị nầy với các

1) *Chính biên Liệt truyện* tờ 22a; *Hoàng Lê*, 77. Ở đây dịch theo bản của *Cương mục*, q. 46 tờ 240b

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

triều thần. Và Hữu Chỉnh sẽ có thừa mưu trí để làm đẹp lòng bên nầy, hoặc để lợi dụng bên kia. Chúng ta sẽ thấy ông thi hành mưu trí đó trong việc giục Nguyễn Huệ hoàn thành công việc phù Lê cũng như trong việc làm mối Ngọc Hân Công chúa cho Nguyễn Huệ.

Về việc phù Lê, có lẽ Hữu Chỉnh đã bị các triều thần thúc ép một phần nào. Vậy, không lâu sau khi yết kiến Lê hiển tôn, Hữu Chỉnh đã nói với Nguyễn Huệ rằng : « Ông lấy danh nghĩa « tôn phù » đến đây, thiên hạ ai cũng mong ngóng, nhưng có « danh » phải có « thực ». Muốn cho thống nhất thì những việc quan việc nước, đều phải do mình chuyên quyết, đấy mới là thật cái nghĩa của sự tôn phù. Ông cần phải làm cái thật ấy đi. Hôm nọ ông ra mắt Hoàng thượng ở điện Vạn thọ, mới chỉ là việc tư yết, chưa thật tỏ với thiên hạ. Nay ông nên chọn ngày lành làm lễ triều kiến Hoàng thượng, để cho thiên hạ đều biết. Đó mới là việc chính đại ». (1)

Nguyễn Huệ nghe theo, chọn ngày 31 tháng 7 để làm việc đó (2). Đến ngày đã định, vua ngự ở điện Kính thiên, có triều thần đứng hầu. Nguyễn Huệ cùng tướng sĩ long trọng theo cửa Đoan môn vào triều yết. Sau nghi lễ lạy, vái, chủ tướng Tây sơn dâng vua sổ sách binh dân, tỏ ra tất cả quyền bính ở trong tay vua Lê hiển tôn.

Từ việc nước đến việc nhà.

Nếu vua Lê được một tí lợi, thì chủ tướng Tây sơn cũng phải được một tí gì bù lại gọi là giữ lẽ công bằng. Về đối tượng của việc bù trừ nầy, Lê hiển tôn nghĩ khác, mà Hữu Chỉnh nghĩ khác. Theo ý nghĩa cấp bậc ở triều đình, vua tưởng chừng không có gì làm được cho Nguyễn Huệ thỏa lòng bằng chức Nguyễn soái với tước Phù chính Dực vũ Uy quốc công. Nhưng khi nhận được chiếu sách phong cho mình lên chức tước đó, Nguyễn Huệ lại không bằng lòng. Ông nầy nghĩ rằng nếu nay vua Lê ban được sắc chiếu, đó chẳng qua cũng là nhờ sức mình phù giúp, vậy mình tự xưng lấy cũng được cần gì phải tự tay vua đem đến. Chẳng những giữ lấy các ý nghĩ đó trong lòng, Nguyễn Huệ lại còn đem thổ lộ với Hữu Chỉnh. Nhưng gì mới thỏa lòng ông ? Ông không nói. Ông đã tìm Hữu Chỉnh để

1) *Hoàng Lê nhất thống chí* 80.

2) Theo âm lịch thì ngày đó là ngày mồng bảy tháng bảy năm Bính ngọ. Đó là ngày lấy theo *Hoàng Lê nhất thống chí*. Sách nầy nói nhiều khi không đúng ngày, nhưng vì không có chỗ nào khác để tra cứu, nên theo sách đó.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tỏ bày tâm sự, chắc ông đã biết viên hữu quân của ông thấy rõ được chỗ bí ẩn đó, một chỗ bí ẩn mà ông không tiện tự mình nói ra.

Thì ra Nguyễn Huệ không lầm, và Hữu Chỉnh đã tỏ ra hiểu rõ Nguyễn Huệ hơn Lê hiển tôn. Hữu Chỉnh vẫn theo dõi rất gần chủ tướng Tây sơn. Nếu trong việc thúc giục Nguyễn Huệ hoàn thành công việc phù Lê, ông đã có vẻ muốn độc lập dần dần đối với quyền thế miền Nam, ông rất biết hiện giờ ông còn rất cần đến kẻ vừa thắng trận. Bởi đó ông cẩn thận chú ý đến từng cử chỉ, dò xét từng thay đổi của nét mặt nơi chủ mình để tìm cách làm cho vừa bụng. Nhờ sẵn sàng như thế, nên khi được Nguyễn Huệ nói ra nỗi lòng bất mãn, ông thấy ngay là vị tân Nguyên soái quốc công đang băn khoăn đến việc nhà. Đàng khác, nhờ trí khôn lanh lợi, nhờ tính hiếu kỳ xắc lắc, Hữu Chỉnh cũng đã biết ít nhiều về nội cung của vua Lê. Không cần phải nói là ông rất biết lúc đó vua Lê không dám từ chối bất cứ gì đối với Nguyễn Huệ, huống hồ là gả bán một người con. Vì chắc dạ như vậy, dầu chưa có liên lạc gì với Hoàng gia về vấn đề đó, ông cũng dựng đứng lên một mẫu chuyện để làm đẹp lòng Nguyễn Huệ. Ông nói :

> Hoàng thượng đã có bảo riêng với tôi thế nầy : « Nhà vua kiệm bạc không có gì đáng tặng, vẫn biết những cái danh tước nhỏ mọn không đủ làm cho ông sang thêm, chỉ vì tục nước vốn thích lễ, nghĩa, gọi là tỏ cái lòng thành của ngài kính ông mà thôi. Bản ý của ngài tự biết mình đã tuổi già, sợ rằng sau khi ông về, không thể nương tựa vào ai, ngài muốn giàng buộc tình thân của hai họ, để cho hai nước đời đời cứ làm thông gia với nhau. Nhưng vì chưa biết ý ông thế nào, cho nên chưa dám nói rõ (1).

Lời hoa đưa đẩy, đã đẩy trúng vào chỗ bí ẩn của Nguyễn Huệ. Như Hữu Chỉnh đã đoán được trước, Nguyễn Huệ tươi tỉnh hẳn lên và vui vẻ đáp với một giọng cảm phục : « Xưa nay những kẻ xa nhà, tình khuê phòng rất là cần thiết. Hoàng thượng cũng xét đến chỗ ấy à ? Ừ, em vua nước Tây, làm rể Hoàng đế nước Nam, môn đăng hộ đối như thế, tưởng cũng không mấy người được ». Nguyễn Huệ đã ưng...

Vận động nơi vua Lê không còn khó khăn gì. Lê hiển tôn bấy giờ còn có đến năm, sáu, công chúa chưa chồng. Gả được con gái cho một người tài giỏi công danh đã là một việc sung sướng, mà nếu việc gả bán đó còn có

---

1) *Hoàng Lê nhất thống chí* trang 81.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

công hiệu thắt chặt tình hữu nghị giữa hai quốc gia giữa một giai đoạn đang đầy dẫy bất ngờ, hỏi lòng vương phụ nào lại không lấy làm khoan khoái. Bởi vậy, nghe Hữu Chỉnh ngỏ ý là vua bằng lòng ngay, và chọn đứa con vua cưng nhất, và cũng là đứa nhan sắc nhất, Ngọc Hân, để cho giao duyên cùng Nguyễn Huệ.

Cầu bắc như thế không mấy chốc đã xong, hai bên liền dọn dẹp để cho rể dâu đoàn tụ. Vua Lê hạ chỉ gả con, Nguyễn Huệ sắm lễ vật để cưới : hai trăm lạng vàng, hai nghìn lạng bạc, hai mươi tấm đoạn. Vua Lê nhận lễ vật ngày mồng ba tháng 8,(1) và ngày sau đó, Nguyễn Huệ long trọng rước Ngọc Hân về phủ. Tình cờ chắp nối, nhưng cuộc giao duyên đã tỏ ra may mắn, ấm êm. Về sau, khi việc chinh chiến đã xong, Nguyễn Huệ đã phong cho người vợ yêu của mình làm Bắc cung hoàng hậu. (2)

Từ Lê Hiển-tôn đến Lê Chiêu-thống.

Với Ngọc Hân làm vợ, Nguyễn Huệ đã có một tương quan khác với Lê hiển tôn. Trước khi vua Lê là người mắc ơn Nguyễn Huệ, nay có thể nói được Nguyễn Huệ là kẻ thụ ơn, vì ông đã trở thành phò mã, và ông không muốn chỉ là « hạng phò mã tầm thường » (3). Vậy ông làm gì ? Thì ông sẽ tổ chức một cuộc triều yết long trọng để tuyên dương quyền thống nhất của nhạc phụ ông. Đến ngày rằm tháng bảy âm lịch, (tức là ngày 8 tháng 8) bách quan thiết đại triều. Đại nhạc được đặt ở phía đông và phía tây đan trì, bộ lễ sắm sửa nghi vệ cực kỳ trang hoàng, rồi xin Lê hiển Tôn ngự ra. « Sau khi các hoàng tử đã vực vua lên ngự tọa, ngoài điện nổ ba tiếng súng làm hiệu, và các quan lần lượt làm lễ chúc mầng. Lễ xong vua truyền ban tờ chiếu nói việc nhất thống đem dán ngoài cửa Đại hưng. «Tôi, dân, thiên hạ, thấy vậy đều khen Hoàng thượng đủ cả phúc lộc thọ khảo »(4).

---

1) Theo âm lịch thì ngày đó là ngày 10 tháng 7 năm Bính ngọ. Hoàng-Lê 82.
2) *Chính biên Liệt truyện* q. 30, tờ 40a.
3) Theo *Hoàng Lê nhất thống chí* trang 81, thì vua thường nói về Ngọc Hân: « Con nầy sau nên gả cho làm vương phi, không nên gả cho hạng phò mã tầm thường ».
4) *Hoàng Lê nhất thống chí* trang 83. *Cương mục* q. 46 tờ 25b-26. *Chính biên Liệt truyện* q.30, tờ 24a. Ngày nói ở đây cũng không nên tin chắc, vì Ngô thời chí đôi khi sai lạc về ngày như vậy.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nhưng đó là vinh dự cao nhất của vua, và cũng là vinh dự cuối cùng. Hai ngày sau vua mất, thọ 70 tuổi, tại ngôi 40 năm. Tóm tắt về đời vua Lê Hiển-tôn, Ngô thời Chí chép :

« Tướng vua râu rồng, mũi rồng, tóc bạc, mắt phượng, chân đi nhẹ « như nước, bộ ngồi vững như non, tính rất khoan từ giản dị. Khi hãy « còn làm hoàng tử, vua bị họ Trịnh nghi ngờ vì việc hoàng tử Duy Mật « đánh lại nhà Chúa, và bị bắt giam ở nhà viên nội giám là Hồng quận-« công. Thời Trịnh Doanh mới lên làm chúa, quận Hồng được bổ đi « trấn Sơn nam, bấy giờ Doanh bắt vua đến giam ở nhà Bình quận-công, « cậu của Chúa. Khi quận Bình chưa biết lệnh của Doanh, bỗng một đêm, « ông mơ thấy hoàng-tử đến nhà, cờ quạt phất phới, đàn sáo dịu dàng, « rõ là cảnh tượng một đời thái bình. Sáng hôm sau, chợt thấy quận « Hồng cho giải hoàng-tử đến giam, quận Bình rất lấy làm lạ, cho rằng « giấc mộng đêm qua không phải là sự ngẫu nhiên, nên vào phủ kể lại cho « Doanh nghe. Bấy giờ bốn phương đang loạn, vận nước đang nghiêng « ngữa; Doanh thấy điềm đó, muốn nhờ phúc đức của hoàng-tử để dẹp « yên thiên hạ, nên đón về làm vua đặt niên hiệu Cảnh hưng.

« Sau khi hoàng-tử lên ngôi, bốn phương dần dần dẹp được, thiên hạ « dần dần bình yên. Doanh biết hồng phúc của vua rất lớn, nên càng hết « lòng cung kính. Vua cũng nhã nhặn khiêm tốn và thật lòng tin Doanh. « Thỉnh thoảng Doanh cung tiến vua thức nọ thức kia, nên sự chi dụng « có phần dư dật.

« Đời vua tại ngôi, chẳng qua chỉ khoanh tay rủ áo, tìm trò mua vui, « không có việc gì phải lo. Vua giỏi về các nghề kỹ xảo lặt vặt. Bao nhiêu « nhạc phủ trong cung điện, vua đều chế ra bài mới, thanh âm rất là du-« dương. Có khi vua còn theo các tranh Tam quốc, bắt các cung nhân « mặc áo trận, cầm binh khí, chia thế ba nước Ngụy, Ngô, Thục dạy cho « họ cách ngồi đứng, đâm, đánh, làm trò tiêu khiển trong lúc thư nhàn.

« Hồi vua về già, gặp phải Trịnh Sâm đàn áp đủ cách, nếu là người « khác chắc phải tức giận, không thể chịu nổi, nhưng vua vẫn cứ đùa vui « như thường. Tả hữu thấy vậy đều can. Vua nói : « Các ngươi mới biết « một đường, chưa biết hai đường. Nhà vua với nhà Chúa hiện đang « ngờ vực nhau, nếu trẫm lấy việc mất quyền làm tức, nhà Chúa ắt sẽ « ngầm ngầm tính chuyện chẳng hay, bởi đó trẫm phải mượn trò chơi vui « để tránh tai vạ ». Có lần vua bảo cung nhân rằng : « Trong đời ta ắt có

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« ngày được thấy nhất thống, nhưng trẫm vẫn không lấy thế làm mầng ! ». « Họ hỏi : « Nhà Chúa đàn áp như vậy, Chúa bại tức là may cho nhà vua, « sao bệ hạ không mầng ? ». Vua đáp : « Trời sai nhà Chúa phò trẫm, « Chúa lãnh cái lo, trẫm hưởng cái vui. Mất Chúa tức là cái lo về trẫm, « trẫm còn vui gì » (1).

Lê Hiển tôn không vui khi mất Chúa Trịnh, thì người kế vị của vua càng có lẽ hơn để không vui, vì sự thay đổi trên ngai vàng đã đem theo một thay đổi trong lòng Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ kính nể Lê Hiển tôn, một vị vua già, khả kính, khả ái, một người đã bốn mươi năm trời chịu áp bức bất công. Hơn nữa, Lê Hiển tôn lại có công chúa Ngọc Hân, một cô gái kiều diễm được Nguyễn Huệ thương yêu và đã làm cho Nguyễn Huệ thành một người con rể của vua. Địa vị đó của người quá cố thật là đặc biệt, và kẻ nối ngôi dầu tài đức đến đâu cũng không thể nào sánh được. Nay kẻ nối ngôi đã không tài đức gì, lại chỉ đứng vào đạo cháu, cùng không được lòng của Ngọc Hân, thì hỏi làm sao tránh được khó khăn đối với chủ tướng Tây sơn ?

Theo như Lê Hiển tôn đã định thì người cháu của vua là Lê duy Kỳ lên kế vị. Vua quá cố đã chọn cháu, nhưng trong các con trai của vua còn có Lê duy Cẩn, và Ngọc Hân không ủng hộ cháu cho bằng ủng hộ anh. Cố nhiên Nguyễn Huệ cũng như thế. Thái độ do dự của Nguyễn Huệ đối với Duy Kỳ đã gây nên một khủng hoảng trong triều đình và Hoàng gia. Dư luận hết sức xôn xao. Mọi người đều đổ tội cho công chúa làm ngăn trở việc lớn. Người ta không khỏi ngờ vực rằng có thể Nguyễn Huệ dùng dằng để rồi tự mình chiếm lấy ngai vàng. Trước sức phản đối mạnh mẽ của tất cả họ hàng, Ngọc Hân phải đổi ý, và Nguyễn Huệ đổi ý theo. Vậy là Duy Kỳ lên ngôi, định đầu năm Đinh vị sẽ cải nguyên là Chiêu-thống.

Chiêu-thống làm vua, thừa hưởng kết quả công việc tôn phù của Nguyễn Huệ nghĩa là cầm quyền nhất thống sơn hà. Nhưng như vừa thấy trong trường hợp lên ngôi, vị tân quân đã hoàn toàn tùy thuộc ý muốn của Nguyễn Huệ. Chính vua biết thế, và Nguyễn Huệ càng biết thế. Dầu sao, Nguyễn Huệ vẫn không thay đổi lập trường phò Lê, nhất là khi được tin anh ông đang trên đường tiến ra Thăng-logg.

---

1) *Hoàng Lê nhất thống chí* trang 84-85.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nguyễn Nhạc đem em về.

Nếu không ai biết rõ Nguyễn Nhạc cho bằng Nguyễn Huệ, và vì đó ông nầy đã có giữ ý định diệt Trịnh phò Lê, thì trong việc hiểu biết Nguyễn Huệ, chắc chắn không ai bằng Nguyễn Nhạc. Hỏi ông hiểu về em ông thế nào ?

Như mọi người khác, Nguyễn Nhạc nhận được nơi em ông một người có tài làm tướng, can đảm xông pha, thao lược có thừa. Nhưng không phải chỉ có thế. Ông còn thấy rõ rằng em ông là một người có tính « giảo, lang », (1) nghĩa là quỷ quyệt và độc ác, phản bội. Một người « giảo, lang » như vậy, nếu mà có thế lực mạnh trong tay nữa, tưởng không gì đáng sợ cho bằng. Và cố nhiên Nguyễn Nhạc phát lo sợ khi thấy Nguyễn Huệ bắt đầu ý thức sức mạnh của mình.

Khi Nguyễn Nhạc được tin em ông tự chuyên quyền đem quân đi Bắc hà trái với sự ông đã định, ông vội vàng cho lệnh ra ngăn cản. Việc nầy không kết quả vì sứ ông đến Thuận-hóa thì em ông đã đi rồi. Đang khi ông còn sốt ruột đợi trông, chưa biết định đoạt thế nào, một tin thắng trận nữa từ Bắc hà tới. Thắng trận dồn dập như vậy, phải chăng là một tin lành ? Nguyễn Nhạc cho đó là một điềm dữ, vì sự thắng trận không phải do ông, mà hoàn toàn do em ông, và em ông là một người có tính « giảo, lang ». Với sự thắng trận mới nầy, ông không thêm thế lực, nhưng em ông thêm lên rất nhiều, và nó rất có thể quay lại chống ông. Các tư tưởng hắc ám dồn dập đó không cho ông ngồi yên nữa; vừa được tin ông liền truyền lệnh ra đi.

Từ Qui-nhơn ra Phú-xuân không có gì đáng sợ, Nguyễn Nhạc chỉ đem theo 500 quân cho việc đi đứng được gọn gàng hơn. Ông đến cựu đô của các Chúa Nguyễn là ngày 31 tháng 7. Ở đây ông lấy thêm hai nghìn quân

---

1) *Cương mục* q. 46, tờ 27b: Văn Huệ kỳ khắc Thăng long, Văng Nhạc văn chi, đại kinh, dĩ vi quân tốt thâm nhập, đãi cứu tất nan, hựu dĩ Văn Huệ *tô giảo* lang, đắc chí tắc cứ quốc tự đồ.... *Hoàng Lê nhất thống chí* theo bản dịch của Ngô tất tố (trang 89), diễn ý đó thế nầy : Vả lại Chúa Tây sơn vốn đã biết Bình là người khôn ngoan giảo quyệt, sợ Bình được Bắc hà trở về, chắc sẽ hợm hĩnh khó mà kiềm chế.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nữa và lên đường ra Bắc (1). Một cuộc hành trình vất vả và hồi hộp... và nguy hiểm nữa... Thật thế, khi đến Nghệ An:

« chợt thấy một bọn độ vài chục người, ai nấy đóng khố bện, tay cầm một « chiếc đòn ống, cởi trần trùng rục đứng ở ven đường, chờ Chúa Tây- « sơn đi qua, bọn đó hô lớn lên rằng : « Chúng tôi về Nam, bị Chưởng « Tiến đòi mãi lộ, cướp hết của cải... » Chúa Tây sơn hỏi : « Nó ở đâu » ? « Bọn đó đáp : « Nó được của rồi vội vàng chạy vào trong dãy núi kia ». « Chúa Tây sơn liền sai quân lính đi đuổi. Vừa đến một chỗ hiểm, mấy « chục người đó đều rút dao nhọn trong đòn ống ra và reo : « Mày biết « chúng tao hay chưa ? Chúng tao là các bậc đàn anh trong đám thủ hạ « Chưởng Tiến, cho nên đến đây để chặt cái đầu tóc đỏ chúng bay ». Vừa « reo vừa xông lại đâm chém, mấy chục dao nhọn chĩa lên tua tủa, quân « Nam phải chạy tán loạn một trận mới được sống sót (2).

Đó chỉ là một việc không may nhỏ mọn, nhưng nó làm cho đoàn quân của Nguyễn Nhạc khôn ngoan hơn, cẩn thận hơn. Từ đó, đêm đến, họ đành chịu cực khổ đóng trại ngoài trời mà ngủ, chứ không còn vào trong nhà người ta nữa. Vì vậy nên khi họ đến Thăng-long, mặt mũi hốc hác, bộ điệu tiều tụy. Dầu sao, việc họ đến vẫn là một biến cố to tát. Khi họ cách kinh đô còn xa, Lê Chiêu-thống cũng như triều đình vua đã nơm nớp lo ngại.

Lê Chiêu-thống lo ngại vì ngại vàng mà Nguyễn Huệ — tướng Tây sơn — để cho vua ngồi lên, liệu còn có vững được không trước mặt Nguyễn Nhạc — vua Tây-sơn ? Những kẻ lanh trí khôn, nhưng nhẹ dạ, như Nguyễn hữu Chỉnh, đã vội đến khuyên vua thảo biểu đầu hàng cùng đem ngọc tỷ ra dâng. May, triều đình vua Lê không phải ai cũng nhẹ dạ như Hữu Chỉnh. Họ bàn bạc, họ nhận thấy đầu hàng là một nhục nhã quá to, và không ai dám chịu trách nhiệm. Đang lúc đó, Nguyễn Nhạc đột nhiên tới và gỡ họ ra khỏi ngõ bí. Lê Chiêu-thống vội vàng ra cửa Nam giao chực đón khách, sai Hoàng thân Thành phái hầu quỳ ở bờ đường để chào mầng. Nhưng

---

1) Theo Ngô thời Chí thì Nguyễn-Nhạc nhận được thư của Nguyễn-Huệ nói về việc thắng Thăng long, khi ở Qui-Nhơn, vào ngày 14 tháng 7, tức là ngày 7 tháng 8, 1786. Nhưng trong một thư viết ngày 1 tháng 8, 1786 của giáo sĩ La Bartette, ở Thuận hóa nói rõ rằng : Le Roi Nhạc est entré hier avec la plus grande magnificence dans l'ancienne Cour de Cochinchine d'où les Toquinois viennent d'être chassés.

2) *Hoàng Lê nhất thống chí* trang 90.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nguyễn Nhạc cũng vội vàng đi qua và cho thủ hạ lễ phép thưa lại rằng : « Quả quân tôi thấy tự hoàng quá lễ, sợ rằng xa giá đi chậm, hoặc giả làm phiền quý thể quỳ lạy để sự thất lễ cho quả quân tôi, bởi đó quả quân tôi phải vội đi ngay. Vậy xin ngự giá về cung, ngày khác thong thả sẽ cùng gặp nhau ». Căn cứ vào lời nói đó, Lê Chiêu-thống và triều đình biết được rằng vua Tây-sơn vẫn có lòng trọng kính mình nên yên tâm, không bàn đến việc xin hàng nữa (1).

Phần Nguyễn Nhạc, khi ông không dừng lại chào Lê Chiêu-thống, có lẽ ông còn có một lý do khác, đó là đầu óc ông bấy giờ đang dồn cả vào việc gặp Nguyễn Huệ. Thật thế, ra đến Thăng-long chưa phải đã là xong việc của ông. Chỗ ông lo hơn cả đó là làm sao để chinh phục được đứa em mà ông nghĩ là có tính « giảo, lang ». Ông phải liệu lý trình bày chuyến ra Bắc đột ngột của ông làm sao cho em ông khỏi nghĩ rằng đó là một cử chỉ đàn áp, và như thế khỏi vùng vẫy. Và rồi còn phải nói ngay đến chuyện về nữa...

Vua Tây-sơn cảm thấy thoải mái một phần nào khi ông gặp em ông ra tận ngoại ô đón ông và tạ tội với ông về sự chuyên quyền đi diệt Trịnh phò Lê. Ông liền an ủi Nguyễn Huệ, nhận rằng việc Huệ làm là hợp tình hợp lý, và ông ra đây là chỉ để trợ lực cho em trong khi phải đương đầu với người nước lạ.

Khi hai anh em Tây sơn về đến phủ, Nguyễn Nhạc được mọi người niềm nở chào đón, từ Ngọc Hân, người em dâu, cho đến Võ văn Nhậm, người con rể, và Nguyễn hữu Chỉnh, người thân. Thăng long xem ra không đến nỗi xa lạ lắm. Nhưng bầu không khí thân thiện đó không làm cho ông quên mục đích chính của ông, là đem em ông về Nam, và về ngay, vì ông vẫn sợ một cuộc tấn công bất thần của Nguyễn Ánh. Hơn nữa, chính bầu không khí thân thiện đó dường như khiến ông can đảm hơn để đi ngay vào việc, vì lẽ người ta đã tỏ ra thông cảm nhiều với ông.

Thực sự, lúc đó, về phía Nguyễn Huệ, việc bỏ Bắc về Nam, cũng đã được sắp đặt sẵn. Dầu là cưới Ngọc Hân, Nguyễn Huệ vẫn nhận thấy tình thế chưa cho ông dễ dàng làm chúa ở kinh-đô Thăng-long. Ông nhìn người Bắc qua thân thể của Hữu Chỉnh, mà Hữu Chỉnh đã lanh mưu quá khiến ông không thể tin cậy được. Không tin cậy Hữu Chỉnh, ông đã nghiêng nặng về phía Vũ văn Nhậm, mà Vũ văn Nhậm lại vì ghen ghét Hữu Chỉnh nói xấu thêm về bạn đồng liêu với chủ tướng và giục chủ tướng mau về Nam để cho Hữu Chỉnh một mình ở lại chống chõi với đồng bào của ông

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ta. Ngô thời Chí đã tả quan niệm của Võ văn Nhậm đối với Hữu Chỉnh trong việc về Nam một cách lý thú như sau :

« Từ khi tới kinh, Chỉnh và Nhậm đều ở trong lầu Ngũ-long; Nhậm « đóng trước lầu, Chỉnh đóng sau lầu.

« Bởi Chỉnh là người bản quốc, nhiều kẻ quen thuộc, cho nên người « nước chỉ biết có Chỉnh. Quan lại, sĩ thứ tới thăm, chỉ vào cửa Chỉnh. « Sau lầu thường đông như chợ, mà phía trước lầu, nơi của Nhậm ở, « không có người nào lai vãng. Thấy thế Nhậm đã có vẻ không thích. « Chỉnh phải sai một tên « lại » mới vào làm việc, suốt ngày ngồi ở cửa « Nhậm để mời khách đến chỗ Nhậm, nhưng khách vẫn cứ không đến. « Chỉnh bất đắc dĩ, hễ ai đã vào thăm mình, sau khi tiếp đãi đủ lệ, lại sắp « một món đồ lễ bắt người đưa sang cửa Nhậm. Nhưng Nhậm vẫn không « bằng lòng. Chỉnh cũng biết vậy mới dời sang chùa Tiên tích.

Nhậm bèn nói với Bình (Nguyễn Huệ) rằng :

« Hắn là một kẻ trốn tội, chạy về với ta, muốn mượn sức của mình trả « thù cho thấy để hả cái lòng căm hờn nước cũ. Mình lật đật đi hàng « muôn dặm, đưa hắn về nước, vẽ mày, vẽ mặt cho hắn, thế mà khi hắn « đắc chí, những người trong nước su phụ với hắn, có kẻ lại đem hai câu « Hổ tự Tây-sơn xuất, long tòng Đông hải lai » của nhà Nguyễn ở chùa « Tiên mỗ để bảo ông là hổ, bảo hắn là rồng. Ấy là họ muốn nói « hổ lìa « núi thì thất thế, rồng ra khỏi bể thì vẫy vùng. Thế là chẳng những hắn « không để mình dung hắn, mà còn có khi kia khác nữa đây (1). Nay mình « giam mấy muôn người ngồi mà ăn không ở đây để giúp cho hắn được « thành cục thế, thật là khờ dại. Tôi nghe người trong nước nầy oán hắn « ghê lắm, sở dĩ họ chưa nổi lên, là vì sợ mình đó thôi. Nếu mình bỏ « hắn mà đi, người trong nước hắn, chắc sẽ tranh nhau mà ăn thịt hắn. « Vả hắn đã nói : « nhân tài Bắc hà chỉ có mình hắn, hắn chết, mình lấy « Bắc hà lại càng yên ổn ».

Một lý luận chặt chẽ như thế chắc chắn phải làm động lòng một người cương quyết như Nguyễn Huệ, và nếu Nguyễn Nhạc không ra, chắc chắn họ cũng sắp đặt về Nam. Vì vậy, khi Nguyễn Nhạc đem vấn đề về Nam ra bàn riêng với họ, ông đã được chấp thuận ngay. Chỉ còn một điều khó là làm sao để giữ bí mật, không cho Hữu Chỉnh biết. Cho được thế, một đàng

1) *Hoàng Lê nhất thống chí* 92-93.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

họ sẽ lo về Nam cho mau, và đàng khác, trong lời nói cũng như việc làm họ sẽ liệu cho Hữu Chỉnh khỏi ngờ vực. Về việc làm, đã mấy ngày trước, ban đêm, họ cho đánh chiêng trống om sòm cho đến canh hai rồi từ đó im bặt, có ý cho Hữu Chỉnh nghe vậy lâu thành quen tai. Về lời nói, Nguyễn Nhạc, người mới đến và có quyền, sẽ có dịp để làm cho Hữu Chỉnh có cảm tưởng rằng ông còn ở lại dài ngày.

Ngày hôm sau, Nguyễn Nhạc tiếp kiến Lê Chiêu-thống ở ngay phủ của Nguyễn Huệ. Cuộc hội yết được sắp đặt theo lệ hai vua gặp nhau. Trong câu chuyện hai bên đi lại không ngoài cám ơn vì đã được phò giúp và nhấn mạnh ý chí phò giúp. Khi nghe Lê Chiêu-thống nói đến việc cắt đất để dâng, Nguyễn Nhạc nói lại giống như lời Nguyễn Huệ đã cam kết với Lê Hiến-tôn trước kia, là đất nhà Lê, một tấc cũng không lấy. Đối với các quan người Bắc, vua Tây sơn giữ một thái độ bình dân ít thấy ở các vua chúa Thăng-long. Ông khen các quan giỏi văn chương, tuyên bố rằng ông ra đây là chỉ để củng cố ý chí phò Lê, nhất là nhấn mạnh điều nầy là nếu ông có về Nam « cũng còn hàng năm, hàng tháng, chứ không phải hàng tuần hàng ngày ». Riêng với Hữu Chỉnh, ông còn bàn đến việc đi làm lễ ở Thái miếu vào một ngày tốt nào đó sau Trung-thu (1).

Dàn cảnh như vậy xong, Anh Em Tây-sơn ra về. Tối hôm đó, họ ra lệnh cho đoàn quân Nam còn lại ở kinh đô với họ phải sẵn sàng, mặc dầu cứ phải đánh trống, đánh chiên inh ỏi như mấy hôm trước. Đoàn quân còn lại nầy, hẳn không phải là nhiều lắm. Trong thời gian dự bị ra về, vin lý nầy và lẽ khác, như việc đi dẹp quân cướp (sẽ thấy ở đoạn sau) chẳng hạn, họ đã cho một số binh sĩ, voi, ngựa, tản dần về miền xuôi. Cũng tối hôm đó, để cho Hữu Chỉnh khỏi dò biết việc sắp xảy ra, Nguyễn Nhạc đã giữ Hữu Chỉnh lại với ông, trù tính hết việc nầy đến việc khác, mãi đến khuya mới cho về. Và, như thế, đến canh hai đêm đó, Anh Em Tây-sơn bỏ Thăng-long về Nam, Hữu Chỉnh không hay biết gì (2).

Nhưng nếu Anh Em Tây sơn và Võ văn Nhậm thấy rõ những nguy hiểm đang chờ đợi Hữu Chỉnh khi họ đã rút đi nên cố lừa để bỏ ông ta ở lại, thì chính Hữu Chỉnh càng thấy rõ hơn các nguy hiểm đó và khi đã biết

---

1) *Hoàng Lê nhất thống chí* trang 95-96

2) Về ngày Tây sơn về Nam sẽ bàn đến ở cuối đoạn nầy.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

được mình bị lừa, cũng cố làm sao theo cho kịp họ để cứu sống lấy tấm thân. Vậy sáng hôm sau, cùng với một số thủ hạ thân tín, ông vội vàng kiếm thuyền trẩy vào Nghệ-an.

Kết quả của một chuyến phiêu lưu.

Nhìn lại việc Nguyễn Huệ ra Bắc hà diệt Trịnh, phò Lê, cũng như việc Nguyễn Nhạc vội vàng trèo đèo vượt núi cho đến được Thăng long và ra vừa đến nơi đã lo quay trở về, chúng ta thấy tất cả chỉ là một cuộc phiêu lưu vĩ đại thỏa mãn nhất thời chí ngang dọc của những người sẵn tính xông pha. Nhưng đây là một cuộc phiêu lưu đầy hậu quả to tát cho họ Trịnh và nhà Lê đã rồi, mà còn cho cả tương lai của Anh em Tây sơn nữa. Đây, thử xét qua những kết quả gần hơn.

Trong khi ra Bắc lần đầu, Nguyễn Huệ dường như đã muốn lặp lại chính sách chung của Tây sơn, chính sách « đầu tốt, đuôi xấu » ấy. Nếu trong những năm khởi nghĩa, dân chúng vùng Qui nhơn đã gọi Tây sơn là « kẻ cướp hiền lành », thì những ngày quân của Nguyễn Huệ mới đến đất Bắc, họ cũng đã được dân Bắc gọi là bọn Giặc Quảng nhân đạo.

Bắc hà bấy giờ rất là hỗn độn. Chẳng những ở chỗ đế đô, mà hầu như khắp nơi trong xứ, lính không còn để giữ trật tự, quan không còn để xử gian ngay, đâu đâu cũng phơi bày thảm trạng mạnh được yếu thua, đâu đâu cũng đau khổ tràn ngập. « Từng cơ đội côn đồ cầm súng, cầm gươm, lùng ngày, lùng đêm, ăn trộm, ăn cướp, giết người, đốt làng... Hầu như không làng nào mà không có những lũ người như thế; chúng nó cướp trong làng xong lại đi cướp làng bên cạnh ». (1) Một người sống ở Bắc hà đã thuật lại vào năm 1786 như vậy. Và những người đó cũng cho biết rằng kẻ cứu vãn tình trạng chính là quân Tây sơn. Quân Tây sơn trước hết trị tội những người đã dựa quyền thế để làm giàu. Giáo sĩ Le Roy nói về bọn thương gia Thanh hóa ra buôn ở Bắc hà thời đó rằng : « *Các lái* của chúng ta đã được phì nộn trong thời đói kém, đã nhân lúc khan hiếm lúa gạo để bán cho thật đắt, và làm cho con nhà nghèo chết đói nằm dọc đường, dọc chợ, mà không biết thương xót tí nào. Thượng Đế đã đem bọn giặc kia ra Bắc để báo trả cách cư xử vô nhân đạo của họ : bọn *các lái* kia mất hết *thuyền*,

1) Cadière, *Documents* trang 11. Thư của giáo sĩ Sérard.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thóc, tiền, sạch cả. Họ còn lấy làm thỏa mãn vì chưa phải mất mạng. Chúng tôi thấy họ qua đây, trần trụi, để trở về xứ Thanh. Khi về đến nhà, họ còn khổ nữa : kẻ cướp đầy dẫy khắp xứ như những bầy châu chấu đói mồi và trang bị từ đầu đến chân như đã được tả trong sách *Khải Huyền* đang đi lùng hàng từng trăm, dùng gươm lửa cướp bóc tất cả các bọn thương gia đó, đốt cửa nhà của họ. Gần cửa Bạng có một đảo, có gần ba nghìn bọn các lái ở, trong số có đến sáu bảy trăm tín đồ Thiên Chúa giáo. Giáo sĩ Lamothe ở đảo nầy vừa viết thư cho chúng tôi nói rằng nay họ chỉ còn có chừng 30 người sống sót, vì họ đã bị cướp phá, giết hại, bởi bọn giặc Quảng, và bọn trộm cướp ». (1)

Nhưng quân Tây sơn không phải chỉ truất hữu bọn « các lái » người Thanh mà thôi, họ còn trị tội chính bọn trộm cướp nữa. Giáo sĩ Le Roy thuật tiếp : « *Giặc Quảng* đã sai lính đi khắp đó đây để truy nã bọn trộm cướp. Người Nam hà xử tội rất nghiêm nhặt. Hễ có ai cáo là không cần biện lý lâu dài, họ liền chặt đầu kẻ gian phi, hoặc kẻ bị tố là gian phi. Đâu đâu thiên hạ cũng ca ngợi đức công bình và lòng vô vị lợi của họ, bởi vì họ không lấy của ai, chỉ coi việc chặt được đầu là đã đủ ». Giáo sĩ Sérard cũng ghi lại rằng : « Tình trạng vừa thay đổi. Bọn trộm cướp có phần bọn trộm cướp, và dân có phần dân. Người ta đã theo dõi bọn trộm cướp một cách hữu hiệu. Hôm qua mười một tên đã bị chặt đầu ở đây (vùng Kẻ Vĩnh), bốn hôm trước người ta cũng đã chém chết một người khác. Các quan mới của chúng tôi làm việc đó rất mau chóng, không cần thủ tục thưa hỏi gì, hễ khi có một số người làm chứng về tội trạng của ai thì dầu tiền bạc, dầu kêu van đến đâu cũng không cầm giữ được tay họ » (2).

Không may, chính sách công bình, nhân đạo đó, dân Bắc hà không hưởng được lâu. Chính sách đó chẳng qua chỉ là một cái mồi ngon che đậy lưỡi câu bóc lột nó sẽ lòi ra bao giờ cần thiết. Những ai có con mắt nhận xét chắc đã thấy được hình dạng của nó trong việc họ hành hạ « các lái » người Thanh như vừa nói trên, hay trong việc họ cướp phủ họ Trịnh. Về việc cướp phủ, giáo sĩ Le Roy nói rằng : « Người Nam hà đã áp đoạt tất cả, nào vàng, nào bạc, nào đại bác, súng, đồ bạc, nào voi, ngựa; họ chỉ để lại có cái khung *phủ* mà thôi ». Nhưng trong việc đó, họ còn có một tý lý

---

1) *Cùng chỗ* trang 7,8. Chữ xiên là tiếng Việt do chính giáo sĩ dùng.
2) Cadière, *Documents* trang 7,8

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

vì Chúa Trịnh có thể liệt được vào hạng người đã thoán đoạt bất công. Cách họ nhiễu hại dân chúng khi họ kéo quân về mới thật là dã man trắng trợn. Thật thế, trên đường về, họ « đã lấy hết tượng phật, chuông, các thứ tượng khác, nghĩa là tất cả những gì bằng đồng, bằng kim khí để dùng đúc tiền... ». Hơn thế nữa, họ « họ cướp bóc hai bên bờ sông, bắt cóc đàn bà và trẻ con, và làm nhiều điều dơ uế... ». Vào đến Thanh-hóa, họ xông vào phủ Liên-trường, quê hương của nhà Chúa Trịnh, và là chỗ các Chúa chất chứa nhiều của cải, lấy sạch rồi mới vào Nghệ-an. Khi được tin Anh Em Tây sơn rút quân về, Lê Chiêu-thống đã buồn bã nói : « Anh em nhà hắn cướp hết nước ta mà đi, để cái « nước không » lại cho ta » (1).

Nhưng, cái « nước không » đó, họ cũng không để lại cho vua Lê nguyên vẹn. Khi vào đến Nghệ-an, họ đã dừng lại đó để đặt người của họ cai trị. Họ đã tuyên bố mấy lần với các vua Lê rằng một tấc đất của nhà Lê họ cũng không lấy, nhưng nay thời gian đã cho họ suy nghĩ lại, và họ thấy không lấy là dại. Vậy không lấy cả thì họ cũng phải cắt lấy một trấn, gọi là bù lại công khó nhọc đi ra đi vào, và họ giao trấn đó cho Nguyễn văn Duệ coi sóc.

Hữu Chỉnh bấy giờ cũng đã đến Nghệ-an và kêu xin Anh Em Tây sơn cho mình theo vào Nam. Các chủ tướng Tây sơn rất khó chịu khi phải gặp lại một người họ không muốn gặp nữa, nhất là họ không muốn cho đi theo, nhưng Nguyễn Huệ cũng tìm lời khôn khéo nói rằng : « Nay Trịnh tướng là Hoàng phùng Cơ, Đinh tích Nhưỡng, chưa trừ xong, Bắc hà nếu không có ông ở lại, chắc việc không xuôi ». Sau lời từ chối nhẹ nhàng, mà rõ rệt đó, để an ủi Hữu Chỉnh, Nguyễn Huệ truyền đem cho ông khí giới, binh sĩ, và hai chục lượng vàng. Hữu Chỉnh nhận lấy số vàng, còn binh sĩ và khí giới thì ông xin hoàn lại. Hỏi ông không muốn nhận lời của Nguyễn Huệ sao, vì binh sĩ và khí giới xem ra rất cần cho việc Nguyễn Huệ đề nghị ? Không, ông nhận lời đề nghị đó, và ông phải nhận, nhưng nếu Nguyễn Huệ ranh mãnh khi bắt ông ở lại Nghệ an, thì ông cũng ranh mãnh khi nhận lời ở lại. Không đón tiếp khí giới và binh sĩ của Tây sơn, chính là vì ông muốn tự tạo lấy một lực lượng riêng cho ông, hoàn toàn dưới quyền ông. Và ông đáp lại cho tướng Tây sơn : « Tôi sẽ mộ binh mà dùng ; nếu sức không

1) *Hoàng Lê nhất thống chí* 98.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

mộ được, sẽ xin đem thư cáo cấp, bấy giờ xin ngài sẽ sai tướng, sai quân giúp tôi » (1). Chúng ta sẽ thấy Hữu Chỉnh thành công như thế nào.

Phần Anh Em Tây sơn, họ ở lại Nghệ an mười ngày. Trong thời gian đó họ có liên lạc với Nguyễn Thiệp, một xử sĩ danh tiếng ở La sơn. Họ mời ông ra giúp họ và rồi đặt ông làm Sùng chính Thư viện trưởng (2).

Nhưng, không phải ở Nghệ an, ai cũng sẵn lòng giúp Tây sơn như Nguyễn Thiệp. Trên đường về, họ đã gặp phải một số người chống đối. Các cựu quan nhà Lê, như Quản hậu thắng kỵ Lê Hân, Hữu uy kỵ Lê đình Hoãn, tuyển mộ dân Nam-đàn đến chận quân Tây sơn ở chỗ đường hiểm tại núi Đại-huệ. Quân Tây sơn biết được, băng núi, đánh bại bọn Hân, Hoãn, mười người chết hết tám chín. Đến cầu Tiên-lý, quân Tây sơn lại chạm trán với bộ hạ Nguyễn như Tiến, nhưng Tiến phải thua và chết. Ở Kỳ hoa, có người làng Hà quảng cầm dao ra đường phục đánh. Nguyễn Tài, tên người đó, bị thua chạy, bèn cùng anh là Nguyễn Thái đến Thạch hà phục kích. Gặp toán thủ binh của Tây sơn, họ giết được hơn mười người. Sau họ còn đánh Tây sơn ở Qui hợp, rồi cả Tài, cả Thái, đều bị giết (3). Đó có thể là những biến cố không đáng kể, nhưng nó nói lên lòng bất phục của dân xứ Nghệ đối với Tây sơn, và đồng thời cũng cho biết tại sao Hữu Chỉnh đã có thể chiêu mộ được một lực lượng khả dĩ làm cho Nguyễn Huệ lo ngại và làm cho Lê Chiêu thống phải nhờ cậy tới.

Nên nhớ điều nầy nữa, là trên đường về, khi đến Hà trung, Tây sơn còn để lại đó Nguyễn chiêu Viễn, và khi đến Đồng hới, thì để lại Võ văn Nhậm, có ý để tiếp ứng cho Nguyễn văn Duệ gặp lúc hữu sự. Không lâu sau, Nguyễn văn Duệ dời dinh vào Kỳ hoa và Nguyễn chiêu Viễn vào Bố chính (4).

Anh Em Tây sơn về đến Phú xuân vào cuối tháng 9, 1786. Vào ngày 6 tháng 6 năm sau, trong một thư gửi từ Quảng trị về Paris, giáo sĩ Doussain

---

1) *Hoàng Lê nhất thống chí* 125. *Liệt truyện* q. 30, 24b. *Cương mục* q. 46, 28.
2) *Liệt truyện*, q. 30, tờ 24b.
3) *Cương mục* q. 46, 30ab.
4.) Giáo sĩ Doussain cũng viết rằng : Il a encore trois grands mandarins au Tonkin, un à Chợ Vinh en Xứ Nghệ et deux autres à Bố chính. Cadière, *Documents* 19.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đã ghi lại rằng thời gian quân Tây sơn đi Bắc hà rồi trở về là « từ đầu tháng bảy cho đến tháng chín, là lúc mà họ trở về đây » (1).

Thời gian gần ba tháng đó, như chúng ta đã thấy và rồi sẽ thấy nữa, đã mang nặng những hậu quả lợi hại.

Miền Bắc đã xáo trộn từ căn bản và còn xáo trộn nữa.

Nguyễn Huệ đã kiêu căng đến vượt cả quyền trên và rồi còn kiêu căng nữa.

Ông đã thắng dễ dàng chống với những lực lượng không quen biết và rồi còn thắng nữa.

Nói tóm lại, chuyến phiêu lưu ra Bắc lần đầu nầy đã đem lại cho Nguyễn Huệ cả một kho kinh nghiệm, nó sẽ làm cho ông trở nên một trong những vị anh hùng hiển hách của lịch sử Việt nam cùng làm cho vinh dự nước nhà rực sáng trong một thời vậy.

NGUYỄN PHƯƠNG

---

1) *Cũng chỗ đó.* Ở đây nên chú ý về ngày Nguyễn Nhạc rời Thăng long. Theo *Hoàng Lê nhất thống chí* thì nói ngày đó là ngày 17 « tháng đó », tức là tháng sau tháng bảy. *Cương mục* (q. 46 tờ 26b) nói rõ hơn là ngày 17 tháng 8 năm Bính ngọ. *Dã sử* (q. 6 tờ 16n) còn nói thêm rằng Nguyễn-Nhạc đến Thăng long là ngày 5 tháng 8. Nói là tháng tám, chắc chắn không đúng, một đàng vì tháng sau tháng bảy chưa phải là tháng tám bởi lẽ rằng năm Bính ngọ có hai tháng bảy, đàng khác, ngày 17 tháng 8 năm Bính ngọ tức là ngày 8 tháng 10 năm 1786, vậy nếu mồng 8 tháng 10 mới từ Thăng long ra đi thì không lẽ đến Quảng trị trong vòng tháng 9 năm đó được, bởi vì không lẽ đến nơi trước khi ra đi. Vậy ngày Nguyễn Nhạc lìa Thăng long mà về phải nằm trong tháng 7 nhuận của năm Bính ngọ. Về ngày, đã nhiều lần thấy *Hoàng Lê nhất thống chí* không được đúng so với các tài liệu chính xác hơn, thường là chậm hơn. Vậy ở đây cũng không nên tin hẳn là ngày 17.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Triết-học như một khoa-học đích xác

EDMUND HUSSERL
dịch-giả: TRẦN-THÁI-ĐỈNH

Lời dịch giả:

Tự cuối thế-kỷ XVII và nhất là trong hai thế-kỷ XVIII và XIX, khoa-học thực-nghiệm đã tiến những bước dài và chắc chắn, thành thử dần dần người ta có ý nghĩ rằng chỉ khoa-học thực-nghiệm là khoa-học đích thực thôi, và để trở thành khoa-học, tất cả các khoa khác đều phải đi vào con đường của khoa-học thực-nghiệm. Cho nên triết-học và tâm-lý-học cũng phải dùng phương-pháp thực-nghiệm, thì mới trông có ngày bước lên đài danh-dự của khoa-học thực sự. A. Comte đã đi vào nẻo đó khi ông khai sinh cho cái gọi là « triết học thực-nghiệm » (philosophie positive). Và một số đông các tâm-lý-gia, như Wundt, Weber, Fechner, v.v... cũng đã quyết tâm dùng phương-pháp của khoa-học thực-nghiệm để làm cho tâm-lý-học trở thành một khoa-học đích-thực. Người ta đã muốn nghiên-cứu tâm-linh con người như kiểu nhà vật-lý nghiên-cứu một quặng than : nói thế, vì khoa tâm-lý tự xưng là tâm-lý thực-nghiệm đã nhất định mang phương pháp thực-nghiệm áp dụng vào tâm-lý-học.

Husserl tố cáo lập-trường đó. Ông gọi nó là lập-trường duy-nhiên *(naturalisme). Theo ông, tâm-linh con người không phải là một vật-thể, và những sinh-hoạt của tâm-thức không có quy-chế của những hiện-tượng vật-lý. Thuyết Duy-nhiên chính là thuyết muốn đồng-hóa tâm-thức và vật-thể. Còn Husserl lại nhất quyết chủ-trương sự khác biệt căn-bản giữa hai loại hiện-tượng tâm-lý và vật-lý : đã thế, không thể dùng phương-pháp của khoa-học vật-lý để nghiên cứu về tâm-lý được. Quặng than, cục sắt, hòn đá là những cái có một bản-tính : và bản-chất của một bản-tính là nó để cho ta có thể tùy ý thí nghiệm nó nhiều lần, vì bao giờ nó cũng có đủ những đặc-tính như thế mãi. Trái lại, thực-tại của tâm-linh ta (mà Husserl thường gọi tắt là cái tâm-thể)*

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

không chút chi giống như bản tính của một vật-thể hết : cái tâm-thể xuất-hiện rồi tan biến, chớ không « nằm mãi trong hiện-hữu » như vật-thể. Vì thế, đối với những hiện tượng tâm-lý, thì « hiện hữu và xuất-hiện cũng là một » nghĩa là chỉ hiện-hữu trong giây phút xuất-hiện mà thôi. Sự xuất-hiện này chính là bản-chất của những hiện-tượng tâm-lý. Để nói lên sự khác biệt đó, Husserl viết : « Các hiện-tượng tâm-lý không có một bản-tính nào hết, nhưng chúng có một bản-chất ». Sau này, khi trình bày thêm về bản-chất của những hiện-tượng tâm-lý, Husserl sẽ cho biết những hiện-tượng này chẳng qua chỉ là những hình-thái luôn luôn biến thể của tâm-thức : do đấy Tâm-lý-học sẽ được gọi là khoa-học về những bản-chất, hoặc cũng gọi là » trực-quan những bản-chất » (vision des essences). Tóm lại, bản-chất của hiện-tượng tâm-lý không phải là một bản-tính vật-thể nhưng chỉ là hình-thái của tâm-thức khi tâm-thức là tương-đồng-thể (le corrélat) của sự vật mà nó ý-thức (noème).

Nếu theo phương-pháp thực-nghiệm để xây dựng tâm-lý-học là làm một điều phi-lý, thì chúng ta phải theo phương-pháp Hiện-tượng-học. Và đây là dịp cho Husserl nêu cao vai trò của Hiện-tượng-học : ông coi đó như khoa học đích xác *(science rigoureuse). Vậy các khoa-học thực nghiệm chưa đích xác ư ? Husserl quả quyết rằng chưa : các khoa-học thực-nghiệm đều xây trên kinh-nghiệm, và đều coi kinh nghiệm nguyên-khởi của mọi tri-thức. Nhưng, theo Husserl, đó còn là ngây thơ. Ngây thơ vì chưa tìm hiểu chính kinh-nghiệm, chưa nghiên-cứu xem tại sao chúng ta có ý-niệm khác hẳn Newton về cơ-cấu vũ-trụ, cũng như Newton đã có ý-niệm khác hẳn Aristote ? Như thế nghĩa là khi ta tri-giác, ta không thu nhận hình-ảnh của một vũ-trụ đã có hình-thể như thế, nhưng hình-thể đó là chính kết-quả do sự gặp gỡ giữa tâm-thức ta và vũ-trụ vật-lý. Trong ý đó, các nhà hiện-tượng-học chủ trương rằng vũ-trụ là cái tôi tri-giác (le monde est ce que je perçois) : đó là vũ-trụ duy-nhất mà tôi biết và tôi nói tới. Như vậy hiện-tượng vũ-trụ không có trước tri-giác tôi, không có trước kinh-nghiệm của tôi về vũ-trụ : vũ trụ là hiện-tượng phát-sinh do sự gặp gỡ giữa tâm-thức tôi và cái vũ-trụ vật-lý (vũ trụ này được Merleau-Ponty gán cho cái tên là tiền-vũ-trụ,* pré-monde, *nghĩa là chưa là vũ-trụ mà tôi biết và nói tới.*

Như vậy hiện-tượng-học *là khoa-học về những hiện tượng kiểu đó, tức những hiện-tượng tâm-lý. Tuy nhiên chúng ta đừng vội tưởng Husserl dừng lại khoa Tâm-lý. Husserl chống lại tất cả mọi hình-thức của thuyết Duy-tâm-lý (Psychologisme). Khoa học mà Husserl gọi là khoa-học*

Bản số hoá 2016: ĐCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đích-xác đây là : Hiện-tượng-học. Hiện-tượng-học là khoa học về các bản-chất : áp-dụng vào những ngành nghiên cứu khác nhau, chúng ta sẽ có « khoa học về hiện-tượng-tâm-lý » (Tâm-lý-học), rồi « khoa-học về hiện-tượng xã-hội » (Xã-hội-học) v.v... Tóm lại, Hiện-tượng-học giúp ta nhận ra bản-chất của những loại hiện-tượng mà ta tìm hiểu, và nhận ra chúng đúng như chúng xuất hiện nơi ý thức ta. Tuy nhiên, như lời Husserl mà chúng ta đọc trong bản dịch này, « Hiện-tượng-học là khoa học vĩ đại, đặt nền cho một khoa tâm-lý-học hoàn toàn có tính cách khoa học, đồng thời cũng là môi-trường cho một khoa phê-bình lý-trí đích thực », cho nên tương quan giữa Tâm-lý-học và Hiện-tượng-học rất chặt chẽ.

« Triết-học như một khoa-học đích-xác » là một tiểu-luận của Husserl in trong bộ Logos I *năm 1911. Về số trang, nó không đáng bao nhiêu, nhưng nó giữ một địa vị quan-trọng trong quá-trình của tư-tưởng Husserl, vì nó đánh dấu khúc quặt của ông tiến về phía hiện-tượng-học cụ-thể. Đàng khác, nó gọn ghẽ và rõ ràng, nên đã được coi như cửa mở vào những sách vở rất khó đọc của Husserl. Khó đọc, vì chuyên môn quá. Vì là một bài in trong bộ Logos, cho nên rất khó tìm ra nguyên văn tiếng Đức ; chúng tôi đã tìm hỏi nơi các giáo-sư người Đức, và những giáo sư Việt chuyên về triết học Đức ở Việt-nam, nhưng không ai có bản tiếng Đức, cho nên vì sự khẩn-cấp muốn cống hiến bạn đọc một tài-liệu căn-bản về Hiện-tượng-học, chúng tôi mạo muội đưa ra bản dịch tạm này. Hy vọng một ngày gần đây chúng tôi sẽ có nguyên-văn tiếng Đức, khi đó sẽ có thể cùng với Giáo-sư Trần-văn-Toàn cống hiến một bản dịch giá-trị hơn.*

Bài «Triết-học như một khoa-học đích xác» có hai phần : phần I phê bình thuyết Duy-nhiên (Naturalisme), phần II phê-bình thuyết Duy-sử (Historicisme). Đây chúng tôi chỉ dịch phần I, có liên hệ đến khoa tâm-lý thôi. Và trong phần I nầy, chúng tôi cũng bỏ qua vài tiết nhỏ, có tính chất bút chiến, không cần cho việc hiểu luận đề của Husserl.

***

I. — HUSSERL VẠCH TRẦN TÍNH CHẤT NGÂY THƠ CỦA KHOA-HỌC THỰC-NGHIỆM (1)

Dĩ nhiên đây tôi không nhắm phê bình những cảm-nghĩ có thể gọi được là bình-dân của những nhà bác học, khi các ông này nói truyện triết-học. Chúng tôi chỉ chú ý đến cái « triết-học thông thái » đang trình diện với

1) Sự phân phối các tiểu đề là do chúng tôi.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chúng ta dưới bộ mặt khoa-học đích thực : tôi có ý nói đến cái phương pháp và cái bộ-môn nhờ đó mà triết thuyết kia tưởng mình đã thực sự đạt tới hàng khoa học xác thực (science exacte). Triết-thuyết đó tin chắc như thế, và nó khinh tất cả các cách triết-lý khác. Theo nhóm đó, tất cả các cách triết-lý khác đều phải quy về cách của họ là cách xác thực và có tính-chất khoa-học, cũng như khoa triết-học về thiên-nhiên đầy mơ-hồ của thời Phục-Hưng đã phải quy về khoa Cơ học xác thực của Galilei đang thời tươi tốt của khoa này; và cũng như thuật luyện-kim (alchimie) phải quy về khoa Hóa-học xác thực của Lavoisier.

Khi chúng ta hỏi cái khoa triết-học xác-thực được đặt ngang hàng với khoa Cơ-học xác-thực đó là khoa triết-học nào, thì người ta trỏ cho chúng ta khoa *Tâm-lý-học tâm-vật-học* (Psychologie psycho-physique) cũng gọi là *Tâm-lý-học thực-nghiệm*, một khoa mà không ai chối cãi được là đã đạt tới hàng khoa-học xác-thực. Người ta nói rằng đó là khoa Tâm-lý-học có tính-chất khoa-học đích-thực mà nhân-loại tìm kiếm đã lâu, và ngày nay đã trở thành sự thực. Nhờ khoa Tâm-lý-học đó, các khoa Luận-lý-học, Tri-thức-học, Thẩm-mỹ-học, Đạo-đức-học và khoa sư-phạm đã có nền-tảng khoa-học của chúng, và nhờ đó chúng đang thực sự trở thành những bộ-môn thực-nghiệm. Người ta còn nói thêm rằng khoa Tâm-lý-học đích-xác kia tất nhiên phải được coi là nền tảng của tất cả các khoa-học về tinh thần và của khoa Siêu-hình-học nữa. Riêng về khoa Siêu-hình-học, người ta nhận rằng khoa Tâm-lý-học không phải là nền tảng duy-nhất, bởi vì khoa Vật-lý-học cũng chung phần trong việc đặt nền cho cái khoa-học về thực-tại phổ-quát đó.

Đáp lại tất cả những điều trên đây, chúng tôi chỉ xin đối lại rằng : trước hết phải nhận-thức rằng : khoa Tâm lý nói chung là một khoa-học về sự-kiện, cho nên nó không có thể đặt nền cho những bộ-môn triết-học có nhiệm vụ nghiên-cứu về những nguyên-lý thuần-túy (chi-phối các khoa khác), chẳng hạn khoa luận-lý-học thuần-túy, khoa giá-trị-học thuần-túy, v.v... Chúng ta không cần phải đưa ra nhiều chi-tiết hơn nữa, sợ rằng chúng sẽ đưa chúng ta tới những phản-nghĩa hoài-nghi mà chúng ta đã bàn luận rồi. Chỉ nói riêng về khoa Tri-thức-học mà chúng tôi muốn biệt ra khỏi khoa luận-lý-học thuần-túy (chúng tôi muốn coi khoa đó như một *Mathesis Universalis*, toán - học phổ quát): chúng ta có thể đưa ra nhiều điều chống lại cái chủ-trương muốn xây khoa tri-thức-học trên nền-tảng thuyết Duy-tâm-lý (Psychologisme) và thuyết Duy-vật-lý (physicisme). Đây xin trình bày vài nét :

Xét theo phương diện khởi-điểm của chúng, tất cả các khoa-học về thiên nhiên đều *ngây-thơ*. Thiên-nhiên mà chúng muốn nghiên-cứu vẫn có kia (est là), thế thôi. Tất nhiên các sự vật *có* đây : những sự vật tĩnh, động, chuyển dịch trong không gian vô hạn, và những sự vật có bản chất thời-gian trong thời gian vô hạn. Chúng ta tri-giác chúng, mô tả chúng bằng những phán đoán đơn sơ phát sinh do kinh nghiệm. Khoa học về thiên nhiên có chủ đích nhận xét những dữ-kiện hiển nhiên đó một cách có giá trị khách quan và đích thực khoa-học. Cũng phải nói như thế về chữ thiên-nhiên theo nghĩa rộng nhất, nghĩa tâm-sinh-lý, và các khoa-học nghiên-cứu thiên-nhiên theo nghĩa đó, như khoa Tâm-lý-học. Lãnh vực tâm linh không phải là một vũ trụ tự-quy (pour soi); nó

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

là một dữ kiện cũng như bản ngã (le moi) và như kinh-nghiệm sâu xa mà ta có về Bản-ngã (theo một nghĩa khác lắm), và như vậy lãnh vực tâm linh tỏ ra chịu quyền cái luật kinh-nghiệm, nghĩa là có liên đới với các sự vật vật-lý mà ta gọi là vật thể (corps). Đó là một dữ-kiện thường nghiệm hiển-nhiên. Như vậy nhiệm vụ của khoa Tâm-lý-học là nghiên cứu cái tâm-thể (ce psychique) đó trong toàn-bộ tâm-vật-lý của thiên nhiên một cách khoa-học, vì cái tâm-thể tất nhiên nằm trong toàn-bộ đó, rồi xác định nó một cách có giá trị khách quan, và tìm ra những định luật của sự thành hình và biến thể của nó, những định luật của sự xuất hiện và biến mất của nó. Tất cả mọi xác định tâm-lý-học đều tất nhiên có tính chất tâm vật lý, theo cái nghĩa rộng nhất của chữ tâm-vật-lý (mà chúng ta chấp nhận tự đây), nghĩa là bao giờ nó cũng có một ý-nghĩa vật-lý đi theo nó. Cả khi khoa Tâm-lý-học — Tâm-lý-học thực nghiệm — chỉ chú trọng xác định những biến-cố thuần-túy của ý-thức và không quan tâm chi đến những tương quan tâm-vật-lý theo nghĩa thông thường và nghĩa chặt, thì những biến-cố kia cũng vẫn được quan-niệm như thuộc về thiên nhiên, nghĩa là thuộc về những tâm-thức người hay tâm-thức súc vật, và người ta thấy một cách hiển nhiên rằng những tâm thức đó gắn liền với những thân xác con người hay thân xác con vật. Bỏ mất sự lệ thuộc vào thiên nhiên đó, tức là làm cho cái tâm-thể mất hẳn tính chất của nó là sự kiện thiên nhiên có thể xác-định cách khách quan và trong thời gian, tức là bỏ mất tính chất sự kiện tâm-lý của nó. Như vậy, nên nhớ rằng : tất cả các nhận định tâm-lý đều mang trong mình nó sự nhận-định có thiên nhiên, hoặc cách minh nhiên hoặc không.

Bởi vậy cách lý-luận sau đây thực là hiển hiện : nếu có những luận-chứng chắc chắn để chứng-minh rằng khoa-học vật-lý về thiên-nhiên không thể là khoa triết-học theo nghĩa đặc-biệt của danh từ nầy, nó không bao giờ lại có thể định dùng làm nên tảng cho khoa triết-học và chỉ có được một giá trị triết học để xây dựng khoa siêu-hình-học khi nó dựa vào một triết-học khác đi trước nó, — thì ta cũng phải áp dụng một luận-chứng như thế cho khoa tâm-lý-học.

Vậy mà những luận-chứng như thế không thiếu.

Chỉ cần nhắc lại tính chất « ngây thơ » của khoa-học về thiên nhiên ta đã nói đến rồi, ngây thơ vì khoa học về thiên nhiên đã chấp nhận thiên-nhiên như một dữ kiện. Có thể nói tính ngây thơ này không bao giờ trừ được nơi khoa học về thiên nhiên, vì nó được lặp lại ở mỗi chặng đường mới của hoạt động nó : nó chỉ nại đến kinh nghiệm mà thôi, và kết cục nó quy tất cả phương pháp của khoa học thực nghiệm về chính kinh nghiệm đó. Quả thực, khoa học về thiên nhiên cũng có tính chất phê-bình theo cách của nó. Kinh nghiệm đơn giản của mỗi người, dầu là kinh-nghiệm nhiều lần đi nữa, vẫn chỉ được khoa học đó coi là rất ít giá trị. Chính nhờ sự xếp đặt và đối-chiếu các kkinh-nghiệm một cách có phương-pháp, chính nhờ cái nhịp luân-phiên đã ấn định một cách hợp lý và chặt chẽ giữa kinh-nghiệm và suy-tưởng, mà người ta phân biệt đâu là những kinh nghiệm có giá trị và đâu là những kinh nghiệm không có giá trị, và nhân đây mỗi kinh

---

Đích xác : rigoureux; xác-thực : exact.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nghiệm nhận được phần giá-trị nhiều ít của nó và làm xuất hiện một tri thức (tức khoa-học về thiên-nhiên) có giá trị khách quan. Mặc dầu kiểu phê-bình kinh-nghiệm này có thể làm hài lòng chúng ta, theo chỗ chúng ta còn đứng trong khoa-học thiên nhiên và chúng ta còn suy-tưởng theo thái-độ của khoa-học đó, tuy nhiên còn có thể có và cần phải có một lối phê bình khác nữa đối với kinh-nghiệm : tức là lối phê-bình có nhiệm vụ đặt lại vấn-đề cho toàn thể kinh nghiệm, đồng thời đặt vấn-đề cách suy tưởng của khoa học thực-nghiệm.

VẤN-ĐỀ KHOA HỌC VỀ TÂM-THỂ

Tâm-lý-học và khoa-học thực-nghiệm

Làm sao kinh-nghiệm xét như một hành-vi của ý-thức lại có thể cho hoặc gặp thấy một đối tượng ? Làm sao những kinh nghiệm lại có thể nhờ những kinh nghiệm khác để tự biện-minh và tự sửa chữa lẫn nhau, chứ không chỉ tự nhận là vô giá trị hoặc tự nhận là vững giá trị một cách chủ-quan ? Và cái ý-thức mà thể thức luận-lý là luận-lý về kinh-nghiệm, cái ý-thức đó phải làm thế nào dẫn đưa ra những mệnh đề có giá trị khách quan, có giá trị cho những sự vật tự tại và tự-quy ? Tại sao những luật lệ của bộ máy ý-thức lại không phải là không thể áp dụng cho các sự vật ? Làm sao khoa-học về thiên-nhiên lại phải trở nên hữu-lý một cách tuyệt đối trong mọi trường-hợp xét theo chỗ nó luôn luôn đặt ra và nhận thức một bản-tính (thiên-nhiên) tự tại, tự tại đối với dòng chủ-thể của ý-thức ? Khi chúng ta thận trọng chú-ý suy nghĩ, thì những câu hỏi trên đây đều trở thành những điều bí ẩn cho ta. Người ta biết rằng khoa tri-thức-học là bộ môn có nhiệm-vụ trả lời những câu hỏi đó, nhưng cho đến nay, mặc dầu bao công lao của những nhà bác học đại danh đã nỗ lực vào đó, khoa tri-thức-học vẫn chưa mang lại cho những câu hỏi kia một trả lời có tính chất khoa-học rõ ràng, dứt khoát và đơn nghĩa (1)

Chỉ cần trung thành một cách đích xác và thủy-chung với cách đặt vấn-đề như thế (điều này, tất cả những khoa tri-thức học trước đây thực ra đã không đạt được), cũng đủ nhận ra tính-chất vô-lý của tất cả những « tri-thức-học phát sinh do khoa-học về thiên nhiên » và do Tâm-lý-học. Đành rằng một ít điều bí ẩn nói chung vẫn nằm sẵn trong khoa học về thiên-nhiên, nhưng người ta phải nhận rằng sự giải quyết chúng theo những tiền đề và những kết luận là việc vượt quá tầm của khoa-học về thiên nhiên. Người ta sẽ lẩn quẩn trong vòng vô lý, nếu người ta muốn nhờ chính khoa-học về thiên-nhiên giải quyết cái vấn-đề có liên can đến khoa-học đó, xét như nó là khoa-học về thiên nhiên, và đó là vấn-đề gắn liền với nó từ khởi đầu cho đến tận cùng của nó. Và người ta cũng sa vào chỗ vô lý nếu người ta tưởng rằng khoa-học đó có thể mang đến bất cứ câu tiền đề nào để giúp vào việc giải quyết vấn đề đó.

Một điều hiển nhiên là : tất cả mọi giải quyết khoa-học hay tiền khoa-học (pré-scientifique) về thiên-nhiên, và những mệnh-đề có bao hàm những quyết đoán về hiện hữu của các sự vật

---

1) Đơn nghĩa : univoque. Có nghĩa như tuyệt đối.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

trong không gian, của thời gian, của nguyên-nhân-tính (causalité),v.v... đều phải gạt ra ngoài, khi ta xây dựng một khoa tri-thức-học có giá trị đơn nghĩa. Điều này phải áp dụng cho tất cả mọi thể hiện-hữu của Dasein (1) người nghiên-cứu, hay của những tài năng tâm-lý của người ấy.

Đàng khác, nếu khoa tri-thức-học muốn nghiên-cứu những vấn-đề về tương-quan giữa ý-thức và hữu-thể, thì nó chỉ có trước mắt cái hữu thể xét như *tương-đồng-thể* (corrélat) của ý-thức mà thôi, nghĩa là xét như một cái chi được ý-thức nhắm theo một cách nào đó : như được tri-giác; được nhắc lại, được mong chờ, được biểu tượng trong một hình ảnh, được tưởng tượng, được nhận là đúng, nhận là khác, được tin tưởng, được giả thiết, được đánh giá v.v... Như vậy, người ta thấy rằng sự nghiên cứu phải đạt tới một tri-thức khoa-học về bản-chất của ý-thức, nghĩa là cái mà ý-thức *là*, theo bản chất nó, trong tất cả các hình thái khác nhau của nó; đồng thời nghiên cứu về cái ý-thức « nêu ý nghĩa » (signifier) cũng là những hình thái khác nhau của ý-thức tương-quan đến bản-chất của những hình-thái kia, nhờ đó mà ý-thức nhắm vũ-trụ khách quan, — bản chất rõ hay không rõ, đối-diện (présentant) hay đối-diện-hóa (présentifier), nêu ý nghĩa hay là mang hình ảnh, trực tiếp hay nhờ trung-gian của suy-tưởng, trong hình-thức này hay hình-thức khác của chú-ý, như vậy là trong một lượng số vô cùng những hình thái khác nữa, — và trong những hình thái đó, ý-thức « chứng minh » rằng có vũ trụ khách quan xét như là một cái gì có giá trị, thực tại...

Chính ý-thức phải làm cho ta thấy hiển nhiên rằng có khách-thể-tính (khách thể tính có thực) và khách thể tính hiện lộ một cách để ta dễ nhận thấy nó có và có như thế. Muốn thế, cần phải nghiên-cứu về toàn thể ý-thức, bởi vì nhờ những hình thái khác nhau của nó, mà có chân trong tất cả các chức-vụ của tri-thức. Nhưng, xét như mỗi hành-vi ý-thức đều là *ý-thức về*, sự nghiên-cứu về bản-chất của ý-thức phải bao hàm sự nghiên-cứu về *ý-thức-hàm-nghĩa* (2) và *ý-thức khách-thể-tính* (3) trong bản-chất của chúng (comme telles). Nghiên cứu bất cứ loại khách-thể-tính nào theo bản-chất phổ quát của nó (một nghiên cứu có thể theo đuổi những mục-đích ngoài lề khoa tri-thức-học và khoa-học về ý-thức) có nghĩa là chú ý đến những hình thái của nó xét như nó là một hữu-thể dữ-kiện và tát cạn cái nội dung của bản-chất nó theo những phương-sách thích-hợp để khai minh. Mặc dầu ở đây thái-độ chưa phải là thái-độ nghiên cứu những hình thái của ý-thức và nghiên-cứu bản chất của những hình thái ấy, nhưng phương-pháp khai minh đòi rằng ngay cả trong trường hợp này, chúng ta cần phải suy nghĩ về những hình thái của hữu thể bị nhắm và hữu-thể dữ-kiện. Nhưng, đàng khác, sự khai-minh những hình thái nền tảng của khách-thể-tính cũng cần thiết cho công việc phân tích ý-thức, và như vậy thì khách-thể-tính cũng gồm trong ý-thức; nhưng chỉ là trong sự phân tích đúng theo tri-thức học, khi khoa này đặt tất cả nhiệm vụ của nó trong sự nghiên cứu những tương-đồng-thể (corrélat). Cho nên chúng tôi gồm

---

1) Hữu-thể nọ : Dasein, hiện hữu cá-biệt.
2) Conscience-signification (= noèse, phương diện chủ thể)
3) Conscience-objectivité (= noème, phương diện khách-thể).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tất cả những nghiên cứu đó dưới danh từ « *những nghiên-cứu hiện-tượng-học* », mặc dầu theo phương diện khác, chúng ta phải phân biệt chúng.

Làm như thế chúng ta sẽ gặp được một khoa-học mà người thời ta chưa biết chi về tầm quan trọng của nó. Thực vậy, đây là một khoa-học về ý-thức, tuy nhiên không phải là một khoa tâm-lý, nhưng là một khoa hiện-tượng-học về ý-thức, đối lập với khoa-học thiên-nhiên về ý-thức. Đã hẳn, vì ở đây không phải chỉ giống nhau hời hợt, nên người ta có quyền hy-vọng rằng hiện-tượng-học và tâm-lý-học liên-kết với nhau rất chặt-chẽ, vì cả hai đều chuyên chú nghiên cứu ý-thức, mặc dầu bằng những phương-tiện và « thái độ » khác nhau. Điều chúng tôi muốn nói chính là : tâm-lý-học chuyên chú về «ý thức thường-nghiệm» ý-thức trong trạng-thái thực-nghiệm; xét như ý thức đó nằm trong bình diện thiên-nhiên; trong khi đó hiện-tượng-học chuyên chú về ý-thức « thuần túy » nghĩa là ý-thức trong trạng-thái hiện-tượng-học.

Nếu quả đúng như thế thì ta không thể chối bỏ sự thật này là : tâm-lý-học và khoa-học thiên-nhiên cùng không phải và cùng không thể là triết-học được. Vậy, kết cục, vì những lý-do thiết yếu, nghĩa là nhờ hiện-tượng-học, tâm-lý-học phải tự nhận thấy rất gần với triết-học và số mệnh của nó liên kết chặt chẽ với triết học. Sau cùng, người ta sẽ vươn tới chỗ linh-cảm thấy rằng : tất cả lý-thuyết duy-tâm-lý về tri-thức sở dĩ tồn tại được là vì người ta đã không am hiểu ý-nghĩa đúng đắn trong việc đặt vấn-đề khoa-học về tri-thức, cho nên người ta đã lẫn lộn tri-thức thuần-túy với tri-thức thường nghiệm (một sự lẫn lộn rất dễ hiểu), và nói trắng ra, người ta đã « nhiên hóa » ý-thức.

Thực ra, đây mới chỉ là nhận xét của tôi và tôi sẽ minh chứng trong những giải thích sau đây :

BẢN-CHẤT KHÁC NHAU CỦA VẬT-THỂ và TÂM-THỂ

Cái gây nên rối loạn liên tiếp trong tâm lý học, kể từ giai đoạn phôi-thai của nó ở thế kỷ XVIII, chính là hình ảnh xảo trá của phương-pháp có vẻ vừa khoa-học vừa thiên-nhiên, rất thích hợp với kiểu phương-pháp lý-hóa. Chúng ta tin chắc rằng phương pháp của tất cả các khoa-học thực-nghiệm, xét theo tính cách phổ-quát về nguyên-tắc, đều hoàn toàn giống nhau, và như thế phương-pháp của tâm-lý-học cũng chính là phương-pháp của khoa-học vật-lý. Nếu khoa siêu hình học đã phải đau khổ quá lâu vì bắt chước một cách sai lạc, lúc thì phương-pháp hình học, lúc thì phương pháp vật-lý, thì cũng vậy, chính kiểu cách đó vẫn còn được lặp lại trong khoa tâm-lý-học. Không phải tình cờ mà những tay thày của khoa tâm-lý-học thực-nghiệm đều là những nhà vật-lý và sinh lý. Phương-pháp đích thực phải là phương-pháp theo sát bản tính của những sự vật mà ta muốn nghiên-cứu và chúng ta phải gạt bỏ những thiên kiến và tiền-tri-giác về chúng. Từ tính-cách chủ-quan hàm hồ của những sự vật, với ngoại diện khả giác ngây thơ, khoa-học thiên-nhiên đã vạch ra những sự vật có tính cách khách-quan với những đặc-tính khách-quan xác thực. Cũng thế, người ta tự nhủ, tâm-lý-học cũng phải đưa dần vật-thể mơ hồ, của cách giải thích ngây thơ, tới một sự xác định có giá-trị khách-quan và hiển-nhiên : phương-pháp khách quan để thực-hiện công việc đó là chính phương-pháp thực-nghiệm khoa-học về thiên-nhiên, một phương

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

pháp đã từng được bảo-đảm một cách rực rỡ nhờ những thành-quả nhiều vô kể.

Tuy nhiên vấn-đề cần phải thấu triệt là tại sao những dữ kiện của kinh-nghiệm lại có thể vươn tới tính cách xác định khách-quan được, và những danh-từ như « tính cách khách-quan», « xác-định khách-quan » phải được hiểu như thế nào ở mỗi lúc, cũng như trong mỗi giai-đoạn khác nhau, phương pháp thực-nghiệm giữ nhiệm-vụ nào, điều đó tùy thuộc ý nghĩa riêng biệt của các dữ-kiện hay tùy thuộc vào ý nghĩa mà ý-thức thường nghiệm (chúng ta đang nói đây) gán cho những dữ-kiện đó theo yếu-tính của ý-thức (ý-thức xét như nó chỉ là sự nhắm ý nghĩa này chứ không phải một ý nghĩa nào khác). Hễ theo kiểu mẫu khoa-học về thiên nhiên thì nhất định là phải biến ý-thức thành một sự vật. Điều đó lập tức đưa chúng ta tới chỗ phi-lý : từ đó luôn luôn kế tiếp phát sinh sự đi tới những lập-trường phi lý về vấn đề, đồng thời nó cũng dẫn tới những chiều hướng sai lạc trong công việc tìm kiếm. Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu vấn-đề đó một cách cặn-kẽ hơn.

VẬT THỂ. — Chỉ có vũ-trụ vật-thể trong thời-gian và không-gian là bản tính (nature) đúng theo đầy đủ ý nghĩa của danh từ. Tất cả mọi Dasein khác, tức tâm-thể, phải hiểu theo ý nghĩa thứ hai của danh-từ bản-tính, và sự kiện đó minh-định những khác biệt căn-bản sâu xa giữa phương-pháp khoa-học thiên-nhiên và phương pháp tâm-lý. Theo nguyên-tắc, chỉ có hữu-thể vật-chất là có thể được ta kinh nghiệm như đồng-nhất một cách cá biệt trong nhiều kinh-nghiệm trực tiếp, nghĩa là trong nhiều tri-giác. Vậy khi nhiều tri-giác thực-hiện trên những « chủ-thể » khác nhau, thì chỉ có hữu thể vật chất là có thể được tri-giác như đồng-nhất một cách cá-biệt đối với nhiều chủ thể và được mô-tả như một hữu-thể liên-chủ-thể. Cũng những vật thể ấy (vật-thể và cách-thức v.v...) trình-diện trước mặt mọi người chúng ta và chỉ có chúng mới có thể được chúng ta xác định theo « *bản-tính* » của chúng. Nhưng « *bản-tính* » của chúng chứng tỏ rằng: đang khi trình diện với ta trong kinh-nghiệm với những « ngoại diện có tính cách chủ-thể » là những cái thay đổi không ngừng theo nhiều cách, chứng tỏ ra hoàn toàn là những đơn vị thời gian có đặc-tính tĩnh hay động và được nhận thấy như nhập thể trong toàn-khối (Zusammenhang) vũ-trụ vật-chất, cùng một thời gian và cùng một không-gian, và cái toàn-khối này nối kết tất cả những vật thể đó lại với nhau. Chúng chỉ là chúng trong khối nhất-thể đó. Chúng có đồng-nhất cá biệt (substance) và chúng duy-trì cái đồng nhất cá biệt đó như là một cái gì mang những «đặc-tính thực-tại » duy nhất trong tương quan hỗ-tương về nhân-quả-tính. Tất cả những đặc tính thực-tại một cách vật chất đều có tính cách nhân quả. Tất cả các hữu thể vật-chất (Daseiende) đều phải tuân theo những định luật của những sự biến-thể mà chúng có thể có và những định luật này liên-hệ đến đối-tượng đồng-nhất, đối tượng này không phải vật-thể xét như vật-thể, nhưng vật-thể trong toàn-khối duy-nhất thực-tại và khả-hữu của thiên-nhiên độc-nhất. Mỗi vật thể có « bản tính » của mình (như quan niệm toàn thể về cái mà nó là, tức cái đồng nhất), vì mỗi vật là điểm giao-tuyến của những chuỗi nhân quả, trong lòng khối thiên-nhiên duy-nhất kia. Những tính-chất thực-tại (tính chất của những vật thể thực-tại

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

và vật-chất) là một huy-hiệu về sự có thể biến-thái mà vẫn giữ đồng-nhất-tính, đã được hoạch định trước theo những luật nhân-quả; vì thế sự biến-thái có tính-cách đồng-nhất chỉ được xác định nhờ sự nại đến những định luật nầy. Tuy nhiên, những vật thể đều là những dữ-kiện xét như những đơn vị của kinh-nghiệm trực tiếp, hay xét như những đơn-vị của nhiều ngoại-diện khả-giác. Những tính-cách vững-chắc, hoặc biến đổi hay tương quan với biến đổi mà ta có thể nhận biết được nhờ cảm-giác, đều luôn luôn hiến cho tri-thức một sự hướng dẫn, và nhờ tương-quan với những tính chất trên, chúng giữ địa-vị một môi-trường bất định, ở đó bản tính thực sự và khách quan, tức bản tính xác thực của vật-lý-học, được trình-diện; và cũng chính qua môi-trường đó, óc suy luận khoa-học, xét như một suy tưởng thực nghiệm có tính cách khoa-học, minh định và xây dựng các xác thực.

Tất cả cái đó không phải là một cái gì người ta gán ghép cho những sự vật của kinh-nghiệm và cũng không phải một cái gì người ta gán-ghép cho kinh-nghiệm về các sự vật, nhưng là một cái gì thuộc về yếu-tính của chúng một cách bất-khả phân-ly, đến nỗi tất cả nhận xét có tính cách trực-giác và quy kết về bản-chất đích-thực của vật thể (vật thể trong kinh-nghiệm luôn luôn xuất hiện như một cái gì, như đang là đấy, như đã được xác định và đồng thời có thể xác định, nhưng như đang luôn luôn đổi khác trong sự thay đổi những ngoại-diện của nó và trong sự thay đổi những trường hợp xuất hiện) sẽ dẫn một cách tất yếu tới những tương-quan nhân-quả và hoàn thành trong sự xác định những tính-chất khách-quan tương ứng, xét như lệ thuộc vào những định luật. Khoa học thiên-nhiên chỉ có việc tuân theo một cách quy-kết cái ý nghĩa mà vật thể muốn có, xét như vật thể được kinh-nghiệm, và có thể nói được rằng : với một kiểu cách khá mờ ảo, vật thể tự đề ra những phương sách của mình, chẳng hạn như loại trừ những phẩm tính đệ-nhị, những yếu-tố hoàn toàn chủ-quan về ngoại-diện để chỉ giữ lại « những phẩm-tính đệ-nhất », mà thôi. Thực ra, bảo rằng : đây là một sự trình bày lẫn lộn thì chưa đủ, nhưng còn phải bảo : đây là một lý thuyết sai lạc mặc dầu có phương sách tốt.

TÂM THỂ. — Bây giờ chúng ta hãy quay trở lại « vũ-trụ » của « tâm thể » và khảo cứu những « hiện-tượng tâm-linh » mà tâm-lý-học mới nhìn nhận như là đối tượng của mình. Như thế, trước tiên, chúng ta hãy gạt ra một bên những vấn-đề liên-quan đến linh-hồn và cái Tôi. Chúng ta thử hỏi : trong mỗi tri-giác của tâm-thể cũng như trong ý nghĩa của mỗi kinh nghiệm vật-lý và mỗi tri-giác về thực-tại, người ta có nhận thấy hàm chứa một khách-thể-tính nào đáng gọi là *bản-tính* không ? Chúng ta nhận thấy ngay lập tức rằng : những tương quan trong lãnh-vực Tâm-linh hoàn toàn khác biệt với những tương quan trong lãnh vực vật-lý. Tâm-thể được phân chia (nói một cách ám chỉ chứ không phải một cách siêu hình) thành những đơn-tử không có một cửa sổ nào và chỉ được giao-dịch nhờ nội-cảm (intropathie, Einfühlung). Hữu thể tâm-linh, hữu-thể xét như là « hiện tượng » theo nguyên-tắc, không phải một đơn-vị có thể được kinh-nghiệm trong nhiều tri-giác khác nhau như là đồng nhất-tính cá-biệt, cũng không thể được kinh-nghiệm trong những tri giác của cùng một chủ-thể. Nói

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

khác đi, trong lãnh-vực tâm-linh, *không có sự phân-biệt nào giữa xuất-hiện và hiện-hữu* và nếu người ta hiểu thiên nhiên như một hữu-thể được trình-diện nhờ những ngoại-diện thì chính những ngoại-diện này (nhà tâm-lý-học cho những ngoại-diện nầy thuộc tâm-thể) sẽ không tạo nên một hữu-thể có thể xuất hiện qua những ngoại-diện kia. Mọi suy-tư về tri-giác, bắt xét là tri-giác ngoại-diện nào đều chứng tỏ chắc chắn nhận xét trên. Vậy, thật là rõ ràng : nói cho đúng ra, chỉ có bản-tính mới được trình-diện trong những ngoại-diện của những sự vật. Theo nghĩa rộng nhất của tâm-lý-học, tất cả những gì chúng ta gọi là một hiện-tượng tâm-linh, xét theo bản tính của nó, chắc chắn phải là một hiện-tượng chứ không phải một bản-tính.

SO SÁNH GIỮA VẬT-THỂ VÀ TÂM-THỂ

Do đó một hiện-tượng không phải là một đơn vị « có bản thể ». Hiện-tượng không có một chút « đặc-tính thực-tại » nào. Nó không dính líu một chút thực-tại cũng không một chút biến-thể thực-tại hay nhân-quả-tính nào, vì tất cả những danh-từ này chỉ hiểu được trong ý nghĩa của triết-học về thiên-nhiên (bản-tính). Gán ghép thiên-nhiên vào những hiện-tượng, tìm kiếm những thành-phần tổ-hợp thực-tại, những tương-quan nhân-quả cho những hiện-tượng, chính là làm một điều vô lý hoàn toàn, giống như đòi hỏi những tính chất nhân-quả và những tương-quan v.v... cho các con số. Nhiên-hóa một vật-thể nào mà yếu-tính của nó khác hẳn với hữu-thể xét như là thiên-nhiên, tức là làm một việc phi-lý. Vật-thể là cái mà nó là, và ngàn đời vẫn nằm trong đồng-nhất-tính của nó. Thiên-nhiên luôn vĩnh-tồn. Những đặc tính hay những biến thể của những đặc tính đều quả là thuộc về vật-thể khả-giác của đời sống thực-hành nghĩa là vật-thể xét như « nó được trình-diện một cách khả-giác ». Những đặc tính hay những biến-thể trên có thể được minh-định bằng phương-pháp có giá-trị khách-quan, cũng như được xác nhận hay bị sửa chữa trong những kinh-nghiệm luôn luôn đổi mới. Trái lại, vật-thể tâm-linh, tức « hiện-tượng » xuất hiện và biến mất. Nó không duy-trì một hữu thể liên tục đồng nhất nào là cái có thể gọi là như thế ấy và được xác định một cách khách-quan theo ý-nghĩa của Khoa-học về thiên-nhiên, chẳng hạn như có thể bị chia một cách khách-quan thành những thành phần hay có thể « phân-tích » được, theo đúng ý nghĩa chuyên-môn đặc biệt của danh từ.

TÂM-LÝ-HỌC LÀ KHOA-HỌC VỀ CÁC HÌNH-THÁI CỦA Ý-THỨC

Kinh-nghiệm không thể nói cho ta biết tâm-thể là cái gì, như nó đã có thể nói về cái vật-thể. Bởi vì tâm-thể không được nghiệm như một cái chi đang xuất-hiện trước mắt ta, nhưng nó chỉ là « cái đã được ta sống » (Erlebniss); nó là cái đã sống và đang được ta nhìn thấy trong hồi-tưởng; chính nó xuất-hiện đó, và nó xuất-hiện bằng chính mình nó, trong triều-lưu tuyệt-đối (flux absolu): nó xuất-hiện như đang có đó và như « đang hết hiện-hữu », và người ta thấy rõ ràng nó đang rơi vào cái đã qua. Cái tâm-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thể cũng có thể là một cái được hoài-niệm và như vậy nó là cái ta « đã kinh nghiệm » theo một nghĩa hơi khác; trong cái « được hoài-niệm » này, ta thấy xuất hiện « cái ta đã tri-giác ». Nó có thể là hoài-niệm được nhắc đi nhớ lại nhiều lần trong nhiều hoài-niệm quy-tụ trong cùng một tâm-thức : hoặc tâm-thức nhớ lại một cái gì nó cần phải nhớ lại, hoặc tâm-thức vẫn nhớ luôn mãi. Trong tương-quan này, và chỉ trong tương-quan này mà thôi, cái *a priori tâm-thể* (tức cái bản-chất mà tâm-linh ta có về sự vật) có thể được coi như được ta « kinh nghiệm » và được ta xác nhận là đồng nhất với cái đồng-nhất của những lần nhắc lại khác nhau. Như vậy chúng ta có thể nói một cách hiển-nhiên rằng: tất cả những gì ta kinh-nghiệm trong tâm-linh như thể đều được bao hàm trong cái toàn-thể thông-suốt, tức cái nhất-thể « đơn tử » (unité monadique) của tâm thức là cái nhất thể không chút chi liên can đến không-gian, thời gian, bản-thể-tính hay nhân-quả-tính, bởi vì tâm-thức có «những hình-thái» vô cùng độc-đáo của nó. Tâm-thức là một triều-lưu những hiện-tượng, triều-lưu vô biên cả phía trước và phía sau, và với một đường ý-hướng-tính xuyên qua, đường ý-hướng-tính này chính là dấu-hiệu của tính-chất nhất-thể nó thâm nhập vào tất cả, tức tính-chất nhất thể của « thời-gian nội tại » một thời gian không có khởi điểm và cũng không có chỗ cùng, thời gian mà không một đồng-hồ nào đo được.

Khi quan sát triều-lưu những hiện-tượng (le flux des phénomènes) trong đời sống tự-nội, chúng ta đi từ hiện-tượng này qua hiện-tượng khác, mỗi hiện-tượng là một đơn vị được quan-niệm trong triều lưu và trong chính động-tác của triều-lưu, và chúng ta không đạt tới một cái chi khác ngoài những hiện-tượng như thế. Chỉ khi nào cái nhắm tự nội (visée immanente) và kinh-nghiệm về đối tượng đi tới chỗ tổng hợp, thì khi đó hiện tượng được nhắm và đối-tượng được kinh-nghiệm mới liên ạc chặt chẽ với nhau. Nhờ kinh-nghiệm ta có về sự vật và kinh-nghiệm về mối tương-quan giữa sự vật và hiện tượng, một nội-cảm (einfiihlung, intropathie) khởi dậy tức khắc như một cái nhìn gián-tiếp về cái ở trong tâm-linh...

CÁC BẢN-CHẤT (WESENS) VÀ TRỰC-GIÁC CÁC BẢN-CHẤT (WESENSSCHAU)

Nếu tâm-thể tự-nội không phải là thiên nhiên, nhưng chỉ là cái đáp lại thiên-nhiên, thì chúng ta coi cái gì là bản-chất của tâm-thể ? Nếu cái tâm-thể không được xác định như một « đồng nhất tính có tính-cách khách-quan », như đơn vị thuộc bản-thể với những tính chất thực tại mà phương-pháp khoa học thực nghiệm luôn luôn đạt được, xác định và chứng minh; nếu cái tâm-thể thu gọn vào triều lưu vĩnh cửu và nếu nó không thể trở thành đối tượng có giá trị tương-chủ-tính, thì chúng ta sẽ nắm được cái gì, sẽ xác định và ấn định được cái chi khách quan trong tâm-linh chăng ? Và tất cả những cái đó phải được hiểu theo kiểu cách nào, để chúng ta đứng vững trong phạm vi hiện-tượng-học thuần-túy và gạt ra ngoài phạm-vi khảo sát đó tất cả những gì tương quan với thân thể mà người ta thí-nghiệm theo kiểu cách một vật-thể, và bỏ tất cả những gì tương quan với thiên nhiên. Vậy câu trả lời là : nếu các hiện tượng không có một bản-tính (thiên nhiên) nào hết, thì chúng vẫn có một bản-chất (das Wesen) người ta có thể lãnh

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

hội được và lãnh hội một cách trọn vẹn trong một cái nhìn trực-giác. Tất cả những mệnh-đề mô-tả các hiện-tượng bằng quan niệm trực tiếp, sẽ thực hiện được công việc đó, mỗi khi những mệnh-đề đó có giá trị, nghĩa là mỗi khi chúng dùng những ý nghĩa có thể lãnh hội được bằng những danh từ; những ý nghĩa này được bộc lộ trong những trực-giác bản-chất.

Cần phải hiểu một cách đứng đắn cái nền tảng này của phương pháp Tâm-lý-học. Sự câu-thúc của thái-độ duy-nhiên đã làm chúng ta bất lực không rứt mình ra khỏi cái thiên-nhiên để nhìn nhận cái tâm-thể như đối-tượng của một nghiên-cứu thuần túy trong một thái-độ thuần-túy, chứ không trong thái-độ tâm-vật-lý : sự câu thúc kia đã ngăn cản chúng ta tiến tới một khoa-học đích-thực, nền tảng của tất cả những khoa Tâm-lý-học đáng gọi là khoa-học đích-thực, và còn là nền tảng cho khoa-học về tri-thức nữa. Sự câu thúc của thái-độ duy-nhiên còn làm chúng ta khó nhìn thấy những « bản chất », nghĩa là sự câu-thúc đó đã làm ta nhiên-hóa những « bản chất » đó, thay vì nhận thức đúng bản-chất chúng...

Vậy cần phải hiểu biết một cách dứt khoát rằng « trực giác các bản-chất » không phải là một « kinh-nghiệm » theo nghĩa tri-giác hay hoài-niệm, hoặc những hành-động về loại đó; và trực-giác đây cũng không phải là sự tổng-quát-hóa cái thường-nghiệm theo cách lấy những sự kiện lẻ tẻ của thường-nghiệm để ghép lại cho thành một Dasein (hữu-thể cá-biệt). Trực-giác coi bản-chất (essence) như là hiện-hữu bản-chất (être-essence), và không coi bản-chất là một hữu-thể cá-biệt. Bởi thế, khi tri-thức bản-chất, ta không tri-thức một cái chi thuộc loại sự kiện; tri-thức của trực-giác không hàm chứa một phán đoán nào có liên can đến hữu-thể thiên-nhiên hết. Nền tảng, hay nói đúng hơn, hành động nguyên-thủy của một trực giác bản-chất (chẳng hạn bản-chất của tri-giác, của hoài-niệm, của phán-đoán...) có thể là tri-giác của một tri-giác, tri-giác của hoài-niệm, tri-giác của phán-đoán; nhưng cũng có thể là một tưởng tượng thuần túy mà « rõ ràng », và như vậy trực-giác không phải là một kinh-nghiệm, không tiếp-nhận một hữu-thể cá-biệt nào hết. Công-việc nắm bản-chất này (Wesenserfassung) không hề vương tới sự kiện : nó chỉ là trực giác, vì nó nắm bản-chất mà thôi, vì thế mà « xem » ở đây có nghĩa hoàn toàn khác với xem bằng kinh-nghiệm. Dĩ nhiên, những bản-chất có thể được biểu-lộ một cách mờ mờ, biểu-lộ bằng những ký-hiệu và nhận định sai lầm : khi đó chúng là những bản-chất *được nhắm* thôi, và chúng mang nhiều mâu-thuẫn, như chúng ta dễ nhận thấy nơi tính-chất không thể duy-nhất-hóa của chúng. Tuy-nhiên tình trạng không rõ ràng này vẫn có thể được củng-cố cho thành giá-trị, nếu ta trở lại trực-giác những dữ-kiện của bản-chất.

Bản-chất, dữ-kiện tuyệt-đối. — Tất cả những phán đoán dùng quan-niệm chắc chắn để diễn-đạt cách thỏa mãn những gì đã nắm được trong bản-chất (chẳng hạn những bản-chất về loại này gần với những bản-chất khác thế nào, thí dụ « trực-giác » (Anschauung) gần với « ý-hướng trống rỗng » (leere Meinung) thế nào, và gần với « tri giác » và « quan niệm » thế nào, — và chúng nhất thiết phải duy-nhất-hóa với nhau vì những yếu-tố này hay yếu-tố nọ thế nào, — chúng hòa hợp với nhau như « ý-hướng » hòa hợp

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

với « thỏa mãn », hay trái lại, chúng không hòa hợp được với nhau và vì thế đã tạo nên « ý-thức bị phỉnh lừa », tất cả những phán đoán như thế đều là những tri-thức tuyệt-đối, có giá-trị phổ-quát như bản-chất của phán-đoán, một bản-chất mà ta sẽ phi-lý nếu ta muốn dùng kinh-nghiệm để đặt nền, củng-cố hay phi-bác.

Sự phán đoán ấn-định một « tương quan giữa những ý-tưởng », một *a priori* theo đúng nghĩa mà Hume đã nhìn thấy trước mắt ông, nhưng rồi tất nhiên nó đã tuột khỏi tay ông bởi vì ông đã lầm lẫn bản chất với ý-tưởng (ông coi ý-tưởng là cái chỉ thuộc loại những ấn-tượng). Nếu chủ-nghĩa duy-cảm của ông đã không làm ông mù quáng đối với tất cả lãnh vực ý-hướng-tính của « ý-thức-về », — nếu ông đã biết coi lãnh - vực này là cái chỉ dành cho nghiên-cứu bản-chất, thì ông đã không trở thành một nhà hoài-nghi vĩ-đại, nhưng đã trở thành vị sáng lập một học-thuyết « duy-nghiệm » đích-thực về lý-trí. Tất cả những vấn-đề đã làm Hume say mê trong cuốn *Treatise* của ông, và đã dẫn ông hết lầm lẫn này qua lầm lẫn khác, — những vấn đề mà, trong thái độ của ông, ông không đặt nổi một cách đích đáng và thuần-túy, — những vấn đề đó đều hoàn toàn thuộc quyền khoa Hiện-tượng-học. Không trừ một vấn đề nào, tất cả những vấn-đề đó đều phải giải quyết theo những tương-quan bản chất của những hành-thái ý-thức, cũng như của những thể-thức tổng-quát của những hình-thái ý-thức, trong một sự lãnh-hội giống như một cái nhìn tổng quát là cái nhìn không bỏ qua một vấn-đề hàm-nghĩa (sinnvoll) nào. Như vậy, vấn đề bao la về đồng-nhất-tính của đối-tượng qua nhiều ấn-tượng hay nhiều tri-giác, cũng phải được giải-quyết như thế. Thực vậy, làm sao nhiều tri-giác tức nhiều ngoại diện, lại có thể đi tới chỗ làm xuất-hiện một vật-thể duy-nhất và đồng-nhất mãi, đến nỗi ta nhận rằng vật-thể đó *chính là* nó cho nó và cho ý-thức : đó là một vấn-đề chỉ có thể được đặt ra và giải đáp một cách rõ ràng nhờ sự nghiên-cứu của khoa hiện-tượng-học về bản-chất mà thôi. Muốn dựa vào một khoa-học như kiểu khoa-học thực-nghiệm về thiên-nhiên để trả lời cho vấn-đề này, là không hiểu vấn-đề và gán cho nó một ý-nghĩa phi-lý. Tại sao một tri-giác cũng như bất cứ kinh-nghiệm nào, lại có thể là tri-giác chính cái sự vật ấy, theo lối nhìn ấy, có màu sắc ấy, có hình thức ấy v.v..., đó là vấn-đề bản-chất của tri-giác, bất cứ sự vật kia được xét theo phương diện nào của « hiện-hữu » nó.

Làm sao ta lại có một tri-giác liên-tục không do tự-tiện, như khi cùng một sự vật luôn luôn trình diện với ta qua những hướng nhìn luôn luôn thay đổi của ta v.v..., đó cũng là vấn-đề bản-chất như trên kia. Tóm lại, đây là những lãnh-vực lớn lao dành cho việc « phân-tích ý-thức » (những lãnh vực mà văn-chương chưa có khai-thác mấy); trong lãnh vực này, cần phải mở rộng phạm-vi dành cho chữ « ý thức » cũng như chúng ta đã dành cho chữ tâm-thể trên kia, để chữ ý-thức có thể bao hàm tất cả những gì nội-tại trong tâm-thức và tất cả những gì mà ý-thức nhắm, bất cứ theo chiều hướng nào. Sau khi thoát khỏi thuyết Duy-nhiên lầm lạc kia, những vấn-đề về nguyên-khởi mà người ta tranh-luận từng nhiều thế kỷ, sẽ trở thành những vấn-đề hiện-tượng-học. Chẳng hạn vấn-đề nguyên-khởi của « không-gian biểu-tượng », của những biểu-tượng về thời-gian, về sự vật, về con số, về nhân quả v.v... Những vấn-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

để thường-nghiệm về sự phát xuất những biểu-tượng đó xét như chúng là những biến-cố của tâm-thức con người, sẽ chỉ có ý-nghĩa khoa-học và có những giải đáp thỏa mãn, khi nào chúng được truy-nhận là những vấn-đề thuần-túy, được đặt ra và giải-đáp một cách đúng nghĩa thực sự.

Nhưng tất cả những cái đó sẽ chỉ đúng, nếu người ta nhận thấy và thành thực chấp nhận rằng : cũng trực-tiếp như khi chúng ta nghe một âm-thanh, thì chúng ta cũng có thể trực-giác một bản-chất, thí-dụ bản-chất « âm thanh », bản-chất « ngoại-diện của sự vật », bản-chất « sự vật hữu-hình », bản-chất « biểu-tượng bằng hình-ảnh », bản chất « phán-đoán » hay « ý chí »; và trong khi trực giác bản-chất như thế, người ta có thể đưa ra một phán-đoán về bản-chất. Nhưng đàng khác, tất cả những điều nói trên đây chỉ sẽ đích-thực, nếu người ta tránh được sự lẫn lộn riêng biệt của Hume, nghĩa là tránh đừng lẫn lộn cái nhìn hiện-tượng-học với phương-pháp « nội-quan », tức kinh-nghiệm nội-tâm; tóm lại là đừng lẫn cái nhìn hiện-tượng học với những hành-động thay vì nhìn vào những bản-chất, lại đã chỉ nhìn vào những đơn-vị cá-biệt tương-ứng với những bản-chất đó.

HIỆN-TƯỢNG-HỌC THUẦN-TÚY VÀ CÁI CÁ-BIỆT

Bao lâu Hiện-tượng-học còn thuần túy và không đã động chi tới phương-diện hiện hữu của thiên-nhiên, thì nó là một khoa-học để nghiên-cứu những bản-chất mà thôi, chớ không nghiên-cứu về hiện-hữu. Tất cả những gì là « nội-quan » và tất cả những phán-đoán dựa trên « kinh-nghiệm » như thế, sẽ bị gạt ra ngoài phạm vi của hiện tượng-học. Xét theo phương diện tự-nội (immanence), thì cái cá-biệt chỉ có thể là cái này cái nọ (thí dụ tri-giác uyển-chuyển này, hoài-niệm nọ v.v...), và như vậy nó chỉ có thể được nêu lên và nhất là chỉ được bao hàm trong những quan-niệm chặt chẽ về bản-chất, là những quan-niệm đã được rút ra tự những phân-tích về bản-;hất. Nói thế, vì cái cá-biệt không *là* bản chất, nhưng nó *có* một bản-chất, và người ta có thể nêu lên bản-chất đó về cá-biệt ấy một cách chắc chắn hiển nhiên. Nhưng xác định cái cá-biệt đó như một cá-thể, cho nó một vị-trí trong cái « thế-giới » của hữu-thể cá-biệt, lấy những quan-niệm về bản-chất để chụp lên cái cá-biệt như thế, tất nhiên chưa phải là vạch rõ được nó. Đối với hiện-tượng-học, cái cá-biệt sẽ muôn đời là cái vô-định (apeiron). Hiện-tượng-học chỉ có thể nhận-thức một cách có giá-trị khách-quan, những bản-chất và những tương-quan bản-chất. Trong lãnh-vực này, Hiện-tượng-học thuần-túy có thể chu toàn, và chu toàn một cách mỹ mãn tất cả những gì cần thiết để chúng ta có một sự thông-hiểu rành-mạch về những tri-thức thường-nghiệm và tri-thức nói chung : nhìn nhận rành mạch về « nguyên-khởi » của tất cả những « nguyên-lý » hình-thức luận-lý và những nguyên-lý tự-nhiên luận lý, — nhìn rành mạch tất cả những vấn-đề liên-can đến mối tương-đồng (corrélation) giữa bản-chất (bản-chất của thiên-nhiên, bản-chất của giá-trị) và ý-thức...

Duy khoa Hiện-tượng-học triệt-để và có hệ-thống, nghĩa là khi nó không bị coi như một hành-động phù tạp, suy-nghĩ lẻ tẻ, nhưng được coi như một sự đổ hết tâm lực vào những vấn đề vừa nhiều vừa phức tạp của

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tâm-thức, — duy khoa Hiện-tượng-học được hướng dẫn với một tinh-thần thong dong và không bị mù quáng bởi một thiên-kiến duy-nhiên nào, — duy khoa Hiện-tượng-học như thế mới có khả năng dẫn chúng ta tới chỗ am-tường cái tâm-thể, — trong lãnh-vực tâm-thức cá-nhân hay tâm-thức chung. Khi đó, lần đầu tiên, tất cả công trình thực-nghiệm của thời ta, cùng với đầy đủ những sự kiện thường nghiệm đã được thu-tập và những định-luật đôi khi rất lý-thú, sẽ sinh-hoa kết quả xứng đáng, nhờ sự đánh giá có phê bình và sự phân-giải có tính-chất tâm-lý-học. Khi đó người ta sẽ nhận thấy điều mà người ta không thể nhận thấy nơi khoa Tâm-lý-học hiện-đại, là : khoa tâm-lý-học liên lạc mật thiết, vô cùng mật thiết, với khoa triết-học.

Bản dịch của

L.M. TRẦN-THÁI ĐỈNH
và TRỊNH HÙNG

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đời sống Viện Đại-học Huế

Danh sách Sinh viên các Trường Đại-Học Văn-khoa, Khoa-học, Luật-khoa Huế được cấp văn-bằng Cử-nhân về khoá I niên-học 1962-1963 :

I. — ĐẠI-HỌC VĂN-KHOA

— ÔÔ. NGÔ VĂN BẰNG	Cử-nhân giáo-khoa Việt-văn
— NGUYỄN VĂN HÀM	— nt —
— LÊ NHỰT THĂNG	Cử-nhân giáo-khoa Pháp văn

II. — ĐẠI-HỌC KHOA-HỌC

— ÔÔ. LÊ VĂN NGHĨA	Cử-nhân giáo-khoa Lý-Hóa
— TÔN THẤT QUY	— nt —
— TÔN-THẤT SAM	Cử-nhân giáo-khoa Vạn-vật-học
— VŨ VĂN THƠ	Cử-nhân giáo-khoa Toán-học

III. — ĐẠI HỌC LUẬT-KHOA — Cử-nhân Luật-khoa :
ÔÔ. NGUYỄN KHOA KIÊM, NGUYỄN KHÁNH, THÁI-TĂNG-QUÝ, HỒ ĐẮC THÁI, NGUYỄN VĂN THƯỜNG, NGUYỄN CÔNG-HÀO.

***

Danh sách các Bác-sĩ được trúng tuyển kỳ thi Giảng-nghiệm-viên do Trường Đại-Học Y-khoa tại Viện Đại-Học Huế mở ngày 16-4 1963

A. — Ngành « Chirurgie »

1. Bác-sĩ LÊ BÁ VẬN	tùng sự tại Bệnh-viện Huế
2. Bác-sĩ NGUYỄN VĂN TỰ	y-sĩ trung-úy tại Quân-y-viện Nguyễn-tri-Phương, Huế
3. Bác-sĩ VŨ CÔNG THƯỞNG	y-sĩ trung-úy tại Tổng-y-viện Duy-Tân, Đà-nẵng.
4. Bác-sĩ TRẦN TRỌNG HÀ	y-sĩ trung-úy tại Tổng-y-viện Cộng-Hòa, Sài-gòn.

B. — Ngành « Médecine »

1. Bác-sĩ PHÙNG HỮU CHÍ	y-sĩ trung úy tại Bệnh-viện II Dã-chiến (Kontum)
2. Bác-sĩ NGUYỄN KHOA MÃN	y-sĩ trung úy tại Trung-tâm Huấn-luyện Vùng I Chiến-thuật (Thừa-Thiên).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

HỘP THƯ TÒA SOẠN

Tạp-chí nghiên-cứu ĐẠI-HỌC Huế vừa nhận được những tác phẩm sau đây :

● **NHẬN ĐỊNH** tập III *của NGUYỄN VĂN TRUNG*
Sách dày, trình bày trang nhã.

● **TRAO ĐỔI VĂN-HÓA VIỆT NAM NHẬT BẢN** *của Đại-đức THIỀN-ÂN, ĐOÀN VĂN AN*

● **125 NĂM THẾ-GIỚI-SỬ 1789-1914** — *Chương-trình lớp đệ Nhị của NGUYỄN-PHƯƠNG*
do Trường Đại-Học Sư-Phạm Huế xuất-bản.

● **CON ĐƯỜNG XÂY-DỰNG,** *Tập san văn-hóa, in ronéo, do một nhóm Sinh-viên Việt-Nam ở Ba-lê ấn-hành.*
Chủ-nhiệm : Cô HỒ-XÍCH-VỆ
3 Rue Crillon, Paris 4è.

● **MƯỜI NĂM VĂN NGHỆ...** *của THẾ PHONG sưu tập.*
Tài-liệu in ronéo, dày 90 trang.

● **THE AENEID OF HENRY HOWARD EARL OF SURREY**
của Florence H. Ridley.

● **JOHN HEYWOOD'S A DIALOGUE OF PROVERBS**
của Rudolph E. Habenicht.

● **THE ADAPTATIONS TO ARID ENVIRONMENTS IN WOOD RATS OF THE GENUS NEOTOMA**
của Anthony Kingston Lee.

● **NHẬN ĐỊNH** tập III *của NGUYỄN VĂN TRUNG*
Sách dày 370 trang, *trình bày trang nhã.* Giá bán 50$.

Tạp-chí Đại-Học xin thành thật cảm ơn các tác giả, anh chị em Sinh-viên ở Pháp cùng cơ quan UNIVERSITY OF CALIFORNIA PRESS ở Hoa-kỳ và xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả ĐẠI-HỌC.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

CÙNG QUÍ VỊ ĐỘC - GIẢ

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn quý vị độc giả đã trả tiền hoặc gởi bưu phiếu về thanh toán Tạp-chí trong năm qua :

(tiếp theo các số trước).

Ô. Phạm quang Hiển, Sài-gòn	140$
— Nguyễn tấn Thịnh, Thương-tín, Sài-gòn	240$
— Nguyễn cao Trụ, Kiến-Tường	140$
Viện Đại-Học, Sài-gòn	120$
Tòa Hành-Chánh tỉnh Ninh-Thuận, Phan-rang	240$
Ô. Phan văn Cơ, Huế	120$
L.M. Nguyễn định Tường, Blao	240$
Tổng Quản Trị Sự vụ Quốc-Hội, Sài-gòn	600$
Bà Nguyễn Trân, Sài-gòn	360$
Ô. Tôn-thất Hy, Kontum	80$
— Nguyễn Tự, Dalat	240$
Sư-huynh Gazelin, Mỹ-Tho	240$
Ô. Hồ-công Hưng, Kontum	100$
— Nguyễn cao Trụ, Kiến-Tường	240$
— Bùi thanh Kiên, Kiến-hòa	495$
Tòa Hành Chánh Quảng-Trị	600$

(Còn nữa)

ĐÓN XEM :

ANH - THƠ

ANDROMAQUE

Lục bát Trường thiên

của TRẦN-GIA-THOẠI

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

NHÀ XUẤT-BẢN ĐẠI-HỌC

ĐÃ CÓ BÁN:

HẢI - NGOẠI KỶ - SỰ

Sử liệu nước Đại-Việt thế-kỷ XVII

của THÍCH-ĐẠI-SÁN do NGUYỄN-DUY-BỘT dịch

và Ủy-ban phiên-dịch sử liệu Việt-nam tại Huế hiệu đính

Giá : 50$00

CUỐN SÁCH TOÁN ĐẦU TIÊN Ở VIỆT-NAM, BẬC ĐẠI-HỌC, VIẾT BẰNG TIẾNG VIỆT:

HÌNH-HỌC GIẢI-TÍCH

Toán Học Đại cương và Toán Lý Hóa

của NGUYỄN-VĂN-TRƯỜNG

Giá : 200$00

VẬT-CHẤT VÀ KÝ-ỨC

Matière et Mémoire của H. Bergson

do L.M. CAO-VĂN-LUẬN dịch

Giá: 60đ00

Ý-THỨC-LUẬN

Essai sur les données immédiates de la conscience của H. Bergson

do L.M. CAO-VĂN-LUẬN dịch

Giá : 50đ00

KHẢO-LUẬN VỀ

NGỮ-PHÁP VIỆT-NAM

của TRƯƠNG-VĂN-CHÌNH và NGUYỄN-HIỀN-LÊ

Một công-trình khảo-cứu công-phu, đánh dấu một hướng mới trong công việc nghiên cứu ngữ pháp Việt-nam.

Bộ ngữ-pháp đầu tiên hợp với tinh-thần Việt-ngữ và thoát được ảnh-hưởng của phương-pháp cổ-điển Tây-phương.

Sách dày 720 trang — khổ 16 × 25cm

Giá bán: 250đ — Giá đặc biệt đối với sinh-viên: 150đ

Các Giáo-sư, giáo-viên, và các vị lưu tâm đến Việt-ngữ đều cần có bộ KHẢO-LUẬN VỀ NGỮ-PHÁP VIỆT-NAM trong tủ sách.

NHÀ XUẤT-BẢN ĐẠI - HỌC
1-B HOÀNG-HOA-THÁM, HUẾ

Giá : 20$00

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục